BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGỮ VĂN 11

TẬP MỘT



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG (Chủ biên)
TRẦN NGỌC HIẾU – ĐẶNG LƯU – TRẦN HẠNH MAI – HÀ VĂN MINH
NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – NGUYỄN THỊ NƯƠNG – ĐỖ HẢI PHONG – NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

NGỮ VĂN

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ ba)

11

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn thân mến!

Các bạn vừa trải qua năm học đầu tiên của cấp Trung học phổ thông – một năm học có nhiều thử thách đầy ý nghĩa cùng bao hoạt động, trải nghiệm thú vị. Là môn học có tính công cụ và nhân văn, được quy định dạy học bắt buộc trong chương trình, môn Ngữ văn chắc hẳn đã có nhiều đóng góp vào bước trưởng thành của các bạn trong năm học qua.

Với sách giáo khoa Ngữ văn lớp 10, các bạn đã được làm quen một mô hình tổ chức bài học hiện đại và hấp dẫn; được tiếp xúc, khám phá không ít tác phẩm thuộc nhiều loại, thể loại của sáng tác ngôn từ; được thực hành tìm hiểu và sử dụng tiếng Việt một cách hiệu quả; được tập viết những kiểu bài cần cho bước đường trưởng thành của mỗi cá nhân; được tập thuyết trình và thảo luận về những vấn đề gần gũi với cuộc sống. Qua việc tham gia tích cực những hoạt động học tập, các bạn đã bồi đắp được cho mình nhiều phẩm chất tốt đẹp cần có ở con người Việt Nam trong thời kì phát triển mới.

Với sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11, các bạn vẫn tiếp tục hành trình khám phá, sáng tạo và trưởng thành cùng 9 bài học mang nội dung mới nhưng không xa lạ: *Câu chuyện và điểm nhìn trong truyện kể, Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình, Cấu trúc của văn bản nghị luận, Tự sự trong truyện thơ dân gian và trong thơ trữ tình, Nhân vật và xung đột trong bi kịch, Nguyễn Du – "Những điều trông thấy mà đau đớn lòng", Ghi chép và tưởng tượng trong kí, Cấu trúc của văn bản thông tin, Lựa chọn và hành động.* Nhìn vào hệ thống nhan đề trên, hẳn các bạn nhận thấy giữa hai cuốn sách giáo khoa Ngữ văn lớp 10 và Ngữ văn lớp 11 không chỉ có sự tương đồng về cấu trúc bài học mà còn có sự tương đồng trong cách sắp xếp trình tự các bài. Bài 6 – *Nguyễn Du – "Những điều trông thấy mà đau đớn lòng"* đi sâu tìm hiểu tác gia Nguyễn Du – đại thi hào dân tộc được thế giới vinh danh. Bài 9 – *Lựa chọn và hành động* gồm một tổ hợp văn bản và hoạt động xoay quanh chủ đề "lựa chọn và hành động", khơi gợi những suy nghĩ nghiêm túc về mối

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.

quan hệ giữa việc khẳng định bản sắc cá nhân và tinh thần trách nhiệm trước cộng đồng. Nếu sách giáo khoa Ngữ văn lớp 10 ưu tiên đem đến cái nhìn bao quát về đặc điểm các loại văn bản và thể loại văn học, thực hiện một bước tổng hợp những gì đã được đề cập ở môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở, thì sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11 lại tập trung làm sáng tỏ một số yếu tố cốt lõi khác của loại văn bản và thể loại văn học như: hệ thống điểm nhìn (trong truyện), cấu tứ và các hình ảnh có tính tượng trưng (trong thơ), cách phối hợp yếu tố phi hư cấu và hư cấu (trong kí), cách tổ chức văn bản (trong văn bản nghị luận và văn bản thông tin). Hệ thống ngữ liệu trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11 tạo cơ hội tích hợp một số kiến thức về lịch sử, văn hoá, xã hội trong sách giáo khoa Ngữ văn, góp phần tăng cường sự kết nối giữa môn Ngữ văn với một số môn học khác trong chương trình.

Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11 được thiết kế theo định hướng hỗ trợ giáo viên và học sinh đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập. Với sách này, các bạn cần phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, từ đó, phát triển các phẩm chất và năng lực mà chương trình yêu cầu. Đặc biệt, sách chú trọng giúp các bạn nắm được cách đọc để đọc hiểu một văn bản mới; có kĩ năng viết, nói và nghe nhằm đạt được các mục đích giao tiếp cụ thể trong những ngữ cảnh đa dạng. Nhờ vậy, học sách này, các bạn sẽ đáp ứng được yêu cầu đánh giá kết quả học tập dựa trên ngữ liệu mới và cảm thấy vững tin trong quá trình học tập, rèn luyện.

Đi theo định hướng tổ chức hoạt động của sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11, chắc hẳn các bạn sẽ đạt được những kết quả tốt đẹp trong năm học mang ý nghĩa bước ngoặt này của cấp học.

CÁC TÁC GIẢ

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỤC LỤC

BÀI	NỘI DUNG		TRANG
1	**CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ**		9
	ĐỌC	*Vợ nhặt* (Trích – Kim Lân)	12
		Chí Phèo (Trích – Nam Cao)	23
		Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	36
	VIẾT	Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)	39
	NÓI VÀ NGHE	Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện	45
	Củng cố, mở rộng		48
	Thực hành đọc	*Cải ơi!* (Nguyễn Ngọc Tư)	48
2	**CẤU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH**		54
	ĐỌC	*Nhớ đồng* (Tố Hữu)	56
		Tràng giang (Huy Cận)	59
		Con đường mùa đông (A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích Pu-skin – Aleksandr Sergeyevich Pushkin)	61
		Thực hành tiếng Việt: Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng	65
	VIẾT	Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm)	66
	NÓI VÀ NGHE	Giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật	71
	Củng cố, mở rộng		73
	Thực hành đọc	*Thời gian* (Văn Cao)	74
3	**CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**		75
	ĐỌC	*Cầu hiền chiếu* (*Chiếu cầu hiền* – Ngô Thì Nhậm)	76
		Tôi có một ước mơ (Trích *Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri* (Montgomery), Mác-tin Lu-thơ Kinh – Martin Luther King)	79
		Một thời đại trong thi ca (Trích *Thi nhân Việt Nam 1932 – 1941* – Hoài Thanh)	85
		Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (tiếp theo)	89

	VIẾT	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh)	90
	NÓI VÀ NGHE	Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội	95
	Củng cố, mở rộng		97
	Thực hành đọc	*Tiếp xúc với tác phẩm* (Trích *Tiếp xúc với nghệ thuật* – Thái Bá Vân)	98
4	**TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH**		**101**
	ĐỌC	*Lời tiễn dặn* (Trích *Tiễn dặn người yêu* – truyện thơ dân tộc Thái)	102
		Dương phụ hành (*Bài hành về người thiếu phụ phương Tây* – Cao Bá Quát)	107
		Thuyền và biển (Xuân Quỳnh)	110
		Thực hành tiếng Việt: Lỗi về thành phần câu và cách sửa	112
	VIẾT	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)	114
	NÓI VÀ NGHE	Thảo luận về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)	120
	Củng cố, mở rộng		122
	Thực hành đọc	*Nàng Ờm nhắn nhủ* (Trích *Nàng Ờm – chàng Bồng Hương* – truyện thơ dân tộc Mường)	122
5	**NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH**		**125**
	ĐỌC	*Sống, hay không sống – đó là vấn đề* (Trích *Hăm-lét – Hamlet*, Uy-li-am Sếch-xpia – William Shakespeare)	126
		Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài (Trích *Vũ Như Tô* – Nguyễn Huy Tưởng)	132
	VIẾT	Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội	142
	NÓI VÀ NGHE	Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ)	149
	Củng cố, mở rộng		151
	Thực hành đọc	*Prô-mê-tê bị xiềng* (Trích – Ét-sin – Eschyle)	152
	ÔN TẬP HỌC KÌ I		155
	Bảng tra cứu thuật ngữ		158
	Bảng giải thích một số thuật ngữ		159
	Bảng tra cứu một số yếu tố Hán Việt		160
	Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài		162

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Tên bài học nêu một vấn đề hay yếu tố nổi bật của loại, thể loại văn bản chính hoặc nêu chủ đề được học trong bài, giúp bạn có định hướng phù hợp khi thực hành đọc, viết, nói và nghe.

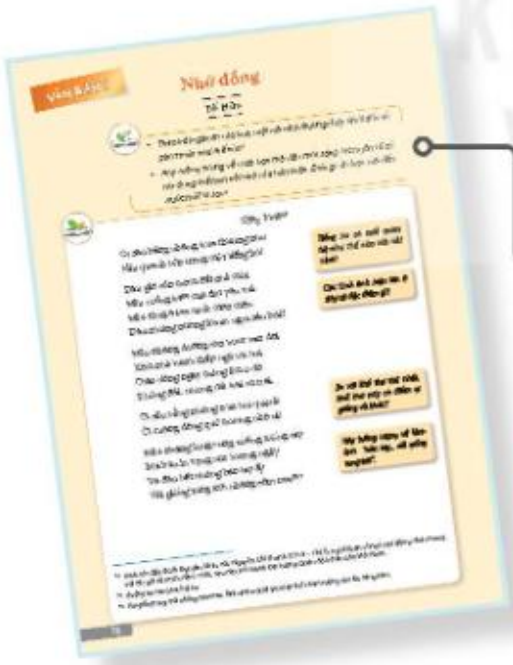




Yêu cầu cần đạt cho biết mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất của bài học, quy định rõ điều phải đạt được với các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

Tri thức ngữ văn trình bày khái quát về những đơn vị kiến thức mang tính chất công cụ, giúp bạn có thể đọc hiệu quả các văn bản chính của bài học và thực hiện các hoạt động viết, nói và nghe một cách thuận lợi.





Gợi dẫn trước văn bản đọc (kèm logo) gồm một số câu hỏi và yêu cầu, đòi hỏi bạn huy động những kiến thức và trải nghiệm liên quan đến nội dung văn bản, nhằm thực hành đọc hiểu với tâm thế tích cực, chủ động.

Thẻ chỉ dẫn trong văn bản đọc thường có hình thức của câu hỏi hay đơn thuần chỉ là lời nhắc về chiến lược đọc mà bạn cần vận dụng khi đọc từng phần của văn bản.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

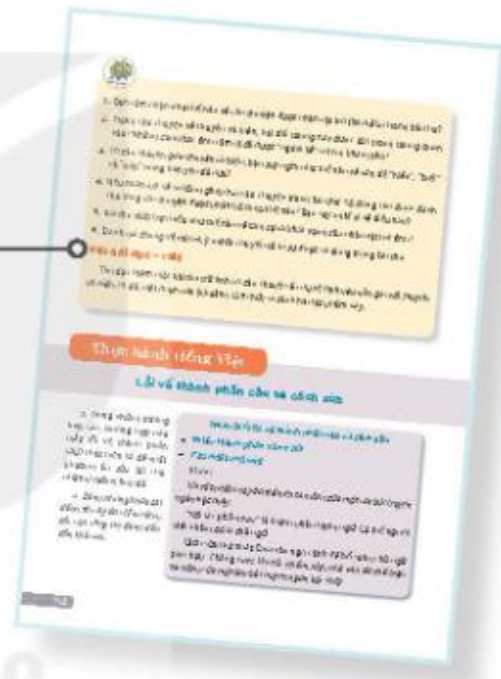
Giới thiệu tác giả, tác phẩm đưa đến những thông tin khái quát về tác giả, thể loại và xuất xứ của tác phẩm, giúp bạn có thêm căn cứ để đánh giá văn bản vừa đọc một cách toàn diện.





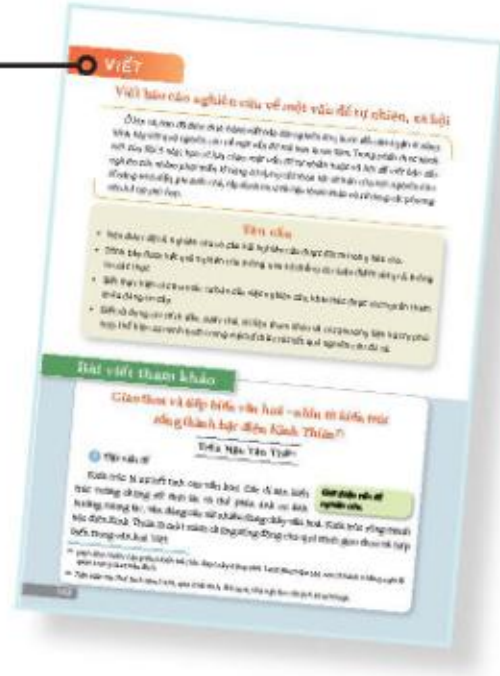
Yêu cầu sau khi đọc (kèm logo) gồm hệ thống câu hỏi và yêu cầu thuộc nhiều cấp độ nhận thức, hướng dẫn bạn tìm hiểu văn bản đúng trọng tâm và hướng theo yêu cầu cần đạt của bài học.

Kết nối đọc – viết nêu yêu cầu viết ngắn, tạo cho bạn thói quen ghi nhanh những ấn tượng, cảm nhận, suy nghĩ của mình về văn bản vừa đọc.





Thực hành tiếng Việt lưu ý bạn về các hiện tượng ngôn ngữ trong văn bản đọc cần được tìm hiểu sâu, giúp bạn củng cố hoặc làm giàu thêm kiến thức về tiếng Việt để đọc, viết, nói và nghe một cách tích cực, hiệu quả.

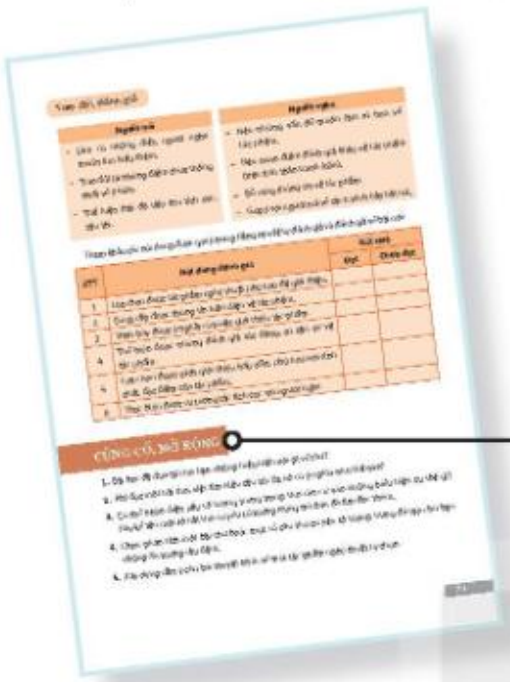


Viết nêu kiểu bài, yêu cầu chung của kiểu bài, bài viết tham khảo và những hướng dẫn cụ thể về quy trình viết. Bài viết tham khảo được đưa ra kèm một số chỉ dẫn, giúp bạn hiểu rõ cách triển khai bài viết để đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nói và nghe gồm nhan đề cho biết nội dung cụ thể của hoạt động, yêu cầu chung của kiểu bài nói và những hướng dẫn chi tiết về cách thực hiện (chuẩn bị nói; thực hành nói; trao đổi, đánh giá).

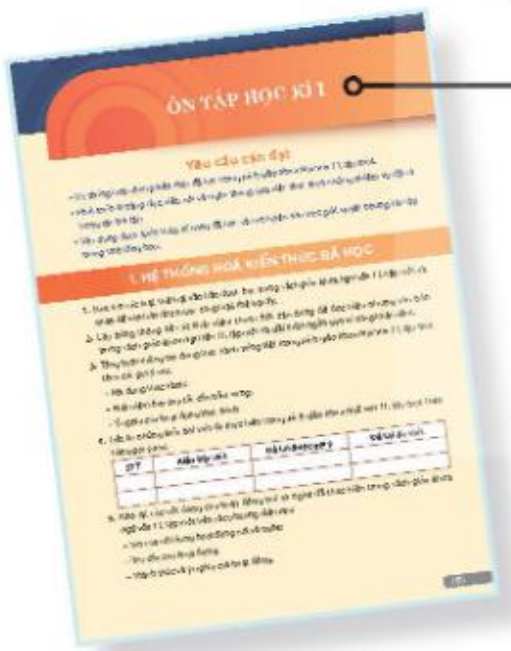




Củng cố, mở rộng là phần đặt cuối bài học, giúp bạn ôn lại những điều đã được học và rèn luyện, đòi hỏi bạn mở rộng vốn đọc và biết vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành viết, nói và nghe theo một số đề tài mới.

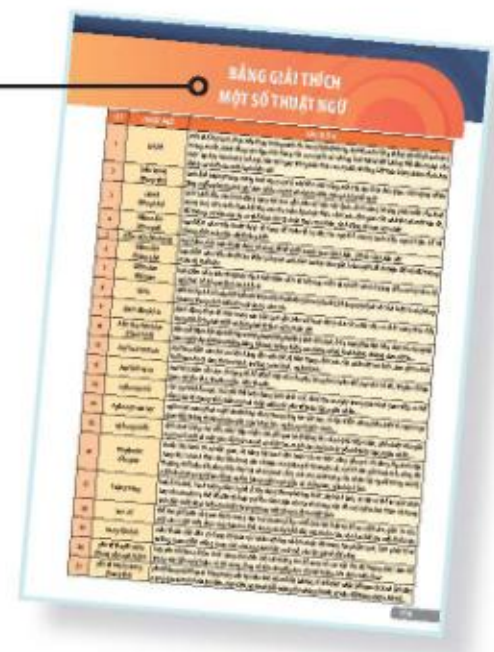
Thực hành đọc đưa ra một văn bản cùng loại hay thể loại với các văn bản đọc chính và một số gợi ý, yêu cầu bạn tự đọc theo hướng dẫn, trên cơ sở vận dụng kiến thức và kĩ năng đọc đã được hình thành trước đó.





Ôn tập học kì là phần đặt cuối mỗi tập, gồm hai nội dung chính: hệ thống hoá những nội dung đã học và thực hành luyện tập, vận dụng theo một số dạng đề mang tính tổng hợp, đòi hỏi bạn huy động đồng thời các kiến thức và kĩ năng đọc, viết để thực hiện những yêu cầu đặt ra.

Cuối sách có bốn **bảng tra cứu** hỗ trợ bạn tìm hiểu những thuật ngữ, yếu tố Hán Việt, tên riêng nước ngoài xuất hiện trong các bài học của mỗi tập.



Logo sử dụng trong sách

- Khởi động
- Đọc văn bản
- Thực hiện các yêu cầu sau khi đọc văn bản
- Thực hiện các yêu cầu sau khi đọc bài viết tham khảo

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 1

CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả.
- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện, chú ý phân tích đặc điểm riêng trong cách kể của tác giả.
- Biết thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.
- Thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện ngắn

Truyện ngắn là thể loại tự sự cỡ nhỏ, ở đó, sự ngắn gọn được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật, phản ánh nét riêng của tư duy thể loại. Truyện ngắn thường chỉ xoay quanh một, hai tình huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế. Do dung lượng bị giới hạn, truyện ngắn đòi hỏi sự chắt lọc, dồn nén của các chi tiết và việc vận dụng bút pháp chấm phá trong trần thuật.

Truyện ngắn hiện đại là khái niệm thường được dùng để phân biệt với truyện ngắn trung đại (truyện ngắn thời trung đại). Tuy có mặt tương đồng về dung lượng với truyện ngắn trung đại nhưng truyện ngắn hiện đại có những đặc điểm riêng. *Về đề tài*, truyện ngắn hiện đại nghiêng về kể những câu chuyện của đương thời, của đời sống thường nhật,

không nhất thiết phải hướng tới những nhân vật và sự kiện kì lạ, phi thường. *Về cấu trúc*, truyện ngắn hiện đại thường được tổ chức xoay quanh một lát cắt của đời sống, ít thể hiện tham vọng bao quát toàn bộ sự kiện hay số phận nhân vật. *Về xây dựng tính cách*, truyện ngắn hiện đại quan tâm diễn tả những thay đổi về tâm lí, ứng xử của nhân vật trong quá trình phát triển của câu chuyện. *Về nghệ thuật trần thuật*, truyện ngắn hiện đại thường có sự chuyển đổi linh hoạt điểm nhìn và sử dụng ngôn ngữ gần gũi với đời thường, trong đó việc miêu tả nét riêng của ngôn ngữ nhân vật được đặc biệt chú trọng.

Câu chuyện và truyện kể

Câu chuyện (còn có thể gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian. **Truyện kể** gắn liền với câu chuyện nhưng không đồng nhất: nó bao gồm các sự kiện được tổ chức theo mạch kể của văn bản tự sự, gắn liền với vai trò của người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ thuật. Chú ý đến truyện kể tức là chú ý đến cách câu chuyện được kể như thế nào.

Điểm nhìn trong truyện kể

Để câu chuyện được kể ra, nhất thiết phải có người kể chuyện (tức người biết, nhìn thấy và kể lại). Người kể chuyện bao giờ cũng kể câu chuyện từ **điểm nhìn** nhất định, được hiểu là vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá.

Có thể phân chia điểm nhìn trong tác phẩm tự sự thành nhiều loại khác nhau như: điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật được kể; điểm nhìn bên ngoài (miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều mà nhân vật không biết) và điểm nhìn bên trong (kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức của nhân vật); điểm nhìn không gian (nhìn xa – nhìn gần) và điểm nhìn thời gian (nhìn từ thời điểm hiện tại, miêu tả sự việc như nó đang diễn ra hay nhìn lại quá khứ, kể lại qua lăng kính hồi ức,...);... Điểm nhìn còn mang tính tâm lí, tư tưởng, gắn liền với vai kể của người kể chuyện hoặc hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật.

Câu chuyện được kể có thể gắn với một điểm nhìn thấu suốt mọi sự việc, một quan điểm, một cách đánh giá mang tính định hướng cho người đọc. Nhưng cũng có thể câu chuyện được kể từ nhiều điểm nhìn, gắn với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau, thậm chí đối lập nhau, xoay quanh sự việc hay nhân vật. Điều này tạo nên tính đối thoại của tác phẩm và đặt người đọc vào một vai trò chủ động, tích cực hơn trong việc diễn giải và đánh giá.

Lời người kể chuyện và lời nhân vật

Lời người kể chuyện và lời nhân vật là những yếu tố cấu thành lớp lời văn nghệ thuật của văn bản tự sự.

Lời người kể chuyện gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện. Chức năng của nó là miêu tả, trần thuật, đưa ra những phán đoán, đánh giá đối với đối tượng được miêu tả, trần thuật cũng như định hướng việc hình dung, theo dõi mạch kể của người đọc. Trong khi đó, **lời nhân vật** là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật.

Trong văn bản tự sự, đặc biệt ở các thể loại tự sự hiện đại, lời người kể chuyện và lời nhân vật có khả năng kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau tạo nên một số hiện tượng đặc biệt về lời văn như lời nửa trực tiếp (lời của người kể chuyện nhưng tái hiện ý thức, giọng điệu của nhân vật), lời độc thoại nội tâm (tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật), lời nhại (lời mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai hay bông đùa,...).

Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

Ngôn ngữ nói (còn gọi là khẩu ngữ) là ngôn ngữ âm thanh, được tiếp nhận bằng thính giác. Ngôn ngữ nói gắn liền với hoạt động giao tiếp của con người trong đời sống thường nhật như trò chuyện ở gia đình, nhà trường, nhà máy, công sở,...; phát biểu trong giờ học, cuộc họp, hội thảo; trao đổi khi mua bán ở chợ, siêu thị;...

Trong một số trường hợp đặc biệt, ngôn ngữ nói cũng xuất hiện dưới hình thức văn bản viết, ví dụ: tin nhắn qua điện thoại hoặc qua các ứng dụng trên mạng xã hội, văn bản bóc băng ghi âm một cuộc phỏng vấn hay lời khai,... Những đoạn hội thoại giữa các nhân vật trong tác phẩm truyện thực chất là ngôn ngữ viết mô phỏng ngôn ngữ nói. Ở đây, ngôn ngữ nói đã được tái tạo, nghệ thuật hoá nhằm thực hiện chức năng thẩm mĩ, không còn là ngôn ngữ nói đích thực, "nguyên dạng".

Ngôn ngữ viết là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết, được dùng trong sách, báo, văn bản hành chính, thư từ,... Ngôn ngữ viết tồn tại trong các văn bản xuất hiện dưới nhiều hình thức vật thể khác nhau: bản viết tay, bản đánh máy, bản in, bản chữ nổi dành cho người khiếm thị,...

Có những văn bản viết mà nội dung thông tin được truyền tải bằng âm thanh, chẳng hạn bài diễn văn, bản tin trên truyền hình,... Tuy các văn bản này được tiếp nhận bằng thính giác, nhưng ngôn ngữ trong đó vẫn mang đầy đủ đặc điểm của ngôn ngữ viết.

VĂN BẢN 1

Vợ nhặt

(Trích)

Kim Lân

- *Bạn biết gì về nạn đói năm Ất Dậu (1945) xảy ra ở Việt Nam?*
- *Theo bạn, có phải lúc nào nghịch cảnh trong đời sống (như nạn đói, thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,...) cũng chỉ đẩy con người vào tình thế bi quan, tuyệt vọng hay không? Vì sao?*

(**Lược phần đầu**: *Tràng sống ở xóm ngụ cư, ngày đi làm trên chợ, chiều muộn mới trở về nhà. Tràng vốn vui tính, hiền lành, hay vui đùa với mấy đứa trẻ con trong xóm. Nhưng độ này, mỗi lần đi làm về, trông Tràng mệt mỏi và lo lắng. Bọn trẻ cũng ủ rũ ngồi yên trong các xó tường, không buồn ra đón anh nữa.*)

Cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào. Những gia đình từ những vùng Nam Định, Thái Bình[1], đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma, và nằm ngổn ngang khắp lều chợ. Người chết như ngả rạ. Không buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí vẩn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người.

Khung cảnh ngày đói được gợi ra qua những hình ảnh và cảm giác nào?

Giữa cái cảnh tối sầm lại vì đói khát ấy, một buổi chiều người trong xóm bỗng thấy Tràng về với một người đàn bà nữa. Mặt hắn có một vẻ gì phớn phở khác thường. Hắn tủm tỉm cười nụ một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh. Người đàn bà đi sau hắn chừng ba bốn bước. Thị cắp cái thúng con, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt. Thị có vẻ rón rén, e thẹn. Mấy đứa trẻ con thấy lạ vội chạy ra đón xem. Sợ chúng nó đùa như ngày trước, Tràng vội vàng nghiêm nét mặt, lắc đầu ra hiệu không bằng lòng.

Tâm trạng của Tràng và người "vợ nhặt" được bộc lộ qua những biểu hiện bên ngoài (ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ,...) như thế nào?

[1] *Vùng Nam Định, Thái Bình*: các vùng ở đồng bằng châu thổ sông Hồng, sông Thái Bình, nay thuộc hai tỉnh Ninh Bình, Hưng Yên.

Mấy đứa trẻ đứng dừng lại, nhìn Tràng, đột nhiên có đứa gào lên:

– Anh Tràng ơi! – Tràng quay đầu lại. Nó lại cong cổ gào lên lần nữa – Chông vợ hài[1]!

Tràng bật cười:

– Bố ranh!

Người đàn bà có vẻ khó chịu lắm. Thị nhíu đôi lông mày lại, đưa tay lên xóc xóc lại tà áo. Ngã tư xóm chợ về chiều càng xác xơ, heo hút. Từng trận gió từ cánh đồng thổi vào, ngăn ngắt. Hai bên dãy phố, úp súp, tối om, không nhà nào có ánh đèn, lửa. Dưới những gốc đa, gốc gạo xù xì, bóng những người đói dật dờ đi lại lặng lẽ như những bóng ma. Tiếng quạ trên mấy cây gạo ngoài bãi chợ cứ gào lên từng hồi thê thiết.

Người dân trong xóm nghĩ và bàn luận gì khi thấy Tràng dẫn một người phụ nữ lạ về nhà?

Nhìn theo bóng Tràng và bóng người đàn bà lủi thủi đi về bến, người trong xóm lạ lắm. Họ đứng cả trong ngưỡng cửa nhìn ra bàn tán. Hình như họ cũng hiểu được đôi phần. Những khuôn mặt hốc hác u tối của họ bỗng dưng rạng rỡ hẳn lên. Có cái gì lạ lùng và tươi mát thổi vào cuộc sống đói khát, tăm tối ấy của họ. Một người thở dài. Người khác khẽ thì thầm hỏi:

– Ai đấy nhỉ?... Hay là người dưới quê bà cụ Tứ mới lên?

– Chả phải, từ ngày còn mồ ma ông cụ Tứ[2] có thấy họ mạc nào lên thăm đâu.

– Quái nhỉ?

Im một lúc, có người bỗng lại cười lên rung rúc.

– Hay là vợ anh cu Tràng? Ừ khéo mà vợ anh cu Tràng thật anh em ạ, trông chị ta thèn thẹn hay đáo để.

– Ôi chao! Giời đất này còn rước cái của nợ đời về. Biết có nuôi nổi nhau sống qua được cái thì này không?

Họ cùng nín lặng.

Người đàn bà như cũng biết xung quanh người ta đang nhìn dồn cả về phía mình, thị càng ngượng nghịu, chân nọ bước díu cả vào chân kia. Hắn cũng biết thế, nhưng hắn lại lấy vậy làm thích ý lắm, cái mặt cứ vênh lên tự đắc với mình.

---

(1) *Chông vợ hài* (nói lái): hai vợ chồng.

(2) *Còn mồ ma ông cụ Tứ*: ý nói lúc ông cụ Tứ còn sống.

(**Lược một đoạn**: *Dọc đường về, Tràng làm vui bằng những chuyện vu vơ, tỏ rõ sự hãnh diện và tâm trạng phấn khởi. Người đàn bà thoáng bối rối trước những ánh nhìn của người dân xóm ngụ cư, bắt chuyện Tràng với chút giữ ý nhưng vẫn thể hiện cảm giác tin cậy.*)

Thị lẳng lặng theo hắn vào trong nhà, cái nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại. Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài. Tràng xăm xăm bước vào trong nhà, nhấc tấm phên rách sang một bên, thu dọn những niêu bát, xống áo vứt bừa bộn cả trên giường, dưới đất. Hắn quay lại nhìn thị cười cười:

Những chi tiết nào thể hiện sự thay đổi trong tâm trạng của Tràng và người "vợ nhặt" khi về đến nhà?

– Không có người đàn bà, nhà cửa thế đấy!

Thị nhếch mép cười nhạt nhẽo. Tràng vỗ vỗ xuống giường đon đả:

– Ngồi đây!... Ngồi xuống đây, tự nhiên...

Người đàn bà theo lời hắn ngồi mớm xuống mép giường. Cả hai bỗng cùng ngượng nghịu. Tràng đứng tây ngây giữa nhà một lúc, chợt hắn thấy sờ sợ. Chính hắn cũng không hiểu sao hắn sợ, hắn lấm lét bước vội mấy bước ra sân gắt lên:

– Sao hôm nay bà lão về muộn thế không biết!

Hắn loanh quanh hết chạy ra ngõ đứng ngóng, lại chạy vào sân nhìn trộm vào trong nhà. Thị vẫn ngồi mớm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng, mặt bần thần.

Hắn nghĩ bụng: "Quái sao nó lại buồn thế nhỉ?... Ồ sao nó lại buồn thế nhỉ?...". Hắn nhổ vu vơ một bãi nước bọt, tủm tỉm cười một mình. Nhìn thị ngồi ngay giữa nhà, đến bây giờ hắn vẫn còn ngờ ngợ như không phải thế. Ra hắn đã có vợ rồi đấy ư? Hà! Việc xảy ra thật hắn cũng không ngờ, hắn chỉ tầm phơ tầm phào đâu có hai bận, ấy thế mà thành vợ thành chồng...

Ít lâu nay hắn xe thóc Liên đoàn[1] lên tỉnh. Mỗi bận qua cửa nhà kho lại thấy mấy chị con gái ngồi vêu ra ở đấy. Hắn đoán họ ngồi đấy nhặt hạt rơi hạt vãi, hay ai có công việc gì gọi đến thì làm. Một lần hắn đang gò lưng kéo cái xe bò thóc vào dốc tỉnh, hắn hò một câu chơi cho đỡ nhọc. Hắn hò rằng:

"Muốn ăn cơm trắng mấy giò này!
Lại đây mà đẩy xe bò với anh, nì!"

---

[1] *Liên đoàn*: tổ chức chuyên thu mua thóc cho quân Nhật trong thời gian phát xít Nhật chiếm đóng nước ta.

Chủ tâm hắn cũng chẳng có ý chòng ghẹo cô nào, nhưng mấy cô gái lại cứ đẩy vai cô ả này ra với hắn, cười như nắc nẻ:

– Kìa anh ấy gọi! Có muốn ăn cơm trắng mấy giò thì ra đẩy xe bò với anh ấy!

Thị cong cớn:

– Có khối cơm trắng mấy giò đấy! Này, nhà tôi ơi, nói thật hay nói khoác đấy?

Chú ý ngôn ngữ và cách ứng xử của người phụ nữ trước khi theo Tràng về nhà.

Tràng ngoái cổ lại vuốt mồ hôi trên mặt cười:

– Thật đấy, có đẩy thì ra mau lên!

Thị vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng.

– Đã thật thì đẩy chứ sợ gì, đằng ấy nhỉ. – Thị liếc mắt, cười tít.

Tràng thích lắm. Từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ, chưa có người con gái nào cười với hắn tình tứ như thế.

Lần thứ hai, Tràng vừa trả hàng xong, ngồi uống nước ở ngoài cổng chợ tỉnh thì thị ở đâu sầm sập chạy đến. Thị đứng trước mặt hắn sưng sỉa nói:

– Điêu! Người thế mà điêu!

Hắn giương mắt nhìn thị, không hiểu. Thật ra lúc ấy hắn cũng chưa nhận ra thị là ai. Hôm nay thị rách quá, áo quần tả tơi như tổ đỉa, thị gầy sọp hẳn đi, trên cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt.

– Hôm ấy leo lẻo cái mồm hẹn xuống, thế mà mất mặt.

À, hắn nhớ ra rồi, hắn toét miệng cười.

– Chả hôm ấy thì hôm nay vậy. Này hẵng ngồi xuống ăn miếng giầu đã.

– Có ăn gì thì ăn, chả ăn giầu.

Thị vẫn đứng cong cớn trước mặt hắn.

– Đấy, muốn ăn gì thì ăn.

Hắn vỗ vỗ vào túi.

– Rích bố cu[1], hở!

---

[1] *Rích bố cu* (tiếng Pháp phát âm theo kiểu mô phỏng, nguyên văn là *riche beaucoup*): rất giàu.

Hai con mắt trũng hoáy của thị tức thì sáng lên, thị đon đả:

– Ăn thật nhá! Ừ ăn thì ăn sợ gì.

Thế là thị ngồi sà xuống, ăn thật. Thị cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì. Ăn xong thị cầm dọc đôi đũa quệt ngang miệng, thở:

– Hà, ngon! Về chị ấy thấy hụt tiền thì bỏ bố.

Hắn cười:

– Làm đếch gì có vợ. Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về.

Nói thế Tràng cũng tưởng là nói đùa, ai ngờ thị về thật. Mới đầu anh chàng cũng chợn[1], nghĩ: thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bòng[2]. Sau không biết nghĩ thế nào hắn tặc lưỡi một cái:

Việc Tràng chấp nhận hành động "theo về" của một người phụ nữ xa lạ thể hiện nét tính cách gì của nhân vật?

– Chậc, kệ!

Hôm ấy hắn đưa thị vào chợ tỉnh bỏ tiền ra mua cho thị cái thúng con đựng vài thứ lặt vặt và ra hàng cơm đánh một bữa thật no nê rồi cùng đẩy xe bò về...

*

* *

Tràng chợt đứng dừng lại, lắng tai nghe. Ngoài đầu ngõ có tiếng người húng hắng ho, một bà lão từ ngoài rặng tre lọng khọng đi vào. Bà lão vừa đi vừa lẩm bẩm tính toán gì trong miệng. Thấy mẹ, Tràng reo lên như một đứa trẻ, và gọi với vào trong nhà:

– U đã về đấy!

Hắn lật đật chạy ra đón.

– Hôm nay sao u về muộn thế! Làm tôi đợi nóng cả ruột.

Bà cụ Tứ nhấp nháy hai con mắt nhìn Tràng, chậm chạp hỏi:

– Có việc gì thế vậy?

– Thì u hẵng cứ vào trong nhà đã nào.

---

(1) *Chợn*: e ngại, lo sợ.

(2) *Đèo bòng*: tự mình mang lấy, chuốc lấy những phiền luỵ, lo toan vì tình thương hoặc vì trách nhiệm.

Bà lão phấp phỏng bước theo con vào trong nhà. Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà. Ai thế nhỉ? Bà lão hấp háy cặp mắt cho đỡ nhoèn vì tự dưng bà lão thấy mắt mình nhoèn ra thì phải. Bà lão nhìn kĩ người đàn bà lần nữa, vẫn chưa nhận ra người nào. Bà lão quay lại nhìn con tỏ ý không hiểu.

Chú ý hình thức lời văn được tác giả sử dụng để thể hiện tâm trạng của bà cụ Tứ trong tình huống này.

Tràng tươi cười:

– Thì u hẵng vào ngồi lên giường lên giếc chĩnh chện cái đã nào.

Bà lão lập cập bước vào. Người đàn bà tưởng bà lão già cả, điếc lác, thị cất tiếng chào lần nữa:

– U đã về ạ!

Ô hay, thế là thế nào nhỉ? Bà lão băn khoăn ngồi xuống giường. Tràng nhắc mẹ:

– Kìa nhà tôi nó chào u.

Thấy mẹ vẫn chưa hiểu, hắn bước lại gần nói tiếp:

– Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ! Chúng tôi phải duyên phải kiếp với nhau... Chẳng qua nó cũng là cái số cả...

Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không.

Bà lão khẽ thở dài ngửng lên, đăm đăm nhìn người đàn bà. Thị cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt. Bà lão nhìn thị và bà nghĩ: Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bổn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi được cái tao đoạn[1] này thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ra ông giời bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được?

---

[1] *Tao đoạn*: thời buổi khó khăn.

Bà lão khẽ dặng hắng một tiếng, nhẹ nhàng nói với "nàng dâu mới":

Tình cảm của bà cụ Tứ dành cho người con dâu mới được thể hiện qua giọng điệu và những từ ngữ nào?

– Ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...

Tràng thở đánh phào một cái, ngực nhẹ hẳn đi. Hắn ho khẽ một tiếng, bước từng bước dài ra sân. Bà cụ Tứ vẫn từ tốn tiếp lời:

– Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra may mà ông giời cho khá... Biết thế nào hở con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau.

Bà lão đăm đăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa dòng sông sáng trắng uốn khúc trong cánh đồng tối. Mùi đốt đống rấm[1] ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt. Bà lão thở nhẹ ra một hơi dài. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài dằng dặc của mình. Vợ chồng chúng nó lấy nhau, cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không?...

– Con ngồi xuống đây. Ngồi xuống đây cho đỡ mỏi chân.

Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi. Người đàn bà khẽ nhúc nhích, thị vẫn khép nép đứng nguyên chỗ cũ. Bà lão hạ thấp giọng xuống thân mật:

– Kể có ra làm được dăm ba mâm thì phải đấy, nhưng nhà mình nghèo, cũng chả ai người ta chấp nhặt chi cái lúc này. Cốt làm sao chúng mày hoà thuận là mừng rồi. Năm nay thì đói to đấy. Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...

Bà cụ nghẹn lời không nói được nữa, nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng.

(**Lược một đoạn**: *Đêm tối, trước khi đi ngủ, mỗi người như muốn giấu những cảm giác và ý nghĩ riêng; từ bên ngoài, tiếng hờ khóc tỉ tê vọng đến mỗi lúc một rõ.*)

Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hắn có vợ đến hôm nay hắn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

Hắn chắp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng loá xói vào hai con mắt còn cay sè của hắn. Hắn chớp chớp liên hồi mấy cái,

---

(1) *Đốt đống rấm*: đốt đống trấu cho cháy âm ỉ, tạo khói nhằm xua bớt hơi lạnh người chết.

và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đỉa vẫn vắt khươm mươi niên[1] ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang[2] nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước[3] đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch.

Khung cảnh ngày mới được cảm nhận chủ yếu từ điểm nhìn của nhân vật nào?

Ngoài vườn người mẹ đang lúi húi giẫy những búi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sàn sạt trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.

Bà cụ Tứ chợt thấy con giai đã dậy, bà lão nhẹ nhàng bảo nàng dâu:

– Anh ấy dậy rồi đấy. Con đi dọn cơm ăn chẳng muộn.

– Vâng.

Người đàn bà lẳng lặng đi vào trong bếp. Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát, chỏng lỏn[4] như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Không biết có phải vì mới làm dâu mà thị tu chí làm ăn không? Bà mẹ Tràng cũng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão xăm xắn[5] thu dọn, quét tước nhà cửa. Hình như ai nấy đều có ý nghĩ rằng thu xếp cửa nhà cho quang quẻ, nền nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn có cơ khấm khá hơn.

Chú ý những chi tiết miêu tả sự thay đổi của nhân vật bà cụ Tứ và người "vợ nhặt" trong buổi sáng của ngày đầu tiên sau khi Tràng "nhặt" được vợ.

---

(1) *Khươm mươi niên* (khẩu ngữ): từ đời thuở nào.

(2) *Ang*: vật dụng bằng sành để chứa nước sinh hoạt.

(3) *Kín nước*: lấy (gánh, xách,...) nước về.

(4) *Chao chát, chỏng lỏn*: (nói năng, đối đáp) đanh đá, thô lỗ.

(5) *Xăm xắn*: mau mắn, chủ động.

Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Giữa cái mẹt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, và một đĩa muối ăn với cháo, nhưng cả nhà đều ăn rất ngon lành. Bà cụ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu. Bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này:

– Tràng ạ. Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà. Tao tính rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Này ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...

Tràng chỉ vâng. Tràng vâng rất ngoan ngoãn. Chưa bao giờ trong nhà này mẹ con lại đầm ấm, hoà hợp như thế. Câu chuyện trong bữa ăn đang đà vui bỗng ngừng lại. Niêu cháo lõng bõng, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn.

Bà lão đặt đũa bát xuống, nhìn hai con vui vẻ:

– Chúng mày đợi u nhá. Tao có cái này hay lắm cơ.

Bà lão lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bưng ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút. Bà lão đặt cái nồi xuống bên cạnh mẹt cơm, cầm cái môi vừa khuấy khuấy vừa cười:

– Chè đây – Bà lão múc ra một bát – Chè khoán[1] đây, ngon đáo để cơ.

Chú ý vai trò của chi tiết nồi chè khoán.

Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại. Thị điềm nhiên và vào miệng. Tràng cầm cái bát thứ hai mẹ đưa cho, người mẹ vẫn tươi cười, đon đả:

– Cám đấy mày ạ, hì. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem. Xóm ta khối nhà còn chả có cám mà ăn đấy.

Tràng cầm đôi đũa, gợt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hắn chun ngay lại, miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì, họ cắm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người.

Ngoài đình bỗng dội lên một hồi trống, dồn dập, vội vã. Đàn quạ trên những cây gạo cao chót vót ngoài bãi chợ hốt hoảng bay vù lên, lượn thành từng đám bay vẩn trên nền trời như những đám mây đen.

Người con dâu khẽ thở dài, thị nói lí nhí trong miệng:

– Trống gì đấy, u nhỉ?

---

(1) *Chè khoán*: còn gọi là *chè kho*, một loại chè nấu bằng nguyên liệu chính là đỗ (đậu) xanh được đãi sạch vỏ, nấu đặc và nhuyễn.

– Trống thúc thuế đấy. Đằng thì nó bắt giồng đay, đằng thì nó bắt đóng thuế. Giời đất này không chắc đã sống qua được đâu các con ạ... – Bà lão ngoảnh vội ra ngoài. Bà lão không dám để con dâu nhìn thấy bà khóc.

Tại sao bà cụ Tứ "ngoảnh vội ra ngoài", "không dám để con dâu nhìn thấy" mình khóc?

Người con dâu có vẻ lạ lắm, thị lẩm bẩm:

– Ở đây vẫn phải đóng thuế cơ à?

Im lặng một lúc thị lại tiếp:

– Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang[1] người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật, chia cho người đói nữa đấy.

Tràng thần mặt ra nghĩ ngợi. Cái mặt to lớn bặm lại, khó đăm đăm. Miếng cám ngậm trong miệng hắn đã bã ra chát xít... Hắn đang nghĩ đến những người phá kho thóc Nhật.

Tràng có tâm trạng như thế nào khi nghe câu chuyện mà người "vợ nhặt" kể?

Tràng hỏi vội trong miếng ăn:

– Việt Minh phải không?

– Ừ, sao nhà biết?

Tràng không trả lời. Trong ý nghĩ của hắn vụt hiện ra cảnh những người nghèo đói ầm ầm kéo nhau đi trên đê Sộp. Đằng trước có lá cờ đỏ to lắm.

Hôm ấy hắn láng máng nghe người ta nói họ là Việt Minh đấy. Họ đi cướp thóc đấy. Tràng không hiểu gì sợ quá, kéo vội xe thóc của Liên đoàn tắt cánh đồng đi lối khác.

À ra họ đi phá kho thóc chia cho người đói. Tự dưng hắn thấy ân hận, tiếc rẻ vẩn vơ, khó hiểu.

Ngoài đình tiếng trống thúc thuế vẫn dồn dập. Mẹ và vợ Tràng đã buông đũa đứng dậy.

Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới...

Hình ảnh "lá cờ đỏ" hiện lên trong tâm trí của Tràng có ý nghĩa gì?

(*Truyện ngắn Việt Nam 1945 – 1985*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1985, in trong *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr. 23 – 32)

---

(1) *Mạn Thái Nguyên, Bắc Giang*: các vùng ở bắc Bắc Bộ, nay thuộc địa bàn hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Ninh.

Kim Lân (1920 – 2007) tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài, quê ở tỉnh Bắc Ninh. Ông bắt đầu sáng tác từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, tập trung vào mảng đề tài người nông dân và nông thôn Bắc Bộ. Đóng góp văn học nổi bật nhất của Kim Lân thể hiện ở lĩnh vực truyện ngắn, với cách kể chuyện tự nhiên, hồn hậu, hóm hỉnh; cách tái hiện sinh động ngôn ngữ giao tiếp đời thường của người bình dân; cách gợi lên không gian văn hoá – lịch sử của những câu chuyện tưởng chừng bé nhỏ;... Các tác phẩm chính của ông: *Nên vợ nên chồng* (tập truyện ngắn, 1955), *Con chó xấu xí* (tập truyện ngắn, 1962), *Tuyển tập Kim Lân* (1996). Năm 2001, ông được trao Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.



Kim Lân
Ảnh: Nguyễn Đình Toán

Truyện ngắn ***Vợ nhặt*** viết về nạn đói năm Ất Dậu (1945). Tiền thân của truyện ngắn này là tiểu thuyết *Xóm ngụ cư* mà Kim Lân viết ngay sau Cách mạng. Tuy nhiên, bản thảo còn dang dở và bị thất lạc. Sau đó, tác giả đã dựa vào cốt truyện của tiểu thuyết này để viết truyện ngắn *Vợ nhặt*.

1. Giữa nhan đề *Vợ nhặt* và nội dung câu chuyện có mối quan hệ với nhau như thế nào?

2. Xác định tình huống truyện và nêu ý nghĩa của nó.

3. Câu chuyện trong *Vợ nhặt* được kể theo trình tự nào và có thể chia làm mấy phần?

4. Theo trình tự của câu chuyện, các nhân vật đã có những thay đổi như thế nào từ diện mạo, tâm trạng đến cách ứng xử?

5. Phân tích những nét đáng chú ý trong cách người kể chuyện quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật (thể hiện ở các khía cạnh: điểm nhìn, lời kể và giọng điệu).

6. Hãy nêu chủ đề và đánh giá giá trị tư tưởng của tác phẩm.

7. Có thể xem truyện ngắn *Vợ nhặt* là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói hay không? Nêu và phân tích quan điểm của bạn về điều này.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn *Vợ nhặt*.

VĂN BẢN 2

Chí Phèo

(Trích)

Nam Cao

- *Thế nào là định kiến xã hội? Các định kiến xã hội có thể ảnh hưởng đến cá nhân và cộng đồng như thế nào?*
- *Có thể bạn đã từng nghe thấy người ta gọi tính cách hay cách ứng xử của một ai đó là "Chí Phèo". Cách gọi ấy đã hàm ẩn sự đánh giá như thế nào đối với tính cách hay cách ứng xử này?*

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: "Chắc nó trừ mình ra!". Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Tức thật! Ồ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì nó có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này? A ha! Phải đấy, hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiến răng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo. Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có mà trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...

Chú ý sự luân phiên của các điểm nhìn (điểm nhìn của người kể chuyện và nhân vật, điểm nhìn bên ngoài và bên trong).

(**Lược một đoạn**: *Chí Phèo nguyên là đứa bé sơ sinh bị bỏ rơi bên chiếc lò gạch bỏ không, được một anh đi thả ống lươn bắt gặp, đem về cho người làng nuôi. Lúc nhỏ, Chí Phèo đã đi ở cho nhiều nhà. Khi trưởng thành, Chí Phèo làm canh điền*[1] *cho lí*[2] *Kiến, bị lí Kiến đẩy vào tù vì nguyên nhân gì không rõ. Khi hết hạn tù sau chừng bảy, tám năm, Chí Phèo "lù lù" trở về làng.*)

---

[1] *Canh điền*: cày ruộng, ở đây chỉ người làm thợ cày hoặc người làm ruộng nói chung.

[2] *Lí*: gọi tắt của từ *lí trưởng*, người đứng đầu chính quyền ở làng thời phong kiến, thực dân. Tại thời điểm được kể ở đây, nhân vật bá Kiến trong truyện mới chỉ làm lí trưởng nên được gọi là lí Kiến.

Hắn về lớp này trông khác hẳn, mới đầu chẳng ai biết hắn là ai. Trông đặc như thằng săng đá[1]! Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cơng cơng, hai mắt gườm gườm trông gớm chết! Hắn mặc quần nái đen[2] với cái áo tây vàng. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng, phượng với một ông tướng cầm chuỳ[3], cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết!

Vì sao Chí Phèo lại khiến dân làng Vũ Đại e sợ khi hắn mới từ nhà tù trở về làng?

Hắn về hôm trước, hôm sau đã thấy ngồi ở chợ uống rượu với thịt chó suốt từ trưa đến xế chiều. Rồi say khướt, hắn xách một cái vỏ chai đến cổng nhà bá[4] Kiến, gọi tận tên tục ra mà chửi. Cụ bá không có nhà. Thấy bộ điệu hung hăng của hắn, bà cả đùn bà hai, bà hai thúc bà ba, bà ba gọi bà tư, nhưng kết cục chẳng bà nào dám ra nói với hắn một vài lời phải chăng. Mắc cái phải cái thằng liều lĩnh quá, nó lại say rượu, tay nó lại nhăm nhăm cầm cái vỏ chai, mà nhà lúc ấy toàn đàn bà cả... Thôi thì cứ đóng cái cổng cho thật chặt rồi mặc thây cha nó, nó có chửi thì tai liền miệng đấy, chửi rồi lại nghe! Thành thử chỉ có ba con chó dữ với một thằng say rượu!... Thật là ầm ĩ! Hàng xóm phải một bữa điếc tai, nhưng có lẽ trong bụng thì họ hả: xưa nay họ mới chỉ được nghe bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá chửi người ta, bây giờ họ mới được nghe người ta chửi lại cả nhà cụ bá. Mà chửi mới sướng miệng làm sao! Mới ngoa ngoắt làm sao! Họ bảo nhau: "Phen này cha con thằng bá Kiến đố còn dám vác mặt đi đâu nữa! Mồ mả tổ tiên đến lộn lên mất". Cũng có người hiền lành hơn thì bảo: "Phúc đời nhà nó, chắc ông lí không có nhà...". Ông lí đây là ông lí Cường, con giai cụ bá nổi tiếng là hách dịch, coi người như rơm như rác. Phải ông lí Cường thử có nhà xem nào! Quả nhiên họ nói có sai đâu! Đấy, có tiếng người sang sảng quát: "Mày muốn lôi thôi gì?... Cái thằng không cha không mẹ này! Mày muốn lôi thôi gì?...". Đã bảo mà! Cái tiếng quát tháo kia là tiếng lí Cường. Lí Cường đã về! Lí Cường đã về! Phải biết... A ha! Một cái tát rất kêu. Ôi! Cái gì thế này? Tiếng đấm, tiếng đá nhau bình bịch. Thôi, cứ gọi là tan xương! Bỗng "choang" một cái. Thôi, phải rồi, hắn đập cái chai vào cột cổng... Ồ hắn kêu! Hắn vừa chửi vừa kêu làng như bị người ta cắt họng. Ồ hắn kêu!

Người kể chuyện có hoàn toàn miêu tả cảnh Chí Phèo gây sự với người nhà bá Kiến chỉ từ điểm nhìn của mình?

---

(1) *Săng đá*: phiên âm từ tiếng Pháp *gendarme*, chỉ lính thuộc lực lượng vũ trang đặc biệt chuyên giữ gìn an ninh chính trị ở các nước đế quốc, thuộc địa.

(2) *Quần nái đen*: quần dệt bằng tơ gốc, thô, được nhuộm đen.

(3) *Chuỳ*: một binh khí thời xưa, gồm phần cán dài để cầm và phần đầu (thường có hình cầu hoặc hình trụ, có thể có gai) để đánh.

(4) *Bá*: nói tắt của từ *bá hộ*, một phẩm hàm được cấp cho những người giàu và có thế lực ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Ối làng nước ôi! Cứu tôi với... Ối làng nước ôi! Bố con thằng Kiến nó đâm chết tôi! Thằng lí Cường nó đâm chết tôi rồi, làng nước ôi!...

Và họ thấy Chí Phèo lăn lộn dưới đất, vừa kêu vừa lấy mảnh chai cào vào mặt. Máu ra loe loét trông gớm quá! Mấy con chó xông xáo quanh hắn, sủa rất hăng. Lí Cường hơi tái mặt, đứng nhìn mà cười nhạt, cười khinh bỉ. Hừ! Ngỡ là gì, chẳng hoá ra nằm vạ! Thì ra hắn định đến đây nằm vạ!

Người ta tuôn đến xem. Mấy cái ngõ tối xung quanh đùn ra biết bao nhiêu là người. Thật ồn ào như chợ. Bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá vững dạ vì có anh lí, cũng xưng xỉa ra chửi góp. Thật ra, các bà muốn xem Chí Phèo làm ra sao? Không khéo nó có ý gieo vạ cho cụ ông phen này...

Nhưng kia cụ ông đã về. Cụ cất tiếng rất sang hỏi: "Cái gì mà đông như thế này?". Chỗ này "Lạy cụ" chỗ kia "Lạy cụ", người ta kính cẩn đứng dãn ra, và Chí Phèo bỗng nằm dài, không nhúc nhích rên khẽ như gần chết.

Thoáng nhìn qua, cụ đã hiểu cơ sự rồi. Làm lí trưởng rồi chánh tổng[1], bây giờ lại đến lượt con cụ làm lí trưởng, những việc như thế này cụ không lạ gì. Cụ hãy quát mấy bà vợ đang xưng xỉa chực tâng công với chồng:

– Các bà đi vào nhà; đàn bà chỉ lôi thôi, biết gì?

Rồi quay lại bọn người làng, cụ dịu giọng hơn một chút:

– Cả các ông, các bà nữa, về đi thôi chứ! Có gì mà xúm lại như thế này?

Chú ý những chi tiết miêu tả cách "ứng phó" của bá Kiến đối với Chí Phèo và người nhà của mình.

Không ai nói gì, người ta lảng dần đi. Vì nể cụ bá cũng có, nhưng vì nghĩ đến sự yên ổn của mình cũng có: người nhà quê vốn ghét lôi thôi? Ai dại gì mà đứng ỳ ra đấy, có làm sao họ triệu mình đi làm chứng! Sau còn trơ lại Chí Phèo và cha con cụ bá. Bây giờ cụ mới lại gần hắn, khẽ lay và gọi:

– Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên:

– Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rũ tù chưa biết chừng.

---

(1) *Chánh tổng*: người đứng đầu chính quyền một tổng (đơn vị hành chính thời Pháp thuộc, dưới cấp huyện).

Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm; người ta bảo cụ hơn người cũng chỉ bởi cái cười:

– Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì anh mà anh phải chết? Đời người chứ có phải con ngoé[1] đâu? Lại say rồi phải không?

Rồi đổi giọng, cụ thân mật hỏi:

– Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn:

– Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì, ta nói chuyện tử tế với nhau. Cần gì mà phải làm thanh động[2] lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.

Rồi vừa xốc Chí Phèo, cụ vừa phàn nàn:

– Khổ quá! Giá có tôi ở nhà thì có đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại thằng lí Cường nóng tính không nghĩ trước nghĩ sau. Ai, chứ anh với nó còn có họ kia đấy.

Chí Phèo chả biết họ hàng ra làm sao, nhưng cũng thấy lòng nguôi nguôi. Hắn cố làm ra vẻ nặng nề, ngồi lên. Cụ bá biết rằng mình đã thắng, đưa mắt nháy con một cái, quát:

– Lí Cường đâu! Tội mày đáng chết. Không bảo người nhà đun nước, mau lên!

(**Lược một đoạn**: *Sau cuộc đụng độ kể trên, Chí Phèo bị bá Kiến lợi dụng làm tay sai đắc lực, giúp hắn đi đòi nợ và chống lại các phe cánh đối địch trong làng. Theo thời gian, Chí Phèo trở thành "con quỷ dữ của làng Vũ Đại", bị mọi người sợ hãi, nguyền rủa và xa lánh. Một buổi chiều, sau khi sà vào nhà một lão thầy cúng và uống rượu say khướt, Chí Phèo trở về túp lều ven sông của mình thì gặp thị Nở – một người đàn bà xấu xí, ngẩn ngơ, ế chồng – đang ngủ quên trong vườn chuối dưới ánh trăng. Hai người ăn nằm với nhau. Nửa đêm, Chí Phèo đau bụng, nôn mửa. Thị Nở dìu hắn vào trong lều rồi ra về.*)

Khi Chí Phèo mở mắt thì trời đã sáng lâu. Mặt trời chắc đã cao, và nắng bên ngoài chắc là rực rỡ. Cứ nghe chim ríu rít bên ngoài đủ biết. Nhưng trong cái lều ẩm thấp vẫn mới chỉ hơi lờ mờ. Ở đây người ta thấy chiều lúc xế trưa và gặp đêm khi bên ngoài vẫn sáng. Chưa bao giờ Chí Phèo nhận thấy thế bởi chưa bao giờ hết say.

Những cảm giác, ấn tượng gì đánh dấu thời điểm bắt đầu diễn ra sự thay đổi bên trong con người Chí Phèo?

---

(1) *Ngoé*: nhái, một loài động vật lưỡng cư, thân nhỏ hơn ếch, vừa sống được ở dưới nước, vừa sống được ở trên cạn.

(2) *Thanh động*: làm ồn ào.

Nhưng bây giờ thì hắn tỉnh. Hắn bâng khuâng như tỉnh dậy sau một cơn say rất dài. Cũng như những người say tỉnh dậy, hắn thấy miệng đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bủn rủn, chân tay không buồn nhấc, hay là đói rượu, hắn hơi rùng mình. Ruột gan lại nôn nao lên một tí. Hắn sợ rượu cũng như những người ốm thường sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá. Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hắn mới nghe thấy... Chao ôi là buồn!

– Vải hôm nay bán mấy?

– Kém ba xu, dì ạ.

– Thế thì còn ăn thua gì!

– Có kéo co mới được một tấm năm xu[1].

– Thật thế đấy. Nhưng chẳng lẽ rằng lại chơi.

Chí Phèo đoán chắc rằng một người đàn bà hỏi một người đàn bà khác đi bán vải ở Nam Định về. Hắn lại nao nao buồn, là vì mẩu chuyện ấy nhắc cho hắn một cái gì rất xa xôi. Hình như có một thời hắn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải, chúng bỏ lại một con lợn nuôi để làm vốn liếng[2]. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm.

Tỉnh dậy hắn thấy hắn già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lí nào như thế được? Hắn đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dẫu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hắn đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hắn, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đày đoạ cực nhọc mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông trước thấy tuổi già của hắn, đói rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau.

Điều gì ám ảnh Chí Phèo nhất khi nghĩ về cuộc đời của mình?

Cũng may thị Nở vào. Nếu thị không vào, cứ để hắn vẩn vơ nghĩ mãi, thì đến khóc được mất. Thị vào cắp một rổ, trong có một nồi gì đậy vung. Đó là một nồi cháo hành còn nóng nguyên. Là vì lúc còn đêm, thị trằn trọc một lát, thị bỗng nhiên nghĩ rằng: cái thằng liều lĩnh ấy kể ra thì đáng thương, còn gì đáng thương bằng đau ốm mà nằm còng queo một mình. Giá thử đêm qua không có thị thì hắn chết.

---

(1) Nguyên trong tập truyện *Luống cày* do Hội Văn hoá Cứu quốc Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 1945, tr. 104, câu này là: "Có khéo co mới được mỗi tấm năm xu.".

(2) Nguyên trong tập truyện *Luống cày* do Hội Văn hoá Cứu quốc Việt Nam xuất bản, Sđd, tr. 105, câu này được tách thành ba câu: "Chồng cuốc mướn cày thuê. Vợ dệt vải. Chúng bỏ một con lợn nuôi để lại làm vốn liếng.".

Thị kiêu ngạo vì đã cứu sống cho một người. Thị thấy như yêu hắn: đó là một cái lòng yêu của một người làm ơn. Nhưng cũng có cả lòng yêu của một người chịu ơn. Một người như thị Nở càng không quên được. Cho nên thị nghĩ: mình bỏ hắn lúc này thì cũng bạc. Dẫu sao cũng đã ăn nằm với nhau! Ăn nằm với nhau như "vợ chồng". Tiếng "vợ chồng", thấy ngường ngượng mà thinh thích. Đó vẫn là điều mong muốn âm thầm của con người khốn nạn ấy chăng! Hay sự khoái lạc của xác thịt đã làm nổi dậy những tính tình mà thị chưa bao giờ biết?

Chỉ biết rằng thị muốn gặp Chí Phèo, gặp hắn mà nhắc lại chuyện đêm qua thì chắc buồn cười lắm. Gớm! Sao lại có thứ người đâu mà lì quá thế! Người ta ngồi đấy mà dám xán lăn ngay vào, nó chả ngang ngược mà người ta kêu bé, nó lại làm to hơn. Mà kể thì cũng ngù ngờ. Cái thằng trời đánh không chết ấy, nó còn sợ ai mà hòng kêu. Nhưng mà đáng kiếp. Thổ trận ấy thật là phải biết. Cứ gọi là hôm nay nhọc đừ. Phải cho hắn ăn tí gì thì mới được. Đang ốm thế thì chỉ ăn cháo hành. Ra được mồ hôi thì là nhẹ nhõm người ngay đó mà... Thế là vừa sáng thị đã chạy đi tìm gạo. Hành thì nhà thị may lại còn. Thị nấu bỏ vào cái rổ, mang ra cho Chí Phèo.

Lòng trắc ẩn của thị Nở dành cho Chí Phèo được thể hiện qua ý nghĩ và hành động nào?

Thằng này rất ngạc nhiên. Hết ngạc nhiên thì hắn thấy mắt hình như ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho. Xưa nay, nào hắn có thấy ai tự nhiên cho cái gì. Hắn vẫn phải doạ nạt hay là giật cướp. Hắn phải làm cho người ta sợ. Hắn nhìn bát cháo bốc khói mà bâng khuâng. Thị Nở thì chỉ nhìn trộm hắn, rồi lại toe toét cười. Trông thị thế mà có duyên. Tình yêu làm cho có duyên. Hắn thấy vừa vui vừa buồn. Và một cái gì nữa, giống như là ăn năn. Cũng có thể như thế lắm. Người ta hay hối hận về tội ác khi không đủ sức mà ác nữa. Thị Nở giục hắn ăn nóng. Hắn cầm lấy bát cháo đưa lên mồm. Trời ơi cháo mới thơm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hắn húp một húp và nhận ra rằng: những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo ăn rất ngon. Nhưng tại sao lại mãi đến tận bây giờ hắn mới nếm vị mùi cháo?

Người kể chuyện đặt điểm nhìn ở đâu khi miêu tả những cảm xúc của Chí Phèo lúc đón nhận bát cháo hành của thị Nở?

Hắn tự hỏi rồi lại tự trả lời: Và có ai nấu cho ăn đâu? Mà còn ai nấu cho mà ăn nữa! Đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một bàn tay "đàn bà". Hắn nhớ đến "bà ba", cái con quỷ cái hay bắt hắn bóp chân mà lại cứ bắt bóp lên trên, trên nữa. Nó chỉ nghĩ đến sao cho thoả nó chứ có yêu hắn đâu. Hồi ấy hắn hai mươi. Hai mươi tuổi, người ta không là đá, nhưng cũng không toàn là xác thịt. Người ta

không thích cái gì người ta khinh. Vả lại bị một con đàn bà gọi đến mà bóp chân! Hắn thấy nhục hơn là thích, huống hồ lại sợ. Quả thật, từ khi biết rằng con vợ chủ sai hắn làm một việc không chính đáng, hắn vừa làm vừa run. Không làm thì không được; mọi việc trong nhà, quyền đàn bà. Chứ hắn, hắn còn lòng nào đâu! Đến nỗi người đàn bà phát cáu. Bà thấy xa xôi không được, phải làm đến nơi. Bà bảo hắn rằng: "Mày thực thà quá! Con trai gì hai mươi tuổi mà đã như ông già". Hắn vẫn giả vờ không hiểu. Bà lẳng lơ bảo: "Chả nhẽ tao gọi mày vào chỉ để bóp chân thế này thôi ư?..." và thấy hắn dùng dằng, bà mắng xơi xơi vào mặt. Hắn chỉ thấy nhục, chứ yêu đương gì. Không, hắn chưa được một người đàn bà nào yêu cả. Vì thế mà bát cháo hành của thị Nở làm hắn suy nghĩ nhiều. Hắn có thể tìm bạn được, sao lại chỉ gây kẻ thù?

Lời kể và điểm nhìn ở đây cho thấy điều gì về thái độ của người kể chuyện đối với Chí Phèo?

Bát cháo húp xong rồi, thị Nở đỡ lấy bát cháo và múc thêm bát nữa. Hắn thấy đẫm mình bao nhiêu mồ hôi. Mồ hôi chảy ra trên đầu, trên mặt, những giọt to như giọt nước. Hắn đưa tay áo quệt ngang một cái, quệt mũi, cười rồi lại ăn. Hắn càng ăn, mồ hôi lại càng nhiều. Thị Nở nhìn hắn, lắc đầu, thương hại. Hắn thấy lòng thành trẻ con. Hắn muốn làm nũng với thị như với mẹ. Ôi sao mà hắn hiền, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt mà đâm chém người? Đó là cái bản tính của hắn, ngày thường bị lấp đi. Hay trận ốm thay đổi hắn về sinh lí, cũng thay đổi cả tâm lí nữa? Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác, phải là kẻ mạnh. Hắn đâu còn mạnh nữa. Và có lúc hắn ngẫm mình mà lo. Xưa nay hắn chỉ sống bằng giật cướp và doạ nạt. Nếu không còn sức mà giật cướp, doạ nạt nữa thì sao? Đã đành, hắn chỉ mạnh vì liều. Nhưng hắn mơ hồ thấy rằng sẽ có một lúc mà người ta không thể liều được nữa. Bấy giờ mới nguy! Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hoà với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hắn. Thị có thể sống yên ổn với hắn thì sao người khác lại không thể được. Họ sẽ thấy rằng hắn cũng có thể không làm hại được ai. Họ sẽ lại nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện... Hắn băn khoăn nhìn thị Nở, như thăm dò. Thị vẫn im lặng, cười tin cẩn, hắn thấy tự nhiên nhẹ người. Hắn bảo thị:

– Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?

Thị không đáp, nhưng cái mũi đỏ của thị như càng banh ra. Hắn thấy thế cũng không có gì là xấu. Bằng một cái giọng nói và một vẻ mặt rất phong tình[1] theo ý hắn, hắn bảo thị:

– Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui.

---

[1] *Phong tình*: tình tứ (nghĩa trong văn bản).

Thị lườm hắn. Một người thật xấu khi yêu cũng lườm. Hắn thích chí, khanh khách cười. Lúc tỉnh táo, hắn cười nghe thật hiền. Thị Nở lấy làm bằng lòng lắm. Bấy giờ thì mấy bát cháo ý chừng đã ngấm. Hắn thấy lòng rất vui. [...]

Chúng sẽ làm thành một cặp rất xứng đôi. Chúng cũng nhận thấy thế, và nhất định là lấy nhau. Như thế năm ngày chẵn, thị ở nhà hắn cả ngày lẫn đêm, trừ những lúc đi kiếm tiền. Hắn không còn kinh rượu nhưng cố uống cho thật ít. Để cho khỏi tốn tiền, nhưng nhất là để tỉnh táo mà yêu nhau. Đàn bà không có men như rượu, nhưng cũng làm người say. Và hắn say thị lắm. Nhưng thị lại là người dở hơi. Đến hôm thứ sáu, thì thị bỗng nhớ rằng thị có một người cô ở đời. Người cô ấy nội ngày nay sẽ về. Thị nghĩ bụng: hãy dừng yêu để hỏi cô thị đã.

Thấy thị hỏi, bà già kia bật cười. Bà tưởng cháu bà nói đùa. Nhưng chợt nhớ ra rằng cháu bà vốn dở hơi. Bà bỗng trở nên hoảng hốt. Bà nhục cho ông cha nhà bà. Cũng có lẽ bà tủi cho thân bà. Bà nghĩ đến cái đời dài dằng dặc của bà, không có chồng. Bà thấy chua xót lắm. Bà uất ức, uất ức với ai không biết. Nhưng rồi đổ cái uất ức ngay lên cháu bà! Người đàn bà đức hạnh thấy cháu bà sao mà đĩ thế! Thật đốn mạt. Ngoài ba mươi tuổi, mà chưa trót đời[1]. Ngoài ba mươi tuổi... ai lại còn đi lấy chồng. Ai đời lại còn đi lấy chồng! Ừ! Mà có lấy thì lấy ai chứ?... Đàn ông đã chết hết cả rồi hay sao, mà lại đâm đầu đi lấy một thằng không cha. Ai lại đi lấy thằng chỉ có một nghề là rạch mặt ra ăn vạ. Trời ơi! Nhục nhã ơi là nhục nhã! Hỡi ông cha nhà bà! Bà gào lên như con mẹ dại. Bà xỉa xói vào mặt cái con cháu gái ba mươi tuổi mà chưa trót đời. Bà bảo phắt nó:

Lí do bà cô thị Nở dứt khoát không cho cháu mình đến với Chí Phèo có thoả đáng không?

– Đã nhịn được đến bằng này tuổi thì nhịn hẳn; ai lại đi lấy thằng Chí Phèo!

Thị nghe thấy thế mà lộn ruột. Nhưng thị biết cãi bà làm sao? Con người ấy có quyền nói thế, bởi con người ấy năm mươi tuổi rồi còn ai lấy chồng. Thị biết cãi làm sao. Mà không cãi được thì giận dữ nổi lên đùng đùng. Thị tức lắm! Thị tức lắm! Thị cần đổ cái tức ấy lên một người. Thị ton ton chạy lên nhà nhân ngãi[2]. Thị thấy hắn đương uống rượu, và vừa uống vừa lầm bầm chửi thị về nhà lâu. Hắn không quen đợi; bởi phải đợi, hắn lại lôi rượu, và uống cho đỡ buồn. Uống vào thì phải chửi, quen mồm rồi! Nhưng thị làm gì mà hắn chửi? Mà hắn có quyền gì chửi thị? Ồ, thị điên lên mất! Thị giẫm chân xuống đất, rồi lại nhảy cẫng lên như thượng đồng[3].

---

(1) *Chưa trót đời*: chưa đành lòng ở vậy cho đến trọn đời (nghĩa trong văn bản).

(2) *Nhân ngãi*: người tình, được dùng với thái độ ít tôn trọng, trong ngữ cảnh nói về quan hệ yêu đương ngoài hôn nhân không được thừa nhận.

(3) *Thượng đồng*: lên đồng (một nghi lễ mê tín). Lúc thần linh (hoặc hồn người chết) nhập vào, con đồng thường múa may và phán truyền một điều gì đó.

Hắn thú vị quá, lắc lư cái đầu cười. Lại còn cười! Nó nhạo thị, trời ơi! Thị điên lên mất, trời ơi là trời! Thị chống tay vào háng, vênh vênh cái mặt, và dớn cái môi vĩ đại lên, trút vào mặt hắn tất cả lời bà cô. Hắn nghĩ ngợi một tí rồi hình như hiểu. Hắn bỗng nhiên ngẩn người. Thoáng một cái, hắn lại như hít thấy hơi cháo hành. Hắn cứ ngồi ngẩn mặt, không nói gì. Thị trút xong giận rồi. Cái mũi đỏ của thị dị xuống rồi lại bạnh ra. Thị hả hê lắm lắm. Thị ngoay ngoáy cái mông đít đi ra về. Hắn sửng sốt, đứng lên gọi lại. Ai mà thèm lại! Còn muốn lôi thôi cái gì? Hắn đuổi theo thị, nắm lấy tay. Thị gạt ra, lại giúi thêm cho một cái. Hắn lăn khoèo xuống sân. Đã lăn ra thì hắn phải kêu: bao giờ chả thế. Hắn nhặt một hòn gạch vỡ, toan đập đầu. Nhưng hình như hắn chưa thật say. Vì hắn nghĩ: đập đầu ở đây chỉ thiệt; đập đầu ở đây, để mà nằm ăn vạ ai? Hắn tự phải đến cái nhà con đĩ Nở kia. Đến để đâm chết cả nhà nhà nó, đâm chết cái con khọm già[1] nhà nó. Nếu không đâm được, lúc ấy hãy đập đầu ra kêu làng. Muốn đập đầu, phải uống thật say. Không có rượu, lấy gì làm máu cho nó chảy! Phải uống thêm chai nữa. Và hắn uống. Nhưng tức quá, càng uống lại càng tỉnh ra. Tỉnh ra, chao ôi, buồn! Hơi rượu không sặc sụa. Hắn cứ thoang thoảng thấy hơi cháo hành. Hắn ôm mặt khóc rưng rức. Rồi lại uống. Rồi lại uống. Hắn uống đến say mềm người rồi hắn đi. Hắn ra đi với một con dao ở thắt lưng. Hắn lẩm nhẩm: "Tao phải đâm chết nó!". Nhưng hắn lại cứ thẳng đường mà đi. Cái gì đã làm hắn quên rẽ vào nhà thị Nở? Những thằng điên và những thằng say rượu không bao giờ làm những cái mà lúc ra đi chúng định làm.

Tại sao tâm trí của Chí Phèo lúc này lại bị ám ảnh bởi hơi cháo hành?

Trời nắng lắm, nên đường vắng. Hắn cứ đi, cứ chửi, cứ doạ giết "nó", và cứ đi. Bây giờ đến ngõ nhà cụ bá. Hắn xông xông đi vào. Cả nhà đi làm đồng vắng, chỉ có mình cụ bá đang nằm nghỉ trưa. Nghe tiếng hắn, cụ thấy sao bực mình! Chính thật thì cụ đã đang bực mình. Bởi vì cụ thấy đầu hơi nhức. Cụ đang muốn có một cái bàn tay man mát xoa cái đầu. Cũng có lẽ, cụ chỉ muốn bà tư đừng đi lâu quá thế. Đi lâu thế, không biết rằng đi đâu? Sao bà ấy còn trẻ quá! Gần bốn mươi rồi mà trông còn phây phây. Còn phây phây quá đi nữa! Cụ năm nay đã ngoài sáu mươi. Già yếu quá, nghĩ mà chua xót. Giá thế thì bà ấy chỉ cũng già cho xong.

Việc Chí Phèo tìm đến nhà bá Kiến có phải hoàn toàn do hắn đã say như nhận xét trước đó của người kể chuyện không?

---

[1] *Khọm già*: người già, dùng với thái độ coi thường (*khọm*: tình trạng lưng còng do tuổi già).

Bà ấy lại cứ trẻ, cứ phây phây, cứ đẹp như mới ngoài hai mươi tuổi, mà sao đa tình. Nhìn thì thích nhưng mà tưng tức lạ. Khác gì nhai miếng thịt bò lựt sựt khi rụng gần hết răng. Mắt bà, miệng bà, có duyên, nhưng trông đĩ lắm! Hơi một tí thì cười toe toét, tít cả mắt lại, cái má thì hây hây. Mà thấy ghét những thằng trai trẻ, giá làm con bà không đáng, mà thấy bà đâu cũng đùa. Chúng đùa nhạt như nước ốc, chỉ được cái thô tục, mà gặp ai đâu cũng cười! Chẳng nghĩ gì đến địa vị cả, người đâu mà vô tâm. Tức lạ! Cụ chỉ muốn cho tất cả những thằng trai trẻ đi ở tù... Những lúc như thế, thì một người dẫu khôn ngoan cũng không bình tĩnh được. Nhất là khi trông thấy một thằng chỉ đến vòi tiền uống rượu như Chí Phèo. Tuy vậy, cụ cũng móc sẵn năm hào. Thà móc sẵn để tống nó đi cho chóng. Nhưng móc rồi, cụ cũng phải quát một câu cho nhẹ người:

– Chí Phèo đấy hở? Lè bè vừa vừa chứ, tôi không phải là cái kho.

Rồi ném bẹt năm hào xuống đất, cụ bảo hắn:

– Cầm lấy mà cút đi đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?

Hắn trợn mắt, chỉ vào mặt cụ:

– Tao không đến đây xin năm hào.

Thấy hắn toan làm dữ, cụ đành dịu giọng:

– Thôi, cầm lấy vậy, tôi không còn hơn.

Hắn vênh cái mặt lên, rất là kiêu ngạo:

– Tao đã bảo tao không đòi tiền.

– Giỏi! Hôm nay mới thấy anh không đòi tiền. Thế thì anh cần gì?

Hắn dõng dạc:

– Tao muốn làm người lương thiện!

Đây có phải là những lời của một kẻ say không?

Bá Kiến cười ha hả:

– Ô tưởng gì! Tôi chỉ cần anh lương thiện cho thiên hạ nhờ.

Hắn lắc đầu:

– Không được! Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện nữa. Biết không! Chỉ có một cách... biết không!... Chỉ còn một cách là... cái này! Biết không!...

Hắn rút dao ra, xông vào. Bá Kiến ngồi nhỏm dậy. Chí Phèo đã văng dao tới rồi. Bá Kiến chỉ kịp kêu một tiếng. Chí Phèo vừa chém túi bụi vừa kêu làng thật to. Hắn kêu làng, không bao giờ người ta vội đến. Bởi thế khi người ta đến thì hắn cũng đã đang giẫy đành đạch ở giữa bao nhiêu là máu tươi. Mắt hắn trợn ngược. Mồm hắn ngáp ngáp, muốn nói, nhưng không ra tiếng. Ở cổ hắn, thỉnh thoảng máu vẫn còn ứ ra.

*

* *

Cả làng Vũ Đại nhao lên. Họ bàn tán rất nhiều về vụ án không ngờ ấy. Có nhiều kẻ mừng thầm. Không thiếu kẻ mừng ra mặt. Có người nói xa xôi: "Trời có mắt đấy, anh em ạ!". Người khác thì nói toạc: "Thằng nào chứ hai thằng ấy chết thì không ai tiếc! Rõ thật bọn chúng nó giết nhau, nào có phải cần đến tay người khác đâu". Mừng nhất là họ kì hào ở trong làng. Họ tuôn đến để hỏi thăm, nhưng chính là để nhìn lí Cường bằng những con mắt thoả mãn và khiêu khích. Đội[1] Tảo, không cần kín đáo, nói toang toang ngay ngoài chợ, trước mặt bao nhiêu người: "Thằng bố chết, thằng con lớp này không khỏi người ta cho ăn bùn".

Ai chả hiểu "người ta" đó là chính ông. Bọn đàn em thì bàn nhỏ: "Thằng mọt già ấy chết, anh em mình nên ăn mừng". Nhưng người biết điều thì hay ngờ vực; họ chép miệng nói: "Tre già măng mọc, thằng ấy chết, còn thằng khác, chúng mình cũng chẳng lợi tí gì đâu...".

Người kể chuyện có đưa ra lời bình luận hay đánh giá nào của mình về sự việc xảy ra ở làng Vũ Đại không?

Bà cô thị Nở chỉ vào tận mặt cháu mà đay nghiến:

– Phúc đời nhà mày, con nhé. Chả ôm lấy ông Chí Phèo.

Thị cười và nói lảng:

– Hôm qua làm biên bản, lí Cường nghe đâu đã tốn gần một trăm. Thiệt người lại thiệt của.

Nhưng thị nghĩ thầm:

– Sao có lúc nó hiền như đất.

---

(1) *Đội*: một chức vụ trong quân đội thời Pháp thuộc, tương đương với tiểu đội trưởng; trong truyện, đội Tảo là lính đã giải ngũ về làng, được người làng gọi tên kèm chức danh khi còn tại ngũ.

Và nhớ lại những lúc ăn nằm với hắn, thị nhìn trộm bà cô, rồi nhìn nhanh xuống bụng:

– Nói dại, nếu mình chửa, bây giờ hắn chết rồi, thì làm ăn thế nào?

Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người lại qua...

Ý nghĩa của hình ảnh cái lò gạch cũ là gì?

(Hà Minh Đức sưu tầm và giới thiệu, *Nam Cao – Tác phẩm*, tập I, NXB Văn học, Hà Nội, 1976, tr. 69 – 101)

Nam Cao (1917 – 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri (có tài liệu chép là Trần Hữu Trí), quê ở làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang[1], phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam (nay thuộc tỉnh Ninh Bình). Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông từng làm nhiều nghề để kiếm sống: dạy trường tư, làm gia sư, viết văn,... Đề tài sáng tác của Nam Cao thường xoay quanh đời sống cơ cực của người nông dân và các bi kịch của tầng lớp trí thức nghèo ở thành thị. Sau Cách mạng, ông tích cực tham gia các hoạt động báo chí, văn nghệ phục vụ cuộc sống mới, thường viết về những chuyển biến trong nhận thức và hành động của nhiều tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong một chuyến công tác ở vùng dịch tạm chiếm thuộc tỉnh Ninh Bình, Nam Cao rơi vào ổ phục kích của địch và hi sinh.



Nam Cao

Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

Nam Cao khẳng định vị trí trong lịch sử văn học bằng thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết. Bộ phận sáng tác này của ông được xem là một dấu mốc quan trọng của văn học hiện thực chủ nghĩa, giàu tính khái quát triết lí và tinh thần nhân đạo. Ông rất chú trọng diễn tả, phân tích tâm lí nhân vật, xây dựng các tính cách phức tạp, thực hiện nhiều đột phá trong nghệ thuật tự sự với lối trần thuật phối hợp nhiều điểm nhìn, giọng điệu; với cách kết cấu linh hoạt; cách sử dụng ngôn ngữ sinh động, vừa gần gũi với ngôn ngữ giao tiếp đời thường, vừa giàu suy tưởng. Những tác phẩm tiêu biểu của ông: *Chí Phèo* (truyện ngắn, 1941), *Giăng sáng* (truyện ngắn, 1942), *Lão Hạc* (truyện ngắn, 1943), *Đời thừa* (truyện ngắn, 1943), *Truyện người hàng xóm* (tiểu thuyết, 1944), *Sống mòn* (tiểu thuyết, 1944), *Đôi mắt* (truyện ngắn, 1948), *Ở rừng* (nhật kí, 1947 – 1948),...

Truyện ngắn ***Chí Phèo*** được xây dựng dựa trên một số nguyên mẫu tại làng Đại Hoàng. Tác phẩm vốn có tên là *Cái lò gạch cũ*. Năm 1941, khi Nhà xuất bản Đời mới tại Hà Nội in một tập truyện ngắn riêng của Nam Cao, người viết lời tựa cho cuốn sách là nhà văn Lê Văn Trương đã đổi tên tác phẩm này thành *Đôi lứa xứng đôi* và lấy nó làm tên chung cho cả tập. Khi đưa in lại trong tập *Luống cày*, Nam Cao đã đặt tên mới cho tác phẩm là *Chí Phèo*.

[1] Nhà văn đã ghép hai tiếng đầu trong tên huyện và tên tổng để làm thành bút danh của mình.

1. Tóm tắt cốt truyện *Chí Phèo* theo trình tự thời gian cuộc đời nhân vật. Hãy đánh giá hiệu quả của việc phá vỡ trình tự này trong mạch trần thuật của tác phẩm.
2. Phân loại điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu theo các bình diện: điểm nhìn của người kể chuyện/ điểm nhìn của nhân vật (Chí Phèo, dân làng Vũ Đại); điểm nhìn bên ngoài/ điểm nhìn bên trong. Nhận xét về tương quan và sự dịch chuyển giữa các điểm nhìn này, qua đó, chỉ ra những nét đặc sắc trong cách Nam Cao mở đầu câu chuyện.
3. Phân tích diễn biến tâm trạng của Chí Phèo vào buổi sáng sau cuộc gặp gỡ với thị Nở đêm trước. Theo bạn, nhân tố nào mang tính quyết định đối với quá trình hồi sinh nhân tính của nhân vật? Vì sao?
4. Phân tích phản ứng tâm lí và hành động của Chí Phèo sau khi bị thị Nở từ chối chung sống. Người kể chuyện có đưa ra những phán đoán đáng tin cậy để người đọc hiểu được tâm lí và hành động của nhân vật không?
5. Người kể chuyện bộc lộ thái độ như thế nào đối với Chí Phèo và thị Nở qua hệ thống điểm nhìn và lời kể?
6. Nhận xét về điểm nhìn và giọng điệu trần thuật ở đoạn kết của truyện ngắn khi Chí Phèo tìm đến nhà bá Kiến lần cuối và phản ứng của dân làng Vũ Đại về cái chết của hai nhân vật này. Theo bạn, cái chết của Chí Phèo có ý nghĩa như thế nào?
7. So sánh và nhận xét về đoạn kết của hai truyện ngắn *Chí Phèo* (Nam Cao) và *Vợ nhặt* (Kim Lân).
8. Hệ thống hoá những nét đáng chú ý trong nghệ thuật kể chuyện của Nam Cao ở truyện ngắn này trên các phương diện: người kể chuyện, điểm nhìn và lời trần thuật.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về chi tiết bát cháo hành của thị Nở trong truyện ngắn *Chí Phèo*.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Thực hành tiếng Việt

Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

1. Nhận xét các đặc điểm của ngôn ngữ nói được mô phỏng, tái tạo trong hai đoạn trích dưới đây:

a. *Hắn giương mắt nhìn thị, không hiểu. Thật ra lúc ấy hắn cũng chưa nhận ra thị là ai. Hôm nay thị rách quá, áo quần tả tơi như tổ đỉa, thị gầy sọp hẳn đi, trên cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt.*

– Hôm ấy leo lẻo cái mồm hẹn xuống, thế mà mất mặt.

À, hắn nhớ ra rồi, hắn toét miệng cười.

– Chả hôm ấy thì hôm nay vậy. Này hẵng ngồi xuống ăn miếng giầu đã.

– Có ăn gì thì ăn, chả ăn giầu.

Thị vẫn đứng cong cớn trước mặt hắn.

– Đấy, muốn ăn gì thì ăn.

Hắn vỗ vỗ vào túi.

– Rích bố cu, hở!

Hai con mắt trũng hoáy của thị tức thì sáng lên, thị đon đả:

– Ăn thật nhá! Ừ ăn thì ăn sợ gì.

Thế là thị ngồi sà xuống, ăn thật. Thị cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì. Ăn xong thị cầm dọc đôi đũa quệt ngang miệng, thở:

– Hà, ngon! Về chị ấy thấy hụt tiền thì bỏ bố.

Hắn cười:

– Làm đếch gì có vợ. Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về.

(Kim Lân, *Vợ nhặt*)

Nhận biết ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

- **Ngôn ngữ nói**

Trong giao tiếp bằng ngôn ngữ nói, người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau, thay vai luân phiên, vì vậy, người nói ít có điều kiện gọt giũa lời nói. Bù lại, ngôn ngữ nói thường có tính biểu cảm, tính cụ thể và tính cá thể cao. Nếu không có phương tiện kĩ thuật hỗ trợ thì ngôn ngữ nói chỉ tồn tại nhất thời và được truyền đi trong phạm vi không gian hạn chế.

Ngôn ngữ nói sử dụng một cách tự nhiên những từ ngữ hoặc cách diễn đạt thường ít được chấp nhận trong ngôn ngữ viết như: lớp từ mang tính khẩu ngữ (nhất là các trợ từ, thán từ, từ đưa đẩy, chêm xen,...); câu tỉnh lược, câu có yếu tố trùng lặp hay dư thừa;... Trong nhiều tình huống giao tiếp, người nói có thể dùng cách phát âm địa phương, từ ngữ địa phương, biệt ngữ,... Ngôn ngữ nói cũng cho phép người sử dụng phát huy tác dụng của ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... để gia tăng hiệu quả giao tiếp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b. *Thoáng nhìn qua, cụ đã hiểu cơ sự rồi. Làm lí trưởng rồi chánh tổng, bây giờ lại đến lượt con cụ làm lí trưởng, những việc như thế này cụ không lạ gì. Cụ hãy quát mấy bà vợ đang xưng xỉa chực tâng công với chồng:*

– Các bà đi vào nhà; đàn bà chỉ lôi thôi, biết gì?

Rồi quay lại bọn người làng, cụ dịu giọng hơn một chút:

– Cả các ông, các bà nữa, về đi thôi chứ! Có gì mà xúm lại như thế này?

Không ai nói gì, người ta lảng dần đi. Vì nể cụ bá cũng có, nhưng vì nghĩ đến sự yên ổn của mình cũng có: người nhà quê vốn ghét lôi thôi? Ai dại gì mà đứng ỳ ra đấy, có làm sao họ triệu mình đi làm chứng! Sau còn trơ lại Chí Phèo và cha con cụ bá. Bây giờ cụ mới lại gần hắn, khẽ lay và gọi:

– Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên:

– Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rũ tù chưa biết chừng.

Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm; người ta bảo cụ hơn người cũng chỉ bởi cái cười:

– Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì anh mà anh phải chết? Đời người chứ có phải con ngoé đâu? Lại say rồi phải không?

Rồi đổi giọng, cụ thân mật hỏi:

– Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn:

– Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì, ta nói chuyện tử tế với nhau. Cần gì mà phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.

Dưới đây là một trích đoạn trong cuộc trò chuyện giữa phóng viên và nhà văn Nguyễn Ngọc Tư:

– Chị thích nhất điều gì ở con người?

– Chà, câu hỏi này mênh mông ghê. Tôi thích nụ cười nở trên gương mặt một người có tấm lòng nhân hậu. Nhiêu đó đủ rồi.

(Anh Tú, *Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư: "Nên chơi với văn chương"*, báo *Tuổi Trẻ*, ngày 19/12/2010)

Trong câu trả lời của Nguyễn Ngọc Tư, có những phương tiện ngôn ngữ đặc trưng của ngôn ngữ nói, đó là các từ cảm thán như "chà", "ghê" hay từ địa phương như "nhiêu".

- **Ngôn ngữ viết**

Trong giao tiếp bằng ngôn ngữ viết, người viết và người đọc thường không có sự tiếp xúc trực tiếp. Người viết có thời gian để suy ngẫm, lựa chọn cách biểu đạt, vì vậy, ngôn ngữ viết nói chung được gọt giũa, có khả năng lưu trữ thông tin lâu dài và hướng tới một phạm vi người đọc rộng lớn.

Ngôn ngữ viết đòi hỏi người viết phải tuân theo các quy định về chính tả, từ vựng, ngữ pháp, bố cục trình bày, phong cách,...; đặc biệt, ngôn ngữ viết có thể dùng các kiểu câu dài, nhiều thành phần câu phức tạp, ví dụ:

Tiếng trống thành phủ gần đấy đã bắt đầu thu không. Trên bốn chòi canh, ngục tốt cũng bắt đầu điểm vào cái quạnh quẽ của trời tối mịt, những

Rồi vừa xốc Chí Phèo, cụ vừa phàn nàn:

– Khổ quá! Giá có tôi ở nhà thì có đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại thằng lí Cường nóng tính không nghĩ trước nghĩ sau. Ai, chứ anh với nó còn có họ kia đấy.

(Nam Cao, *Chí Phèo*)

2. Phân tích các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết trong đoạn trích sau:

Cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào. Những gia đình từ những vùng Nam Định, Thái Bình, đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma, và nằm ngổn ngang khắp lều chợ. Người chết như ngả rạ. Không buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí vẩn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người.

[...] Ngã tư xóm chợ về chiều càng xác xơ, heo hút. Từng trận gió từ cánh đồng thổi vào, ngăn ngắt. Hai bên dãy phố, úp súp, tối om, không nhà nào có ánh đèn, lửa. Dưới những gốc đa, gốc gạo xù xì, bóng những người đói dật dờ đi lại lặng lẽ như những bóng ma. Tiếng quạ trên mấy cây gạo ngoài bãi chợ cứ gào lên từng hồi thê thiết.

(Kim Lân, *Vợ nhặt*)

tiếng kiểng và mõ đều đặn thưa thớt. Lướt qua cái thăm thẳm của nội cỏ đẫm sương, vẳng từ một làng xa đưa lại mấy tiếng chó cắn ma. Trong khung cửa sổ có nhiều con song kẻ những nét đen thẳng lên nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trụt xuống phía chân trời không định. Tiếng dội chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiểng mõ canh nổi lên nhiều nhiều. Bấy nhiêu thanh âm phức tạp bay cao lần lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.

(Nguyễn Tuân, *Chữ người tử tù*)

Trong đoạn văn trên, nhà văn Nguyễn Tuân đã rất dụng công trong việc trau chuốt từ ngữ và cấu trúc câu để gợi ra một không khí truyện cổ xưa, trang trọng, chuẩn bị cho một sự kiện đặc biệt sắp xảy đến. Câu văn dài, nhịp điệu chậm rãi, có những cách diễn đạt khá cầu kì: "Trên bốn chòi canh, ngục tốt cũng bắt đầu điểm vào cái quạnh quẽ của trời tối mịt", "Lướt qua cái thăm thẳm của nội cỏ đẫm sương", "Bấy nhiêu thanh âm phức tạp bay cao lần lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ". Các chi tiết về ánh sáng, bóng tối, âm thanh hô ứng với nhau, như một cảnh trong phim.

VIẾT

Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện
(Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

Với chương trình Ngữ văn lớp 10, bạn đã được làm quen và thực hành các đề bài nghị luận về một tác phẩm truyện. Qua đó, bạn đã nắm được tính chất, yêu cầu của kiểu bài văn và các thao tác cần vận dụng để phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện.

Chương trình Ngữ văn lớp 11 đòi hỏi bạn đi sâu hơn vào việc phân tích, đánh giá tính nghệ thuật của một tác phẩm truyện, đặc biệt là những tìm tòi của tác giả trong cách kể câu chuyện. Để viết tốt kiểu bài này, bạn cần ôn lại các tri thức về nghệ thuật tự sự đã được giới thiệu trong chương trình Ngữ văn lớp 10 và ở bài học này.

Yêu cầu

- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích).
- Nêu được và phân tích một cách cụ thể, rõ ràng về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...).
- Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ.
- Khẳng định giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.

Bài viết tham khảo

Một vài nét về nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn *Đời thừa*

Đời thừa (1943) là một truyện ngắn nổi bật của Nam Cao trong mảng đề tài về người trí thức. Tác phẩm đánh dấu sự chín muồi trong tư tưởng nghệ thuật của nhà văn và thường được xem như một tuyên ngôn của Nam Cao về văn học. Không chỉ có giá trị về mặt tư tưởng, *Đời thừa*

Giới thiệu tác phẩm và phương diện nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích.

còn đặc sắc về nghệ thuật tự sự. Đây cũng là phương diện chưa được chú ý nhiều trong những phân tích, bình giảng về truyện ngắn này.

Mô tả và đánh giá cách Nam Cao kiến tạo truyện kể.

Đời thừa có cấu trúc điển hình của một truyện ngắn. Toàn bộ câu chuyện chỉ diễn ra từ ngày hôm trước đến sáng hôm sau với sự kiện chính là trận say rượu của nhà văn Hộ, nhân vật trung tâm. Câu chuyện cũng không được thuật lại theo trình tự thời gian. Truyện mở đầu bằng đoạn văn mà người kể chuyện miêu tả cận cảnh khoảnh khắc Hộ đang chăm chú đọc sách, qua đó có thể thấy thế giới sách là niềm say mê lớn nhất của nhân vật. Rồi từ đó, mạch truyện hồi cố những chi tiết trong quá khứ của nhân vật, người kể chuyện cung cấp cho người đọc những chi tiết để hình dung về con người của Hộ, nhất là những suy tư của nhân vật. Cách tổ chức mạch truyện phá vỡ trật tự sự kiện như vậy chính là một đặc trưng nổi bật của nghệ thuật tự sự hiện đại so với truyền thống.

Chỉ ra đặc điểm của người kể chuyện trong truyện ngắn (ngôi kể và điểm nhìn).

Đời thừa là một truyện ngắn ít hành động, không có những kịch tính dồn dập, thay vào đó, truyện tập trung miêu tả dòng suy tưởng và những xung đột trong thế giới tinh thần của nhân vật. Người kể chuyện ở ngôi thứ ba, trần thuật theo điểm nhìn bên trong, gắn với ý thức của nhân vật hơn là từ điểm nhìn bên ngoài. Hình thức trần thuật hướng nội này phù hợp với việc khắc hoạ nhân vật như là một con người có đời sống tư tưởng.

Hộ không khỏi làm người đọc liên hệ đến Điền, nhân vật nhà văn trong truyện ngắn *Giăng sáng* được Nam Cao sáng tác trước đó. Nhưng nếu như Điền vốn từng có những ngộ nhận trong việc xác định giá trị mình muốn theo đuổi trong sự nghiệp và đời sống thì ngay từ đầu, Hộ đã được miêu tả như một con người có những lí tưởng đáng trân trọng. Hộ đặt ra nguyên tắc sống tình thương, coi kẻ mạnh phải là người "nâng người khác trên đôi vai của mình" và bản thân Hộ, bằng hành động giang tay giúp đỡ Từ khi cô bị phụ bạc, đã hiện thực hoá nguyên tắc sống ấy. Trong nghề nghiệp, Hộ nuôi hoài bão văn chương và nhân vật hiểu rõ văn chương chân chính đòi hỏi những phẩm chất rất cao như thế nào. Nhưng vì cuộc sống khốn quẫn, những giá trị đáng ra phải cộng hưởng với nhau lại nảy sinh xung đột. Điều này khiến cuộc đấu tranh nội tâm ở nhân vật mang tính chất bi kịch.

Phân tích vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lời trần thuật trong việc khắc hoạ nhân vật.

Trên thực tế, nhân vật của Nam Cao đã lựa chọn lẽ sống tình thương thay cho khát vọng sự nghiệp. Hộ chấp nhận gác lại tham vọng văn chương, chấp nhận viết văn để kiếm tiền – điều mà trước đó anh vốn không nghĩ đến. Thứ văn chương dùng để mưu sinh ấy khiến Hộ đành phải dễ dãi với ngòi bút của mình, viết nhanh, viết nông, không thể cầu toàn với chữ nghĩa như trước kia nữa, nhờ đó, mới có thể nuôi sống được gia đình. Sự lựa chọn này có thể trấn an nhân vật về mặt đạo đức nhưng hoàn toàn không đem đến sự thanh thản trong nội tâm cho Hộ. Bởi khát vọng văn chương là thứ khiến Hộ có thể khẳng định ý nghĩa đời sống của bản thân như một cá nhân, điều mà bổn phận đạo lí không thể khoả lấp trọn vẹn. Đấy chính là lí do khiến Hộ luôn dằn vặt trước trang viết của mình. Có một khía cạnh đáng chú ý ở đây: thực ra xã hội không phê phán Hộ vì anh viết dở, viết nhạt; thứ văn chương mà Hộ tự thấy tầm thường ấy vẫn được in báo, vẫn được trả nhuận bút. Nhưng chính sự tự ý thức của Hộ đã khiến nhân vật không thể yên tâm với sự dễ dãi của xã hội với các giá trị tầm thường. Anh thấy mình không phải đang tạm gác lại khát vọng sự nghiệp mà là mình đang "hỏng", đang phản bội chính những lí tưởng mà mình đã xác định. Trong nội tâm của Hộ, thường xuyên có một phiên toà, nơi chính anh tự kết án chính mình bằng những ngôn từ nặng nề nhất như "khốn nạn", "cẩu thả", "bất lương", "đê tiện". Nương theo dòng suy nghĩ của nhân vật, người kể chuyện như giúp người đọc "quan sát cận cảnh" xung đột nội tâm thường trực ở Hộ. Hình thức lời trần thuật nửa trực tiếp với các từ được chủ ý lặp lại, các câu hỏi mang tính chất tự vấn đóng vai trò quan trọng trong việc diễn tả sự tự đay nghiến cũng như nỗi thất vọng của nhân vật về chính mình: "Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hắn! Bởi vì hắn chính là một thằng khốn nạn! [...] Chao ôi! Hắn đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt phèo, gợi những tình cảm rất nhẹ, rất nông, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hắn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hắn là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có... Hắn nghĩ thế và buồn lắm, buồn lắm! Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình? Còn gì đau đớn cho một kẻ vẫn khát khao làm một cái gì mà nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt?".

Nhưng bi kịch ở Hộ không phải chỉ nằm ở chỗ sự nghiệp rơi vào bế tắc. Sự xuống dốc trên con đường văn chương của Hộ kéo theo sự tha hoá về nhân cách của nhân vật. Hộ biến nỗi bất mãn về bản thân thành những hành động bạo hành mà vợ con của mình – những người trước đó anh từng coi là đối tượng để thực hành lẽ sống tình thương – phải hứng chịu. Không chỉ phản bội lại lí tưởng văn chương, Hộ còn tự giẫm đạp lên lí tưởng sống của mình. Trải nghiệm của Hộ sau trận say rượu – sự kiện duy nhất được miêu tả trong truyện ngắn này – không phải là trải nghiệm lần đầu của nhân vật. Nhớ lại những gì mình đã làm trong cơn say, Hộ xấu hổ và ăn năn, lại sẵn sàng tự kết án mình bằng ngôn từ nặng nề nhất có thể trước mặt Từ: "Anh... anh... chỉ là... một thằng... khốn nạn!...". Và Từ, hẳn đây cũng không phải là lần đầu tiên và duy nhất, từ chối vai trò là quan toà khi nghe lời xưng tội của Hộ. Ngay lập tức, cô đặt mình vào vai trò của người bào chữa cho Hộ khi nói Hộ "chỉ là một người khổ sở". Và rồi cuối cùng, cô tự kết án mình mới chính là nguyên nhân dẫn đến bi kịch của Hộ: "Chính vì em mà anh khổ...". Tất cả những gì Từ có thể làm chỉ là chịu tội thay. Kẻ xưng tội thì không được thừa nhận tội; kẻ được quyền kết tội thì không chỉ từ chối quyền đó mà còn cả thẩm quyền tha thứ. Câu chuyện kết thúc nhưng những vấn đề trong đời sống của cả Từ và Hộ vẫn cứ ngổn ngang, hầu như không thể giải quyết.

Chỉ ra mối liên hệ giữa người kể chuyện trong tác phẩm với nhà văn.

Người kể chuyện ở đây giữ một khoảng cách nhất định với nhân vật. Khoảng cách ấy được thể hiện rõ nhất qua giọng điệu trần thuật. Người kể chuyện có những đồng cảm nhất định với cuộc đấu tranh nội tâm của Hộ, ghi nhận sự chân thành trong thái độ ăn năn, biết lỗi của nhân vật sau trận say. Nhưng mặt khác, người kể chuyện cũng thể hiện thái độ nghiêm khắc đối với Hộ qua cách dùng đại từ nhân xưng "hắn" để gọi nhân vật, qua giọng điệu kể hàm chứa sự mỉa mai ngầm đối với cơn cao hứng của Hộ khi tuyên ngôn về văn chương giữa cuộc say, và nhất là qua cách miêu tả tiếng khóc của nhân vật. Khoảnh khắc Hộ bật khóc như "nước một quả chanh mà người ta bóp mạnh" chính là khoảnh khắc nhân vật đối diện với sự thật của chính mình, rằng Hộ không phải là "kẻ mạnh" như anh từng nghĩ, rằng thay vì nâng đỡ Từ, một người yếu đuối như anh từng tâm niệm thì hoá ra chính anh lại đang giày vò Từ, bắt Từ chịu thêm những tổn thương. Và liệu rằng những triết lí sống tưởng như đẹp đẽ mà Hộ muốn vươn đến đã thoát ra khỏi chủ nghĩa vị kỉ của một cá nhân vốn được mặc định là "kẻ mạnh"? Có thể nói, người kể chuyện đã thay mặt Nam Cao để làm cái việc mà ông quan tâm nhất khi

cầm bút. Đó là "đau đáu nhìn vào cái nhân cách", là việc "săn đuổi chính mình đầy ráo riết" và cũng là "săn đuổi cái nhân cách con người ta nói chung" (chữ dùng của Nguyễn Minh Châu)[1].

Đời thừa là một truyện ngắn giàu tính phê phán. Ngoài phê phán việc con người, nhất là người trí thức, có thể đánh mất mình như thế nào, truyện ngắn của Nam Cao còn muốn phê phán những thiết chế xã hội đã đẩy các giá trị lớn vào tình thế xung đột với nhau, nơi cái tầm thường được biện bạch bằng lí do hoàn cảnh, trong khi đó những lí tưởng, khát vọng lớn của con người lại bị hi sinh, bị tha hoá bởi những thứ tưởng như nhỏ nhặt nhất trong đời thường, khiến sự sống của con người trở nên mất ý nghĩa. Sự phê phán của Nam Cao là biểu hiện của một "tấm lòng thương đời nhất" và một "con mắt nhìn đời ác nhất"[2], nói như Nguyễn Minh Châu. Tất cả điều này gây ấn tượng mạnh mẽ đối với người đọc nhờ một nghệ thuật tự sự có chiều sâu, giàu sức thuyết phục.

Đánh giá giá trị của tác phẩm.

(Nhóm biên soạn)

1. Nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn *Đời thừa* có những phương diện đáng chú ý nào?
2. Khi phân tích từng phương diện làm nên sức hấp dẫn của nghệ thuật tự sự trong *Đời thừa*, người viết đã đi theo trình tự nào?
3. Bạn có thể học hỏi được điều gì từ cách phân tích các phương diện của nghệ thuật tự sự trong *Đời thừa*? Điều gì ở bài viết chưa làm bạn thoả mãn?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

– Chọn một tác phẩm truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) để lại cho bạn nhiều ấn tượng về cách kể chuyện.

– Xem lại các tri thức về truyện trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 10 và trong bài này.

– Từ đó, có thể lựa chọn các đề tài như:

+ Phân tích nghệ thuật xây dựng tình huống và nhân vật trong một tác phẩm truyện.

+ Phân tích đặc điểm, vai trò và chức năng của người kể chuyện trong tác phẩm truyện.

+ Phân tích cách xây dựng truyện kể của một tác phẩm truyện (cách tổ chức hệ thống sự kiện, điểm nhìn, lời văn,...).

---

(1), (2) Nguyễn Minh Châu, *Nam Cao*, in trong *Nam Cao – Về tác gia và tác phẩm*, Bích Thu tuyển chọn và giới thiệu, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 101, 103.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Khi tìm ý, cần đặc biệt quan tâm các vấn đề sau:

– Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, mối liên hệ giữa tác phẩm với nhà văn cùng bối cảnh thời đại và các khuynh hướng, trường phái văn học nghệ thuật liên quan.

– Xác định những phương diện cụ thể trong cách kể chuyện của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu vào phân tích. Ví dụ, trong bài viết tham khảo, các phương diện đáng chú ý trong nghệ thuật tự sự của truyện ngắn *Đời thừa* là tổ chức mạch truyện, người kể chuyện và lối trần thuật hướng nội (sử dụng điểm nhìn bên trong, nương theo ý thức của nhân vật), thái độ của người kể chuyện với nhân vật và đặc điểm của lời trần thuật. Hay khi lựa chọn đề tài phân tích nét đặc sắc trong lời văn nghệ thuật của Nguyễn Tuân trong truyện ngắn *Chữ người tử tù*, người viết có thể quan sát và hệ thống hoá những điểm đáng lưu ý về từ ngữ, cấu trúc câu, các phương thức tổ chức điểm nhìn trần thuật, nhịp điệu trần thuật. Với đề tài nghệ thuật xây dựng tình huống trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân, hãy xác định xem những mâu thuẫn nào tạo nên tình huống truyện và tình huống ấy có thể bộc lộ thêm điều gì về các nhân vật.

– Cần chú ý phân tích hiệu quả của các phương thức, phương tiện nghệ thuật đã giúp bộc lộ cảm quan về đời sống của nhà văn cũng như khơi gợi suy tưởng và hứng thú diễn giải ở người đọc. Chẳng hạn, trong bài viết tham khảo, tác giả đã chú ý đến khoảng cách giữa người kể chuyện với nhân vật, từ đó, cho thấy một cảm quan vừa độ lượng vừa nghiêm khắc của nhà văn đối với con người. Với đề tài về lời văn nghệ thuật trong *Chữ người tử tù*, người viết nên chú ý đến không khí đặc biệt mà truyện ngắn của Nguyễn Tuân gợi ra thông qua những từ ngữ cổ kính, nhịp điệu trần thuật chậm rãi như một thước phim quay chậm cảnh Huấn Cao cho chữ quản ngục.

– Đánh giá giá trị của tác phẩm bạn đã chọn trên phương diện nghệ thuật: Tác phẩm có vị trí như thế nào trong sự nghiệp của nhà văn? Nó đã tạo nên đột phá gì trong cách biểu đạt đời sống, đem đến những ấn tượng, xúc động thẩm mĩ mới mẻ thế nào? Ví dụ, với *Đời thừa*, người viết cần chỉ ra được cách kể chuyện từ nhiều điểm nhìn của Nam Cao khác biệt như thế nào với cách kể chuyện trong văn học trung đại và với cách kể chuyện ở những sáng tác của những nhà văn cùng thời với ông. Khi phân tích lời văn nghệ thuật trong truyện ngắn *Chữ người tử tù*, người viết có thể đi đến bàn luận về nhận định, rằng có quá lời không khi gọi Nguyễn Tuân là một bậc thầy của tiếng Việt.

Lập dàn ý

Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật bạn sẽ phân tích. Nêu khía cạnh trong nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ tập trung làm rõ. Ví dụ, trong bài viết tham khảo, người viết muốn bàn về nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn *Đời thừa* – một phương diện còn ít được chú ý.

Thân bài: Căn cứ vào việc xác định các yếu tố làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện mà bạn chọn phân tích, triển khai bài viết thành các luận điểm tương ứng. Khi phân tích các

yếu tố này, có thể đi theo trình tự: miêu tả yếu tố đó (ví dụ, người kể chuyện trong truyện ngắn *Đời thừa* ở ngôi thứ mấy, trần thuật theo điểm nhìn nào), chỉ ra chức năng, vai trò của nó (ví dụ, người kể chuyện giúp người đọc hình dung được thế giới nội tâm của nhân vật Hộ đang trải qua những xung đột gì; thái độ của người kể chuyện với nhân vật có điều gì đáng chú ý); đánh giá hiệu quả của nó (qua người kể chuyện, Nam Cao thể hiện cái nhìn sâu sắc như thế nào về đời sống, về con người).

Kết bài: Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện.

Viết

– Nên triển khai từng ý trong dàn ý thành một đoạn văn; ở từng đoạn văn cần có câu chủ đề đặt ở vị trí thích hợp.

– Cần dẫn lời văn hay chi tiết trong tác phẩm truyện có thể minh hoạ tốt cho ý đã được nêu.

– Lời văn cần tránh sự bình tán dễ dãi, lan man. Cách phân tích và đánh giá tác phẩm truyện cần có sự kết hợp hài hoà giữa lí (mạch phân tích) và tình (thái độ của người viết đối với tác phẩm).

Chỉnh sửa, hoàn thiện

– Đọc lại và kiểm tra bài viết. Đối chiếu với các yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để có những chỉnh sửa cần thiết.

– Xem lại mạch triển khai ý tưởng, cách diễn giải một số khái niệm liên quan đến nghệ thuật kể chuyện, các chi tiết, dẫn chứng được lựa chọn để làm rõ các luận điểm,... nhằm đảm bảo sự chặt chẽ, mạch lạc, chính xác của bài viết. Đặc biệt, nên chỉnh sửa những đoạn sa vào bàn luận nội dung của tác phẩm mà thiếu những phân tích có sự gắn kết nó với các phương diện thuộc về nghệ thuật kể chuyện.

– Rà soát và chỉnh sửa các lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

NÓI VÀ NGHE

Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện

Yêu cầu

- Giới thiệu những thông tin cơ bản về tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình.
- Nêu được các khía cạnh trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.
- Trình bày được những phát hiện cá nhân về giá trị của tác phẩm, thu hút sự quan tâm của người nghe về tác phẩm được chọn để thuyết trình.
- Thể hiện được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng về một tác phẩm truyện.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ đề tài của bài viết ở trên.

Tìm ý và sắp xếp ý

Từ hệ thống luận điểm ở bài viết, lựa chọn những ý quan trọng nhất, thể hiện rõ quan điểm và phát hiện của bản thân cần được trình bày trong bài nói. Ví dụ, từ bài viết tham khảo về nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn *Đời thừa*, có thể triển khai bài thuyết trình theo bố cục:

– Tại sao cần quan tâm đến nghệ thuật tự sự ở truyện ngắn này?

– Vấn đề câu chuyện và truyện kể.

– Vấn đề người kể chuyện và điểm nhìn nhân vật.

– Đặc điểm lời trần thuật.

– Ý nghĩa của nghệ thuật tự sự ở tác phẩm này.

Thực hành nói

Bài nói gồm đủ ba phần, tập trung vào các nội dung sau:

– *Mở đầu*: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện sẽ thuyết trình. Cần lưu ý cách bắt đầu bài nói sao cho thu hút sự chú ý của người nghe, tránh việc thuyết trình giống như việc đọc lại bài viết.

– *Triển khai*: Trình bày lần lượt các thông tin trong bài viết theo hình thức tóm lược kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu hay minh hoạ trực quan (nếu có). Người nói có thể kể lại ngắn gọn nhưng không hoàn toàn tiết lộ nội dung của truyện, nếu tác phẩm ấy chưa được nhiều người biết đến. Dựa vào các luận điểm đã xác định trong bố cục bài nói, thiết kế các slide sao cho thích hợp nếu người nói sử dụng phương tiện trình chiếu.

– *Kết luận*: Khái quát lại những điều cảm nhận cũng như đánh giá về tính nghệ thuật của tác phẩm mà mình chọn để giới thiệu. Có thể kết bài bằng những câu khuyến khích người nghe chia sẻ cảm nhận hay góc nhìn khác về tác phẩm.

Trao đổi, đánh giá

Người nói	Người nghe
– Trả lời những thắc mắc từ người nghe. – Thể hiện thái độ tiếp thu chân thành, cởi mở với những góp ý xác đáng, nghiêm túc. – Chia sẻ thêm một số điểm mình muốn làm rõ hơn, một số phát hiện khác về tính nghệ thuật của tác phẩm.	– Chia sẻ những điểm thấy hợp lí và hấp dẫn trong bài thuyết trình. – Nêu những điểm còn băn khoăn hoặc có cách đánh giá, cảm nhận về tác phẩm khác với người nói. – Có thể đặt thêm một số câu hỏi để người nói làm rõ hơn về những điều bạn tâm đắc ở tác phẩm. Ví dụ, với bài thuyết trình về nghệ thuật tự sự trong truyện ngắn *Đời thừa*, có thể đặt câu hỏi: Có thể đồng nhất người kể chuyện ở ngôi thứ ba trong tác phẩm với tác giả hay không? Tại sao người nói không bàn đến mối quan hệ giữa người kể chuyện với nhân vật Từ? Nhân vật Từ được miêu tả như thế nào, có phải chỉ qua điểm nhìn của người kể chuyện không?

Người nói và người nghe tham khảo bảng sau để tự đánh giá hay đánh giá về bài trình bày:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Giới thiệu các thông tin cần thiết về tác phẩm truyện được lựa chọn để thuyết trình (tác giả, hoàn cảnh ra đời, vị trí của tác phẩm trong sự nghiệp của nhà văn hay trong lịch sử văn học).		
2	Chỉ ra và đánh giá được các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện.		
3	Biết phối hợp nhịp nhàng giữa phần nói và phần trình chiếu hay minh hoạ trực quan.		
4	Có sự tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe đối với tác phẩm.		

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Qua bài học này, theo bạn, điều gì làm nên sức hấp dẫn của một truyện ngắn hiện đại?
2. Thảo luận nhóm: Suy nghĩ của bạn về hình tượng các nhân vật nữ: thị Nở (truyện ngắn *Chí Phèo* – Nam Cao) và người "vợ nhặt" (truyện ngắn *Vợ nhặt* – Kim Lân). Từ đó, hãy đánh giá giá trị nhân đạo của mỗi tác phẩm.
3. Tìm đọc thêm một số truyện ngắn của Nam Cao (*Lão Hạc, Đời thừa, Bài học quét nhà, Cái chết của con mực,...*) và Kim Lân (*Con chó xấu xí, Làng,...*); từ đó, phân tích những nét nổi bật trong nghệ thuật kể chuyện của từng tác giả.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- So sánh trật tự của các sự kiện trong câu chuyện và trong truyện kể (mạch truyện) và nhận xét về hiệu quả nghệ thuật của cách tổ chức truyện kể.
- Đặc điểm của người kể chuyện trong truyện: ngôi kể, quan hệ và thái độ của người kể chuyện đối với các nhân vật.
- Hệ thống điểm nhìn trong tác phẩm (người kể chuyện chủ yếu trần thuật theo điểm nhìn của mình hay của nhân vật, điểm nhìn bên trong hay bên ngoài chiếm ưu thế, từng điểm nhìn làm hé lộ những điều gì trong tâm lí nhân vật).
- Chú ý đến sự cộng hưởng giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật trong truyện.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Cải ơi!

Nguyễn Ngọc Tư[1]

Đoàn ca múa nhạc giải tán, thằng Quách Phú Thàn dẫn ông già Năm Nhỏ về ngã ba Sương, Thàn có nhỏ bồ[2] mới quen bán quán ở đó. Con nhỏ tên Diễm Thương, nghe hay, mà khuôn mặt cũng hay, không đẹp nhưng bình thản, lạnh trơ, vui buồn không ra, đố ai biết nó nghĩ gì. Nó hất mái tóc nhuộm vàng hoe chơm chởm như rễ tre, nhìn hai người, cười héo hắt, "Ăn bám mà kéo theo cả bầy". Thàn cười hề hề, bảo "Ông Năm, bạn anh. Dễ thương lắm".

---

(1) *Nguyễn Ngọc Tư*: sinh năm 1976, quê ở tỉnh Cà Mau. Các tác phẩm chính: *Giao thừa* (tập truyện ngắn, 2003); *Cánh đồng bất tận* (tập truyện ngắn, 2005); *Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư* (tập tạp văn, 2005); *Khói trời lộng lẫy* (tập truyện ngắn, 2010); *Sông* (tiểu thuyết, 2012); *Đảo* (tập truyện ngắn, 2014); *Đong tấm lòng* (tập tản văn, 2015); *Không ai qua sông* (tập truyện ngắn, 2016); *Biên sử nước* (tiểu thuyết, 2020);...

(2) *Nhỏ bồ*: cô bạn gái (*nhỏ*: người trẻ, gọi theo lối bình dân; *bồ*: bạn hoặc người yêu, dùng với sắc thái thân mật, cũng dùng trong trường hợp xưng hô với người nhỏ tuổi hơn hoặc ngang hàng mà mình muốn làm quen).

Đêm đó ông già không ngủ được, thằng Thàn đi chơi nửa đêm mới mò về, thấy ông khọm rọm[1] ngoài vách mùng[2], điếu thuốc cháy lập loè soi bộ râu xơ xác. Thàn mở dây giày, hỏi, "Nhớ đoàn quá, ngủ không được hả tía[3]?". Ông già lắc đầu, thở dài, nghe buồn xao xác như lá rụng hoa rơi, than điệu nầy hổng[4] biết cách nào tìm cho ra con Cải.

Ông đã đi tìm con nhỏ gần mười hai năm, đã đi qua chợ qua đồng, tới rất nhiều quê xứ. Lúc nhỏ Cải mười ba tuổi, một bữa mê chơi nó làm mất đôi trâu, sợ đòn, nó trốn nhà. Rồi con nhỏ không quay lại, vợ ông khóc lên khóc xuống, bảo chắc là ông để bụng chuyện nó là con của chồng trước nên ngược đãi, hà khắc, đuổi xua. Ông lấy trời đất, thần phật, rắn rít[5] và cả kiếp sau (mặc dù cũng chưa biết nó ra làm sao) ra thề nhưng bà không tin, giận chẳng nhìn, chớ thèm cười nói. Người ta còn đồn đãi[6] ông giết con nhỏ rồi lấp ở một chỗ đất nào, họ ùn ùn lại coi. Ông khăn gói bỏ xứ ra đi, bụng dạ đinh ninh dứt khoát tìm được con Cải về.

Ai dè[7], biển người mênh mông. Mỏi chân, ông xin làm sai vặt trong đoàn ca múa nhạc, để trước giờ diễn, ông mượn cái micro nói vài câu "Cải ơi, ba là Năm Nhỏ nè con...". Bữa nào thằng Thàn nhớ nhà, nghe câu ấy nó cũng rướm[8] nước mắt, bảo "Con thương ông già[9] con quá, tía ơi". Hôm đi ba Thàn còn cầm cây[10] rượt nó chạy ngời ngời, nhảy xuống đò, nó ngoái lại nói để con làm ca sĩ nổi tiếng cho ba coi, thấy ông dứ cây lên trời. Hai năm, ông già đã chỏng đầu cây xuống đất, tựa vào đó để bước đi, tên tuổi Thàn mờ mịt. Thàn bùi ngùi, người ta Quách Phú Thành[11] nổi tiếng Hồng Kông, tui thiếu có chữ h, lẹt đẹt bên hông Chợ Lớn[12]. Nhiều bữa hát ế ngoi ngóp nằm nghe mưa dầm, nhiều bữa đứng soát vé bị bọn du đãng địa phương rượt chạy xịt khói, Thàn muốn về nhà nhưng sợ ông già cười thúi[13] mũi.

Y hệt, ông già Năm Nhỏ cũng có nhà mà không về được. Đã đau quá trời đất rồi, cái cảnh bà con hàng xóm xầm xì, chỉ trỏ, người ở xa còn thuê đò dọc lại nhà ngó nghiêng,

---

(1) *Khọm rọm*: dáng gầy yếu, dúm dó.

(2) *Mùng*: màn.

(3) *Tía*: cha.

(4) *Hổng*: không.

(5) *Rít*: rết.

(6) *Đồn đãi*: đồn đại, thông tin cho nhau theo kiểu dây chuyền.

(7) *Ai dè*: ai ngờ, ngờ đâu.

(8) *Rướm*: rớm.

(9) *Ông già*: cha (nghĩa trong văn bản).

(10) *Cây*: khúc cây, cành cây dùng làm gậy hay roi (nghĩa trong văn bản).

(11) *Quách Phú Thành*: sinh năm 1965, ca sĩ, diễn viên người Hồng Kông.

(12) *Chợ Lớn*: khu vực tập trung nhiều người Hoa sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh.

(13) *Thúi*: thối.

đâu, thằng cha giết con đâu? Đâu, con nhỏ bị chôn chỗ nào? Đã quá chừng đau, khi ông nhìn sâu trong ánh mắt của vợ mình thấy không còn lấp lánh thương yêu, chỉ tối tăm những ngờ vực, hoài nghi, và bữa ông đi, bà đứng giữa nắng trưa, cuốc đất (chỗ đất còn mới tinh ông vừa lên liếp[1]).

Nên ông Năm Nhỏ trụ lại ngã ba Sương, tiếp tục cuộc kiếm tìm. Ông mướn một cái nhà nhỏ như hộp quẹt[2], đủ cho hai người còm nhom chui ra chui vào, vét túi trên túi dưới sắm một chiếc xe kẹo kéo có dàn nhạc sống xập xình, kéo thằng Thàn theo. Ngày chạy ra bán ở chợ rau chợ cá, tối ghé vài quán nhậu, khuya về đậu ở ngã ba, xe kẹo kéo của ông nổi tiếng nhờ giọng ca nhừa nhựa của thằng Thàn, nhờ giữa hai bài hát có mục "nhắn tìm con" buồn ác chiến[3].

Ngã ba Sương nhiều đêm thổn thức trong tiếng "Cải ơi!!!...", nghe ngắc ngoải như tiếng chim kêu tao tác giữa lưng trời. Một bữa Diễm Thương bước ra, thảng thốt gọi "Ba!". Ông già đứng im sững, ngơ ngác giây lát, môi run lập bập hỏi Cải phải hôn[4] con. Diễm Thương gật đầu. Thiệt con là Cải hả? Diễm Thương níu tay ông rưng rưng gọi thêm một tiếng Ba tha thiết. Ông già nắn đầu, nắn vai nó với một nỗi vui chảy tràn, trời đất, ba nhìn không ra, bây lớn dữ dằn[5] vầy. Ông đi vài bước, ông day[6] lại nhìn Diễm Thương (cho chắc là nó đang đứng đây, và có thiệt trên đời), ngước về phía trời sao, rồi ngó thằng Thàn, ông cười, để miệng muốn méo sao thì méo, "Tía kiếm có con Cải rồi, dễ ợt hà mầy ơi". Nghe giọng đúng là cuộc hành trình ròng rã mười hai năm khép lại ở đây rồi. Ngày mai ông dẫn Diễm Thương về Cỏ Cháy, ngay trên chuyến tàu đầu. Vợ ông ra cửa che tay khum khum trên trán, hỏi ai vậy cà, ông nói con Cải chớ ai, bà mừng hết lớn, phải còn trẻ thể nào bà cũng nhảy cà tưng[7]. Ông sẽ đưa nó đi dài xóm, khoe "Con Cải tui về đây nè, bà con coi, nó lớn quá chừng hen", trong lòng không giấu được hả hê (vậy mà mấy người nói tui giết nó).

Nghĩ đến đó, nước mắt ông tuôn dài. Diễm Thương cười, đứng dậy khoan khoái phủi tay, nói không ngờ mình diễn quá hay, rồi nó khom người, nhìn sâu vô đôi mắt ràn rụa của ông già, mặt tỉnh bơ ba khía[8], mỉa mai, "Tui giỡn đó, ông làm ba kiểu gì mà không nhớ mặt con gái mình?".

Và cơn mơ hết. Diễm Thương đi gom tiền thắng độ, đám tiếp viên léo nhéo nhằn ông già sao mà dễ tin, làm họ mất mấy chục ngàn. Diễm Thương lạnh lẽo cười,

---

(1) *Lên liếp*: đánh luống.

(2) *Hộp quẹt*: bao diêm hoặc bật lửa.

(3) *Buồn ác chiến* (khẩu ngữ): rất buồn.

(4) *Phải hôn*: phải không.

(5) *Lớn dữ dằn*: lớn quá.

(6) *Day*: quay.

(7) *Nhảy cà tưng*: nhảy cẫng lên thể hiện sự vui mừng tột độ.

(8) *Tỉnh bơ ba khía*: thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra (*ba khía*: loài cua nhỏ sống ở vùng nước mặn, nước lợ).

cái mặt nó hay hết biết, kiếm tiền dễ ợt mà chẳng gợn lên chút đắc ý nào. Ông Năm bẽ bàng ngồi đó, bẽ bàng lau nước mắt, cười héo queo héo quắt, "Con nhỏ giỡn có duyên hết hồn" mà trên khuôn mặt vẫn còn đầy ứ những thương yêu. Thằng Thàn ứa lòng nhìn ông Năm già đi khủng khiếp, nó giận muốn bóp cổ nhận nước Diễm Thương cho rồi, khi con nhỏ nhơn nhởn trở qua, giơ nắm tiền, rủ đi ăn hủ tiếu.

Trò diễn kết thúc, ông già nằm rũ, đúng hai ngày lời nhắn tìm con Cải lại mênh mang ở ngã ba Sương. Con Diễm Thương bực lắm, nó gặp Thàn là đá ghế quăng li, nó nói ổng đừng mắc công tìm, con Cải chắc chết ngắc rồi. Sao tui thù con nhỏ đó quá trời, có nhà mà bỏ, có cha có mẹ mà không thèm... Cái thứ người đó, cho nó chết bờ chết bụi cũng đáng. Rồi nó nghẹn ngào, còn tui, người ta đã quăng ở đây mười tám năm, mà không ai trở lại tìm, tui chờ hoài... Thàn mới hay đời con nhỏ cũng buồn, hai đứa ôm nhau, thở dài nghe cả vành tai tê tái.

Tối đó, Thàn nằm gác tay lên trán, nói "Mai mốt con dẫn nhỏ Diễm Thương về lạy ông già con à, tía Năm. Tính thương chơi thôi nhưng bây giờ thành thiệt rồi". Ông Năm phấn khởi, vậy hả, vậy à, phải làm đám cưới tử tế cho con nhỏ đỡ tủi, để tao làm ba nó, đại diện cho đàng gái làm sui chơi.

Mùa nắng quay trở lại, ngã ba Sương mọc thêm chừng chục quán nhậu nữa, muốn hay không cánh công an phòng chống tệ nạn xã hội cũng phải để ý cái chòm lu bu[1] nầy. Phía báo đài đang dòm ngó. Một bữa, họ ập vào, quay phim, chụp hình búa la xua[2]. Đám tiếp viên che mặt, ôm đầu, chỉ có Diễm Thương là điềm nhiên trơ mắt ngó.

Phóng sự phát lên ti vi, cái nhìn đó như dấu hỏi nao lòng, tôi đây nè mà ba má ở đâu? Có nhận ra tôi không? Có nghe đau lòng? Thằng Thàn thấy cảnh người yêu tỉnh bơ [...], buồn quá, bỏ đi uống rượu. Sáng sau, ông Năm dúi vô tay Thàn ít tiền biểu "đưa con nhỏ về nhà". Thằng Thàn nói:

– Con không đành lòng để tía ở lại một mình.

– Vậy bây nỡ nào nhìn con nhỏ khổ hoài sao?

Một sớm, hai đứa dắt nhau đi, ông già nhìn theo cho đến khi bóng chúng chìm giữa mịt mù. Cả nhà Thàn hết hồn vía dồn lại ngó nhau, nhận ra đứa con gái nầy lên ti vi hôm trước, và Diễm Thương ngạo nghễ cười, hỏi bác ơi, mấy giờ có chuyến tàu ra thị xã. Mờ chiều, đám trẻ trở lại, mặt con Diễm Thương vẫn thản nhiên nhưng thằng Thàn buồn tê tái.

---

(1) *Lu bu*: rối rắm, không trật tự.

(2) *Búa la xua*: liên tục.

Con người ta, hết đau bề nầy tới đau bề khác, ông Năm xa xót nhìn hai đứa trẻ chơi vơi mất đường về. Diễm Thương nói tui mắc cười quá ông Năm à, tui lên ti vi để cha mẹ nhìn mà họ không biết tui là ai, còn người dưng liếc ngang là nhớ liền.

Ông già Năm Nhỏ lặng người đi, tự hỏi, bây giờ ông lên ti vi, con Cải có nhận ra ông không. Câu trả lời là có, ông đã dắt con nhỏ đi hái xoài chín trong vườn hoang, đã chặt chuối làm bè dạy cho nó lội[1], thả trâu, chơi diều, ông đã cõng con nhỏ đi tắt mấy vạt đồng đến khám bệnh chỗ ông bác sĩ già, mỗi khi nó nhức đầu, sổ mũi. Cây kẹp nhỏ, mớ dây thun khoanh, mấy cục kẹo dừa vung vinh[2] trong túi áo mỗi khi ông đi chợ về... Tất cả những thứ đó, ông nhớ mồn một thì nhỏ Cải chắc chưa quên. Ông già muốn lên ti vi để nhắn đứa trẻ bỏ nhà rằng, về đi con ơi, đôi trâu có sá gì[3]!

Đăng tin trên truyền hình đắt đỏ, mà lần nào lại phòng quảng cáo ông cũng phải đôi co, đòi phải đọc theo ý mình, trong đó có đoạn, "Con không về ba nhớ đã đành, má con còn giận ba, không nhìn mặt". Người ta cười, trên đài chứ có phải chợ trời đâu mà muốn nói gì cũng được. Ông giận, quày quả[4] về nhà, nghĩ cách tự mình lên ti vi. Chỉ tội, câu nói gọn hơ vậy mà ông chưa có dịp gởi lời. Có lần, ông đậu xe kẹo đầu chợ, thấy người ta làm phim vụ lấn chiếm lòng lề đường, người hốt thúng mủng cá rau bỏ chạy, ông sướng rơn lăng xăng chạy tọt chỗ nầy ló mặt đằng kia, mấp máy câu "Cải ơi..." (mà vô phim người ta đã xoá mất tiếng còn đâu). Chỉ mong được thấy mình trên ti vi, một khuôn mặt teo héo sạm đen dưới những sợi tóc ngả màu trắng xoá, một thân hình gầy guộc, lưng đã chớm còng... "Mình thèm lên ti vi muốn chết giấc[5] mà không được, [...], ông già Năm Nhỏ than thở với thằng Thàn, nói sao tao muốn làm bí thơ tỉnh quá". Thàn kêu, trời ơi, chi vậy tía. Ông cười, lên ti vi chớ chi, lúc đó tao đường hoàng nói chuyện với con Cải, tao nói từ từ, nhắc chuyện xưa cho nó nghe. Thằng Thàn cũng cười, tưởng tía làm lớn để lo cho dân, ai dè cũng bo bo cho mình.

Họ ngồi đụt mưa[6] dưới một hàng ba trường tiểu học. Nước đổ trắng trời. Mùa còn ướt lạnh dài dài. Thằng Thàn lo ở nhà mưa dột ướt đầu giường, về không có gối để nằm, không mền[7] để đắp. Diễm Thương biết có chạy qua không hay là bận khách, bận cười cợt (mà lòng não nề) biểu uống với em chút nữa đi anh. Thàn chép miệng, buồn quá tía ơi. Mê văn nghệ văn gừng nên chừng nầy tuổi đầu rồi mà nghèo quá chừng, đến nỗi không lo được cho nhỏ Thương. Ông già Năm Nhỏ thấy thằng Thàn xuống nước mắt. Từ tối nay, ông cũng thấy mình hoang mang buồn bã rã rời,

---

(1) *Lội*: bơi.

(2) *Vung vinh*: có dáng vẻ vênh vang, đắc ý, ở đây tác giả chuyển trạng thái của nhân vật cho các đồ vật trong túi áo rộng.

(3) *Sá gì*: đáng gì.

(4) *Quày quả*: có dáng điệu vội vã như quá bận.

(5) *Muốn chết giấc*: rất muốn.

(6) *Đụt mưa*: trú mưa.

(7) *Mền*: chăn.

như sắp đến cuối đường rồi, mà không biết chắc có nhà mình phía đó. Ông thở dài ứ hự, chống tay liêu xiêu đứng lên, bảo, mưa chắc còn dài, thôi dầm mình về, nhỏ.

Đêm đó, thằng Thàn ôm ông già Năm ngủ, nó kêu lên, tía ốm dữ dằn[1] thiệt, xương tía cấn[2] con đau quá chừng. Ông già cười, ờ, chê mai mốt không có mà ôm nghen con. Thằng Thàn hỏi ông nói vậy là có ý gì, ông hỏi ngược lại, chớ bộ mầy tính cưới vợ rồi mà còn chun[3] qua ngủ với tao? Thàn cười, ờ há ờ hen. Mắc cười, ông còn rù rì tính chuyện nấu mâm cơm cúng trời đất để sáp nhập nhỏ Diễm Thương về nhà bên nầy, sắm cái tủ thuốc lá để cho nó buôn bán vặt thì thằng Thàn đã ngáy o o. Nửa đêm, Thàn giật mình tỉnh giấc, không thấy ông già, nó ngật ngừ ngồi dậy, trên bụng rớt xuống một gói tiền. Xe kẹo kéo vẫn còn nguyên, Thàn kéo cửa bước ra ngoài. Ngã ba Sương đã tắt đèn, những con đường hun hút mù mịt dưới mưa, như không cần biết đến từ đâu, chỉ biết gặp ở đây, phút nầy. Thằng Thàn làu bàu, hổng biết ông già chừng nầy mà đi đâu vậy cà.

Ông Năm đi ăn trộm chớ đâu. Ông lội bộ gần năm cây số trong mưa sụt sùi vô trong xóm, ghé chỗ lò mổ, dắt đôi trâu đem đi. Ông làm gọn gàng như với đôi trâu ở nhà. Sáng ra ông trở lại, ghé đúng ngôi nhà có hàng so đũa[4] cặp mé lộ[5], ông thấy một đám người đang tao tác đứng ngồi, ông hỏi, mua trâu hôn, tui kẹt tiền đem bán đây nè. Chủ nhà chạy ra la lên, trời ơi, bắt ổng lại, ổng ăn trộm của tôi. Ông Năm giả đò hết hồn, nhưng trong bụng thấy trúng ý, bảo, từ từ, tui có chạy đâu mà sợ. Từ nhà người ta đưa ông lên ấp, ấp giải lên xã, ông ra bộ sợ sệt, luôn miệng nhắc, mấy chú nhớ kêu đài truyền hình xuống nghen, phải quay tui để dân người ta cảnh giác. May, đài tỉnh xuống thật, phóng viên một tờ báo cũng chạy xổ theo, dọc đường hăm hở rút sẵn tít "Tên trộm đãng trí". Họ phỏng vấn ông chủ lò mổ, phỏng vấn trưởng công an xã, cuối cùng, ông Năm xin được nói đôi lời, còn dặn, mấy chú làm ơn đừng cắt bỏ tiếng tui, rằng "Cải ơi, ba là Năm Nhỏ nè, nhà mình ở Cỏ Cháy đó, nhớ không? Về nhà đi con, tội má con vò võ có một mình. Con là trọng, chứ đôi trâu cộ nhằm nhò gì... Về nghen con, ơi Cải...".

Nghe đâu, hôm đó, nhiều người rơi nước mắt, vì vậy mà vụ trộm trâu không được lên ti vi, sống giữa cái rẻo đất nhân hậu nầy nhiều khi cũng hơi phiền.

Nghe đâu, hôm đó đài truyền hình có đưa tin nhưng chỉ thấy ông già nhép miệng một cách tuyệt vọng. Như đã nói, nhà đài người ta chớ có phải chợ trời đâu, mà có thể thoải mái gọi, "Cải ơi!".

(Nguyễn Ngọc Tư, *Cánh đồng bất tận*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr. 7 – 16)

---

(1) *Ốm dữ dằn*: gầy gò quá.

(2) *Cấn*: nhô lên, đội lên, gây tác động vào đối tượng sát bên cạnh.

(3) *Chun*: luồn qua.

(4) *So đũa*: cây thuộc họ đậu, hoa thường được dùng để chế biến một số món ăn ngon, quen thuộc ở vùng Nam Bộ.

(5) *Cặp mé lộ*: kề bên đường chính.

Bài 2

CẤU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Yêu cầu cần đạt

- Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản; nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- Viết được văn bản nghị luận về một bài thơ: tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm.
- Biết giới thiệu (dưới hình thức nói) về một tác phẩm nghệ thuật (văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội hoạ) theo lựa chọn cá nhân.
- Biết sống hoà đồng với con người, thiên nhiên; biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng vốn thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với cuộc đời.

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Cấu tứ trong thơ

Cấu tứ là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng. Trong lĩnh vực thơ, cấu tứ gắn liền với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.

Sản phẩm của hoạt động cấu tứ trong thơ là **tứ thơ** (thường được gọi đơn giản là **tứ**). Tứ đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. Nhờ có tứ, tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng – hình ảnh trung tâm. Mỗi bài thơ

thường có một cách cấu tứ và một cái tứ riêng. Chú ý tìm hiểu vấn đề này là điều có ý nghĩa quan trọng trong việc đọc hiểu thơ, nhìn ra những phát hiện độc đáo của nhà thơ về con người, cuộc sống và đánh giá đúng phẩm chất nghệ thuật của bài thơ.

Vì mối liên hệ nhân quả tất yếu giữa cấu tứ và tứ mà trong nhiều trường hợp, người ta đã đồng nhất hai khái niệm này. Lúc đó, có thể xem "tìm hiểu cấu tứ của bài thơ" và "tìm hiểu tứ thơ của bài thơ" là hai hình thức diễn đạt khác nhau về cùng một ý (nội dung).

Yếu tố tượng trưng trong thơ

Trong lĩnh vực sáng tác văn học – nghệ thuật nói chung, sáng tác thơ ca nói riêng, thuật ngữ **tượng trưng** trước hết được dùng để chỉ một loại hình ảnh, hình tượng mang tính đặc thù. Ở đó, người nghệ sĩ thường sử dụng các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất. Thuật ngữ này thường xuất hiện trong các kết hợp từ: *hình ảnh, hình tượng tượng trưng; yếu tố tượng trưng; tính chất tượng trưng; chủ nghĩa tượng trưng;...*

Trước một hình ảnh, hình tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa và gợi lên những cảm nhận đa chiều, người ta có căn cứ để nói đến sự hiện diện của **yếu tố tượng trưng**. Yếu tố tượng trưng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên tính chất tượng trưng của bài thơ.

Mọi hình ảnh, hình tượng thơ, xét từ bản chất, đã có tính chất tượng trưng. Nhưng với những sáng tác thuộc trường phái thơ tượng trưng hoặc thuộc loại hình thơ tượng trưng, tính chất này đã đạt một chất lượng mới. Điều này liên quan đến sự ý thức sâu sắc của nhà thơ về các mối tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ.

Ở bài thơ có yếu tố tượng trưng, các tác giả thường chú ý làm nổi bật tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc,... bằng những cách thức khác nhau. Bên cạnh đó, việc phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ cũng rất được quan tâm. Với một số nhà thơ tượng trưng, trong số nhiều thủ pháp nghệ thuật được sử dụng, không thể không nói đến việc hoà trộn cảm nhận của các giác quan, việc diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng,...

Ngôn ngữ văn học

Ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học. Trên cơ sở ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên, ngôn ngữ văn học hình thành và phát triển phong phú nhờ lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn. Bởi vậy, ngôn ngữ văn học thể hiện rõ cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của người viết. Tính hình tượng và tính thẩm mĩ là hai tính chất quan trọng nhất của ngôn ngữ văn học, chi phối các tính chất khác như tính chính xác, tính đa nghĩa, tính tạo hình, tính biểu cảm, tính cá thể hoá,...

Đa nghĩa là một trong những tính chất rất nổi bật của ngôn từ trong tác phẩm văn học. Ở đây, từ ngữ không chỉ có nghĩa đen, nghĩa gốc, nghĩa ban đầu mà còn có nghĩa mới, nghĩa phát sinh, do chúng thường được đặt trong những cấu trúc hay ngữ cảnh đặc biệt.

VĂN BẢN 1

Nhớ đồng

Tố Hữu

- *Theo trải nghiệm của bạn, một nỗi nhớ thường được khởi đầu và phát triển như thế nào?*
- *Hãy tưởng tượng về cách bạn mở đầu một sáng tác ngôn từ có nội dung thể hiện nỗi nhớ của bản thân. Điều gì sẽ được nói đến trước hết? Vì sao?*

Tặng Vịnh[1]

Gì sâu bằng những trưa thương nhớ
Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!

Đâu gió cồn thơm đất nhả mùi
Đâu ruồng tre[2] mát thở yên vui
Đâu từng ô mạ xanh mơn mởn
Đâu những nương khoai ngọt sắn bùi?

Tiếng hò có mối quan hệ như thế nào với nỗi nhớ?

Các hình ảnh hiện lên ở đây có đặc điểm gì?

Đâu những đường con bước vạn đời
Xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi
Giữa dòng ngày tháng âm u đó
Không đổi, nhưng mà trôi cứ trôi...

Gì sâu bằng những trưa hiu quạnh
Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!

So với khổ thơ thứ nhất, khổ thơ này có điểm gì giống và khác?

Đâu những lưng cong xuống luống cày
Mà bùn hi vọng nức hương ngây
Và đâu hết những bàn tay ấy
Vãi giống tung trời những sớm mai[3]?

Hãy tưởng tượng về hình ảnh "bàn tay... vãi giống tung trời".

(1) *Vịnh:* tên đầy đủ là Nguyễn Vịnh, tức Nguyễn Chí Thanh (1914 – 1967), người bạn cùng hoạt động cách mạng với tác giả từ trước năm 1945, sau này trở thành Đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.

(2) *Ruộng tre*: rặng tre, luỹ tre.

(3) *Vãi giống tung trời những sớm mai*: hình ảnh người gieo hạt thóc trên ruộng vào lúc sáng sớm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Đâu những chiều sương phủ bãi đồng
Lúa mềm xao xác ở ven sông
Vẳng lên trong tiếng xe lùa nước[1]
Một giọng hò đưa *hố*[2] não nùng

Gì sâu bằng những trưa thương nhớ
Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!

Đâu dáng hình quen, đâu cả rồi
Sao mà cách biệt, quá xa xôi
Chao ôi thương nhớ, chao thương nhớ
Ôi mẹ già xa đơn chiếc ơi!

Đâu những hồn thân tự thuở xưa
Những hồn quen dãi gió dầm mưa
Những hồn chất phác hiền như đất
Khoai sắn tình quê rất thiệt thà!

Đâu những ngày xưa, tôi nhớ tôi
Băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời
Vẩn vơ theo mãi vòng quanh quẩn
Muốn thoát, than ôi, bước chẳng rời

Rồi một hôm nào, tôi thấy tôi
Nhẹ nhàng như con chim cà lơi[3]
Say đồng hương nắng vui ca hát
Trên chín tầng cao bát ngát trời...

Cho tới chừ[4] đây, tới chừ đây
Tôi mơ qua cửa khám[5] bao ngày
Tôi thu tất cả trong thầm lặng
Như cánh chim buồn nhớ gió mây.

Gì sâu bằng những trưa hiu quạnh
Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!

Tháng 7/1939

(Nguyễn Minh Hồng – Nguyễn Thanh Hoa (tuyển chọn), *Tố Hữu – Thơ gửi bạn đường*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2020, tr. 39 – 41)

Đối tượng được gọi là "hồn thân" ở đây gồm những ai?

"Tôi" ở khổ thơ này có sự phát triển như thế nào so với "tôi" ở khổ thơ trên?

Hình ảnh "cánh chim buồn nhớ gió mây" biểu đạt cảm xúc gì của nhân vật trữ tình?

---

(1) *Xe lùa nước*: guồng (có hình dạng như cái bánh xe lớn) dẫn nước từ sông, suối vào ruộng hoặc về nhà để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt.

(2) *Hố*: tiếng đệm thường dùng trong một số điệu hò.

(3) *Chim cà lơi*: chim chiền chiện, còn gọi là chà chiện hoặc sơn ca.

(4) *Chừ*: bây giờ.

(5) *Khám*: nhà giam, nhà tù.

Tố Hữu (1920 – 2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, quê ở thành phố Huế. Ông từng được tôn vinh là "lá cờ đầu" của nền thơ cách mạng Việt Nam nửa sau thế kỉ XX.

Thơ Tố Hữu là tiếng nói trữ tình nhiệt huyết về những vấn đề lớn của đất nước và cách mạng, mang đậm tính sử thi, tràn đầy niềm tin ở tương lai, tất cả được thể hiện bằng một hình thức thơ giàu tính dân tộc, gần gũi với đại chúng.

Các chặng đường sáng tác của Tố Hữu được đánh dấu bằng 7 tập thơ chính, gắn với quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam nửa sau thế kỉ XX: *Thơ* (1946, từ lần in thứ hai trở đi vào năm 1959, tập thơ mang nhan đề mới là *Từ ấy*), *Việt Bắc* (1954), *Gió lộng* (1961), *Ra trận* (1972), *Máu và hoa* (1977), *Một tiếng đờn* (1992), *Ta với ta* (2000).



Tố Hữu
Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

Nhớ đồng được viết trong thời gian tác giả bị thực dân Pháp bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ (thuộc thành phố Huế). Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, bài thơ được đưa vào tập *Thơ* (tức *Từ ấy*). Cũng như nhiều bài thơ khác được tác giả sáng tác trong hoàn cảnh tù đày, *Nhớ đồng* thể hiện rõ tâm sự của một người thanh niên yêu nước giàu nhiệt huyết, khao khát tự do, nôn nóng muốn trở về sát cánh với đồng chí, đồng bào lúc phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh mẽ.

1. Theo bạn, nhan đề *Nhớ đồng* đã bao quát được toàn bộ nội dung cảm xúc của bài thơ hay chưa? Vì sao? Nên hiểu như thế nào về nghĩa của từ "đồng" trong nhan đề?

2. Bạn có nhận xét gì về đặc điểm hình thức và nội dung của các khổ thơ 1, 4, 7, 13 trong văn bản? Các khổ thơ này được phân bố theo "quy luật" nào?

3. Hệ thống hình ảnh trong bài thơ đã biểu đạt được những nội dung gì? Bạn hiểu và đánh giá như thế nào về cách tác giả đan cài, phối hợp, sắp xếp các cụm hình ảnh?

4. Từ "đâu" xuất hiện bao nhiêu lần và đóng vai trò gì trong cấu tứ của bài thơ?

5. Phân tích tác dụng nghệ thuật của việc sử dụng luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm trong văn bản.

6. Theo bạn, hình ảnh nào trong bài thơ mang tính tượng trưng rõ nét hơn cả? Hãy làm rõ tính tượng trưng ở hình ảnh ấy.

7. Bài thơ cho thấy điều gì về tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của nhân vật trữ tình? Nêu cảm nhận của bạn về những cảm xúc, tâm tình được tác giả bộc lộ trong bài thơ.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh đã làm nên thế giới cảm xúc "nhớ đồng" trong bài thơ.

VĂN BẢN 2

Tràng giang

Huy Cận

- *Theo bạn, vì sao người đọc lại có thể rung động trước bài thơ được viết bởi một người xa lạ, có những trải nghiệm khác biệt với mình?*
- *Bạn có cho rằng cảnh trời đất mênh mông trong buổi chiều tà thường có một ý nghĩa đặc biệt đối với tâm hồn của mỗi người? Hãy đọc một số câu thơ mà bạn biết nói về cảnh ấy, thời điểm ấy.*

Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài.

H.C.

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà[1].

(Huy Cận, *Lửa thiêng*, NXB Đời nay, Hà Nội, 1940, tr. 52 – 53)

Chú ý điều được gợi mở từ câu thơ đề từ.

Hình ảnh xuất hiện ở câu cuối khổ thơ có thể gợi lên những cảm nhận gì?

Thế nào là "sâu chót vót"?

Chú ý đặc điểm chính tả và ngữ âm của từ láy "dợn dợn".

[1] *Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*: câu thơ mượn tứ từ câu cuối trong bài *Hoàng Hạc lâu* (*Lầu Hoàng Hạc*) của Thôi Hiệu thời Đường (Trung Quốc): "Yên ba giang thượng sử nhân sầu" (Khói sóng trên sông khiến người buồn).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Huy Cận (1919 – 2005) tên khai sinh là Cù Huy Cận, quê ở tỉnh Hà Tĩnh. Ông là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới và cũng là cây bút có nhiều đóng góp xuất sắc cho nền thơ cách mạng Việt Nam từ sau năm 1945.



Huy Cận
Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

Thơ Huy Cận giàu chất suy tưởng, tràn đầy cảm xúc về vũ trụ, luôn thể hiện khát khao hoà điệu với cuộc đời và tạo vật. Tiếp thu đồng thời tinh hoa của nền thơ truyền thống phương Đông và nền thơ Pháp, thơ Huy Cận đã tạo được sự cân bằng hiếm có giữa vẻ đẹp cổ điển và vẻ đẹp hiện đại, giữa chất lãng mạn và chất tượng trưng.

Các tập thơ tiêu biểu của Huy Cận: *Lửa thiêng* (1940), *Trời mỗi ngày lại sáng* (1958), *Đất nở hoa* (1960), *Bài thơ cuộc đời* (1963), *Hai bàn tay em* (1967), *Ngôi nhà giữa nắng* (1978), *Hạt lại gieo* (1984), *Nước triều đông* (tập thơ song ngữ Việt – Pháp, 1994),...

Bài thơ ***Tràng giang*** in trong tập *Lửa thiêng*, rất tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật thơ Huy Cận trên nhiều phương diện. Cảm hứng sáng tác bài thơ được khơi dậy từ những buổi chiều tác giả tới ngắm cảnh mênh mang của sông Hồng ở vùng Chèm – Vẽ vào mùa thu năm 1939. Trong *Suy nghĩ về nghệ thuật* (1982), Huy Cận cho biết *Tràng giang* "lúc sơ khai lại muốn là một bài lục bát và tên nguyên thuỷ của nó là *Chiều trên sông*"[1].

1. Bạn có cảm nhận gì về nhan đề *Tràng giang*? Nhan đề và đề từ liên quan thế nào với nội dung cảm xúc của bài thơ?
2. Có thể dùng những từ ngữ nào để chỉ tính chất của khung cảnh được "vẽ" ra trong bài thơ?
3. Bài thơ đã được cấu tứ như thế nào? Bạn dựa vào đâu để xác định như vậy?
4. Chỉ ra sự tương phản giữa các hình ảnh trong khổ thơ thứ hai. Sự tương phản đó có ý nghĩa gì và tiếp tục được triển khai ở các khổ thơ kế tiếp như thế nào?
5. Bài thơ có những điểm khác lạ nào trong cách sử dụng ngôn ngữ? Hãy làm rõ hiện tượng đó qua phân tích một ví dụ bạn cho là tiêu biểu.
6. Nêu một số thi liệu truyền thống xuất hiện trong văn bản. Việc tác giả sử dụng những thi liệu ấy cho biết thêm điều gì về cấu tứ của bài thơ?
7. *Tràng giang* thường được nhìn nhận là bài thơ giàu yếu tố tượng trưng. Bạn suy nghĩ về vấn đề đó như thế nào?
8. Bài thơ đã giúp bạn có thêm được cảm nhận gì về đời sống, về mối quan hệ giữa con người cá nhân với vũ trụ vô biên?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bày tỏ sự tâm đắc của bạn về một phương diện nổi bật của bài thơ *Tràng giang*.

[1] Nguyễn Đăng Điệp (giới thiệu và tuyển chọn), *Huy Cận – Tác phẩm chọn lọc*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009, tr. 251.

VĂN BẢN 3

Con đường mùa đông

A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích Pu-skin (Aleksandr Sergeyevich Pushkin)

Hãy hình dung những trở ngại tinh thần mà một người độc hành trên đường lạnh vắng có thể phải đối diện. Theo bạn, để vượt qua những trở ngại đó, người ta có thể làm gì?

Dịch nghĩa

Xuyên qua những lớp sương mù gợn sóng
Mặt trăng nhô ra,
Nó buồn bã dội ánh sáng
Lên những khoảng trống u buồn.

Trên con đường mùa đông, buồn tẻ
Xe tam mã[1] lao nhanh,
Lục lạc đơn điệu
Mệt mỏi rung lên.

Nghe có gì thân thuộc
Trong những khúc ca ngân dài của người xà ích[2]:
Lúc là trẩy hội tưng bừng,
Lúc là nỗi buồn tâm tình...

Không một ánh lửa, không một mái lều thẫm đen...
Rừng sâu và tuyết... Ngược chiều tôi
Chỉ những cột sọc chỉ đường
Đơn độc rơi vào tầm mắt.

(1) *Xe tam mã*: xe ba ngựa kéo. Kiểu xe này có thiết kế chỗ ngồi phía sau gọn nhẹ; khi chạy nhanh, người ngồi trên xe có cảm giác như được bay lên. Trong văn hoá Nga, xe tam mã được nhìn nhận là biểu tượng cho nước Nga.

(2) *Người xà ích*: người điều khiển xe ngựa.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Buồn tẻ, sầu đau... Ngày mai, Nhi-na (Nhina),
Ngày mai, về với em yêu thương,
Tôi sẽ được quên mình nơi lò sưởi,
Được ngắm nhìn em không chán mắt.

Kim đồng hồ vang tiếng
Sẽ hoàn tất vòng quay đều đặn của mình,
Và, xua đi xa lũ người phát ngấy,
Nửa đêm không rẽ chia đôi ta.

Sầu lắm, Nhi-na: con đường của tôi tẻ ngắt,
Bác xà ích của tôi lặng yên thiu thiu ngủ,
Lục lạc đơn điệu,
Khuôn trăng mờ sương.

Dịch thơ

Xuyên những làn sương gợn sóng
Mảnh trăng mờ ảo chiếu qua,
Buồn rải ánh vàng lai láng
Lên cánh đồng buồn giăng xa.

Trên đường mùa đông vắng vẻ
Cỗ xe tam mã băng đi
Nhạc ngựa đều đều buồn tẻ
Đều đều khắc khoải lòng quê.

Bài ca của người xà ích
Có gì phảng phất thân yêu:
Như niềm vui mừng khôn xiết,
Như nỗi buồn nặng đìu hiu.

Không một mái lều, ánh lửa...
Tuyết trắng và rừng bao la...
Chỉ những cột dài cây số
Bên đường sừng sững chào ta.

Lưu ý: Mỗi hình ảnh, âm thanh trong bài thơ vừa nhấn mạnh nỗi buồn, vừa thể hiện hoạt động không ngừng cố gắng vượt qua trở ngại.

Giữa ngoại cảnh và những hình ảnh xuất hiện trong tâm tưởng có sự tương phản như thế nào?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Ôi buồn đau, ôi cô lẻ...
Trở về với em ngày mai
Nhi-na, bên lò lửa đỏ
Ngắm em, ngắm mãi không thôi.

Kim đồng hồ kêu tích tắc
Xoay đủ những vòng nhịp nhàng,
Và xua lũ người tẻ ngắt
Để ta bên nhau trong đêm.

Sầu lắm, Nhi-na: đường xa vắng,
Ngủ quên bác xà ích lặng im
Nhạc ngựa đều đều buông xa thẳm,
Sương mờ che lấp ánh trăng nghiêng.

Lời than "Ôi buồn đau, ôi cô lẻ..." kết nối tâm tưởng nhân vật trữ tình với ai? Ở đâu?

Những hình tượng thơ đã xuất hiện trong bài được điểm lại như thế nào?

1826

(Thuý Toàn dịch, A-lếch-xan-đrơ Pu-skin, *Tuyển tập tác phẩm – Thơ, Trường ca*, NXB Văn học – Trung tâm Văn hoá và ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 1999, tr. 64 – 65)

A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích Pu-skin (1799 – 1837) là người đặt nền móng cho văn học hiện thực Nga thế kỉ XIX. Sinh ra trong một gia đình trí thức quý tộc lâu đời, Pu-skin sớm bộc lộ thiên hướng văn chương, bắt đầu sáng tác thơ văn từ khi lên bảy, tám tuổi. Pu-skin dã tổng hoà được những gì tinh tuý nhất của văn hoá dân tộc, nhân loại và thời đại để trở thành "người duy nhất nói tiếng nói mới" – tiếng nói "toàn nhân loại" trong văn học Nga thế kỉ XIX (Phê-đo Đốt-xtôi-ép-xki – Fyodor Dostoyevsky). Vì những vần thơ ca ngợi tự do, chống lại chế độ nông nô chuyên chế[1] của chính quyền Nga hoàng, Pu-skin bị dày xuống Phương Nam (1820 – 1823), rồi lại bị dày ngược lên một trang trại hẻo lánh ở Phương Bắc (1824 – 1826). Đến giữa năm 1826, Pu-skin mới được mãn hạn đi đày. Ông qua đời năm 1837, sau một cuộc đấu súng.



Pu-skin, tranh chân dung của Ô-re-xtơ Kíp-ren-xki – Orest Kiprensky, 1827
Nguồn: wikipedia.org

[1] *Chế độ nông nô chuyên chế*: chế độ chuyên chế được thiết lập trên nền tảng quyền sở hữu của địa chủ đối với nông dân (nông dân được xem như tài sản).

Pu-skin đã để lại một di sản vô giá ở nhiều thể loại văn học, song trước hết ông được xem là "mặt trời của thi ca Nga", có cống hiến lớn nhất trong thơ trữ tình với hơn 800 bài thơ đặc sắc. Ngôn từ trong thơ trữ tình của Pu-skin bao giờ cũng chính xác, giản dị, trong sáng, hàm súc. Những sắc màu, hình ảnh, âm thanh trong thơ của ông không chỉ thể hiện tâm trạng mà còn chuyên chở những vận động ý thức của nhân vật trữ tình, hướng tới hoá giải những khúc mắc trong lòng người để cuối cùng đạt tới một xúc cảm cân bằng, hài hoà đến kì lạ. Thơ Pu-skin tràn ngập tinh thần nhân văn, vừa cao cả, vừa trần thế, vì vậy mà có sức lay động tâm hồn mãnh liệt đối với người đọc mọi dân tộc, mọi thời đại.

Tháng 12 năm 1825, một cuộc khởi nghĩa do đông đảo những người trí thức quý tộc tiến bộ lãnh dạo chống lại chế độ nông nô chuyên chế đã nổ ra rộng khắp trên nước Nga. Đầu năm 1826, cuộc khởi nghĩa bị Nga hoàng dập tắt. Vào mùa đông năm ấy, nỗi buồn riêng của nhà thơ ở nơi dày ải, nỗi buồn chung của nhân dân sau thất bại của cuộc khởi nghĩa, cùng ý chí và khát vọng vượt qua những giây phút tủi buồn trong hành trình cuộc sống riêng tư, cũng như của dân tộc, đã trở thành nguồn cảm hứng để Pu-skin sáng tác nên bài thơ ***Con đường mùa đông***.

1. Nhan đề bài thơ *Con đường mùa đông* gợi cho bạn những liên tưởng gì?
2. Những hình ảnh ("trăng", "cột sọc chỉ đường") và âm thanh ("tiếng lục lạc", "kim đồng hồ kêu tích tắc") trong bài thơ đã diễn tả mâu thuẫn giữa nỗi buồn với ý thức vận động vượt qua trở ngại của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông như thế nào?
3. Xác định những hình ảnh, hoạt động tương phản trong khổ thơ 4. Nhân vật trữ tình xuất hiện ở khổ thơ này có còn chìm trong cảnh vật u buồn nữa không? Vì sao?
4. Xác định không gian, thời gian tâm tưởng của nhân vật trữ tình trong hai khổ thơ 5, 6. Hãy hình dung nhân vật trữ tình được tận hưởng những gì và tiếp tục đấu tranh với nỗi buồn ra sao.
5. "Xe tam mã", "bài ca của người xà ích", "mái lều, ánh lửa", "Nhi-na" có ý nghĩa tinh thần thế nào đối với hành trình của nhân vật trữ tình trên "con đường mùa đông"?
6. Nêu nhận xét về những hình tượng thơ được điểm lại trong khổ thơ cuối. Hãy chia sẻ suy nghĩ của bạn về cách lấy lại cảm giác bình yên trên những "con đường mùa đông" trong cuộc đời.
7. Bạn có nhận xét gì về cấu tứ của bài thơ? Hãy liên hệ với một bài thơ khác có cùng kiểu cấu tứ này mà bạn biết.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng mà bạn cho là đặc sắc nhất trong bài thơ *Con đường mùa đông*.

Thực hành tiếng Việt

Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng

1. Chỉ ra nét độc đáo, khác lạ trong kết hợp từ "buồn điệp điệp" ở câu mở đầu bài thơ *Tràng giang* (Gợi ý: Tìm những kết hợp từ khác có "điệp điệp" nhưng mang tính phổ biến hơn để so sánh với trường hợp đã nêu).

2. Phân tích lí do khiến cụm từ "sâu chót vót" trong bài thơ *Tràng giang* gây được ấn tượng đặc biệt với người đọc.

3. Hãy nhận diện và phân tích ý nghĩa của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường được thể hiện trong hai câu thơ sau (trích *Tràng giang*):

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.

4. Phân tích giá trị biểu đạt của dấu hai chấm ở câu thơ "Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa." trên cơ sở liên hệ đến chức năng thông thường của dấu hai chấm trong văn bản.

5. Trong bài *Tì bà* của Bích Khê, hai câu thơ cuối được tác giả viết như sau:

Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi: Thu mênh mông.

(Bích Khê, *Tinh huyết*, Trọng Miên xuất bản, 1939)

Ở một số bản in về sau, hai câu thơ trên đã có một biến đổi:

Ô hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi: Thu mênh mông.

(*Thơ Bích Khê*, Sở Văn hoá và Thông tin Nghĩa Bình, 1988)

Nhận biết những hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường

• Để nhận ra những hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học, phải nắm vững những quy ước ngôn ngữ có tính chuẩn mực của tiếng Việt, đồng thời biết thực hiện việc đối chiếu, so sánh các phương án sử dụng ngôn ngữ khác nhau.

• Một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học:

– Tạo ra những kết hợp từ trái logic nhằm "lạ hoá" đối tượng được nói tới. Ví dụ:

+ *Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều*

(Xuân Diệu, *Vội vàng*)

+ *Thêm yêu Hà Nội vắng đầy cả em.*

(Tế Hanh, *Hà Nội vắng em*)

– Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện. Ví dụ:

+ *Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc*

(Hồ Xuân Hương, *Đèo Ba Dội*)

+ *Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái*

(Nguyễn Khuyến, *Thu vịnh*)

– Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập. Ví dụ:

+ *Vừa thoáng tiếng còi tàu*
Lòng đã Nam đã Bắc

(Xuân Quỳnh, *Sân ga chiều em đi*)

+ *Cột đèn rớm điện*
Là chiều Bích Câu

(Lê Đạt, *Chiều Bích Câu*)

Xét theo định hướng thực hành tiếng Việt của bài học, theo bạn, nguyên nhân của sự biến đổi nêu trên có thể là gì? Dựa vào bản in bài thơ năm 1939, hãy làm rõ sự sáng tạo trong cách sử dụng từ ngữ của nhà thơ ở điểm này.

– Bổ sung chức năng mới cho dấu câu (khi trình bày văn bản trên giấy). Ví dụ:

+ *Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ,*
Hoa bưởi thơm rồi: đêm đã khuya

(Xuân Diệu, *Buồn trăng*)

+ *Non xanh ngây cả buồn chiều,*
– Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia.

(Huy Cận, *Thu rừng*)

VIẾT

Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ

(Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm)

Từng nhiều lần thực hành viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ, bạn hẳn đã quen với một số thao tác viết cơ bản do kiểu bài đòi hỏi. Lần này, với việc xác định trọng tâm là tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ, bạn sẽ phải tìm hiểu sâu hơn về các khái niệm liên quan đã được giới thiệu ở phần Tri thức ngữ văn. Khi nói về cấu tứ, nhất thiết phải lí giải được những điều tạo nên tính chỉnh thể của tác phẩm. Khi nói về hình ảnh, cần phải làm nổi bật được tính chất của hệ thống hình ảnh cũng như cách tổ chức chúng theo sự chi phối của tứ thơ. Dĩ nhiên, những yếu tố đặc sắc khác của tác phẩm cũng cần được đề cập, tuỳ vào mạch viết của bài nghị luận.

Yêu cầu

- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, vị trí của bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ;...).
- Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài viết (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh).
- Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng khía cạnh cụ thể với những lí lẽ, bằng chứng xác đáng.
- Đánh giá được nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những khám phá mới về con người và cuộc sống.

Bài thơ "Tĩnh dạ tứ" của Lý Bạch

Nguyễn Thị Bích Hải[1]

Tĩnh dạ tứ

(Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh)

Phiên âm

Sàng tiền minh nguyệt quang,
Nghi thị địa thượng sương.
Cử đầu vọng minh nguyệt,
Đê đầu tư cố hương.

Dịch nghĩa

Ánh trăng sáng đầu giường,
Ngỡ là sương mặt đất.
Ngẩng đầu ngắm trăng sáng,
Cúi đầu nhớ cố hương.

Dịch thơ

Đầu giường ánh trăng rọi,
Ngỡ mặt đất phủ sương.
Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,
Cúi đầu nhớ cố hương.

(Tương Như dịch)

Đề bài thơ này có hai cách đọc "Tĩnh dạ tư" (Nỗi nhớ trong đêm thanh tĩnh) và "Tĩnh dạ tứ" (Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh), vì "tư" và "tứ" đều viết bằng một chữ. Nhưng dù đọc là "tư" hay "tứ" thì bài thơ cũng thuộc đề tài "nguyệt dạ tư hương" mà ta gặp trong thơ Đường.

Giới thiệu về bài thơ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

(1) *Nguyễn Thị Bích Hải*: sinh năm 1950, quê ở tỉnh Quảng Trị, là nhà giáo, nhà nghiên cứu văn học, dịch giả, chuyên gia về văn học Trung Quốc.

Đêm yên tĩnh trên đường lữ khách, tình quê hương ngổn ngang muôn lối; nhà thơ chớp lấy một cảm giác sai lạc (thố giác), tức cảnh sinh tình, viết nên một bài thơ tuyệt diệu. Toàn bài chữ nào cũng rõ ràng dễ hiểu, mà chữ nào cũng hàm ý sâu xa.

Nêu khái quát cấu tứ của bài thơ và định hướng phân tích, đánh giá.

Ánh trăng vào tận phòng cho biết đêm sâu. Nhận thấy ánh trăng rọi sáng đầu giường rõ ràng là người không ngủ. Ngay câu đầu tiên vừa xuống bút đã ngụ tâm tình thao thức. Ngỡ ánh sáng là sương cho thấy ánh sáng trắng và lạnh. Trắng là vì ánh trăng rất sáng, lạnh bởi đêm thu. Chữ "nghi" (ngỡ là) vẽ thần thái của nhà thơ đang mơ màng, chập chờn muốn ngủ mà không ngủ được, đã tỉnh mà chưa tỉnh hẳn.

Phân tích, đánh giá từng phần của bài thơ.

Cái sáng, cái lạnh đã lay tỉnh nhà thơ, khiến nhà thơ "cử đầu vọng minh nguyệt" nghĩa là nhà thơ đã tỉnh, đã hết ngỡ ngàng nên mới "ngẩng đầu ngắm trăng sáng". Nhưng động tác "ngẩng đầu" chỉ trong khoảnh khắc, vì thấy trăng như thấy "cố tri". Trong thơ cổ, trăng luôn là bạn của người viễn khách. Bởi vì trên đường lữ thứ, mọi cảnh vật, con người đều lạ, chỉ có vầng trăng là luôn quen thuộc, ở quê nhà hay đêm tha hương cũng chỉ một vầng trăng ấy. Thế cho nên thấy trăng như gặp lại người quen, thấy trăng mà sinh ra nỗi nhớ. Đó là tâm tình hết sức tự nhiên và cũng đủ biết nỗi nhớ luôn luôn tiềm ẩn trong tâm thức, chỉ cần một ánh trăng đủ gọi dậy vô vàn kỉ niệm.

Chú ý làm rõ tính khái quát của hình ảnh, chi tiết.

Trăng, đã nói là sáng, tất phải trăng tròn. Trăng viên mãn mà người xa cách, xúc cảnh sinh tình, nỗi nhớ quê nhà từ đó mà dấy lên. Thế tất câu kết phải là "tư cố hương". Ánh trăng làm xót xa lòng người, không nỡ lòng nào ngắm nữa. Ta cảm giác như nỗi nhớ quê nhà trĩu nặng đã khiến mái đầu cúi xuống.

Chủ đề của bài thơ là "tư hương" (nhớ quê) nhưng lại dành ba câu tả trăng; tuy tả trăng mà nỗi nhớ đã ẩn ở bên trong (thao thức, chập chờn). Đến khi nói được cái điều tâm niệm "tư cố hương" thì thơ liền dừng lại. Còn nhớ thế nào, nhớ những gì thì không cần nói nữa. Đó là chỗ nhà thơ dành cho độc giả tự tưởng tượng và chiêm nghiệm, vì ai mà chẳng từng nhớ quê.

Trong cuốn *Hồ lâu bút đàm*, Du Việt nói: "Dĩ vô tình ngôn tình tắc tình xuất, dĩ vô ý tả ý tắc ý chân" (Lấy cái vô tình nói tình thì tất tình hiện ra, lấy cái vô ý tả ý thì ý

Đánh giá chung.

chân thật)[1]. Ở đây "lấy cái vô tình" là dùng đến ba câu (trong khi cả bài thơ chỉ có bốn câu) để tả trăng. "Lấy cái vô ý" tức là động tác "cử đầu" và "đê đầu" đều như phản xạ tự nhiên, "vô ý", do sự "điều khiển" tự nhiên gần như vô thức.

Đó chính là tính chất tự nhiên, chân thực, đầy hàm ý của *Tĩnh dạ tứ*.

Kết luận.

(Nguyễn Thị Bích Hải, *Văn học châu Á trong trường phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 32 – 33)

1. Bài thơ *Tĩnh dạ tứ* đã được giới thiệu như thế nào?
2. Xác định trình tự, logic triển khai hệ thống ý trong bài viết.
3. Cấu tứ và tính chất khái quát của hình ảnh trong bài thơ đã được người viết đề cập ở đoạn nào, câu nào?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

– Cần chọn viết về những tác phẩm thơ có cấu tứ độc đáo và có hệ thống hình ảnh phong phú được xây dựng theo sự chi phối của tứ thơ, ngoài giá trị tạo hình còn gợi mở những tầng nghĩa sâu xa khác.

– Có thể viết về những bài thơ đã được tìm hiểu trong chính bài học này hoặc thuộc danh mục gợi ý tham khảo của thầy, cô.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Có thể tự đặt ra các câu hỏi xếp theo nhóm như sau để tìm ý:

Yêu cầu chung đối với việc bàn luận về tác phẩm thơ

– Bài thơ của ai, được sáng tác trong hoàn cảnh nào, xuất bản ở đâu, từng được đón nhận ra sao?

– Vấn đề chính sẽ bàn trong bài viết là gì? Những phương diện nào của bài thơ sẽ được đề cập?

– Ở từng phương diện nói trên, giá trị của bài thơ đã được thể hiện ra sao? Câu thơ, chi tiết, hình ảnh nào chứng tỏ điều đó? Có những kết quả nghiên cứu, phê bình nào đáng chú ý về vấn đề sẽ được triển khai ở bài viết?

---

[1] Chuyển dẫn từ sách *Cổ thi hải*, tr. 611 (chú thích của tác giả bài viết).

– Bài thơ đã tác động đến bạn như thế nào? Qua việc khám phá tác phẩm cụ thể này, bạn tích luỹ được kinh nghiệm gì về việc đọc một văn bản thơ nói chung?

Tìm hiểu, đánh giá cấu tứ của bài thơ

– Bài thơ đã hình thành và hoàn thiện dựa trên ý tưởng cơ bản nào? Điều gì đã làm cho ý tưởng ấy được thể hiện một cách sinh động?

– Có thể nêu nhận định khái quát gì về cấu tứ của bài thơ? Nhận định này có gì khác biệt so với những nhận định từng có và đã bao quát hết mọi yếu tố cấu thành của bài thơ chưa?

– Với cách cấu tứ đã nêu, bài thơ thể hiện được phát hiện riêng gì của nhà thơ về thế giới và con người?

Tìm hiểu, phân tích hệ thống hình ảnh trong bài thơ

– Bài thơ có những hình ảnh nào? Những hình ảnh đó có thể gợi cho người đọc ấn tượng, liên tưởng gì?

– Có thể nhìn nhận như thế nào về logic kết nối các hình ảnh trong bài thơ với nhau? Cái tứ của bài thơ đã chi phối điều này ra sao?

– Theo mạch triển khai của bài thơ, giữa các hình ảnh có sự vận động phát triển nào đáng chú ý?

– Có thể nói gì về những hàm nghĩa của các hình ảnh trong bài thơ? Sự chuyển hoá về ý nghĩa của các hình ảnh đã được thể hiện ra sao?

Lập dàn ý

Mở bài: Giới thiệu chung về bài thơ và xác định vấn đề sẽ được tập trung bàn luận trong bài viết.

Thân bài: Cần triển khai các ý:

– Cảm giác chung mà cấu tứ cùng những hình ảnh và cách diễn tả khác lạ trong bài thơ đã gợi cho người đọc.

– Sự khác biệt của bài thơ này so với các bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ (thực hiện những so sánh cần thiết để chỉ ra được sự khác biệt).

– Những khả năng hiểu (cắt nghĩa) khác nhau đối với một số yếu tố, hình ảnh trong bài thơ (cần nêu cụ thể).

– Điều được làm sáng tỏ qua việc đọc thăm dò và thử nghiệm các cách đọc khác nhau đối với bài thơ.

– Sự gợi mở về cách nhìn mới đối với thế giới và con người được đề xuất từ mạch ngầm văn bản bài thơ.

Kết bài: Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với việc đem lại cách nhìn, cách đọc mới cho độc giả.

Viết

– Dựa vào dàn ý đã lập để thực hiện bài viết. Khi cần, có thể đảo trật tự ý đã có hoặc bổ sung ý mới nảy sinh trong quá trình viết.

– Chú ý nêu những cách nhìn nhận khác nhau (nếu có) về cấu tứ của bài thơ trước khi trình bày ý kiến riêng. Có thể vẽ sơ đồ cấu tứ của bài thơ để người đọc dễ nhận biết.

– Khi nêu hàm nghĩa của các hình ảnh, chi tiết trong bài thơ, cần tránh cách diễn đạt mang tính khẳng định một chiều (vì hình ảnh thơ vốn đa nghĩa, có thể gợi những cách cảm nhận, lí giải khác nhau), nên dùng những từ thể hiện thái độ thận trọng khi nhận xét, bày tỏ cảm nhận riêng như *phải chăng*, *có thể hiểu (nghĩ) là*,...

Chỉnh sửa, hoàn thiện

– Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để thực hiện những sửa chữa, bổ sung cần thiết.

– Đặc biệt, cần xem lại những đoạn viết về cấu tứ của bài thơ, đảm bảo đã diễn đạt đúng cách hiểu của mình đối với vấn đề này.

– Soát lại các đoạn văn bản được trích dẫn nhằm xác nhận đã ghi đúng theo bản gốc.

– Khắc phục các lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp (nếu có). Chú ý viết tách khổ các câu, khổ, đoạn thơ được trích dẫn để tạo hiệu quả tích cực về mặt thị giác.

NÓI VÀ NGHE

Giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật

Yêu cầu

- Cung cấp được thông tin chung về tác phẩm nghệ thuật một cách sáng rõ, chính xác (tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, đánh giá của công chúng và các nhà chuyên môn,...).
- Nêu được lí do chọn giới thiệu tác phẩm.
- Trình bày được cảm nhận, quan điểm cá nhân của người nói về giá trị tác phẩm với các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; chủ động đặt câu hỏi để người nghe cùng tương tác và đối thoại.
- Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm nghệ thuật.

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

– Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ kết quả của hoạt động viết trước đó, nghĩa là có thể giới thiệu về chính bài thơ mà bạn đã chọn để viết bài phân tích, đánh giá. Cũng có thể giới thiệu về một tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác như bài hát (hay bản nhạc), bộ phim, bức tranh, bức tượng,...

– Để việc giới thiệu đạt hiệu quả tương tác tốt với người nghe, nên chọn tác phẩm nào từng được nhiều bạn trong lớp quan tâm; đặc biệt, về tác phẩm đó, người giới thiệu có thể tạo cho người nghe cơ hội được thấy, xem, nghe trực tiếp, dù chỉ qua các phiên bản, ảnh chụp hay qua các video clip sưu tầm được.

Tìm ý và sắp xếp ý

– Nếu chọn giới thiệu về bài thơ đã được bàn tới trong bài viết trước đó, cần rút gọn bài viết thành một dàn ý cho bài nói, đánh dấu những ý quan trọng sẽ trình bày, những bằng chứng minh hoạ sẽ nêu lên và phân tích (có thể điều chỉnh trình tự các ý đã được trình bày trong bài viết, sao cho mạch triển khai của bài nói được thông suốt).

– Nếu chọn giới thiệu về một tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác, cần hình thành hệ thống ý dựa trên việc trả lời các câu hỏi như: Tên của tác phẩm là gì? Tác giả là ai? Có thể thấy, xem, nghe tác phẩm ở đâu? Tác phẩm có đặc điểm gì về nội dung và hình thức? Câu chuyện, vấn đề, thông điệp được nêu hoặc toát ra từ tác phẩm là gì, từng được đón nhận như thế nào và có ý nghĩa ra sao? Tác phẩm đã đóng góp được điều gì cho đời sống nghệ thuật và đời sống tinh thần của cộng đồng?

– Toàn bộ những ý có được nhờ trả lời các câu hỏi trên nên được tổ chức theo bố cục: Nhận diện → Tìm hiểu → Đánh giá → Đề xuất thái độ, cách thức tiếp nhận phù hợp.

Thực hành nói

Bài nói phải đảm bảo kết cấu gồm ba phần với các yêu cầu chính về nội dung như sau:

– *Mở đầu*: Nêu tên tác phẩm được giới thiệu và lí do chọn giới thiệu tác phẩm đó.

– *Triển khai*: Miêu tả đặc điểm của tác phẩm (thể loại, tính chất, quy mô, dung lượng,...) và nêu nhận xét, đánh giá về tác phẩm theo các góc độ tiếp cận khác nhau.

– *Kết luận*: Khẳng định giá trị chung và ý nghĩa của tác phẩm.

Trao đổi, đánh giá

Người nói	Người nghe
– Làm rõ những điều người nghe muốn tìm hiểu thêm. – Trao đổi lại những điểm chưa thống nhất về ý kiến. – Thể hiện thái độ tiếp thu tích cực, cầu thị.	– Nêu những vấn đề muốn làm rõ hơn về tác phẩm. – Nêu quan điểm đánh giá khác về tác phẩm (trên tinh thần tranh luận). – Bổ sung thông tin về tác phẩm. – Góp ý với người nói về cách trình bày bài nói.

Tham khảo các nội dung được gợi ý trong bảng sau để tự đánh giá và đánh giá về bài nói:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Lựa chọn được tác phẩm nghệ thuật phù hợp để giới thiệu.		
2	Cung cấp được thông tin toàn diện về tác phẩm.		
3	Trình bày được ý nghĩa của việc giới thiệu tác phẩm.		
4	Thể hiện được những đánh giá xác đáng, có căn cứ về tác phẩm.		
5	Lựa chọn được cách giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm.		
6	Thực hiện được sự tương tác tích cực với người nghe.		

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Bài học đã đưa lại cho bạn những hiểu biết mới gì về thơ?

2. Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của nó có ý nghĩa như thế nào?

3. Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể gì? Hãy kể tên một số bài thơ có yếu tố tượng trưng mà bạn đã tìm đọc thêm.

4. Chọn phân tích một bài thơ hoặc một số câu thơ có yếu tố tượng trưng đã tạo cho bạn những ấn tượng sâu đậm.

5. Xây dựng dàn ý cho bài thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật tự chọn.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Đặc điểm thể loại và cấu tứ của bài thơ.
- Tính chất tượng trưng của các hình ảnh thơ.
- Suy ngẫm của tác giả về bản chất của thời gian, nghệ thuật, tình yêu và mối tương quan giữa chúng.

Thời gian

Văn Cao[1]

Thời gian qua kẽ tay
Làm khô những chiếc lá
Kỉ niệm trong tôi
Rơi
như tiếng sỏi
trong lòng giếng cạn

Riêng những câu thơ
còn xanh
Riêng những bài hát
còn xanh
Và đôi mắt em
như hai giếng nước.

Xuân Đinh Mão, 02/1987

(*Tuyển tập Văn Cao – Thơ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1994, tr. 106)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

(1) *Văn Cao* (1923 – 1995): tên khai sinh là Nguyễn Văn Cao, quê ở Nam Định (nay thuộc tỉnh Ninh Bình) nhưng sinh ra, lớn lên tại thành phố Hải Phòng và khởi đầu sự nghiệp sáng tác ở đây. Ông là nhạc sĩ, hoạ sĩ, nhà thơ; có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của nền tân nhạc Việt Nam. Tác phẩm *Tiến quân ca* do ông sáng tác được chọn làm Quốc ca của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (trước đây) và nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (hiện nay). Thơ của ông tuy số lượng không nhiều nhưng luôn thể hiện một phong cách nghệ thuật độc đáo, phần lớn được in trong các tập: *Lá* (1988), *Tuyển tập Văn Cao – Thơ* (1994), *Văn Cao – Tác phẩm thơ* (2013).

Bài 3

CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Yêu cầu cần đạt

- Phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.
- Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; vai trò của các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn.
- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).
- Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.
- Có thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Cấu trúc của văn bản nghị luận

Một văn bản nghị luận bao gồm nhiều thành tố: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,... Các thành tố đó được tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất.

Là thành tố có tính chất bao trùm, **luận đề** có chức năng định hướng việc triển khai các luận điểm. Các **luận điểm** trong văn bản nghị luận, với sự thống nhất của lí lẽ và bằng chứng, có nhiệm vụ làm rõ từng khía cạnh và thể hiện tính nhất quán của luận đề. Mối quan hệ có tính bản chất giữa các thành tố như vậy tạo nên cấu trúc đặc thù của **văn bản nghị luận**.

Yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận

Để tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, ngoài lí lẽ và bằng chứng, người viết còn có thể sử dụng một số **yếu tố bổ trợ** như: thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm,... **Thuyết minh** trong văn bản nghị luận có tác dụng giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận bàn trở nên xác thực. **Miêu tả** được dùng để tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan. **Tự sự** chủ yếu đảm nhiệm việc kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên. **Biểu cảm** giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục.

VĂN BẢN 1

Cầu hiền chiếu

(*Chiếu cầu hiền*(*))

Ngô Thì Nhậm

- *Có không ít câu chuyện thú vị về việc vua chúa hay lãnh đạo đất nước muốn chiêu mộ hiền tài ra gánh vác trọng trách quốc gia. Hãy chia sẻ một câu chuyện mà bạn biết.*
- *Trong công cuộc xây dựng đất nước, việc trọng dụng người tài có ý nghĩa như thế nào?*

Phần 1 nêu vấn đề gì?

1 Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần(1), người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy.

(*) *Hiền*: ở đây chỉ người có đức, có tài.

(1) *Bắc Thần*: sao Bắc Đẩu, tượng trưng cho ngôi vua.

2 Trước đây thời thế suy vi, trung châu[1] gặp nhiều biến cố, kẻ sĩ phải ở ẩn trong ngòi khe[2], trốn tránh việc đời, những bậc tinh anh trong triều đường phải kiêng dè không dám lên tiếng[3]. Cũng có kẻ gõ mõ canh cửa[4], cũng có kẻ ra biển vào sông[5], chết đuối trên cạn[6] mà không biết, dường như muốn lẩn tránh[7] suốt đời.

Dự đoán: Việc nêu thực trạng "trốn tránh việc đời" của kẻ sĩ dẫn đến ý gì sẽ được trình bày ở phần 3?

Nay trẫm đang ghé chiếu[8] lắng nghe, ngày đêm mong mỏi, nhưng những người học rộng tài cao chưa thấy có ai tìm đến. Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng? Hay đang thời đổ nát[9] chưa thể ra phụng sự vương hầu chăng?

3 Kìa như, trời còn tăm tối, thì đấng quân tử phải trổ tài. Nay đương ở buổi đầu của nền đại định, công việc vừa mới mở ra. Kỉ cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên đương phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại sức, mà đức hoá của trẫm chưa kịp nhuần thấm khắp nơi. Trẫm nơm nớp lo lắng, ngày một ngày hai vạn việc nảy sinh. Nghĩ cho kĩ thì thấy rằng: Một cái cột không thể đỡ nổi một căn nhà lớn, mưu lược một người không thể dựng nghiệp trị bình. Suy đi tính lại trong vòm trời này, cứ cái ấp mười nhà ắt phải có người trung thành tín nghĩa. Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn như thế này, há trong đó lại không có lấy một người tài danh nào ra phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trẫm hay sao?

Nhận xét về lí lẽ được sử dụng.

4 Chiếu này ban xuống, các bậc quan viên lớn nhỏ, cùng với thứ dân trăm họ, người nào có tài năng học thuật, mưu hay hơn đời, cho phép được dâng sớ tâu bày sự việc. Lời nói nào có thể chọn dùng được, thì cất nhắc không kể thứ bậc; chỗ nào không dùng được thì gác lại, không

Giữa lí lẽ trình bày ở các phần trước với kế hoạch thực thi được nêu ở phần 4 có mối liên hệ như thế nào?

---

(1) *Trung châu*: vùng đất trung tâm, thường được dùng với nghĩa chuyển, chỉ đất nước hoặc triều đình.

(2) *Ở ẩn trong ngòi khe*: nói về những người ở ẩn nơi hẻo lánh.

(3) *Kiêng dè không dám lên tiếng*: ở đây ý nói các quan trong triều đều giữ mình không dám nói thẳng.

(4) *Gõ mõ canh cửa*: chỉ người có chức vụ thấp.

(5) *Ra biển vào sông*: chỉ các ẩn sĩ mỗi người đi một phương.

(6) *Chết đuối trên cạn*: ý nói kẻ đi ở ẩn như người chết đuối trên cạn.

(7) *Lẩn tránh*: ý nói kẻ đi ở ẩn.

(8) *Ghé chiếu*: cách nói thể hiện sự khiêm tốn.

(9) *Thời đổ nát*: thời kì còn lộn xộn của một triều đại mới gây dựng.

vì lời nói sơ suất vu khoát[1] mà bắt tội. Còn người có nghề hay nghiệp giỏi, có thể cống hiến cho đời, thì cho phép các quan văn, quan võ được tiến cử, nhưng vẫn dẫn vào đợi ra mắt, tuỳ tài lục dụng[2]. Hoặc người nào từ trước đến nay tài năng còn bị che kín, chưa được người đời biết đến, thì cũng cho phép dâng sớ tự tiến cử, chớ hiềm vì mưu lợi mà phải bán rao.

Này! Trong khoảng trời đất, hiền tài còn ẩn náu, trước đây thì nên như thế. Nay trời trong sáng, đất thanh bình, chính là lúc người hiền gặp hội gió mây, những ai có tài có đức hãy cùng cố gắng lên, ghi tên tại triều đình, cùng nhau cung kính, cùng nhau hưởng phúc lành tôn vinh.

Ý nghĩa của lời khuyến dụ.

Vậy bố cáo gần xa để mọi người đều biết.

(*Ngô Thì Nhậm toàn tập*, tập II, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, in trong *Ngữ văn 11*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010, tr. 68 – 70)

Ngô Thì Nhậm (1746 – 1803) hiệu là Hy Doãn, người làng Tả Thanh Oai (làng Tó), huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc thành phố Hà Nội). Năm 1775, ông đỗ tiến sĩ, từng được chúa Trịnh giao cho giữ chức Đốc đồng trấn Kinh Bắc. Năm 1788, khi chế độ Lê – Trịnh sụp đổ, Ngô Thì Nhậm theo phong trào Tây Sơn, được vua Quang Trung phong làm Lại bộ Tả thị lang, sau thăng chức Binh bộ Thượng thư. Ông là người có công lớn đối với triều đại Tây Sơn: thu phục nhiều cựu thần nhà Lê ra cộng tác với nhà Tây Sơn; hỗ trợ dắc lực cho cuộc tiến quân của vua Quang Trung ra Bắc đánh bại quân Thanh xâm lược; phụ trách việc bang giao với nhà Thanh; soạn thảo nhiều văn kiện quan trọng cho triều đại Tây Sơn;...

Sau khi vua Quang Trung thiết lập triều đại mới, các sĩ phu Bắc Hà – những người vốn gắn bó với triều đại cũ (Lê – Trịnh) – chưa thực sự đồng lòng ủng hộ. Có nhiều người còn tỏ thái độ bất hợp tác. Trước tình hình đó, Quang Trung đã đưa ra chính sách thu phục nhân tâm, chiêu mộ hiền tài ra giúp vua xây dựng đất nước. Vua Quang Trung đã giao cho Ngô Thì Nhậm thay mình viết ***Cầu hiền chiếu*** (vào khoảng năm 1788 – 1789) nhằm thuyết phục sĩ phu Bắc Hà, tức là các trí thức của triều đại cũ, ra làm việc cho triều đại Tây Sơn.

[1] *Vu khoát*: viển vông, không thiết thực.

[2] *Lục dụng*: ghi lại (tên tuổi) để sử dụng.

1. *Cầu hiền chiếu* được ban bố với lí do và mục đích gì?
2. Văn bản hướng tới đối tượng nào trong xã hội lúc bấy giờ? Khi vâng mệnh vua Quang Trung soạn chiếu này, Ngô Thì Nhậm đối diện với những khó khăn gì trong việc thuyết phục các đối tượng đó ra gánh vác việc nước?
3. Văn bản có mấy phần? Phân tích mối quan hệ giữa nội dung các phần.
4. Nghệ thuật lập luận thể hiện như thế nào qua việc dùng lí lẽ và bằng chứng, phối hợp với các yếu tố biểu cảm, thuyết minh?
5. Theo bạn, điều gì tạo nên sức thuyết phục của *Cầu hiền chiếu*?
6. Viết *Cầu hiền chiếu* trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt, tác giả đã gửi gắm khát vọng lớn lao nào đối với đất nước?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của bạn về ý kiến: *Người có tài cần phát huy tài năng của mình để đóng góp cho cộng đồng.*

VĂN BẢN 2

Tôi có một ước mơ(*)

(Trích *Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri – Montgomery*)

Mác-tin Lu-thơ Kinh (Martin Luther King)

- *Trong lịch sử của dân tộc, có những trường hợp một văn kiện chính trị lại trở thành áng văn chương có sức lay động lớn. Bạn hãy kể tên một vài tác phẩm như vậy.*
- *Nhiều nhân vật lịch sử đã thể hiện niềm ước mơ về hạnh phúc cho nhân dân, bình yên cho đất nước trong những câu thơ, câu văn hoặc những lời phát biểu đầy tâm huyết. Bạn hãy nêu một ví dụ cụ thể để chứng minh ý kiến trên.*

(*) Nhan đề tiếng Anh: *I Have a Dream*. Có dịch giả đã chuyển ngữ là: *Tôi có một giấc mơ*.

Tôi rất vui được tham gia cùng các bạn ngày hôm nay vào cuộc biểu tình cho tự do như là một sự kiện tuyệt vời nhất sẽ đi vào lịch sử đất nước của chúng ta.

Xác định mục đích hướng tới của tác giả ở bài diễn văn này.

Cách đây một thế kỉ, có một người Mỹ vĩ đại, người mà chúng ta đang đứng dưới bóng tượng của ông hôm nay đã kí *Tuyên ngôn Giải phóng Nô lệ*[1]. Sắc lệnh quan trọng ấy đã trở thành ngọn hải đăng của hi vọng đối với hàng triệu người nô lệ da đen vốn đang bị thiêu rụi bởi ngọn lửa bất công đáng khinh miệt. Nó đến như một ánh bình minh hạnh phúc xoá tan màn đêm đoạ đày.

Ý nghĩa của việc dẫn ra văn kiện lịch sử nổi tiếng của nước Mỹ là gì?

Nhưng một trăm năm sau, người da đen vẫn chưa được tự do. Một trăm năm sau, cuộc sống của người da đen vẫn bị trói trong gông cùm xiềng xích của sự phân biệt chủng tộc và kì thị một cách đáng buồn. Một trăm năm sau, người da đen vẫn phải sống cô đơn trên hòn đảo nghèo đói giữa một đại dương mênh mông thịnh vượng về vật chất. Một trăm năm sau, người da đen vẫn gầy mòn trong những ngóc ngách của xã hội Mỹ và phải tìm cách tị nạn ngay trên chính quê hương của mình. Để rồi chúng ta đã phải đến đây ngày hôm nay để thể hiện bức xúc về tình trạng đáng xấu hổ này.

[...] Chúng ta cũng đến nơi thiêng liêng này để nhắc nhở nước Mỹ về tính cấp bách của thời khắc Ngay Bây Giờ. Đây không còn là lúc để lẩn tránh trong sự xoa dịu xa xỉ hay trong những liều thuốc an thần rằng mọi việc sẽ từ từ thay đổi. Đây là lúc chân thật hoá những lời hứa dân chủ. Đây là lúc chúng ta giải thoát khỏi bóng đêm và cái thung lũng hoang tàn của sự phân biệt chủng tộc để bước lên con đường chan hoà ánh nắng của sự bình đẳng về chủng tộc. Giờ đây đã là lúc cần mang đất nước ra khỏi vùng cát lún của sự bất công phân biệt chủng tộc đến tảng đá vững chắc của tình anh em. Đây là lúc hiện thực hoá công lí cho tất cả những người con của Tạo Hoá. Sẽ rất tai hại cho đất nước nếu phớt lờ vấn đề cấp bách ở thời điểm này. Mùa hè ngột ngạt của người da đen với sự bất mãn chính đáng sẽ không đi qua cho đến khi có làn gió thu của tự do và

Theo dõi cách tác giả nói về thời điểm cần thiết để đòi công lí.

---

(1) *Tuyên ngôn Giải phóng Nô lệ*: văn bản hành pháp do Tổng thống A-bra-ham Lin-côn (Abraham Lincoln) ban hành lần đầu ngày 22/9/1862, chính thức được kí và có hiệu lực ngày 01/01/1863, tuyên bố trả tự do cho tất cả nô lệ da đen thuộc các bang của nước Mỹ.

bình đẳng mát mẻ thổi đến. Năm 1963 chưa phải là năm kết thúc, mà là năm khởi đầu. Với những ai đang hi vọng rằng người da đen chỉ cần xả bớt sự bức xúc đến lúc này đã thấy thoả mãn thì sẽ phải bàng hoàng tỉnh giấc nếu như đất nước quay lại như cũ, mọi việc đâu lại vào đấy cả. Và sẽ không có sự bình yên hay ngơi nghỉ ở nước Mỹ cho đến khi người da đen được công nhận quyền công dân của mình. Những cuộc nổi dậy như những cơn lốc sẽ tiếp tục rung lắc nền móng của đất nước chúng ta cho đến ngày tươi sáng khi công lí chiếu rọi.

Và có một điều tôi phải nhắc với chiến hữu của tôi, những người đang đứng trước ngưỡng cửa gần đến lâu đài công lí, rằng trong quá trình lấy lại cương vị đúng đắn của mình, chúng ta đừng phạm lỗi bởi hành động sai trái. Đừng tìm cách thoả mãn cơn khát tự do bằng những chén hận thù và cay đắng. Chúng ta phải luôn luôn tranh đấu với nguyên tắc và lòng tự trọng cao. Chúng ta không được phép để cuộc phản kháng sáng tạo của chúng ta nhuốm màu bạo lực. Lúc nào cũng vậy, chúng ta phải tiến lên uy nghi với cả sức mạnh vật chất và tâm hồn.

Chú ý quan điểm đấu tranh của tác giả.

Đừng để tinh thần chiến đấu kì diệu vừa phôi thai đã sục sôi trong cộng đồng người da đen làm chúng ta ngờ vực tất cả người da trắng, bởi rất nhiều người anh em da trắng minh chứng bằng sự hiện diện ở đây ngày hôm nay rằng họ đã nhận thức rõ vận mệnh của họ và của ta gắn liền với nhau, rằng tự do của họ liên quan đến tự do của ta.

Chúng ta không thể bước đi đơn độc, và trong khi bước đi, chúng ta phải thề rằng sẽ luôn tiến về phía trước. Chúng ta không thể quay lại. Có người hỏi những người hoạt động dân quyền rằng: "Bao giờ bạn hài lòng?". Chúng ta không bao giờ hài lòng khi người da đen vẫn còn là nạn nhân của sự tàn bạo ghê rợn không tả xiết của cảnh sát.

Chúng ta làm sao có thể hài lòng khi tấm thân nặng quần mệt mỏi vì hành trình xa xôi vẫn không thuê được phòng nghỉ ngơi trên xa lộ cao tốc hay khách sạn trong thành phố. Chúng ta không thể hài lòng khi người da đen chưa được tự do di chuyển mà chỉ từ biệt khu nhỏ đến biệt khu lớn dành riêng. Chúng ta sẽ không hài lòng khi con cháu của chúng ta bị tước đi nhân phẩm và đoạt mất chân giá trị của mình bởi tấm bảng ghi: "Chỉ dành cho người da trắng". Chúng ta sẽ không hài lòng khi một người da đen ở Mi-xi-xi-pi (Mississippi) không được quyền bầu cử, và khi người da đen ở Niu Óóc (New York) không cảm thấy có lí do gì để bầu.

Qua cách diễn đạt và đưa bằng chứng, tác giả đã thể hiện thái độ và tình cảm của mình như thế nào?

Không, không, chúng ta không thể hài lòng, và chúng ta sẽ không thể hài lòng khi công lí chưa như mưa giăng khắp nơi và chính nghĩa chưa như dòng sông chảy mạnh. Tôi không phải vô tri không hiểu rằng có những bạn phải vượt qua nhiều gian nan và thử thách để đến được đây. Có những người chỉ vừa mới bước ra khỏi cửa xà lim chật hẹp. Có những người đến từ những nơi mà trên con đường tìm tự do đã phải lao đao vì các cuộc tấn công đàn áp hung bạo từ cảnh sát. Từ khổ đau các bạn đã trở thành những người tranh đấu kì cựu và sáng tạo. Bạn vẫn tiếp tục với niềm tin rằng khổ đau sẽ có ngày được đền đáp.

Hãy về lại Mi-xi-xi-pi, về lại A-la-ba-ma (Alabama), về lại Nam Ca-rô-lai-na (Carolina), Gioóc-gia (Georgia), Lu-ít-xi-a-na (Louisiana) và về lại khu ổ chuột, biệt khu của người da đen ở thành phố phương bắc và tin rằng bằng cách nào đó tình hình có thể và sẽ thay đổi. Đừng đắm chìm sâu trong tuyệt vọng. Ngày hôm nay, tôi xin chia sẻ với các bạn của tôi rằng dù hiện tại hay tương lai phải đối diện với nhiều chướng ngại, tôi vẫn có một ước mơ. Đó là ước mơ bền chặt tha thiết lẫn trong ước mơ của nước Mỹ. Tôi mơ rằng một ngày kia đất nước của chúng ta sẽ vươn lên và sống đúng ý nghĩa với niềm tin rằng: "Con người sinh ra vốn bình đẳng, điều chúng ta tin là sự thật hiển nhiên"[1].

Chú ý ngôn ngữ và giọng điệu của tác giả khi thể hiện niềm tin và ước mơ.

Tôi mơ rằng một ngày kia trên những ngọn đồi đỏ rực ở Gioóc-gia, con cháu của những người nô lệ năm xưa cùng con cháu của các chủ nô ngày trước sẽ có thể ngồi bên nhau quanh chiếc bàn của tình huynh đệ.

Tôi mơ rằng một ngày kia, dù bang Mi-xi-xi-pi ngột ngạt bởi cái nóng của sự bất công và đàn áp cũng sẽ biến thành ốc đảo của tự do và công lí.

Tôi mơ rằng sẽ có một ngày bốn đứa con nhỏ của mình được sống trong một quốc gia, nơi chúng không bị đánh giá bởi màu da mà bởi phẩm cách của chúng.

Biện pháp tu từ nào được tác giả sử dụng nhằm tác động mạnh đến người đọc, người nghe?

Vâng, hôm nay tôi có một ước mơ!

[...] Đó là hi vọng của chúng ta và cũng là niềm tin tôi sẽ mang theo khi hướng về Nam. Với niềm tin ấy, chúng ta sẽ đập nát núi tuyệt vọng thành từng viên đá hi vọng. Với niềm tin ấy, chúng ta sẽ biến những nốt nhạc bất hoà của đất nước thành bản

[1] Trích *Tuyên ngôn Độc lập*, được Quốc hội Mỹ ban hành ngày 04/7/1776.

hoà âm tuyệt đẹp của tình anh em. Với niềm tin ấy, chúng ta cùng lao khổ, cùng cầu nguyện, cùng đấu tranh, cùng đi tù, cùng đứng lên vì tự do, biết chắc rằng một ngày chúng ta sẽ thành công. Và đó sẽ là ngày khi tất cả người con của Tạo Hoá có thể cùng hoà chung bài ca với hàm nghĩa mới: "Tổ quốc tôi, xin hát về Người, miền đất thân thương tự do, xin hát về Người, mảnh đất nơi cha ông đã nằm xuống, hành hương đến với niềm tự hào, từ mọi triền núi, ngân vang lời ca tự do.". Và để nước Mỹ trở thành một quốc gia vĩ đại, thì điều này phải trở thành sự thật. Thế nên hãy để tự do ngân vang từ những đỉnh đồi của Niu Hem-sơ (New Hampshire) uy nghi. Hãy để tự do ngân vang từ những ngọn núi hùng vĩ của Niu Óoc. Hãy để tự do ngân vang trên dãy A-lơ-ghe-ni (Allegheny) của Pen-xô-vây-ni-a (Pennsylvania). Hãy để tự do ngân vang trên đỉnh núi dãy Róc-ki (Rockies) phủ tuyết của Cô-lô-ra-đô (Colorado). Hãy để tự do ngân vang trên những triền dốc mượt mà của Ca-li-pho-ni-a (California). Và không chỉ thế, hãy để tự do ngân vang từ Xtôn Mao-thờn (Stone Mountain) của Gioóc-gia. Hãy để tự do ngân vang từ Lúc-ao Mao-thờn (Lookout Mountain) của Ten-nơ-xi (Tennessee).

Hãy để tự do ngân vang trên từng triền đồi lớn nhỏ ở Mi-xi-xi-pi. Từ bất cứ triền núi nào, hãy để tự do ngân vang! Và khi điều đó xảy ra, khi chúng ta chịu để cho tự do ngân vang, từ mọi ngôi làng và thôn xóm, từ mỗi bang và mỗi thành phố là chúng ta đã tiến gần đến ngày tất cả mọi người con của Tạo Hoá dù da đen hay da trắng, tín đồ đạo Do Thái hay không, Công giáo hay Tin Lành, cùng nắm tay hát lời ca cũ thiêng liêng của người da đen:

Bạn có ấn tượng, cảm xúc gì về đoạn kết?

"Tự do cuối cùng đã đến! Tự do cuối cùng đã đến! Tạ ơn Đức Chúa Đấng Tạo Hoá Toàn Năng, cuối cùng chúng ta đã được tự do!".

(Mác-tin Lu-thơ Kinh, *Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri*,
Phạm Hải Quỳ – Lâm Võ Minh Quân – Ngọc Quỳnh –
Phương Thuỳ – Nguyễn Hoàng Nhật Minh dịch,
NXB Đà Nẵng – Công ti TNHH Domino Books, 2020, tr. 295 – 301)

Mác-tin Lu-thơ Kinh (1929 – 1968) là mục sư, nhà hoạt động nhân quyền người Mỹ gốc Phi. Ông là một trong những nhà lãnh đạo có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ cũng như lịch sử đương đại của phong trào đấu tranh bất bạo động. Mác-tin Lu-thơ Kinh được nhiều người trên khắp thế giới ngưỡng mộ như anh hùng, nhà kiến tạo hoà bình và hi sinh cho lí tưởng cao cả.



Mác-tin Lu-thơ Kinh
Nguồn: wikipedia.org

Năm 1964, Mác-tin Lu-thơ Kinh là nhân vật trẻ tuổi nhất được chọn để trao giải Nô-ben (Nobel) Hoà bình cho những nỗ lực chấm dứt nạn kì thị chủng tộc với quan điểm và các biện pháp đấu tranh vì hoà bình và bình đẳng.

Tôi có một ước mơ là nhan đề bài diễn văn nổi tiếng nhất của Mác-tin Lu-thơ Kinh, được ông phát biểu trên bậc thềm của đài tưởng niệm Tổng thống Lin-côn trong cuộc tuần hành ủng hộ phong trào đòi quyền công dân diễn ra vào ngày 28/8/1963. Với tài hùng biện, ông nói về ước mơ cho tương lai của nước Mỹ, khi người da trắng và người da đen có thể chung sống bình đẳng.

Tôi có một ước mơ của Mác-tin Lu-thơ Kinh cho đến nay vẫn được xem là một trong những bài diễn văn xuất sắc nhất trong lịch sử nước Mỹ. Những lời lẽ lay động lòng người của ông đã góp phần gây áp lực, buộc Quốc hội Mỹ thông qua Đạo luật Dân quyền năm 1964 dưới thời Tổng thống Lin-đơn Bai-nơ Giôn-xơn (Lyndon Baines Johnson), quy định cấm phân biệt chủng tộc trên khắp nước Mỹ.

1. Vấn đề trọng tâm được đề cập ở văn bản *Tôi có một ước mơ* là gì?

2. Chỉ ra các luận điểm được tác giả triển khai trong văn bản.

3. Phân tích cách tác giả dùng lí lẽ và bằng chứng để trình bày quan điểm của mình nhằm thuyết phục người nghe, người đọc.

4. Trong đoạn kết của văn bản, tác giả đã bộc lộ ước mơ gì? Hình ảnh "tự do ngân vang từ những đỉnh đồi [...] ngọn núi" có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện ý tưởng và cảm xúc của tác giả?

5. Hãy chỉ ra và phân tích hiệu quả của các biện pháp tu từ (điệp ngữ, ẩn dụ,...) đã được tác giả sử dụng.

6. Nhận xét về thái độ, tình cảm của tác giả đối với nước Mỹ qua văn bản.

7. Theo bạn, quan điểm và ước mơ của tác giả được thể hiện trong văn bản đến nay còn có ý nghĩa không? Hãy lí giải ý kiến của bạn.

8. Từ bài diễn văn *Tôi có một ước mơ*, bạn rút ra được bài học gì trong việc tạo lập một văn bản nghị luận giàu sức thuyết phục?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày điều bạn thấy tâm đắc khi đọc văn bản *Tôi có một ước mơ*.

VĂN BẢN 3

Một thời đại trong thi ca

(Trích *Thi nhân Việt Nam 1932 – 1941*)

Hoài Thanh

- *Có bao giờ bạn băn khoăn khi phải phân biệt cái mới với cái cũ? Hãy chia sẻ trải nghiệm của mình.*
- *Bạn hãy lựa chọn và so sánh một bài thơ thuộc phong trào Thơ mới với một bài thơ thuộc thời kì trung đại để tìm ra những điểm khác biệt.*

[...] Bây giờ hãy đi tìm cái điều ta cho là quan trọng hơn: tinh thần thơ mới.

Chú ý vấn đề được nêu để bàn luận.

Giá các nhà thơ[1] cứ viết những câu như hai câu vừa trích trên này[2] thì tiện cho ta biết mấy. Nhưng chính Xuân Diệu còn viết:

Người giai nhân: bến đợi dưới cây già;
Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt.

Cái khó khi phân biệt rạch ròi thơ mới – thơ cũ là gì?

Và một nhà thơ cũ[3] tả cảnh thu lại có những câu nhí nhảnh và lả lơi:

Ô hay! Cảnh cũng ưa người nhỉ!
Ai thấy ai mà chẳng ngẩn ngơ?

Giá trong thơ cũ chỉ có những trần ngôn sáo ngữ[4], những bài thơ chúc tụng, những bài thơ vịnh hết cái này đến cái nọ, mà các nhà thơ mới lại chỉ làm những bài kiệt tác thì cũng tiện cho ta biết mấy. Khốn nỗi, cái tầm thường, cái lố lăng chẳng phải của riêng một thời nào, và muốn hiểu tinh thần thơ cho đúng đắn, phải sánh bài hay với bài hay vậy.

Tiêu chí nào được nêu để phân biệt thơ mới – thơ cũ?

(1) Tức là các nhà thơ mới (nghĩa trong văn bản).

(2) Ý nói hai câu thơ của Xuân Diệu: "Hôm nay tôi đã chết trong người/ Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi".

(3) Có thể là Bà Huyện Thanh Quan hoặc Hồ Xuân Hương (theo những nguồn tài liệu khác nhau).

(4) *Trần ngôn sáo ngữ*: thành ngữ chỉ loại ngôn từ cũ kĩ, mòn, nhàm, thiếu cá tính, không còn phù hợp với hiện tại.

Âu là ta đành phải nhận rằng trời đất không phải dựng lên cùng một lần với thế hệ chúng ta. Hôm nay đã phôi thai từ hôm qua và trong cái mới vẫn còn rớt lại ít nhiều cái cũ. Các thời đại vẫn liên tiếp cùng nhau và muốn rõ đặc sắc mỗi thời phải nhìn vào đại thể.

Chú ý cách lập luận của tác giả.

Cứ đại thể thì tất cả tinh thần thời xưa – hay thơ cũ – và thời nay – hay thơ mới – có thể gồm lại trong hai chữ *tôi* và *ta*. Ngày trước là thời chữ *ta*, bây giờ là thời chữ *tôi*. Nói giống nhau thì vẫn có chỗ giống nhau như chữ *tôi* vẫn giống chữ *ta*. Nhưng chúng ta hãy tìm những chỗ khác nhau.

Ngày thứ nhất – ai biết đích ngày nào – chữ *tôi* xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bỡ ngỡ. Nó như lạc loài nơi đất khách. Bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân. Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân. Chỉ có đoàn thể: lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình. Còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả. Cũng có những bậc kì tài xuất đầu lộ diện. Thảng hoặc họ cũng ghi hình ảnh họ trong văn thơ. Và thảng hoặc trong văn thơ họ cũng dùng đến chữ *tôi* để nói chuyện với người khác. Song dầu táo bạo đến đâu họ cũng không một lần nào dám dùng chữ *tôi* để nói chuyện với mình, hay – thì cũng thế – với tất cả mọi người. Mỗi khi nhìn vào tâm hồn họ hay đứng trước loài người mênh mông, hoặc họ không tự xưng[1], hoặc họ ẩn mình sau chữ *ta*, một chữ có thể chỉ chung nhiều người. Họ phải cầu cứu đoàn thể để trốn cô đơn. Chẳng trách gì tác phẩm họ vừa ra đời, đoàn thể đã dành làm của chung, lắm khi cũng chẳng thèm ghi tên của họ. Ở phương Tây, nhất là từ khi có đạo Thiên Chúa, không bao giờ cá nhân lại bị rẻ rúng đến thế.

Tình trạng "cái tôi" khi mới xuất hiện trong văn học Việt Nam.

Bởi vậy cho nên, khi chữ *tôi*, với *cái nghĩa tuyệt đối của nó*, xuất hiện giữa thi đàn Việt Nam, bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu. Nó cứ luôn luôn đi theo những chữ *anh*, chữ *bác*, chữ *ông* đã thấy chướng. Huống bây giờ nó đến một mình!

Nhưng, ngày một ngày hai, nó mất dần cái vẻ bỡ ngỡ. Nó được vô số người quen. Người ta lại còn thấy nó đáng thương. Mà thật nó tội nghiệp quá!

---

[1] Suốt trong "khúc tự tình" của Cao Bá Nhạ dài 538 câu, chữ *tôi* không có đã đành, mà cũng không có lấy một chữ *ta* (chú thích của Hoài Thanh).

Thi nhân ta cơ hồ đã mất hết cái cốt cách hiên ngang ngày trước. Chữ *ta* với họ to rộng quá. Tâm hồn của họ chỉ vừa thu trong khuôn khổ chữ *tôi*. Đừng có tìm ở họ cái khí phách ngang tàng của một thi hào đời xưa như Lý Thái Bạch, trong trời đất chỉ biết có thơ. Đến chút lòng tự trọng cần để khinh cảnh cơ hàn, họ cũng không có nữa:

Nỗi đời cay cực đang giơ vuốt,
Cơm áo không đùa với khách thơ.

Không biết trong khi rên rỉ như thế Xuân Diệu có nghĩ đến Nguyễn Công Trứ, một người đồng quận, chẳng những đã đùa cảnh nghèo mà còn lấy cảnh nghèo làm vui[1].

Nhưng ta trách gì Xuân Diệu! Xuân Diệu, nhà thơ đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại, chỉ nói cái khổ sở, cái thảm hại của hết thảy chúng ta.

Những biểu hiện khác nhau của "cái tôi" trong Thơ mới.

Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ *tôi*. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận.

Cả trời thực, trời mộng vẫn nao nao theo hồn ta.

Thực chưa bao giờ thơ Việt Nam buồn và nhất là xôn xao như thế. Cùng lòng tự tôn, ta mất luôn cả cái bình yên thời trước.

Thời trước, dầu bị oan khuất như Cao Bá Nhạ, dầu bị khinh bỏ như cô phụ trên bến Tầm Dương[2], vẫn còn có thể nương tựa vào một cái gì không di dịch. Ngày nay lớp thành kiến phủ trên linh hồn đã tiêu tan cùng lớp hoa hoè phủ trên thi tứ. Phương Tây đã giao trả hồn ta lại cho ta. Nhưng ta bàng hoàng vì nhìn vào đó ta thấy thiếu một điều, một điều cần hơn trăm nghìn điều khác: một lòng tin đầy đủ.

Ý nghĩa của "cái tôi" trong Thơ mới.

Đó, tất cả cái bi kịch đương diễn ngấm ngầm, dưới những phù hiệu dễ dãi, trong hồn người thanh niên.

---

[1] Ý nói tới một số câu thơ, phú trong các bài *Vui cảnh nghèo* và *Hàn Nho phong vị phú* (Bài phú về phong vị cuộc sống của nhà Nho nghèo):
- "Tin xuân đã có cành mai đó
  Chẳng lịch song mà cũng biết giêng".
- "Ngày ba bữa vỗ bụng rau bình bịch, người quân tử ăn chẳng cầu no
  Đêm năm canh an giấc ngáy kho kho, đời thái bình cửa thường bỏ ngỏ".

[2] *Cô phụ trên bến Tầm Dương*: người ca nữ trong *Tì bà hành* của Bạch Cư Dị.

Bi kịch ấy họ gửi cả vào tiếng Việt. Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tấm hồn bạch[1] chung để gửi nỗi băn khoăn riêng.

Nhưng do đó trong thất vọng sẽ nảy mầm hi vọng.

Chưa bao giờ như bây giờ họ hiểu câu nói can đảm của ông chủ báo *Nam Phong*: "*Truyện Kiều* còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn".

Chú ý cách sử dụng các biện pháp tu từ trong lời văn nghị luận.

Chưa bao giờ như bây giờ họ cảm thấy tinh thần nòi giống cũng như các thể thơ xưa chỉ biến thiên chứ không sao tiêu diệt.

Chưa bao giờ như bây giờ họ thấy cần phải tìm về dĩ vãng để vin vào những gì bất diệt đủ bảo đảm cho ngày mai.

Tháng 11/1941

(Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam 1932 – 1941*, in trong *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2020, tr. 103 – 107)

Hoài Thanh (1909 – 1982), tên khai sinh là Nguyễn Đức Nguyên, quê ở tỉnh Nghệ An.

Hoài Thanh là nhà phê bình văn học xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại, là tác giả của nhiều tác phẩm có giá trị như: *Văn chương và hành động* (viết chung với Lê Tràng Kiều và Lưu Trọng Lư, 1936), *Thi nhân Việt Nam 1932 – 1941* (viết chung với Hoài Chân, 1942), *Có một nền văn hoá Việt Nam* (1946), *Quyền sống của con người trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du* (1949), *Phê bình và tiểu luận* (3 tập – 1960, 1965, 1971), *Chuyện thơ* (1978),... Năm 2000, Hoài Thanh được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.



Hoài Thanh
Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

Một thời đại trong thi ca là tiểu luận mở đầu cuốn *Thi nhân Việt Nam 1932 – 1941*. Công trình này mang tính chất của một bản "tổng kết" về phong trào Thơ mới ngay trong thời kì phát triển đỉnh cao của nó. Từ việc xác định các hiện tượng cột mốc, mô tả quá trình phát triển, Hoài Thanh đã nhận diện một chặng đường mới của thi ca Việt Nam, lí giải những nguyên nhân, chỉ ra các khuynh hướng, gọi tên các phong cách và chỉ rõ cái "tôi" cá nhân chính là "tinh thần Thơ mới", sự thức tỉnh của cái "tôi" cá nhân trong Thơ mới đã làm nên một thời đại mới của thơ ca Việt Nam.

[1] *Hồn bạch*: tấm lụa hay vải được kết lại thành hình người có đầu, có chân tay đắp vào người sắp chết. Trong nghi thức dân gian, hồn bạch được coi như linh hồn người chết, đưa lên bàn thờ và rước theo quan tài khi đưa tang.

1. Để làm sáng tỏ luận đề "tinh thần thơ mới", Hoài Thanh đã nêu lên những luận điểm nào? Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm đó.
2. Ở phần đầu văn bản, tác giả đưa ra các tiêu chí so sánh thơ cũ – thơ mới nhằm mục đích gì?
3. Hãy nhận xét cách diễn giải về "cái tôi" của Hoài Thanh trong văn bản (đặc biệt chú ý đoạn: "Đời chúng ta [...] cùng Huy Cận").
4. Phân tích cách sử dụng bằng chứng trong nghệ thuật lập luận của Hoài Thanh được thể hiện qua văn bản.
5. Hãy chỉ ra và phân tích giá trị đặc sắc của những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng ở cuối văn bản.
6. Qua văn bản, bạn hiểu được những gì về phong trào Thơ mới và lối văn phê bình của Hoài Thanh?

Kết nối đọc – viết

Hoài Thanh cho rằng: Các nhà thơ của phong trào Thơ mới đã "dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt". Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về ý kiến này.

Thực hành tiếng Việt

Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (tiếp theo)

1. Hãy tìm trong các bài viết của mình hoặc bạn bè một số trường hợp diễn đạt "giống văn nói" và đề xuất cách chỉnh sửa.

2. Tìm trong văn bản *Chí Phèo* những đoạn có sự cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

Những lưu ý trong việc sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

Tuỳ hoàn cảnh và mục đích giao tiếp, chúng ta có thể sử dụng ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết. Nhưng nếu đã sử dụng ngôn ngữ ở dạng nào thì cần đảm bảo sự nhất quán trong cách dùng từ ngữ, đặt câu phù hợp với dạng đó. Tình trạng lạc phong cách (dùng các phương tiện đặc trưng của ngôn ngữ nói cho văn bản viết và ngược lại) là điều cần tránh, ví dụ như trường hợp dưới đây:

Chí Phèo *là truyện ngắn đỉnh nhất của Nam Cao. Tác phẩm đã miêu tả quá ư chân thực tâm lí của người nông dân trong xã hội cũ.*

Trong ví dụ trên, người viết đã mắc lỗi phong cách khi sử dụng những từ ngữ mang đậm tính khẩu ngữ: "đỉnh", "quá ư".

3. Chọn một cảnh có hội thoại trong một bộ phim hoặc một chương trình trên truyền hình và nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện trong cảnh đó. Hãy đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói ở ví dụ mà bạn đã chọn.

4. Thể hiện nội dung của hội thoại được chọn ở bài tập 3 bằng ngôn ngữ viết và nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp.

5. Phân tích những ưu thế và giới hạn của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

Trong tác phẩm truyện, sự mô phỏng, tái tạo ngôn ngữ nói bằng ngôn ngữ viết là một đối tượng khảo sát, nghiên cứu thú vị. Sự cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong văn bản nghệ thuật tạo ra một số hiện tượng đặc biệt về lời văn như lời nửa trực tiếp (lời của người kể chuyện nhưng tái hiện ý thức, giọng điệu của nhân vật), lời độc thoại nội tâm (tái hiện tiếng nói bên trong của các nhân vật), lời nhại (lời trần thuật mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai hay bông đùa),... Ví dụ:

Bà lão phấp phỏng bước theo con vào trong nhà. Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà. Ai thế nhỉ?

(Kim Lân, *Vợ nhặt*)

Đoạn văn miêu tả tâm lí bà cụ Tứ trên đây có sự xuất hiện của nhiều câu văn mang hình thức lời nửa trực tiếp. Lời của người kể chuyện nương theo ý thức của nhân vật, tái hiện những "tiếng nói" đang vang lên trong nhân vật. Một số cách diễn đạt mang dấu ấn của khẩu ngữ được bảo lưu trong lời kể: *Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ?; Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà.;...*

Khả năng miêu tả ngôn ngữ gắn liền với những đặc điểm cá thể của nhân vật (xuất thân, địa phương, môi trường sống, tầng lớp xã hội,...) là một bước tiến của tự sự hiện đại.

VIẾT

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội

(Con người với cuộc sống xung quanh)

Với kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội, bạn cần rèn luyện kĩ năng quan sát để phát hiện những vấn đề có ý nghĩa từ cuộc sống hằng ngày và trình bày được quan điểm, ý kiến của cá nhân. Khi viết bài văn nghị luận, bạn sẽ tiếp tục được luyện tập theo định hướng: biết tổ chức bài nghị luận một cách chặt chẽ để thể hiện rõ ràng quan điểm của mình; trình bày có hệ thống các luận điểm, từng luận điểm đều có lí lẽ chắc chắn và bằng chứng xác thực, đáng tin cậy.

Yêu cầu

- Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh.
- Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lí lẽ sắc bén và những bằng chứng phù hợp, sinh động.
- Dẫn được những ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận để phản bác nhằm củng cố lập luận của bài viết.
- Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề.

Bài viết tham khảo

Lắng nghe những tiếng thì thầm của cuộc sống

Có phải vì quá quen với những âm thanh náo nhiệt của đời sống hiện đại mà đôi khi ta đã vô tình quên mất tiếng nói của những "khoảng lặng" và bỏ phí những giây phút sống chậm lại để có thể lắng nghe được *những tiếng thì thầm* trong cuộc sống?

Nêu vấn đề bàn luận theo lối trực tiếp.

Lắng nghe trước hết thể hiện sự tập trung tiếp nhận âm thanh từ bên ngoài. Chỉ khi lắng nghe, chúng ta mới nhận ra được những tiếng thì thầm, khẽ khàng hay những âm thanh không lời. Nhưng lắng nghe còn có nghĩa là thấu hiểu, đồng cảm. Biết lắng nghe nghĩa là có khả năng sẻ chia với những nghĩ suy, tâm tư, ước vọng của người khác hoặc biết hoà điệu với thế giới xung quanh.

Luận điểm 1: Bàn về nghĩa của từ "lắng nghe".

Khi lắng nghe tiếng nói từ cuộc sống hằng ngày của con người, ta sẽ nhận thấy có những tiếng nói chỉ "thầm thĩ" thôi mà ẩn chứa bao nỗi niềm, bao cung bậc tình cảm. Đó là lời tâm sự của một em bé đang nằm trên giường bệnh về ước mơ được tiếp tục đến trường. Đó là tiếng thở dài của những người nông dân khi "được mùa rớt giá". Đó là nỗi mong mỏi được về quê sum họp dâng lên trong ánh mắt những người lao động nghèo mỗi khi cái Tết gần kề,... Biết lắng nghe, ta sẽ biết xúc động, cùng vui cùng buồn với từng cảnh ngộ. Ta vui mừng khi nghe tin em bé mười tám tháng tuổi được cứu sống trên biển Thổ Nhĩ Kỳ trong hành trình di cư gian khổ. Ta đau buồn khi nghe những lời nói trong tiếng nấc nghẹn ngào của thân nhân những hành khách trên chuyến bay định mệnh từ Nga đến Ai Cập... Lắng nghe những tiếng thì thầm, ta thấy con người và cuộc sống phong phú, đa dạng biết nhường nào! Hẳn bạn sẽ đồng ý với tôi: Trong hợp âm muôn điệu của cung đàn cuộc sống, ngay cả những tiếng thầm thì cũng có ý nghĩa và sức lay động không nhỏ.

Luận điểm 2: Bàn về việc lắng nghe nỗi buồn vui của con người với những bằng chứng thực tế.

Sẽ là hơi đơn giản nếu nghĩ rằng trong cuộc sống này, chỉ con người mới cất lên tiếng nói. Thiên nhiên quanh ta cũng có tiếng nói riêng của nó. Lắng nghe, ta sẽ nhận ra những tiếng thì thầm của lá rơi khẽ khàng trước ngõ, của giọt sương long lanh lăn nhẹ trên tàu tiêu, của những tiếng chim lẩn rúc trong khóm cây, của gió núi ngàn năm vọng sâu vào từng thớ đá,... Lắng nghe, ta sẽ thấy có cả tiếng thở dài đầy bất lực của rừng cây, tiếng lá xạc xào run rẩy khi những thân cây bị đốn hạ, tiếng kêu khe khẽ đầy sợ hãi của những loài thú đang cố ẩn mình trốn tránh con người,... Đó là giây phút mỗi người cần lắng lòng lại để suy nghĩ khi đối diện với Mẹ thiên nhiên vĩ đại. Đó là khi ta thấy trái tim mình rung ngân biết bao tiếng thì thầm, thổn thức mà không cất nổi thành lời. Những âm thanh ấy giúp con người giao hoà cùng thiên nhiên, biết nhói đau khi thiên nhiên bị tổn thương.

Luận điểm 3: Bàn về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên qua trải nghiệm.

Nhưng có phải vì sự "bé mọn" của những tiếng thì thầm ấy mà ta có thể bỏ qua chúng, bởi cuộc sống này còn biết bao điều đang khiến ta quan tâm, lo lắng? Dĩ nhiên, bạn có quyền chọn cách sống như vậy vì nó giúp bạn tránh khỏi mọi phiền toái, không phải lo nghĩ về những việc không liên quan trực tiếp đến mình. Tuy nhiên, nếu không biết lắng nghe tiếng nói nhỏ bé của cuộc sống thì cuộc đời này có thể trở nên nhạt nhẽo hoặc chỉ toàn những âm thanh ồn ã, chát chúa. Và sẽ chẳng còn những ánh mắt sẻ chia, những bàn tay đan kết, những cử chỉ dịu dàng gửi chút tấm lòng "để gió cuốn đi". Khi ấy, suối nguồn yêu thương cũng sẽ dần cạn kiệt. Khi ấy, mỗi con người sẽ trở nên tẻ nhạt, cô đơn giữa cuộc sống đông đúc, náo nhiệt này.

Luận điểm 4: Phản bác ý kiến trái chiều.

Lắng nghe là để hiểu, để hành động và hướng tới những điều tốt đẹp. Việc lắng nghe sẽ giúp cho mỗi chúng ta biết cảm nhận chân thực và biết trân quý hơn những giá trị sống quanh mình. Học cách lắng nghe từng tiếng tích tắc của đồng hồ trên vách, ta sẽ hiểu thời gian đang thì thầm nhắc mình về tuổi trẻ đang qua, về những khát vọng còn dang dở, để ta biết sống có ý nghĩa hơn. Nếu biết lắng nghe bằng cả tâm hồn, ta sẽ nhận được những gửi trao đầy ắp yêu thương. Đó chính là sợi dây vô hình kết nối con người với nhau và con người với thế giới xung quanh.

Luận điểm 5: Bàn về ý nghĩa của việc lắng nghe.

Vậy đó, chỉ một khoảnh khắc sống chậm lại và lắng nghe, ta có thể nhận ra bao thông điệp của cuộc sống. Và một khi lắng nghe đã trở thành nhu cầu, tâm hồn mỗi người sẽ trở nên nhạy cảm, tinh tế hơn, biết trân trọng từng giây, từng phút của mỗi ngày và cuộc sống bớt đi sự tẻ nhạt,... Phải chăng, con người sẽ trưởng thành hơn trong cuộc sống nhờ học cách biết lắng nghe, thấu hiểu và đồng cảm?

Kết luận về vấn đề bàn luận.

(Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa)

1. Bài viết đã tập trung bàn luận về vấn đề gì trong đời sống?
2. Các luận điểm nào đã được tác giả triển khai? Các luận điểm có mối quan hệ với nhau như thế nào?
3. Hãy cho biết những lí lẽ và bằng chứng mà người viết đã sử dụng khi triển khai từng luận điểm.
4. Bạn có thể bổ sung điều gì cho bài viết?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

Bạn cần tìm kiếm vấn đề từ những nguồn khác nhau: từ trải nghiệm, suy nghĩ của bản thân về cuộc sống; từ sách báo, các phương tiện truyền thông;... từ đó, chọn một vấn đề mà bạn tâm đắc để làm đề tài cho bài viết.

Gợi ý:

– Vì sao học sinh cần tham gia các hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở địa phương?

– Cách tổ chức cuộc sống cá nhân có vai trò như thế nào trong việc hoàn thiện nhân cách?

– Việc tiếp thu ý kiến của người khác có mâu thuẫn với việc khẳng định tính tự chủ của bản thân?

– Ý nghĩa của phát ngôn có trách nhiệm trong giao tiếp xã hội là gì?

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Đọc lại bài viết tham khảo, tự đặt một số câu hỏi theo gợi ý sau để tìm ý:

– Bài viết bàn luận về vấn đề gì?

Vấn đề nghị luận bao giờ cũng phải được xác định từ đầu, nếu không bài viết sẽ không có định hướng. Ví dụ, ở bài viết tham khảo, người viết đã nêu vấn đề bằng một câu hỏi nhằm đề cập những tiếng thì thầm nhưng rất có ý nghĩa, cần được quan tâm.

– Những khía cạnh nào của vấn đề được bàn luận? Những khía cạnh đó tác động tích cực hay tiêu cực đến đời sống con người?

Câu hỏi này giúp người viết tìm ra các luận điểm cho bài viết. Chẳng hạn, về vấn đề "Lắng nghe những tiếng thì thầm của cuộc sống", người viết đã bàn sâu về từng khía cạnh, từ đó, hình thành năm ý. Ý thứ nhất: bàn về nghĩa của từ "lắng nghe"; ý thứ hai: bàn về việc lắng nghe nỗi buồn vui của con người với những bằng chứng thực tế; ý thứ ba: bàn về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên qua trải nghiệm; ý thứ tư: phản bác ý kiến trái chiều; ý thứ năm: bàn về ý nghĩa của việc lắng nghe.

– Những lí lẽ và bằng chứng nào cần huy động?

Câu hỏi này mang tính chất "ghi nhớ" để người viết không bỏ qua việc nêu lí lẽ và huy động bằng chứng giúp quan điểm, ý kiến được nêu có sức thuyết phục.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Ví dụ, trong bài viết tham khảo, người viết nêu lí lẽ làm rõ biểu hiện và tác động của việc lắng nghe giữa con người với con người trong cuộc sống (có những tiếng nói chỉ "thầm thĩ" thôi mà ẩn chứa bao nỗi niềm, bao cung bậc tình cảm). Một số bằng chứng đã được sử dụng, chẳng hạn: lắng nghe những lời tâm sự, ước mơ của những cuộc đời, cảnh ngộ,... Những bằng chứng gần gũi được dẫn ra từ thực tế mà người viết quan sát, trải nghiệm hoặc thu thập qua sách báo và các phương tiện truyền thông sẽ phù hợp với một bài nghị luận về con người với cuộc sống xung quanh.

– Ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận là gì? Có thể phản bác ý kiến đó như thế nào?

Chẳng hạn, bài viết tham khảo đã phản bác quan niệm sống không cần quan tâm đến xung quanh để tránh khỏi lo nghĩ, phiền toái. Sự phản bác dựa trên lí lẽ rằng lối sống đó làm cho cuộc đời trở nên nhạt nhẽo, thiếu tình yêu thương, mỗi con người sẽ cảm thấy cô đơn, lạc lõng. Việc hình dung ý kiến trái chiều như vậy cho thấy người viết có cái nhìn toàn diện và đa chiều về vấn đề đang bàn. Vì vậy, bài viết sẽ có sức thuyết phục cao hơn.

– Ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề là gì?

Bài viết cần rút ra được ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề đối với đời sống. Chẳng hạn: Lắng nghe những tiếng thì thầm của cuộc sống sẽ giúp tâm hồn mỗi người trở nên nhạy cảm, tinh tế hơn, từ đó, biết cảm thông và chia sẻ với con người và cuộc sống xung quanh.

Lập dàn ý

Sau khi tìm được các ý, cần soát lại để sắp xếp một cách có hệ thống, logic, tương ứng với các phần trong bố cục của một bài văn nghị luận. Kết quả của sự sắp xếp đó sẽ là một dàn ý, có tác dụng định hướng cho quá trình viết bài.

Mở bài: Giới thiệu vấn đề xã hội cần bàn luận. Có thể nêu vấn đề thông qua một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi nhận thức,...

Thân bài:

Dùng lí lẽ và bằng chứng để:

– Trình bày bản chất của vấn đề xã hội được bàn luận và nêu quan điểm của người viết.

– Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau, bàn về các khía cạnh của vấn đề.

– Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều.

– Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng.

Kết bài: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động,...).

Viết

– *Mở bài* và *Kết bài* viết thành đoạn văn hoàn chỉnh. *Mở bài* giới thiệu vấn đề xã hội để bàn luận, thu hút được sự chú ý của người đọc; *Kết bài* khép lại việc bàn luận một cách có ấn tượng.

– Mỗi luận điểm ở phần *Thân bài* cần rõ ràng, thể hiện được ý thức và suy nghĩ của người viết về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh. Bằng chứng cần lấy từ những trải nghiệm thực tế của bản thân và các thông tin thu thập được từ sách báo, các phương tiện truyền thông.

– Có thể soi chiếu vấn đề từ các góc nhìn khác nhau; nêu ý kiến phản biện đối với những quan điểm chưa thoả đáng; mở rộng, đối chiếu, liên hệ với những vấn đề có liên quan.

– Văn phong cần sáng rõ, phù hợp với đối tượng tiếp nhận và nội dung vấn đề.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đối chiếu bài viết với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để phát hiện những nội dung cần bổ sung, các lỗi cần chỉnh sửa nhằm hoàn thiện bài viết. Cụ thể:

– Chỉnh sửa *Mở bài* nếu vấn đề của cuộc sống chưa được nêu rõ ràng.

– Kiểm tra lí lẽ, bằng chứng đã sử dụng nếu thấy chưa đầy đủ, chưa gắn với vấn đề đời sống được bàn luận, cần chỉnh sửa, bổ sung.

– Xem xét sự khái quát ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề ở phần *Kết bài* để bổ sung ý hoặc chỉnh sửa nếu thấy chưa đạt.

– Hoàn chỉnh những ý còn sơ sài, kiểm tra sự liên kết trong từng đoạn và trong bài để bổ sung phương tiện liên kết phù hợp.

– Rà soát để sửa lỗi chính tả, lỗi diễn đạt (dùng từ, đặt câu) nếu phát hiện được.

NÓI VÀ NGHE

Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội

Yêu cầu

- Nêu được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận.
- Làm rõ được bản chất và vai trò của vấn đề trong đời sống xã hội.
- Trình bày được ý kiến đánh giá, bình luận của cá nhân về vấn đề; biết phân tích, đánh giá ý kiến của người khác.
- Rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá, bình luận về vấn đề.
- Thể hiện sự tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác đối với vấn đề bàn luận.

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

Khi lựa chọn đề tài cho bài nói, bạn có thể tham khảo những vấn đề đã được gợi ý ở phần *Viết* hoặc các vấn đề sau:

– Phải chăng việc thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng sẽ mâu thuẫn với quyền của cá nhân?

– Thế hệ trẻ với vấn đề hiến máu nhân đạo.

– Quan niệm về du học thế nào cho đúng?

– Học đại học có phải là con đường duy nhất để kiến tạo tương lai?

Tìm ý và sắp xếp ý

Nếu chọn vấn đề đã giải quyết ở phần *Viết*, cần xem lại dàn ý đã lập, đối chiếu với nội dung bài nói để xác định hệ thống ý. Ghi lại theo kiểu gạch đầu dòng hoặc đánh số thứ tự các ý để xây dựng dàn ý cho bài nói.

Nếu chọn vấn đề khác, cần nghiên cứu kĩ đề tài, nhận thức đúng bản chất của vấn đề, các nội dung cụ thể cần đánh giá, bình luận. Có thể nêu một số câu hỏi, suy nghĩ và tự trả lời để tìm ý:

– Vấn đề xã hội này có đáng quan tâm không? Vì sao?

– Bản chất của vấn đề là gì? Vấn đề có những khía cạnh nào? Liên quan đến những mặt nào của đời sống xã hội?

– Vấn đề có tính chất tích cực hay tiêu cực? Đáng cổ vũ hay đáng phê phán? Có những ý kiến trái chiều nào về vấn đề này?

– Việc quan tâm đánh giá, bình luận về vấn đề có ý nghĩa gì đối với đời sống của cá nhân và cộng đồng?

Sau khi tìm được các ý, cần sắp xếp lại theo trật tự hợp lí, gắn với các phần *Mở đầu*, *Triển khai*, *Kết luận* của bài nói.

Thực hành nói

Bám sát dàn ý đã chuẩn bị để thực hiện bài nói một cách tự tin. Chủ động tăng cường tương tác với người nghe, đảm bảo đúng thời gian quy định.

– *Mở đầu*: Nêu vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận.

– *Triển khai*:

+ Phân tích, diễn giải để làm rõ bản chất vấn đề.

+ Nêu rõ ràng, cụ thể ý kiến đánh giá của bản thân về vấn đề (có lí lẽ và bằng chứng cụ thể).

+ Đối thoại với những ý kiến khác biệt để củng cố quan điểm của mình về vấn đề.

– *Kết luận*: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá, bình luận về vấn đề.

Lưu ý: Điều chỉnh giọng nói phù hợp, kết hợp giữa lời nói và các phương tiện phi ngôn ngữ; sử dụng PowerPoint (nếu có) và các phương tiện kĩ thuật hỗ trợ khác.

Trao đổi, đánh giá

Người nói	Người nghe
– Nắm bắt được những thắc mắc của người nghe để giải đáp thoả đáng; tiếp thu ý kiến của người nghe để có những điều chỉnh cần thiết. – Khẳng định lại những quan điểm mà bản thân cho là có đầy đủ cơ sở.	– Chủ động nêu ý kiến thảo luận (thắc mắc cần được giải đáp; cách hiểu khác về bản chất vấn đề; quan điểm khác với người nói trong đánh giá, bình luận về vấn đề;...). – Cần hướng thảo luận vào cả hai khía cạnh: nội dung và cách thức trình bày của người nói.

Việc tự đánh giá và đánh giá về bài nói có thể được thực hiện theo nội dung gợi ý ở bảng sau:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn được vấn đề thu hút được sự quan tâm của xã hội để nêu ý kiến.		
2	Ý kiến đánh giá, bình luận về vấn đề được trình bày mạch lạc, rõ ràng.		
3	Trình bày đúng bản chất của vấn đề.		
4	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
5	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian; duy trì tương tác với người nghe.		

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Hãy so sánh luận đề, luận điểm, các yếu tố bổ trợ của ba văn bản: *Cầu hiền chiếu*, *Tôi có một ước mơ*, *Một thời đại trong thi ca*.

2. Qua việc đọc ba văn bản trong bài học, theo bạn, sự chặt chẽ trong cấu trúc của văn bản nghị luận phụ thuộc vào những điều gì?

3. Yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm được sử dụng trong văn bản nghị luận có tác dụng gì?

4. Bạn hãy chọn một đề tài được gợi ý trong mục *Chuẩn bị viết* của phần *Viết* và thực hiện các nhiệm vụ sau:

a. Tìm ý và lập dàn ý cho bài viết về đề tài đã chọn. Viết hai đoạn triển khai hai ý kề nhau.

b. Chuyển từ dàn ý bài viết sang dàn ý bài nói, dựa vào đó để tập luyện cách trình bày bài nói.

5. Tìm đọc thêm một số văn bản nghị luận và ghi chép các thông tin cơ bản sau:

– Vấn đề được bàn luận, ý nghĩa của vấn đề;

– Quan điểm của người viết;

– Đối tượng tác động;

– Nghệ thuật lập luận;

– Mức độ thuyết phục.

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Nội dung các khái niệm đời sống *vật thể* và đời sống *hình tượng* được tác giả sử dụng trong văn bản.
- Vấn đề giá trị chủ quan của tác phẩm.
- Vai trò của người xem, người đọc trong việc giúp hình tượng nghệ thuật trường tồn.
- Cách triển khai các luận điểm trong văn bản.

Tiếp xúc với tác phẩm(*)

(Trích *Tiếp xúc với nghệ thuật*)

Thái Bá Vân(1)

1 Đời sống *vật thể* và đời sống *hình tượng* của tác phẩm

Vô tình tôi có một tác phẩm: *Em Thuý*(2) của Trần Văn Cẩn chẳng hạn. Tác phẩm đó là một, không thay đổi. Tuy nhiên tôi nói rằng nó có hai đời sống, hai tồn tại. Một, là sự tồn tại *vật thể*, như một đời sống đồ vật. Mặt khác, là sự tồn tại tinh thần như một *hình tượng nghệ thuật*, của giá trị thẩm mĩ.

Nếu tỉ dụ của tôi không quá khập khiễng, thì tôi coi nó giống như con người, có đời sống thể xác và đời sống tâm hồn. Đành rằng không bao giờ tôi có thể tách thể xác và tâm hồn một con người thành hai phần rời rạc. Nhưng nó vẫn là hai.

Và đời sống phong phú, nhân bản và trường tồn của con người cũng như của nghệ thuật, là hướng về giá trị tinh thần. Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh sống mãi, rung động từng trái tim, chắc chắn là Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh như một giá trị tinh thần.



Em Thuý
Nguồn: Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam

(*) Bài viết có năm phần, ở đây chỉ trích ba phần đầu (hai phần sau là *Sự tương đồng nội tâm với tác phẩm; Để phê bình, nghiên cứu tác phẩm*).

(1) *Thái Bá Vân* (1934 – 1999): quê ở tỉnh Nghệ An, là nhà nghiên cứu và phê bình mĩ thuật Việt Nam.

(2) *Em Thuý*: bức tranh sơn dầu sáng tác năm 1943 của danh hoạ Trần Văn Cẩn (1910 – 1994), được công nhận là Bảo vật quốc gia năm 2013.

Bà Mô-na Li-da (Mona Lisa)[1] vật thể là của nước Pháp, bảo tàng Lu-vrơ (Louvre)[2] canh giữ, nhưng bà Mô-na Li-da hình tượng thì là tài sản của mỗi tâm hồn chúng ta.

Mục đích bao la của tác phẩm nghệ thuật cũng thế. Xưa nay vẫn là ở chỗ vượt lên trên đời sống cơ bắp có thật của mình để đạt tới cái đẹp của hình tượng, như một giá trị tinh thần, nhiều khi còn mơ màng, xa xôi cũng được.

Trở lại bức tranh *Em Thuý*. Chừng nào tôi chỉ bận tâm đo đếm, rằng đó là một tấm vải, khổ 45 x 60 cm, rằng nó được vẽ bằng màu dầu, kiểu hội hoạ bác học châu Âu, rằng nó có khung bằng gỗ,... thì chừng đó *Em Thuý* vẫn còn là đồ vật. Nhích lên, dù cho tôi thấy rằng *Em Thuý* rất giống thật, rằng hai tay em chắp lại trên đùi, mắt mở to, rồi tôi còn nhớ cả vài chỗ đã nứt trên mặt sơn, vài vệt sơn đã bong,... thì cũng vậy. *Em Thuý* gửi đi bằng bưu điện hay chở bằng xích lô đó, mới chỉ là *Em Thuý nguyên vật liệu*.

Là tác phẩm nghệ thuật, *Em Thuý* còn, và buộc phải còn một đời sống khác, bản chất hơn. Đó là *Em Thuý hình tượng*.

Hiện tượng phân hoá này không xảy ra trên bức tranh. Bức tranh vẫn là một. Hiện tượng này xảy ra trong ý thức tôi, ở cái khả năng trừu tượng hoá của đầu óc con người.

Tôi muốn nói rằng, *Em Thuý hình tượng* là *Em Thuý phi vật thể*. Và chính đây mới là em Thuý tác phẩm, em Thuý nội dung.

Nội dung của một tác phẩm không phải là ở cái kết cấu vật thể của nó, mà chính là ở cái hình tượng nghệ thuật mà nó chuyên chở.

2 Giá trị chủ quan của tác phẩm

Tôi không biết em Thuý thật là ai cả. Tôi chưa bao giờ gặp người đó. Tôi không hề thấy mặt mũi em ra sao, tính tình em thế nào, để kết luận như thường tình rằng bức tranh giống hay không giống, hiện thực hay không hiện thực. Và tôi tự hỏi, cái tiêu chuẩn "phản ánh đúng hiện thực", cái tầm quan trọng của đề tài và khách thể, đối với mĩ thuật, tôi nên hiểu như thế nào? Có nhất thiết tôi phải biết em Thuý là ai, như thế nào, nghĩa là nhất thiết tôi phải hiểu thấu đề tài và khách thể là cái gì, rồi tôi mới hiểu được bức tranh không? Tôi xin thưa rằng, không.

Tôi không biết em Thuý là ai cả. Tôi chỉ biết có tác giả Trần Văn Cẩn. Dù đứng trước tranh, tôi cũng không thấy một em Thuý nào cả, cho rằng em được vẽ giống như ảnh chụp, ngon lành, hay kì quái thế nào đi nữa, mà tôi *chỉ thấy* có hoạ sĩ Trần Văn Cẩn.

---

(1) *Mô-na Li-da*: còn được gọi là *La Giô-công* (*La Gioconda*), kiệt tác sơn dầu của hoạ sĩ vĩ đại Lê-ô-na đờ Vanh-xi (Leonardo da Vinci, 1452 – 1519).

(2) *Lu-vrơ*: viện bảo tàng nghệ thuật và lịch sử nổi tiếng bậc nhất thế giới ở Pa-ri (Paris), Pháp.

Rồi tôi sẵn sàng đổi chủ đề và tên gọi bức tranh, là "Tuổi thơ", hay "Học sinh tiên tiến",... thì tưởng rằng giá trị thẩm mĩ, hay ý nghĩa nội dung cũng không hề thay đổi, vì bản chất hiện thực vẫn vậy, vẫn là một.

Dấn lên, tôi hiểu rằng, bản chất hiện thực ở một tác phẩm không hề là cái *kết cấu vật thể* của đề tài, hình thù, màu sắc nằm trên mặt tranh, như thế này hay như thế khác, gọi là tên này hay tên khác, mà chính là cái *hiện thực hình tượng*.

Hiện thực hình tượng ở *Em Thuý* là cái thế giới nội tâm của Trần Văn Cẩn, là con mắt nhìn đời của Trần Văn Cẩn vào những năm 40 thế kỉ này. Sự ứng xử thẩm mĩ của ông là hiện thực, ở chỗ đã nói lên nỗi niềm riêng của ông trước cuộc văn minh Âu hoá nước nhà, phần nhập cuộc, và do dự của ông, một người làm chứng, trước thế sự. Ít ra là vậy.

3 Nội dung của tác phẩm được người xem mở rộng

Đời sống vật thể của một tác phẩm dĩ nhiên phải đẹp nhưng không thay đổi, bao giờ cũng là một. *Em Thuý vật thể* vẫn vậy 45 năm nay. Sự đo đếm của mọi thời, mọi người đối với bức tranh *vật thể* thì ai cũng giống ai. Trong khi đó, đời sống tinh thần, thẩm mĩ của hình tượng lại không bao giờ đứng yên. Nó di chuyển, sinh động, phong phú ở từng thời, từng buổi, từng nơi chốn, trước từng con người, tuỳ thuộc vào tư chất và trình độ. Đời sống của *Em Thuý hình tượng*, *Em Thuý nội dung* dẫn dắt về những miền rung động khác nhau, trước từng khán giả.

Vậy, cái mà Trần Văn Cẩn đặt vào tranh, không phải là cái cố định.

Hiểu rằng hiện thực, nội dung của tác phẩm chính là ở cái kết cấu vật thể hữu hạn (của đề tài, màu và hình) mà người hoạ sĩ đặt lên tấm vải thì chưa đủ. Hiện thực và nội dung của tác phẩm còn sinh nở vô hạn trong đầu óc và con mắt người xem nữa. Tất cả chúng ta đây, đều mỗi người một khía cạnh, một cấp độ khác nhau, đóng góp thêm vào hiện thực và nội dung trên từng Hà Nội phố của Bùi Xuân Phái[1]. Một tác phẩm hàm súc bao giờ cũng dành cho trí tưởng tượng của người xem một cánh cửa tự do hé mở, chờ đợi ở người xem sự bù đắp chủ quan.

Tôi có cảm tưởng rằng một bức tranh, khi không có người xem giống như chiếc bật lửa có đủ ga và đá nằm nguội lạnh trên bàn. Phải có một ngón tay bật vào bánh xe để ngọn lửa bùng lên, là giống như giây phút một cái nhìn chạm vào bức tranh, để hình tượng nghệ thuật trên đó được thức tỉnh, sống lại, và sống thêm một mặt đời mới.

(Theo Thái Bá Vân, *Tiếp xúc với nghệ thuật*,
Viện Mỹ thuật Việt Nam ấn hành, Hà Nội, 1998, tr. 8 – 10)

---

[1] *Bùi Xuân Phái* (1920 – 1988): quê ở Hà Nội, là danh hoạ Việt Nam, đặc biệt nổi tiếng với những bức tranh vẽ phố cổ Hà Nội.

Bài 4 TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả.
- Nhận biết và phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.
- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.
- Nắm bắt được các kiểu lỗi về thành phần câu, biết cách sửa lỗi và vận dụng vào việc sử dụng tiếng Việt của bản thân.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).
- Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hoá.
- Biết đồng cảm, yêu thương con người; biết trân trọng vẻ đẹp thuỷ chung trong tình yêu.

ĐỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện thơ và truyện thơ dân gian

Truyện thơ thuộc loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,... nhưng lại được thể hiện dưới hình thức thơ. Với dung lượng tương đối lớn, truyện thơ có thể bao quát được nhiều sự kiện, con người, chi tiết cụ thể, sinh động của đời sống thường nhật. Cũng có một số truyện thơ còn lưu lại dấu ấn của sử thi nhưng ở đó cảm hứng thế sự vẫn nổi trội so với cảm hứng lịch sử hướng về những diễn biến lớn trong đời sống cộng đồng. Truyện thơ hiện diện trong nhiều nền văn học, có lịch sử lâu đời, phát triển thành một số dòng riêng theo sự chi phối của các điều kiện văn hoá, xã hội cụ thể.

Truyện thơ dân gian do tầng lớp bình dân hoặc các trí thức sống gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác; lưu hành chủ yếu bằng con đường truyền miệng nhưng cũng có khi thông qua các văn bản viết. Truyện thơ dân gian khai thác đề tài từ nhiều nguồn khác nhau như truyện cổ, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường. Kế thừa

truyền thống của dân ca với sự kết hợp hài hoà yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình, các truyện thơ dân gian đã thể hiện được một cách sinh động đời sống hiện thực và những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo. Ngôn ngữ trong truyện thơ dân gian giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn liền với cách tư duy hình ảnh rất đặc trưng của những người sống hoà đồng, gắn bó với đất đai, muông thú, cỏ cây,...

Do những điều kiện văn hoá, xã hội đặc thù, truyện thơ dân gian đặc biệt phát triển trong sinh hoạt văn hoá, văn học của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Ngoài một số truyện thơ có nội dung gần nhau bởi sự kế thừa, mô phỏng trong bối cảnh giao lưu văn hoá, mỗi dân tộc lại có riêng những truyện thơ tinh tuý, thể hiện được bản sắc của cộng đồng mình. Dân tộc Tày, Nùng có: *Nam Kim – Thị Đan; Trần Châu; Quảng Tân – Ngọc Lương; Kim Quế; Chuyện chim sáo; Vượt biển;...* Dân tộc Thái có: *Tiễn dặn người yêu; Chàng Lú – nàng Ủa; Khăm Panh;...* Dân tộc Mường có: *Út Lót – Hồ Liêu; Nàng Nga – Hai Mối; Nàng Ờm – chàng Bồng Hương;...* Dân tộc Mông có: *Tiếng hát làm dâu; Nàng Dợ – Chà Tăng;...* Dân tộc Chăm có: *Hoàng tử Um Rúp và cô gái chăn dê; Têva Mưnô;...* Dân tộc Khơ-me có: *Si Thạch; Tum Tiêu;...*

Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình

Thơ trữ tình không đặt trọng tâm vào việc kể một câu chuyện mà ở đó có nhân vật, có tính cách, có bối cảnh không gian và thời gian với rất nhiều chi tiết cụ thể như truyện thơ, mà ưu tiên hàng đầu cho việc thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình. Tuy nhiên, từ xưa đến nay, thơ trữ tình không hề chối bỏ yếu tố tự sự, thậm chí, ở sáng tác của một số nhà thơ, yếu tố này khá đậm nét. Đọc một bài thơ trữ tình có yếu tố tự sự, độc giả dễ nhận ra bóng dáng của một câu chuyện, một sự kiện với những đường nét cốt yếu của nó. Câu chuyện lúc này có tác dụng làm nền cho tiếng nói trữ tình và luôn chịu sự chi phối của mạch cảm xúc mà tác giả triển khai. Do vậy, các câu chuyện thường chỉ được "kể" ở mức độ vừa đủ để cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ trọn vẹn.

VĂN BẢN 1

Lời tiễn dặn(*)

(Trích *Tiễn dặn người yêu* – truyện thơ dân tộc Thái)

- *Hãy chia sẻ đôi điều về một truyện thơ bạn từng biết hay từng đọc (nhan đề, tác giả, nội dung tác phẩm,...).*
- *Hãy nhớ lại một tác phẩm (thuộc bất kì thể loại nào) có kể một câu chuyện tình yêu đã thực sự gây ấn tượng với bạn. Theo bạn, điều gì khiến tình yêu trở thành đề tài bất tận của văn học?*

(*) Nhan đề văn bản được lấy theo sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, tr. 93.

Chàng trai và cô gái yêu nhau tha thiết nhưng hoàn cảnh ngăn trở không cho họ được chung sống dưới một mái ấm hạnh phúc. Ngày cô gái phải về làm dâu nhà khác, chàng trai quyết đi theo trong vai người đưa tiễn để có cơ hội nói lời nguyện ước sắt son.

1 Quẩy gánh qua đồng rộng,
Người đẹp anh yêu cất bước theo chồng.
Vừa đi vừa ngoảnh lại,
Vừa đi vừa ngoái trông,
Chân bước xa lòng càng đau nhớ.
Em tới rừng ớt ngắt lá ớt[1] ngồi chờ,
Tới rừng cà ngắt lá cà[2] ngồi đợi,
Tới rừng lá ngón[3] ngóng trông.
Anh tới nơi, em bẻ lá xanh em ngồi;
Được nhủ[4] đôi câu, anh mới đành lòng quay lại,
Được dặn đôi lời, anh yêu em[5] mới chịu quay đi,
[...]

Xin hãy cho anh kề vóc mảnh[6],
Quấn quanh vai ủ lấy hương người,
Cho mai sau lửa xác đượm hơi[7],
Một lát bên em thay lời tiễn dặn!
Con nhỏ hãy đưa anh ẵm,
Bé xinh hãy đưa anh bồng,

Hình dung về bối cảnh câu chuyện.

Chú ý cách diễn tả đầy hình ảnh về tâm trạng của cô gái.

Chú ý cách cư xử khác thường nhưng hoàn toàn hợp lí của chàng trai.

(1), (2), (3) *Lá ớt, lá cà, lá ngón*: những lá độc hoặc được cho là độc, không đem lại điều may mắn. Cả ba dòng thơ diễn tả cảm xúc đau đớn của cô gái trên đường về nhà chồng, mong ngóng mãi mà chưa thấy người yêu.

(4) *Nhủ*: nhắn nhủ, tâm sự.

(5) *Anh yêu em*: tức là *anh* – người yêu của em.

(6) *Vóc mảnh*: dáng vóc mảnh mai.

(7) *Lửa xác đượm hơi*: ý nói sau này lửa thiêu xác anh (theo phong tục hoả táng của người Thái) sẽ cháy đượm vì thân anh luôn quyện hơi, quyện hương người yêu.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Cho anh bế con dòng[1] đừng ngượng,
Nựng con rồng, con phượng[2] đừng buồn.
[...]

"Đôi ta yêu nhau đợi tới tháng Năm lau nở,
Đợi mùa nước đỏ[3] cá về,
Đợi chim tăng ló[4] hót gọi hè,
Không lấy được nhau mùa hạ, ta sẽ lấy nhau mùa đông,
Không lấy được nhau thời trẻ, ta sẽ lấy nhau khi goá bụa về già."
[...]

2 – "Dậy đi em, dậy đi em ơi!
Dậy rũ áo kẻo bọ[5],
Dậy phủi áo kẻo lấm!
Đầu bù anh chải cho,
Tóc rối đưa anh búi hộ!"
Anh chặt tre về đốt gióng[6] đầu,
Chặt tre dày, anh hun gióng giữa,
Lam[7] ống thuốc này em uống khỏi đau.
Tơ rối đôi ta cùng gỡ,
Tơ vò ta vuốt lại quay guồng[8];
Quay lại guồng gỗ tốt cán thuôn[9],

*Cảm nhận **niềm thương xót** của **chàng trai** khi chứng kiến **tình cảnh của người yêu ở nhà chồng**.*

(1) *Con dòng*: đứa con thuộc dòng dõi quý báu.
(2) *Con rồng, con phượng*: đứa con đẹp như rồng, như phượng; trong con mắt của chàng trai, cái gì thuộc về người yêu cũng đẹp đẽ, đáng nâng niu (kể cả đứa con mà nàng sinh với người chồng của mình).
(3) *Mùa nước đỏ*: mùa nước lũ.
(4) *Chim tăng ló*: một loài chim hót nhiều vào đầu mùa hè, giọng hót thường được cảm nhận là não nùng, buồn bã.
(5) *Bọ*: ở đây chỉ chung sâu bọ, côn trùng.
(6) *Gióng*: đoạn thân nằm giữa hai mắt của các loại cây như tre, nứa, mía,...
(7) *Lam*: nấu cơm, nấu thức ăn hay sắc thuốc với vật đựng là ống tre, ống nứa tươi (dùng thay cho nồi).
(8) *Guồng*: dụng cụ để cuốn sợi dệt vải, thường làm bằng tre, mây, có cán quay bằng gỗ.
(9) *Thuôn*: thon. Ở đây nói về cán của guồng quay sợi, có dáng thon, chuốt nhỏ dần về hai đầu.

Về với người ta thương thuở cũ.
Chết ba năm hình còn treo đó;
Chết thành sông, vục nước uống mát lòng,
Chết thành đất, mọc dây trầu xanh thắm,
Chết thành bèo, ta trôi nổi ao chung,
Chết thành muôi[1], ta múc xuống cùng bát,
Chết thành hồn, chung một mái, song song.
Hỡi gốc dưa yêu mọc ngoài cồn cát,
Nước ngập gốc đáng lụi[2], đừng lụi,
Nước ngập rễ đáng bềnh[3], đừng bềnh.
Đôi ta yêu nhau, tình Lú – Ủa[4] mặn nồng,
Lời đã trao thương không lạc mất,
Như bán trâu ngoài chợ[5],
Như thu lúa muôn bông[6].
Lòng ta thương nhau trăm lớp nghìn trùng,
Bền chắc như vàng, như đá.
Yêu nhau, yêu trọn đời gỗ cứng,
Yêu nhau, yêu trọn kiếp đến già,
Ta yêu nhau tàn đời gió[7], không rung không chuyển,
Người xiểm xui[8] không ngoảnh, không nghe.

(Mạc Phi dịch và giới thiệu, *Tiễn dặn người yêu – Xống chụ xon xao*, NXB Văn học, Hà Nội, 1973, tr. 122 – 124, 126, 138 – 140)

Lời thề nguyền thuỷ chung được diễn tả như thế nào?

---

(1) *Muôi*: dụng cụ múc canh giống như chiếc thìa (muỗng) nhưng có kích thước lớn hơn, có địa phương gọi là *môi*.

(2) *Lụi*: tàn (ở đây nói về tình trạng cây bị úng, chết).

(3) *Bềnh*: nổi hẳn trên mặt nước (ở đây nói về việc cây bị nổi lên do nước ngập làm long rễ).

(4) *Lú – Ủa*: hai nhân vật chính trong truyện thơ *Chàng Lú – nàng Ủa* của người Thái (có nguồn gốc từ truyện cổ tích), có tình yêu son sắt, thuỷ chung.

(5), (6) *Bán trâu ngoài chợ, thu lúa muôn bông*: nói về tình trạng một vật khi đã bị bán đi (như trâu) hay đã thu hoạch (như lúa) thì không còn xác định được nó đã về đâu hay vốn tồn tại ở nơi nào. Điều này khác với lời yêu, dù đã trao nhưng không bao giờ mất.

(7) *Tàn đời gió*: hết trận gió, hết gió. Ý nói dù các hiện tượng thiên nhiên (như gió) không tồn tại nữa thì tình yêu vẫn còn mãi.

(8) *Xiểm xui*: nói lời không tốt với dụng ý xấu.

Tiễn dặn người yêu là truyện thơ thuộc loại nổi tiếng và phổ biến nhất của dân tộc Thái sống ở vùng Tây Bắc, Việt Nam.

Tiễn dặn người yêu kể về chuyện tình éo le, đẫm nước mắt của đôi nam nữ dân tộc Thái – hai nhân vật chính của tác phẩm. Ngay từ thời thơ ấu, họ đã gắn bó với nhau. Đến tuổi trưởng thành, tình cảm giữa hai người càng mặn nồng và họ mong ước được kết đôi chồng vợ. Nhưng khi chàng trai đến xin ở rể[1], cha mẹ cô gái không chấp thuận vì chê anh nghèo và quyết định chọn một chàng rể khác con nhà giàu có. Chàng trai đau khổ quyết đi xa để làm giàu với hi vọng sẽ về giành lại người yêu. Nhưng ngày anh trở lại bản làng quê hương với nhiều tiền bạc cũng là ngày cô gái phải về nhà chồng, vì thời hạn ở rể của người được cha mẹ cô chọn đã kết thúc. Không thể làm gì khác, chàng trai chỉ còn biết làm người đưa chân để nói những lời tiễn dặn tha thiết. Cô gái ở nhà chồng ít lâu thì bị đuổi về, sau khi phải chịu cảnh bị đối xử tàn tệ. Lần này, cô gái bị cha mẹ bán vào nhà quan. Quá tuyệt vọng và đau khổ, cô trở nên ương ngạnh, khiến nhà quan đem cô ra chợ bán. Người đẹp ngày xưa giờ đây "nghìn lần không đắt", cuối cùng bị dánh dổi ngang giá với một cuộn lá dong. Không ngờ người dổi được cô lại là chàng người yêu năm nào, nhưng lúc này anh đã lập gia đình riêng, có nhà cao cửa rộng. Đặc biệt, chàng trai không còn nhận ra cô trong dáng hình tiều tuỵ của một kẻ tôi dòi. Một ngày, đang lúc tủi phận, cô đem đàn môi[2] – kỉ vật tình yêu năm xưa – ra thổi. Nghe tiếng đàn ấy, chàng trai bàng hoàng nhận ra người yêu cũ. Anh quyết định chia tay với người vợ hiện tại và cưới người yêu năm xưa để hai người dược chung sống hạnh phúc.

Trong tổng số 1 846 câu của *Tiễn dặn người yêu* có khoảng gần 400 câu là lời chàng trai tiễn dặn cô gái. Do tính dặc sắc, tiêu biểu của những câu này mà truyện thơ dược dặt tên như vậy. Đoạn trích ở trên dược ghép thành từ hai lời tiễn dặn trong tác phẩm: lời 1 thể hiện tâm sự của chàng trai khi tiễn cô gái về nhà chồng; lời 2 bộc lộ niềm thương xót của anh khi chứng kiến cảnh cô gái bị nhà chồng đánh đập, hành hạ. Cả hai lời đều tha thiết, cảm động, cho thấy tình yêu sắt son, bền chặt, mãi không nhạt phai của đôi nam nữ.

1. Qua hai lời tiễn dặn trong đoạn trích, người đọc có thể nắm bắt được điều gì về bối cảnh của câu chuyện?
2. Lời kể trong đoạn trích là của ai? So với một số tác phẩm viết bằng văn xuôi đã học, lời kể ở đây có điểm gì đặc biệt?
3. Nêu nhận xét về tâm trạng của cô gái trên đường về nhà chồng và cách thể hiện tâm trạng ấy trong lời tiễn dặn 1.
4. Qua đoạn trích, hình ảnh chàng trai hiện lên với những đặc điểm gì? Bạn thấy xúc động nhất với những biểu hiện nào của nhân vật này?
5. So sánh nội dung lời thề nguyền thuỷ chung và cách thể hiện lời thề nguyền ấy trong hai lời tiễn dặn.

---

(1) *Ở rể*: một tục lệ hôn nhân cũ của người Thái, quy định người con trai khi muốn cưới vợ phải đến ở nhà người con gái một thời gian, trải qua hai giai đoạn là rể ngoài (đi làm cho nhà người con gái, ở như khách) và rể trong (sống cùng người con gái tại nhà cô ấy). Sau đó, cả hai người mới chính thức trở thành vợ chồng và người chồng được đưa vợ về nhà cha mẹ mình hoặc ra ở riêng.

(2) *Đàn môi*: một loại nhạc cụ nhỏ làm bằng miếng đồng mỏng, dài như lá tre.

6. Qua tìm hiểu đoạn trích và phần giới thiệu chung về tác phẩm *Tiễn dặn người yêu*, hãy nêu nhận xét về sự khác nhau giữa một bài thơ trữ tình và một truyện thơ.

7. Đoạn trích cho biết điều gì về không gian tồn tại và đời sống văn hoá tinh thần của đồng bào dân tộc Thái – chủ nhân truyện thơ *Tiễn dặn người yêu*?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một đoạn thơ trong văn bản *Lời tiễn dặn* đã để lại cho bạn những ấn tượng thật sự sâu sắc.

VĂN BẢN 2

Dương phụ hành

(*Bài hành về người thiếu phụ phương Tây*)

Cao Bá Quát

- *Theo bạn, khi đi đến một xứ sở khác, tiếp xúc với một nền văn hoá khác, người ta thường có những phản ứng hay cảm xúc như thế nào trước những gì được gặp, được thấy?*
- *Bạn đã biết câu chuyện thú vị nào về cuộc tiếp xúc văn hoá giữa những người đến từ hai thế giới: phương Đông và phương Tây? Hãy chia sẻ câu chuyện đó.*

Phiên âm

Tây dương thiếu phụ y như tuyết,
Độc bằng lang kiên toạ minh nguyệt.
Khước vọng Nam thuyền đăng hoả minh,
Bả duệ nâm nâm hướng lang thuyết.

Nhất uyển đề hồ thủ lãn trì,
Dạ hàn vô ná hải phong xuy.
Phiên thân cánh sảnh lang phù khởi,
Khởi thức Nam nhân hữu biệt li.

Dịch nghĩa

Người thiếu phụ Tây dương[1] áo trắng như tuyết,
Tựa vai chồng ngồi dưới bóng trăng thanh.
Nhìn thuyền người Nam thấy đèn lửa sáng,
Kéo áo nói rì rầm với chồng.

Một cốc sữa hững hờ trên tay,
Gió bể thổi hơi lạnh ban đêm không chịu nổi.
Vươn mình đòi chồng nâng đỡ dậy,
Há biết người Nam có cảnh biệt li.

Dịch thơ

Thiếu phụ Tây dương áo trắng phau,
Tựa vai chồng dưới bóng trăng thâu.
Ngó thuyền Nam thấy đèn le lói,
Kéo áo, rì rầm nói với nhau.

Hững hờ cốc sữa biếng cầm tay,
Gió bể, đêm sương, thổi lạnh thay!
Uốn éo đòi chồng nâng đỡ dậy,
Biết đâu nỗi khách biệt li này.

(Lê Tư Thực dịch, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX*, NXB Văn học, Hà Nội, 1978, tr. 748 – 749)

Chú ý các chi tiết miêu tả hình ảnh người thiếu phụ phương Tây.

Hình dung về nhân vật trữ tình.

Cao Bá Quát (1808 – 1855) quê ở Hà Nội. Ông nổi tiếng học rộng, tài cao, đỗ cử nhân sớm (1831) nhưng lận dận trên con đường làm quan. Năm 1841, khi làm Sơ khảo trường thi Thừa Thiên, vì vi phạm quy định nghiêm ngặt của việc chấm bài, Cao Bá Quát bị khép tội chết, sau đó được giảm án, cho theo phục dịch phái bộ đi công cán một số nước vùng Hạ Châu (In-đô-nê-xi-a – Indonesia, Ma-lai-xi-a – Malaysia,...) để chuộc tội. Chuyến đi này đã tác động lớn đến nhận thức, tư tưởng của ông khi được tiếp xúc với nền văn minh khác, với những màu sắc mới của cuộc sống nơi xứ lạ, phương xa.

[1] *Tây dương*: biển, đại dương ở phía Tây; ở đây dùng để chỉ phương Tây, người phương Tây.

Năm 1852, Cao Bá Quát phải rời kinh đô, nhận chức Giáo thụ phủ Quốc Oai, Sơn Tây. Năm 1854, ông tham gia lãnh đạo phong trào nông dân khởi nghĩa ở Mỹ Lương (nay thuộc thành phố Hà Nội) và bị tử trận. Triều đình nhà Nguyễn đã ra lệnh "tru di tam tộc" với dòng họ Cao.

Cao Bá Quát sáng tác bằng cả chữ Hán và chữ Nôm. Sau bản án thảm khốc với dòng họ Cao, tác phẩm của ông bị tiêu huỷ, cấm đoán nhưng vẫn còn lại 1 327 bài thơ chữ Hán[1], hơn 20 tác phẩm viết bằng chữ Nôm (phú, hát nói, truyện,...). Thơ văn Cao Bá Quát rất phong phú về đề tài, thể hiện tình cảm thiết tha gắn bó với gia đình, quê hương; đồng cảm với những thân phận cùng khổ. Ông mang đến cái nhìn nhân văn, tinh thần dân chủ của một nghệ sĩ có tâm hồn rộng mở, phóng khoáng, sẵn sàng đón nhận và trân trọng những nét đẹp mới mẻ, xa lạ với truyền thống.

Dương phụ hành được Cao Bá Quát sáng tác trong chuyến xuất dương hiệu lực[2] năm 1844. Bài thơ được viết theo thể hành, một hình thức thông dụng của thơ cổ thể[3].

1. So sánh và chỉ ra những chỗ khác biệt giữa bản dịch thơ với nguyên tác.
2. Xác định thời gian, không gian, sự việc của câu chuyện được kể trong bài thơ.
3. Chỉ ra những chi tiết miêu tả người thiếu phụ phương Tây, qua đó, nêu các đặc điểm nổi bật của hình tượng này.
4. Hình tượng người thiếu phụ phương Tây trong bài thơ được tái hiện qua cái nhìn của một nhà Nho đồng thời cũng là một nhà thơ phương Đông. Hãy phân tích những cảm xúc, thái độ được tác giả bộc lộ từ các điểm nhìn đó.
5. Phân tích tâm trạng nhân vật trữ tình trong câu thơ kết và những ý tứ được mở ra từ câu thơ này.
6. Đọc bài thơ, bạn cảm nhận được những gì về tư tưởng, tâm hồn tác giả?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày điều bạn thấy tâm đắc nhất ở bài thơ *Dương phụ hành*.

---

(1) Theo *Cao Bá Quát toàn tập*, tập một, NXB Văn học, Hà Nội, 2004. Đây là số liệu thống kê sau khi đã lược một số bài trùng lặp, tồn nghi.

(2) *Xuất dương hiệu lực*: đi phục dịch để lấy công chuộc tội.

(3) *Cổ thể:* thể thơ ra đời ở Trung Quốc trước thơ Đường luật, có nguồn gốc từ thơ dân gian. Bài thơ cổ thể không hạn định về độ dài; chỉ cần có vần điệu mà không cần đối nhau, cũng không cần tuân theo niêm luật; mỗi câu có thể bốn tiếng, năm tiếng hoặc bảy tiếng (tuỳ từng bài).

VĂN BẢN 3

Thuyền và biển

Xuân Quỳnh

- *Bạn đã biết những so sánh thú vị nào về tình yêu và về sự gắn bó giữa những người yêu nhau?*
- *Bạn đã từng nghe những ca khúc nào phổ thơ Xuân Quỳnh? Nếu đã từng nghe, hãy chia sẻ ấn tượng của bạn về một trong số ca khúc ấy.*

Em sẽ kể anh nghe
Chuyện con thuyền và biển:

Những dấu hiệu hình thức nào chứng tỏ có một câu chuyện được kể trong bài thơ?

"Từ ngày nào chẳng biết
Thuyền nghe lời biển khơi
Cánh hải âu, sóng biếc
Đưa thuyền đi muôn nơi

Lòng thuyền nhiều khát vọng
Và tình biển bao la
Thuyền đi hoài không mỏi
Biển vẫn xa... còn xa

Theo dõi diễn biến câu chuyện.

Những đêm trăng hiền từ
Biển như cô gái nhỏ
Thầm thì gửi tâm tư
Quanh mạn thuyền sóng vỗ

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Cũng có khi vô cớ
Biển ào ạt xô thuyền
(Vì tình yêu muôn thuở
Có bao giờ đứng yên?)

Chú ý dấu ngoặc đơn ở hai câu thơ này.

Chỉ có thuyền mới hiểu
Biển mênh mông nhường nào
Chỉ có biển mới biết
Thuyền đi đâu, về đâu

Nhân vật trữ tình rút ra nhận thức gì từ câu chuyện?

Những ngày không gặp nhau
Biển bạc đầu thương nhớ
Những ngày không gặp nhau
Lòng thuyền đau – rạn vỡ

*Nhân vật **trữ tình** – người kể chuyện **đã đồng nhất** mình với **nhân vật** trong câu chuyện như thế nào?*

Nếu từ giã thuyền rồi
Biển chỉ còn sóng gió"

Nếu phải cách xa anh
Em chỉ còn bão tố.

4/1963

(Xuân Quỳnh, *Không bao giờ là cuối* (tuyển thơ), NXB Hội Nhà văn – Công ti cổ phần Văn hoá và Truyền thông Nhã Nam, Hà Nội, 2011, tr. 15 – 16)

Xuân Quỳnh (1942 – 1988) tên khai sinh là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, quê ở thành phố Hà Nội. Sáng tác của bà bao gồm cả thơ và văn xuôi, viết về nhiều đề tài khác nhau, trong đó tình yêu, hạnh phúc gia đình và trẻ em là các đề tài chiếm vị trí nổi bật. Thơ Xuân Quỳnh giàu yếu tố tự thuật. Bên cạnh việc bộc lộ niềm khát khao được yêu thương, chia sẻ và ý thức chắt chiu, gìn giữ hạnh phúc đang có, thơ bà còn chứa đựng những dự cảm đầy lo âu về cái mong manh của đời sống, của tình yêu. Xuân Quỳnh được nhìn nhận là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ Việt Nam hiện đại nửa sau thế kỉ XX. Các tác phẩm chính của bà: *Gió Lào, cát trắng* (thơ, 1974), *Lời ru trên mặt đất* (thơ, 1978), *Bầu trời trong quả trứng* (thơ văn viết cho thiếu nhi, 1982), *Sân ga chiều em đi* (thơ, 1984), *Tự hát* (thơ, 1984), *Bến tàu trong thành phố* (truyện viết cho thiếu nhi, 1984), *Hoa cỏ may* (thơ, 1989),...



Xuân Quỳnh
Ảnh: Tư liệu gia đình cung cấp

1. Bạn cảm nhận như thế nào về câu chuyện được nhân vật trữ tình kể lại trong bài thơ?

2. Trong câu chuyện về thuyền và biển, hai đối tượng này được đặt trong tương quan nào? Những cung bậc tình cảm gì đã được "người kể" soi rọi, khám phá?

3. Từ câu chuyện giữa thuyền và biển, bạn suy nghĩ như thế nào về vấn đề "hiểu", "biết" và "gặp" trong tình yêu đôi lứa?

4. Nêu nhận xét về sự lồng ghép hai câu chuyện trong bài thơ. Số dòng thơ được dành cho từng câu chuyện được phân bố theo tỉ lệ nào? Bạn suy nghĩ gì về điều này?

5. Bài thơ giúp bạn hiểu như thế nào về tâm sự và khát vọng của nhân vật trữ tình?

6. Đánh giá chung về vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ.

Kết nối đọc – viết

Tìm đọc thêm một bài thơ trữ tình có câu chuyện ẩn dụ về tình yêu gần gũi với *Thuyền và biển*. Từ đó, viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) so sánh hai tác phẩm này.

Thực hành tiếng Việt

Lỗi về thành phần câu và cách sửa

1. Trong những trường hợp sau, trường hợp nào mắc lỗi về thành phần câu? Phát hiện và đề xuất phương án sửa lỗi cho những trường hợp đó.

a. *Bằng những khảo sát đáng tin cậy đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần dần khô cạn.*

Nhận biết lỗi về thành phần câu và cách sửa

- **Thiếu thành phần nòng cốt**

– ***Câu thiếu chủ ngữ***

Ví dụ:

Với tác phẩm này đã thể hiện tài năng của một cây bút truyện ngắn bậc thầy.

"Với tác phẩm này" là thành phần trạng ngữ. Có thể người viết nhầm đó là chủ ngữ.

Cách sửa thứ nhất: Dựa vào ngữ cảnh để bổ sung chủ ngữ phù hợp. Chẳng hạn: *Với tác phẩm này, nhà văn đã thể hiện tài năng của một cây bút truyện ngắn bậc thầy.*

b. *Rất thú vị truyện ngắn sử dụng các yếu tố kì ảo, lạ lùng.*

c. *Những con người vị tha giàu đức hi sinh ấy.*

d. *Theo báo* Tuổi Trẻ *cho biết, tình trạng ùn ứ nông sản của nông dân miền Tây đã bước đầu được giải quyết.*

e. Chữ người tử tù, *một tác phẩm được sáng tác bằng bút pháp lãng mạn của Nguyễn Tuân.*

g. *Với những tin tức lan truyền trên mạng xã hội không phải bao giờ cũng chính xác.*

h. *Khổ thơ chỉ có một câu, rất đặc biệt.*

2. Phát hiện lỗi về thành phần câu ở các trường hợp sau và sửa lại:

a. *Truyện ngắn, thể loại linh hoạt ấy.*

b. *Đã vẽ bức tranh tường hoành tráng này một nhóm hoạ sĩ đến từ thành phố.*

c. *Số đỏ không chỉ là một tác phẩm trào phúng đặc sắc vào bậc nhất trong văn học Việt Nam trước 1945.*

d. *Văn bản nghị luận, loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc.*

Cách sửa thứ hai: Lược bỏ quan hệ từ (kết từ) ở đầu câu để bộ phận đứng sau đó trở thành chủ ngữ: *Tác phẩm này đã thể hiện tài năng của một cây bút truyện ngắn bậc thầy.*

– ***Câu thiếu vị ngữ***

Ví dụ:

Lục bát, một thể thơ "đặc sản" có từ lâu của người Việt.

Trong câu trên, có thể coi "lục bát" là chủ ngữ, "một thể thơ "đặc sản" có từ lâu của người Việt" là thành phần chêm xen, giải thích cho đối tượng được nói đến ở chủ ngữ chứ không phải là vị ngữ. Kiểu lỗi này có thể do người viết nhầm thành phần chêm xen là vị ngữ.

Cách sửa thứ nhất: Thêm từ "là" để biến thành phần chêm xen thành vị ngữ: *Lục bát là một thể thơ "đặc sản" có từ lâu của người Việt.*

Cách sửa thứ hai: Giữ nguyên thành phần chêm xen, dựa vào ngữ cảnh để bổ sung vị ngữ phù hợp: *Lục bát – một thể thơ "đặc sản" có từ lâu của người Việt – đã được tác giả sử dụng hết sức nhuần nhuyễn.*

– ***Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ***

Ví dụ:

Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng như thế.

Đây mới chỉ là một cụm từ, chưa hề có nội dung thông tin, vì thế, chưa phải là câu.

Cách sửa: Dựa vào ngữ cảnh, bổ sung thành phần nòng cốt để hoàn thành câu. Ví dụ: *Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng như thế, tôi không thể chần chừ.*

- **Sắp xếp sai vị trí thành phần câu**

Trong câu tiếng Việt, chủ ngữ thường đứng trước vị ngữ. Nhưng để phục vụ cho mục đích nghệ thuật, các nhà văn, nhà thơ có thể đảo vị trí của hai thành phần này. Ví dụ:

Nơi đây sống một người tóc bạc

(Nguyễn Đình Thi, *Quê hương Việt Bắc*)

Tuy nhiên, trong ngôn ngữ giao tiếp hằng ngày, việc đảo vị trí các thành phần câu như vậy rất khó được chấp nhận. Chẳng hạn, không thể nói:

Đang hành quân trong rừng một đơn vị bộ đội.

3. Vì sao những câu sau đây (lấy từ một số văn bản văn học) mặc dù không đầy đủ thành phần câu nhưng vẫn không bị xem là câu sai?

a. *Huân cảm tưởng như mình đã bị thuổng văn.* ***Bị đạo ý.***

(Nguyễn Trương Quý, *Câu chuyện bắt đầu từ tầng 10*)

b. ***Mắt mèo hoang.*** *Em thích mẹ nói em có con mắt mèo hoang và dã thú.*

(Nguyễn Ngọc Thuần, *Một thiên nằm mộng*)

c. *Đó là người câm của quán rượu.* ***Anh Ba Hoành!***

(Nguyễn Quang Sáng, *Quán rượu người câm*)

Ở trường hợp này, người nói nhất thiết phải trả chủ ngữ (*một đơn vị bộ đội*) và vị ngữ (*đang hành quân trong rừng*) về với trật tự quen thuộc mới được xem là nói đúng:

Một đơn vị bộ đội đang hành quân trong rừng.

- **Thiếu vế câu**

Trong câu văn tiếng Việt, có một số quan hệ từ luôn đòi hỏi được kết hợp với một quan hệ từ khác để tạo thành cặp như: *vì... nên...; chẳng những... mà còn...; tuy... nhưng...; càng... càng...;...* Nếu không chú ý đến đặc điểm này, câu dễ bị mắc lỗi về thành phần. Ví dụ:

Trái Đất nóng lên chẳng những khiến băng ở Bắc Cực và Nam Cực tan nhanh, nhấn chìm nhiều vùng đất màu mỡ.

Cách sửa: Bổ sung quan hệ từ phù hợp, tương ứng với quan hệ từ đã có ở vế câu trước, chẳng hạn: *Trái Đất nóng lên chẳng những khiến băng ở Bắc Cực và Nam Cực tan nhanh, nhấn chìm nhiều vùng đất màu mỡ mà còn đe doạ sự sống của muôn loài.*

Lưu ý: Có những câu nếu tách ra, có vẻ như bị lỗi thành phần câu, nhưng đặt trong ngữ cảnh, đó không phải là câu sai. Ví dụ: *Rừng Hoành Bồ nhiều nương dó. Rộng sâu lắm.* (Nguyễn Tuân, *Xác ngọc lam*). Tách ra, *Rộng sâu lắm* không thể là một câu, nhưng nhờ câu trước đó mà ta hiểu rằng "rộng" và "sâu" ở đây là những đặc điểm của rừng dó Hoành Bồ. Loại câu như thế thường được dùng trong văn bản văn học.

VIẾT

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội
(Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

Xã hội hiện đại đang đặt ra trước mỗi chúng ta nhiều thử thách mới. Để hoà nhịp một cách tích cực với cuộc sống hiện nay, bạn cần biết suy tư về một số vấn đề có khả năng tác động mạnh mẽ đến cách lựa chọn thái độ ứng xử của chúng ta trong cuộc vận động mang tính chất toàn cầu, hướng đến sự chung sống hài hoà giữa các quốc gia, dân tộc; giữa con người với toàn bộ môi trường sống. Viết văn bản nghị luận bàn về những vấn đề như vậy là một cơ hội khám phá, nhận thức đầy ý nghĩa.

Yêu cầu

- Nêu được vấn đề thực sự có ý nghĩa, hướng đến việc hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.
- Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, phù hợp với logic của vấn đề bàn luận; sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, thích hợp, đầy đủ.
- Nêu được ý kiến về vấn đề bàn luận từ một góc nhìn khác.
- Rút ra được ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề.

Bài viết tham khảo

Cư dân của hành tinh

Chúng ta đang sống trong thời đại thường được định danh bằng thuật ngữ toàn cầu hoá. Mặc dù nội hàm của thuật ngữ này hiện vẫn còn gây nhiều tranh cãi, nhưng chúng ta vẫn cảm nhận được ngày càng rõ rệt rằng thế giới này chỉ có thể tồn tại được trong và bằng sự giao lưu, kết nối mọi người, mọi quốc gia, dân tộc với nhau. Tuy nhiên, từ cảm nhận được điều này tới việc thể hiện một thái độ tích cực đối với nó có một khoảng cách khá xa. Đây không chỉ là vấn đề của từng cá nhân, nhưng trước hết mỗi người phải chứng tỏ được bằng hành động cụ thể rằng mình đã có một "căn cước" mới: cư dân của hành tinh.

Nêu vấn đề cần bàn luận theo lối gián tiếp.

Theo nhiều kết quả nghiên cứu khoa học được thừa nhận rộng rãi, loài người trên thế giới hiện nay vốn cùng chung một nguồn gốc, là loài được định danh bằng cái tên Hô-mô Xa-piên (Homo Sapiens)[1]. Hiện tại, dù có nhiều màu da khác nhau và thuộc nhiều chủng tộc khác nhau, nhưng truy nguyên, con người trên toàn thế giới cùng chung một tổ tiên, không có sự tách biệt về gene. Đây chính là cơ sở đầu tiên, thuộc phương diện sinh học chứng tỏ sự thống nhất của loài người.

Luận điểm 1: Xem xét vấn đề từ nguồn gốc chung của loài người.

Sau khi toả đi khắp mọi nơi trên thế giới và suốt một thời kì dài sống trong sự chia rẽ, từ thế kỉ XVI, xét theo quy mô rộng, con người của các dân tộc bắt đầu tìm cách liên hệ, liên kết với nhau. Quá trình toàn cầu hoá

Luận điểm 2: Xem xét vấn đề từ thực tiễn lịch sử cận – hiện đại của thế giới.

---

[1] *Hô-mô Xa-piên*: từ La-tinh (Latin), có nghĩa là người tinh khôn. Xem thêm: I-u-vô Nô-a Ha-ra-ri (Yuval Noah Harari), *Sapiens: Lược sử loài người*, Nguyễn Thuỷ Chung dịch, Võ Minh Tuấn hiệu đính, NXB Tri thức – Công ti cổ phần Sách Omega Việt Nam, Hà Nội, 2019.

bắt đầu từ đó và đến nay đã được nhìn nhận là một xu thế phát triển có tính tất yếu. Thế giới đang trở thành một thể thống nhất gồm nhiều bộ phận có quan hệ với nhau chặt chẽ. Những dấu ấn chung mang tính toàn cầu được thể hiện ở mọi bộ phận cấu thành của nó, từ bộ phận lớn như quốc gia, dân tộc đến những bộ phận nhỏ hơn như từng con người cá nhân. Chúng ta có thể thấy thế giới hiện hữu một cách sống động quanh mình. Tất cả các tiện nghi sinh hoạt mà ta dùng hằng ngày, từ quần áo, giày dép, đồ ăn thức uống, phương tiện đi lại đến những phương tiện liên lạc hiện đại như điện thoại thông minh, máy vi tính, rô-bốt,... là những minh chứng rõ ràng. Chúng đến từ những nơi sản xuất khác nhau trên địa cầu, tạo sự gắn kết giữa ta với thế giới. Thành quả văn minh mà nhân loại tạo ra đã được mỗi người đón nhận một cách tự nhiên. Sự giao lưu mở rộng tạo cơ hội cho ta tìm được việc làm không phải chỉ trên xứ sở của mình. Khái niệm "công dân toàn cầu" trước hết phản ánh điều đó nhưng không chỉ điều đó.

Nêu bằng chứng xác nhận sự kết nối với nhau của con người trên Trái Đất hiện nay.

Nhìn ở phạm vi quốc gia, dân tộc, chúng ta cũng có thể thấy rõ: không một quốc gia nào muốn phát triển, không một dân tộc nào muốn "ngẩng mặt" mà lại quay lưng với thế giới. Chúng ta phải chấp nhận những luật chơi chung và phải tôn trọng những giá trị phổ quát toàn cầu. Hợp tác cùng phát triển đã trở thành một nhu cầu tất yếu để mọi bên đều được hưởng lợi. Tất nhiên, trong cuộc chơi chung mà tất cả đều tham gia này, mỗi người, mỗi quốc gia, dân tộc, từ vị thế, điều kiện và sở trường của mình, phải có đóng góp xứng đáng. Những tiến bộ mà con người đạt được trong mọi lĩnh vực, từ kinh tế, chính trị đến văn hoá đều đem lại niềm vui cho cả loài người và thu hút sự chú ý của mỗi chúng ta. Một mẫu điện thoại di động đời mới nhất vừa xuất hiện có thể đem đến niềm khấp khởi cho bao nhiêu triệu con người trên nhiều quốc gia, lãnh thổ. Một cú sút thần sầu của Crít-xti-a-nô Rô-nan-đô (Cristiano Ronaldo)[1] hay của Li-ô-nen Mét-xi (Lionel Messi)[2] vào khung thành cũng có thể làm hàng triệu người hâm mộ phấn khích... Đó là mới chỉ nói tới những sự kiện mang nhiều tính đại chúng nhất.

Luận điểm 3: Xem xét vấn đề từ mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc.

Nêu bằng chứng từ những sự kiện mang tính đại chúng.

Tuy nhiên, ta cũng không khó nhận ra rằng thế giới chúng ta sống đang gặp nhiều bất ổn và sức khoẻ của mẹ Trái Đất vẫn thường xuyên bị đe doạ. Xu thế toàn cầu hoá kéo theo nhiều hệ luỵ. Sự hướng về những giá trị chung có nguy cơ làm phai nhạt những bản sắc riêng. Phản ứng

Luận điểm 4: Xem xét vấn đề từ góc nhìn khác.

---

[1] *Crít-xti-a-nô Rô-nan-đô*: sinh năm 1985, cầu thủ bóng đá nổi tiếng người Bồ Đào Nha.

[2] *Li-ô-nen Mét-xi*: sinh năm 1987, cầu thủ bóng đá nổi tiếng người Ác-hen-ti-na (Argentina).

co cụm, chối bỏ đã xảy ra mà ví dụ rõ nhất là các xung đột tôn giáo, xung đột sắc tộc đang có những diễn biến nguy hiểm khó lường. Nạn khủng bố, trào lưu di dân, những lời đe doạ sử dụng vũ khí hạt nhân,... đang làm đau đầu các nhà chính trị, các nhà hoạt động xã hội và khiến tất cả chúng ta phải lo âu, thậm chí sợ hãi. Những dịch bệnh cũng lan tràn khắp mọi nơi khiến cả loài người phải tìm cách chống đỡ một cách vất vả. Hết đại dịch AIDS đến đại dịch COVID-19, không biết lúc nào con người mới có được cảm giác sống an toàn. Tai hoạ đến từ thiên nhiên cũng ngày một nhiều hơn, thảm khốc hơn. Thiên nhiên dường như đang nổi giận về sự vô ý thức của con người, về tính kiêu ngạo vô lối của con người. Chưa bao giờ những thảm hoạ lại mang tính toàn cầu rõ nét đến vậy... Rõ ràng, không còn ai có thể quay lưng với những mối lo lớn như thế, nếu không phải là người hoàn toàn vô trách nhiệm và trơ lì, vô cảm.

Nêu bằng chứng cho ý kiến từ góc nhìn khác: toàn cầu hoá gặp nhiều thách thức.

Là một cư dân của hành tinh, chúng ta cần phải biết chia sẻ những niềm vui và nỗi lo mang tính toàn cầu. Trách nhiệm với cá nhân, gia đình, quốc gia, dân tộc chưa phải là tất cả. Trách nhiệm với toàn bộ sự sống trên Trái Đất, với tương lai của loài người nhất định phải trở thành mối bận tâm của mỗi người có đạo đức và lí trí. Sự lên tiếng phản đối một cuộc chiến tranh xâm lược, sự hưởng ứng lời kêu gọi giảm thiểu hiệu ứng nhà kính, sự tham gia tích cực vào hoạt động quảng bá lối sống xanh,... đó đều là những việc làm thể hiện trách nhiệm nói trên.

Luận điểm 5: Ứng xử thực tế cần có của mỗi người khi nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề bàn luận.

Gioóc-giơ Vơ-nát-xki (George Vernadsky)[1] từng phát biểu: "Lần đầu tiên, con người đã thực sự hiểu rằng nó là một cư dân của hành tinh này, và có lẽ nó phải nghĩ hoặc hành động dưới một vẻ mặt mới, không chỉ mặt cá thể, gia đình hoặc giống loài, nhà nước hay nhiều nhà nước mà cả mặt toàn cầu nữa"[2]. Đó quả là một nhận định sâu sắc mang tính chất khai mở nhận thức, cần được mỗi người chúng ta suy ngẫm để xác định được cho mình một thái độ sống tích cực, có trách nhiệm với cuộc đời và với sự sống nói chung.

Thay lời kết luận bằng một trích dẫn phù hợp.

(Nhóm biên soạn)

---

(1) *Gioóc-giơ Vơ-nát-xki* (1887 – 1973): nhà sử học người Mỹ gốc Nga.

(2) Trích dẫn theo Ét-ga Mô-ranh (Edgar Morin), *Bảy tri thức tất yếu cho nền giáo dục tương lai*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2008, tr. 81.

1. Nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài viết và ý nghĩa của nó.

2. Xác định hệ thống luận điểm được triển khai trong bài viết.

3. Nhận xét về mức độ thuyết phục của các bằng chứng được người viết đưa ra.

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

Đề tài bạn sẽ chọn, như được định hướng từ nhan đề chung của phần *Viết*, nên là đề tài có thể khơi dậy được thái độ sống tích cực trong hoàn cảnh sống có nhiều thách thức mới hiện nay. Cần bình tâm ngẫm nghĩ về những câu hỏi nảy sinh từ chính cuộc sống của mình, với những điều được gợi mở từ những thông tin mà các phương tiện truyền thông phổ biến vẫn truyền tải hằng ngày.

– Gợi ý một số đề tài có thể chọn: Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn xã hội; Thực hành lối sống xanh; Đấu tranh cho bình đẳng giới; Tôn trọng sự khác biệt; Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ; Trách nhiệm với lớp người yếu thế trong xã hội; Ý nghĩa của các diễn đàn, câu lạc bộ khởi nghiệp;...

– Khi đã xác định được đề tài, nên tìm cho bài viết một nhan đề phù hợp. Tên bài viết có thể là tên của đề tài và việc diễn đạt tường minh về đề tài sẽ tạo tiền đề thuận lợi cho bạn triển khai thông suốt hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong bài.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Gợi ý một số câu hỏi có thể dùng để tìm ý, huy động các bằng chứng:

– Có thể nhìn nhận vấn đề từ những góc độ và theo các cấp độ nào? Tác giả bài viết tham khảo đã triển khai vấn đề từ các góc nhìn: lịch sử, xã hội, đạo đức; đã chứng minh vấn đề theo từng cấp độ: cá nhân, quốc gia – dân tộc, nhân loại. Cách triển khai này khác với cách triển khai của bài viết tham khảo ở Bài 3 – *Cấu trúc của văn bản nghị luận*. Như vậy, việc xác định hệ thống luận điểm trong một bài văn nghị luận tuỳ thuộc vào vấn đề được bàn có thể nhìn nhận từ những góc độ hay theo cấp độ nào.

– Nên chọn những bằng chứng gì để làm sáng tỏ các luận điểm? (Trong bài viết tham khảo, các bằng chứng được nêu rất sinh động, phong phú, vừa gắn với sinh hoạt thường ngày, vừa gắn với những sự kiện gây ảnh hưởng lớn đến đời sống chung của nhân loại.)

– Những ý kiến sáng giá nào có thể trích dẫn? (Bài viết tham khảo đã trích một nhận định có tầm khái quát rất cao của Giooc-giơ Vơ-nát-xki.)

– Có thể bàn về vấn đề từ góc nhìn trái chiều như thế nào? (Bài viết tham khảo nêu ý kiến từ một góc nhìn khác: Xu hướng toàn cầu hoá đưa đến nhiều hệ luỵ không mong muốn.)

– Việc nhận thức sâu sắc về vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người, trước hết là với chính người viết?

Lập dàn ý

Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận, hướng bàn luận và ý nghĩa chung của việc bàn luận về vấn đề. Bạn có thể giới thiệu vấn đề theo cách trực tiếp như bài viết tham khảo ở Bài 3 hoặc

theo cách gián tiếp như bài viết tham khảo ở Bài 4 này. Dù theo cách giới thiệu nào thì phần *Mở bài* không được dài dòng và cần giúp người đọc nắm rõ ngay từ đầu bài viết sẽ bàn luận về vấn đề gì.

Thân bài:

– Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề. Ví dụ: Với vấn đề ý nghĩa của các diễn đàn, câu lạc bộ khởi nghiệp, cần cho thấy được sự nở rộ của nhiều ngành nghề mới, nhu cầu tìm kiếm việc làm của người lao động, sự xuất hiện của các diễn đàn về khởi nghiệp,...

– Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp. Ví dụ: Với vấn đề thực hành lối sống xanh, cần phân tích, đánh giá được ý nghĩa của những hoạt động ở cấp độ toàn cầu, quốc gia và những hoạt động ở cấp độ từng cá nhân trong cộng đồng.

– Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề. Ví dụ: Với vấn đề tự bảo vệ mình trước các tệ nạn xã hội, phải cho thấy việc hiểu được sự cám dỗ của những tệ nạn và khả năng, điều kiện tự bảo vệ mình của mỗi người có ý nghĩa như thế nào.

– Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề được bàn luận. Ví dụ: Với vấn đề sự cần thiết của việc học ngoại ngữ, cần cho biết bản thân đã từng gặp khó khăn hay thuận lợi gì khi muốn giao tiếp với người nước ngoài hay khi muốn tra cứu tài liệu được viết bằng các ngôn ngữ khác.

– Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều. Ví dụ: Với vấn đề sự cần thiết của việc học ngoại ngữ, có ý kiến cho rằng, hiện nay đã có nhiều công cụ dịch tự động rất chính xác và hiệu quả. Vì vậy, việc học ngoại ngữ không còn được đặt ra một cách cấp thiết như trước đây. Bạn cần nêu các lí lẽ và bằng chứng để phản bác lại ý kiến đó.

Kết bài: Tóm tắt những luận điểm chính đã trình bày và khẳng định ý nghĩa của vấn đề trên cơ sở thu thập nhiều tư liệu và bằng chứng mới.

Viết

– Bám sát dàn ý đã lập để viết, có thể điều chỉnh các nhận xét, đánh giá cho phù hợp với những bằng chứng được đưa ra.

– Mỗi luận điểm cần được triển khai thành một đoạn văn, có câu chủ đề với các ý nhỏ triển khai chủ đề.

– Thường xuyên chú ý mạch lạc và liên kết của bài viết, sử dụng chính xác và đúng chỗ các phương tiện liên kết.

– Việc trích dẫn các ý kiến bàn về vấn đề (nếu có) cần đảm bảo tính trung thực, không cắt xén, có ghi nguồn đầy đủ, chính xác (phần trích dẫn trực tiếp phải được đặt trong ngoặc kép).

– Chú ý sử dụng hình thức đối thoại (với các quan điểm khác) nhằm làm cho vấn đề trở nên nổi bật và sắc nét.

– Có thể vận dụng linh hoạt các yếu tố tự sự và biểu cảm, nhất là khi đề cập những trải nghiệm của bản thân để làm tăng tính thuyết phục của lập luận.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để:

– Bổ sung những ý cần thiết hay lược bỏ những ý đi xa vấn đề chính cần bàn luận.

– Kiểm tra tính chặt chẽ, hợp lí của bố cục; có thể đảo vị trí các đoạn, các câu nếu thấy cần thiết nhằm đảm bảo sự liền mạch, logic của lập luận.

– Triển khai hoàn chỉnh những ý còn sơ sài.

– Thay thế phương tiện liên kết chưa được dùng chính xác và bổ sung phương tiện liên kết cần thiết, phù hợp.

– Sửa các lỗi chính tả, diễn đạt và trình bày (nếu có).

NÓI VÀ NGHE

Thảo luận về một vấn đề trong đời sống

(Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

Yêu cầu

- Chọn được vấn đề thảo luận có ý nghĩa, gần gũi với trải nghiệm của tuổi trẻ học đường.
- Nêu được các khía cạnh cụ thể của vấn đề và những cách tiếp cận khác nhau đối với vấn đề.
- Thể hiện được quan điểm rõ ràng về vấn đề với lí lẽ thuyết phục và bằng chứng phù hợp, sinh động trong từng ý kiến phát biểu.
- Có được thái độ tôn trọng lẫn nhau trong thảo luận.

Chuẩn bị thảo luận

– Ở phạm vi tập thể, trước khi thực hành nói và nghe, cần trao đổi ý kiến để chọn đề tài thảo luận phù hợp, có khả năng lôi cuốn được nhiều người tham gia phát biểu ý kiến. Có thể chọn một trong số những đề tài đã được gợi ý ở phần *Viết*, nhất là đề tài còn hứa hẹn những cách tiếp cận, đánh giá mới đối với các vấn đề của nó.

– Ở phạm vi cá nhân, nếu bạn đã viết bài về đề tài được chọn thảo luận, hãy rút ra từ bài viết đoạn mà bạn tâm đắc nhất, thể hiện được cách nhìn nhận, phân tích, đánh giá độc đáo để làm nòng cốt cho ý kiến sẽ phát biểu. Nếu đề tài thảo luận hoàn toàn mới, bạn hãy tìm hiểu trước, thu thập, tra cứu các tài liệu liên quan để hình thành ý kiến của mình. Bạn có thể tổ chức ý kiến dự định phát biểu thành một dàn ý mạch lạc, có gạch chân các từ ngữ quan trọng, có lưu ý về những chỗ cần được minh hoạ bằng các phương tiện phi ngôn ngữ,...

– Phân công người điều hành buổi thảo luận và thư kí ghi chép lại các nội dung thảo luận; lập danh sách những người đăng kí phát biểu;... đảm bảo cho buổi thảo luận đạt kết quả mong muốn.

Thảo luận

– Người điều hành nêu đề tài và vấn đề trung tâm cần thảo luận, nói rõ các nguyên tắc thảo luận.

– Những người được mời phát biểu lần lượt nêu ý kiến của mình, chú ý điều chỉnh linh hoạt nội dung phát biểu để tránh nói lại những gì đã được nêu trước đó, trừ khi muốn đối thoại và bác bỏ, đảm bảo cho cuộc thảo luận có bước tiến triển tích cực.

– Một số yêu cầu đối với người nói và người nghe (trong cuộc thảo luận, vai trò người nói và người nghe chỉ có tính chất lâm thời và thường được hoán đổi một cách linh hoạt):

Người nói	Người nghe
– Bày tỏ thái độ hưởng ứng tích cực đối với đề tài, vấn đề thảo luận. – Nắm bắt được tốt nội dung các ý kiến đã phát biểu và chiều hướng phát triển của cuộc thảo luận. – Nêu được ý kiến làm sáng tỏ đề tài, vấn đề thảo luận với lí lẽ sắc bén và bằng chứng sinh động, tạo được sự kết nối liền mạch với các ý kiến đã phát biểu trước đó. – Thể hiện được văn hoá tranh luận khi nêu ý kiến phản bác. – Biết thu hút sự chú ý của người nghe bằng việc kết hợp linh hoạt phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. – Làm chủ được thời gian phát biểu ý kiến (không vượt quá khung quy định).	– Theo dõi sát tiến trình thảo luận. – Ghi chép những ý kiến phát biểu độc đáo hoặc những ý kiến cần được trao đổi thêm. – Thể hiện sự tôn trọng người nói, tạo điều kiện cho người nói thể hiện tốt nhất ý kiến của mình. – Chuẩn bị ý kiến để sẵn sàng tham gia thảo luận.

Đánh giá, rút kinh nghiệm

– Người điều hành tổng kết thảo luận, nêu những điều đã đạt được sự đồng thuận và những điều còn có ý kiến khác nhau, đặc biệt, nhấn mạnh ý nghĩa của đề tài, vấn đề thảo luận trong việc giúp mỗi người xác định được thái độ sống tích cực trong xã hội hiện đại.

– Người điều hành biểu dương sự đóng góp của tập thể và từng cá nhân cho sự thành công (theo những mức độ khác nhau) của cuộc thảo luận.

– Tập thể cùng rút kinh nghiệm về khâu tổ chức thảo luận, từ bước chuẩn bị đến bước triển khai.

– Từng cá nhân tự rút ra những bài học bổ ích cho bản thân về kĩ năng phát biểu ý kiến và kĩ năng tương tác nói – nghe trong khi thảo luận.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Chỉ ra các điểm tương đồng, khác biệt giữa truyện thơ và thơ trữ tình. Kể tên các bài thơ trữ tình giàu yếu tố tự sự mà bạn biết, ngoài các bài đã có trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11.
2. Tìm đọc thêm các truyện thơ dân gian nổi tiếng được in trong một số sách thuộc loại hợp tuyển, tổng tập (ví dụ: *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 40 và tập 41, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000). Ghi lại phần tóm tắt nội dung các truyện thơ dân gian đã đọc cùng một số câu, đoạn thơ bạn cho là đặc sắc.
3. Lập dàn ý chi tiết cho bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (tự chọn) theo những gợi ý ở phần *Viết*.
4. Nếu ở vai điều hành cuộc thảo luận trên lớp về một vấn đề đời sống, bạn sẽ nêu yêu cầu gì đối với những người tham gia để đảm bảo cho cuộc thảo luận đạt kết quả mong muốn?

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Tóm tắt nội dung văn bản.
- Xác định người kể chuyện trong văn bản và ý nghĩa của việc triển khai câu chuyện theo lời kể của nhân vật này.
- Tìm hiểu khát vọng tình yêu tự do, ước mong hạnh phúc và cách ứng xử nhân văn của người từng chịu cuộc đời đau khổ được thể hiện qua văn bản.
- Liên hệ với văn bản *Lời tiễn dặn* để rút ra những nhận định phù hợp, cần thiết về hướng tiếp nhận các truyện thơ của một số cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

Nàng Ờm nhắn nhủ(*)

(Trích *Nàng Ờm – chàng Bồng Hương* – truyện thơ dân tộc Mường)

Nàng Ờm và chàng Bồng Hương quê ở đất Cành Nành[1], làng Ca Da[2], mường Kỳ Ống[3], là bạn bè từ thuở nhỏ, lớn lên, yêu nhau và mong được kết đôi vợ chồng. Nhưng do cha mẹ nàng Ờm ngăn trở, cấm đoán nghiệt ngã, họ đã tự kết liễu đời mình. Trở thành vợ chồng ở thế giới bên kia, linh hồn họ vẫn quẩn quanh trên núi Làn Ai[4] để kể lại câu chuyện của mình cho những người còn sống rút ra bài học; mong các đôi lứa khác được sum vầy, hạnh phúc, không phải chịu số phận bất hạnh như họ.

(*) Nhan đề văn bản do người biên soạn sách giáo khoa đặt.

(1), (2), (3), (4) *Cành Nành, Ca Da, Kỳ Ống, Làn Ai*: các địa danh gọi theo tiếng Mường, gắn với địa bàn cư trú của đồng bào dân tộc Mường ở Thanh Hoá.

Các cố[1], các mẹ ơi!
Hôm nay trăng sáng đẹp trời
Em kể lại kiếp khốn[2] cho các mẹ biết
Em kể lại kiếp khổ cho các mẹ hay
Cái chuyện con Ờm
Trên núi Làn Ai
Quê nhà Ờm ở đất Cành Nành
Làng Ca Da, mường Kỳ Ống
Để các mẹ suy đi nghĩ lại
Mà thương cho cái kiếp con người
Các mẹ sống trên đời
Đừng chê người ăn ngón
Các cố, các mẹ ơi!
Cửa nhà em bận lắm
Chàng Bồng Hương lắm việc nhiều công
Buổi sớm, đi đánh lưới sông cái
Buổi chiều, đi đánh chài sông con
Tối tăm săn hổ trên non một mình
Còn em, buổi sáng chăn con lợn, con gà
Buổi chiều, em đi cấy, đi hái
Giữa đêm, anh đan chài vóng cái[3]
Về sáng, anh đan lưới vóng ngoài[4]
Em thì vào ra cửi canh may vá
Giờ nhà em lắm cá
Giờ nhà em nhiều cơm

---

(1) *Cố*: nghĩa như từ *cụ*, dùng để gọi người già cả với hàm ý tôn kính.

(2) *Kiếp khốn*: cuộc đời cơ cực, đau khổ.

(3), (4) *Vóng cái, vóng ngoài*: các dụng cụ đánh bắt cá ở suối, khe của một số đồng bào miền núi Thanh Hoá.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tình chồng thắm thiết hơn
Nghĩa vợ như đêm trăng sáng
Đêm đã khuya, ngày đã rạng
Các mẹ ở lại sống lâu trăm năm
Các mẹ ở lại thêm trăm ngàn tuổi
Nên bố nên mẹ, trong bản trong làng
Mừng các mẹ giàu sang
Để em quay chân trở lại
Quay mặt về núi Làn Ai
Em muốn ăn chơi ở chơi
Nói cái kiếp khốn cho các mẹ đỡ thương
Nói cái kiếp khổ cho các mẹ đỡ tủi
Nhưng em không về, con gà nó đợi
Nếu em không về, con lợn nó mong
Gà nó bới rẫy bông
Lợn ăn rông phá ha
Ngày nào trăng rằm sáng tỏ
Mời các mẹ lên thăm cửa thăm nhà
Để biết lối vào đường ra
Cho đỡ thương đỡ nhớ
Núi Làn Ai nghèo tiền nghèo của
Nhưng Làn Ai giàu nghĩa giàu tình.

(Hoàng Anh Nhân sưu tầm, biên dịch,
Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 41,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 396 – 397)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 5 NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.
- Trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm; biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.
- Biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và biết vượt lên mọi trở ngại.

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Bi kịch

Bi kịch là một thể loại thuộc về kịch. Thông qua sự dàn cảnh, luân chuyển lời đối thoại, độc thoại, hành động của nhân vật trên sân khấu, bi kịch tập trung diễn tả những xung đột hệ trọng, đạt tới mức căng thẳng tột độ giữa những mong muốn, hành động cao đẹp, hào hùng của con người với những tình thế bi đát không thể đảo ngược của thực tại hay với những trở ngại tồn tại ngay trong bản tính con người. Việc thắt nút, triển khai và giải quyết những xung đột như vậy làm nên cốt truyện bi kịch. Bi kịch thường kết thúc bằng thảm cảnh hay bằng cái chết của một loạt nhân vật. Trong bi kịch, việc cái đẹp, cái hùng bị thất bại đã đưa đến nỗi đau khổ cùng cực. Song chính từ đó, bi kịch trở thành tiếng nói khẳng định sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người trong cuộc đấu tranh chống lại những tình thế bi đát của thực tại và những yếu hèn của cá nhân con người.

Nhân vật và xung đột trong bi kịch

Nhân vật chính trong bi kịch mang khát vọng cao đẹp, có tính cách mạnh mẽ, có khả năng lựa chọn hành động tự do xuất phát từ chính kiến, đức tin của mình, song lựa chọn này xung đột với hoàn cảnh thực tế hoặc gặp phải những trở ngại ngay trong bản tính cố hữu.

Do vậy, nhân vật chính trong bi kịch thường phải trải qua những trạng thái giằng xé, bế tắc, rơi vào những tình huống hết sức nặng nề và có kết thúc bi thảm. Tương ứng với sự phức tạp của nhân vật, lời thoại trong bi kịch thường căng thẳng, chất chứa biện luận, thể hiện suy tư trăn trở và ý chí của những nhân cách mạnh mẽ, không khuất phục.

Xung đột trong bi kịch là những mâu thuẫn gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật như một nhân cách mạnh mẽ với cái tất yếu vốn được thể hiện qua những thế lực như định mệnh, bản tính tự nhiên, định kiến thời đại, thực tại xã hội,...

Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch

Khi theo dõi hành động kịch căng thẳng, gay gắt, kết cục bi thảm, người tiếp nhận bi kịch có thể sợ hãi, kinh hoàng, thương cảm, xót xa như chính mình đang trải nghiệm những bế tắc trong cuộc sống cùng nhân vật, để rồi sau đó thấy căm ghét cái đê tiện, giả dối; ngưỡng mộ, cảm phục cái cao cả; tâm hồn như được thanh lọc, trở nên hài hoà, thăng bằng hơn. Nhà triết học Hy Lạp cổ đại A-rít-xtốt (Aristotle) gọi đó là **hiệu ứng thanh lọc của bi kịch**.

VĂN BẢN 1

Sống, hay không sống – đó là vấn đề(*)

(Trích *Hăm-lét – Hamlet*)

Uy-li-am Sếch-xpia (William Shakespeare)

Theo bạn, việc ý thức về tình trạng bi đát của hoàn cảnh có khi nào ngăn trở con người hành động quyết đoán trong cuộc đời?

Tóm tắt bi kịch *Hăm-lét*:

Hồi I – II: Được tin thân phụ là quốc vương Đan Mạch đột ngột băng hà, thái tử Hăm-lét đang học ở Đức vội vã về nước để chịu tang. Về đến nơi, chàng được biết mẹ là hoàng hậu Giéc-trút (Gertrude) đã tái giá cùng Clô-đi-út (Claudius) – chú ruột của chàng, hiện là nhà vua mới. Hồn ma vua cha hiện lên báo cho Hăm-lét biết chính chú của chàng đã mưu sát anh trai để chiếm đoạt ngai vàng. Lúc này, Đan Mạch còn đứng trước nguy cơ bị hoàng tử xứ Na Uy là Pho-tin-brát (Fortinbras) dấy binh tiến đánh (nhằm trả thù cho vua cha vốn bị quốc vương Đan Mạch giết chết trong một trận đấu thượng võ). Mang trong mình lí tưởng về con người cao quý – "vẻ đẹp của thế gian, kiểu mẫu của muôn loài", Hăm-lét thực sự đau đớn khi nhận ra những sự trái ngang trong hoàng tộc, những sự "đảo điên" của cả thời đại. Chàng ý thức sứ mệnh của mình không chỉ là trả mối thù cha, mà còn vạch mặt chỉ tên cái ác, "dẹp yên mọi sự bất bằng". Bước đầu, chàng giả điên để nói lên sự thật và đánh lạc hướng kẻ thù. Những lời nói, cử chỉ tưởng như điên dại của Hăm-lét khiến

(*) Nhan đề văn bản được lấy theo sách giáo khoa *Văn học 10*, tập hai, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr. 71.

vua Clô-đi-út lo ngại. Để biết thực hư về bệnh điên của Hăm-lét, vua sai hai người bạn cùng học với chàng là Rô-den-cran (Rosencrantz), Ghin-đơn-xtơn (Guildenstern), cùng với viên cận thần Pô-lô-ni-út (Polonius) dò la.

Hồi III: Vua cùng Pô-lô-ni-út rình nghe trộm cuộc trò chuyện của Hăm-lét với Ô-phê-li-a (Ophélia) – con gái của Pô-lô-ni-út, cũng là người yêu của chàng. Ô-phê-li-a trả lại những kỉ vật tình yêu và Hăm-lét nói với nàng những lời tàn nhẫn, cốt để nàng rời xa mình. Hăm-lét bố trí cho một gánh hát vào trong cung diễn vở kịch *Cái bẫy chuột* có nội dung ám chỉ vụ mưu sát, khiến nhà vua hoảng hốt bỏ ngang buổi diễn, vội vã vào hậu cung. Hăm-lét theo sau định hạ sát vua nhưng buộc phải dừng tay vì thấy vua đang cầu nguyện. Hăm-lét tìm đến phòng hoàng hậu để trách cứ mẹ. Thấy động sau rèm, tưởng nhà vua rình nấp ở đó, Hăm-lét bèn rút gươm đâm, hoá ra lại giết chết Pô-lô-ni-út.

Hồi IV – V: Vua cho Hăm-lét sang nước Anh nhưng ngầm gửi mật thư nhờ vua Anh giết chàng. Lên đường sang Anh, Hăm-lét tự nhủ: "Từ giờ phút này, ý nghĩ ta phải dẫm máu, nếu không chẳng có giá trị gì!". Dọc đường, gặp cướp biển, Hăm-lét tình cờ phát hiện ra bức mật thư mượn tay vua Anh giết chàng trong bọc đồ của hai kẻ đồng hành. Chàng tráo vào đó một bức thư khác để vua Anh giết chính những kẻ đưa thư. Sau tai hoạ, chàng một mình trở về Đan Mạch. Đúng thời điểm đó, chàng chạm trán con trai của Pô-lô-ni-út là La-ớc-tơ (Laertes) – người đang tìm chàng để quyết đấu nhằm trả thù cho cha và em gái (Ô-phê-li-a hoá điên vì những đau khổ trong tình yêu và vì cái chết của cha mình, đã bị ngã xuống suối chết đuối). Trong cuộc giao đấu, Hăm-lét bị trúng một nhát kiếm có tẩm thuốc độc của La-ớc-tơ (do Clô-đi-út bố trí), rồi sau đó La-ớc-tơ cũng bị chàng đâm bằng chính thanh kiếm có tẩm thuốc độc này. Khi theo dõi cuộc đấu, hoàng hậu đã uống nhầm li rượu độc mà Clô-đi-út dành sẵn cho Hăm-lét và nhận cái chết tức tưởi. Trong giây phút đợi tử thần mang đi, La-ớc-tơ đã giảng hoà với Hăm-lét và vạch tội nhà vua. Hăm-lét giết Clô-đi-út khi toàn bộ âm mưu ác độc bị phanh phui. Trước lúc nhắm mắt, Hăm-lét dặn bạn mình là Hô-ra-xi-ô (Horatio) kể cho người đời biết rõ ngọn ngành câu chuyện và trăng trối việc bàn giao ngai vàng cho Pho-tin-brát. Thi hài Hăm-lét được Pho-tin-brát cho an táng theo nghi thức dành cho một chiến sĩ.

Sống, hay không sống – đó là vấn đề là đoạn trích từ cảnh 1, hồi III của bi kịch *Hăm-lét*.

HỒI III

CẢNH 1

Một gian phòng trong lâu đài.

(Vua, hoàng hậu, Pô-lô-ni-út, Ô-phê-li-a. Rô-den-cran và Ghin-đơn-xtơn ra.)

VUA – Thế trong khi chuyện trò cùng thái tử, các khanh lại không lựa được cơ hội nào để tìm hiểu tại sao người rối loạn tâm thần, để cho chuỗi ngày xanh êm đẹp bị tan nát vì những cơn điên dữ dội, hiểm nghèo hay sao?

Lời thoại của các nhân vật trước khi Hăm-lét xuất hiện cho thấy điều gì về bầu không khí xã hội bao quanh chàng?

RÔ-DEN-CRAN – Tâu bệ hạ, thái tử cũng biết mình bị mất trí, nhưng duyên do tại đâu thì nhất định người không nói.

GHIN-ĐƠN-XTƠN – Thực ra thì thái tử cũng không để cho tìm hiểu sâu hơn. Người cứ đánh trống lảng bằng những cơn điên khôn khéo, mỗi khi chúng thần tìm cách gợi người tỏ bày thực trạng tâm hồn mình.

HOÀNG HẬU – Thái tử tiếp các khanh có tử tế không?

RÔ-DEN-CRAN – Thật đúng như một người lịch thiệp.

GHIN-ĐƠN-XTƠN – Nhưng bên trong vẫn có vẻ gì gượng gạo.

RÔ-DEN-CRAN – Người hỏi rất ít, nhưng trả lời những câu hỏi của chúng thần thì huyên thuyên dài dòng.

HOÀNG HẬU – Thế các khanh có kiếm cách gì cho thái tử tiêu khiển không?

RÔ-DEN-CRAN – Tâu lệnh bà, trên đường đi tình cờ chúng thần gặp một bọn đào kép. Chúng thần có thưa bày và thái tử tỏ vẻ vui thích lắm. Bọn họ hiện ở quanh quẩn trong cung này và hình như đã nhận được lệnh trình diễn đêm nay hầu thái tử.

PÔ-LÔ-NI-ÚT – Thưa, đúng như vậy. Chính thái tử có khẩn khoản nhờ thần mời bệ hạ và lệnh bà tới ngự lãm đêm nay.

VUA – Trẫm rất vui lòng. Trẫm hài lòng khi biết thái tử tìm được nguồn thích thú như vậy. Các khanh ạ, nên khuyến khích thêm thái tử nữa vào những trò giải trí ấy.

RÔ-DEN-CRAN – Tâu bệ hạ, chúng thần xin tuân thượng lệnh.

(Rô-den-cran và Ghin-đơn-xtơn vào.)

VUA – Ái khanh nữa, xin mời ái khanh cũng tạm lui. Trẫm đã ra mật lệnh cho tìm Hăm-lét tới đây, làm như thể tình cờ y bắt gặp Ô-phê-li-a ở nơi này. Trẫm sẽ đích thân cùng tướng công Pô-lô-ni-út, như hai thám tử hợp pháp, ngồi vào một nơi kín, nhìn thấy hết mà không ai nhìn thấy mình, để tận mắt quan sát mọi cử chỉ của y qua cuộc gặp gỡ, xem có phải chính bệnh tương tư là nguyên nhân làm y quẫn trí chăng.

HOÀNG HẬU – Xin vâng lệnh bệ hạ, còn Ô-phê-li-a con, ta mong rằng chính nhan sắc yêu kiều của con là nguyên nhân tốt lành của bệnh hoạn của Hăm-lét và ta hi vọng đức hạnh của con sẽ làm cho nó trở lại bình thường; vì danh dự của cả hai con đấy!

Ô-PHÊ-LI-A – Tâu lệnh bà, con cũng mong như thế.

(Hoàng hậu vào.)

PÔ-LÔ-NI-ÚT – Ô-phê-li-a, con cứ đi đi lại lại ở chỗ này – Xin bệ hạ cùng thần lánh vào đây. (*nói với Ô-phê-li-a*) Con hãy cầm cuốn sách này và đọc đi. Như thế mới thêm vẻ tự nhiên trong lúc cô đơn. Đời vẫn thường chê trách rằng ta khoác cái vẻ trầm mặc thành kính và bộ điệu chân tu nhiều khi cũng đường mật đánh lừa được cả ma quỷ. Điều đó đã được chứng tỏ quá nhiều rồi.

VUA – Ôi, đúng quá thật! Lời nói như roi quất vào lương tâm ta. Đôi má của gái hồng lâu[1], rực rỡ vì son tô phấn điểm, cũng không thể xấu xa hơn hành động của ta được điểm phấn tô son bằng những lời hoa gấm mĩ miều. Ôi, gánh nặng của tội ác!

(Vua và Pô-lô-ni-út vào. Hăm-lét ra.)

HĂM-LÉT – Sống, hay không sống[2] – đó là vấn đề. Chịu đựng tất cả những viên đá, những mũi tên của số mệnh phũ phàng, hay là cầm vũ khí vùng lên mà chống lại với sóng gió của biển khổ, chống lại để mà diệt chúng đi, đằng nào cao quý hơn? Chết, là ngủ. Không hơn. Và tự nhủ rằng ngủ đi tức là chấm dứt mọi đau khổ của cõi lòng và muôn vàn vết tử thương mà hình hài phải chịu đựng, kết liễu cuộc đời như thế, chẳng đáng mong muốn sao? Chết, ngủ. Ngủ, có thể chỉ là mơ. Hừ! Đây mới là điều khó khăn. Vì, trong giấc ngủ của cõi chết ấy, khi ta đã thoát khỏi cái thể xác trần tục này, những giấc mơ nào sẽ tới, điều đó làm cho ta phải ngừng lại mà suy nghĩ. Chính điều đó gây ra bao tai hoạ cho cuộc sống dằng dặc này! Bởi vì, ai là người có thể chịu đựng những roi vọt và khinh khi của thời đại, sự áp bức của kẻ bạo ngược, hống hách của kẻ kiêu căng, những nỗi giày vò của tình yêu tuyệt vọng, sự trì chậm của công lí, hỗn xược của cường quyền, sự miệt thị của kẻ bất tài đối với đức tài nhẫn nhục, khi chỉ cần với một mũi dùi là có thể đủ đưa mình đến chỗ yên nghỉ. Có ai đành cam chịu, than vãn rên rỉ, đổ mồ hôi dưới gánh nặng của cuộc đời mệt mỏi, nếu không phải chỉ vì sợ một cái gì mênh mang sau khi chết, cả một thế giới huyền bí mà đã vượt biên cương thì không một du khách nào còn quay trở lại, nỗi sợ làm cho tâm trí rối bời và bắt ta phải cam chịu mọi khổ nhục trên cõi thế này còn hơn là bay tới những nỗi khổ nhục khác mà ta chưa hề biết tới? Đấy, chính nỗi vướng mắc của tâm tư ấy làm cho chúng ta trở thành hèn mạt tất cả, và ngọn lửa của quyết tâm vừa bùng lên đã mờ nhạt ốm yếu đi trước ánh leo lắt của ý nghĩ đó, bao dự kiến lớn lao, cao quý cũng phải xoay chiều đổi hướng, chẳng thể biến thành hành động. – Thôi khẽ chứ! Kìa Ô-phê-li-a yêu kiều! Nữ thần của ta ơi, khi nàng cầu nguyện, xin nàng đừng quên những tội lỗi của ta.

Sự xung đột với cả thời đại đã để lại dấu ấn như thế nào trong nội tâm Hăm-lét?

Ô-PHÊ-LI-A – Kính thưa điện hạ, chẳng hay sức khoẻ của người bấy lâu nay ra sao?

HĂM-LÉT – Xin đa tạ cô em, tôi vẫn được như thường, như thường, như thường.

Chú ý sự khác biệt giữa lời Hăm-lét nói với Ô-phê-li-a trong độc thoại và đối thoại.

Ô-PHÊ-LI-A – Thưa điện hạ, thiếp còn giữ những kỉ vật người trao tặng, đã từ lâu thiếp vẫn mong được gửi lại, mong người nhận cho.

HĂM-LÉT – Không, không, tôi nào có hề tặng cô em cái gì bao giờ.

---

(1) *Gái hồng lâu*: ca kĩ, gái điếm (*hồng lâu*: lầu hồng – hình ảnh ước lệ chỉ chốn sang trọng quý phái, có khi chỉ chốn chơi bời phóng đãng).

(2) Câu này dịch giả dịch là "Sống, hay không nên sống". Người biên soạn sách giáo khoa lược bỏ chữ "nên" cho sát hơn với nguyên tác.

Ô-PHÊ-LI-A – Thưa điện hạ tôn kính, điện hạ cũng thừa biết là có và Người đã gửi gắm theo những kỉ vật ấy những lời xiết bao tình tứ làm cho chúng càng tôn thêm giá. Nhưng bây giờ hương đã tàn phai, xin chàng giữ lấy; bởi vì đối với một tâm hồn cao quý, quà tặng quý giá đến đâu chăng nữa, nào còn có ý nghĩa gì một khi người trao đã thờ ơ lạnh nhạt. Thưa đây, điện hạ.

HĂM-LÉT – A ha! Cô em có phải là người đức hạnh không?

Ô-PHÊ-LI-A – Thưa điện hạ!...

HĂM-LÉT – Cô em có phải là người nhan sắc không?

Ô-PHÊ-LI-A – Điện hạ định nói gì?

HĂM-LÉT – Nếu cô vừa là người đức hạnh lại vừa nhan sắc, thì đức hạnh làm sao có thể nói chuyện được với nhan sắc của cô?

Ô-PHÊ-LI-A – Sao, thưa điện hạ, nhan sắc còn có thể hoà hợp với cái gì hơn là đức hạnh?

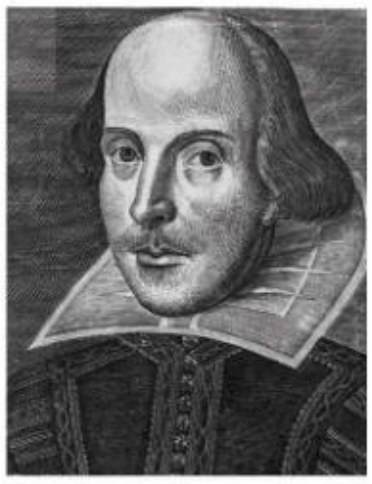
HĂM-LÉT – Chứ sao! Vì nhan sắc có mãnh lực biến đức hạnh thành phóng đãng, nhưng đức hạnh không thể nào khép nhan sắc vào khuôn khổ nết na. Ngày xưa, đó là điều nghịch lí, nhưng ngày nay thì đã được chứng thực rồi. Có một thời, tôi đã yêu cô em.

Chú ý việc thể hiện ý thức của Hăm-lét về mối quan hệ giữa nhan sắc và đức hạnh trong thời đại đảo điên.

Ô-PHÊ-LI-A – Thực thế, thưa điện hạ, chính Người đã làm cho thiếp tưởng như vậy.

(Theo Uy-li-am Sếch-xpia, *Hăm-lét*, Đào Anh Kha[1] – Bùi Ý – Bùi Phụng dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1986, tr. 89 – 94)

Uy-li-am Sếch-xpia (1564 – 1616) là nhà soạn kịch, nhà thơ nổi tiếng nhất của nước Anh thời Phục hưng. Ông sinh ra và lớn lên tại thị trấn Xtơ-rét-phớt (Stratford) ở tây nam nước Anh, trong một gia đình buôn bán len, dạ. Khi mới mười bốn tuổi, do gia đình sa sút, Sếch-xpia phải thôi học. Từ khoảng năm 1585, ông lên thủ đô Luân Đôn kiếm sống, tham gia giúp việc cho một đoàn kịch, trở thành diễn viên, nhà soạn kịch kiêm dạo diễn, rồi người đồng sở hữu đoàn kịch. Năm 1599, Sếch-xpia tham gia dựng nên Nhà hát Địa Cầu. Năm 1608, đoàn kịch của ông sở hữu thêm nhà hát có mái che đầu tiên ở Luân Đôn. Tên tuổi của Sếch-xpia bắt đầu được nhắc đến trong giới nghệ thuật từ năm 1592. Sáng tác của ông gồm 37 vở kịch, 4 bản trường ca và 154 bài thơ xon-nê (sonnet), cho đến nay vẫn dược coi là những kiệt tác hàng đầu của văn học thế giới.



Uy-li-am Sếch-xpia, tranh của Mác-tin Đrô-sút (Martin Droeshout), 1623
Nguồn: wikipedia.org

Kịch của Sếch-xpia bao gồm nhiều thể loại (kịch lịch sử, hài kịch, bi kịch, bi hài kịch), trong đó nổi bật là bi kịch với nhiều kiệt tác như: *Rô-mê-ô (Romeo) và Giu-li-ét (Juliet)*, *Vua Lia (Lear)*, *Ô-ten-lô (Othello)*, *Mắc-bét (Macbeth)* và đặc biệt là *Hăm-lét*. Bi kịch của ông

[1] Bản in *Hăm-lét*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986 ghi là Bùi Anh Kha. Người biên soạn chỉnh lại theo thông tin của bản in *Hamlet & Romeo và Juliet*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2018.

chứa đựng những suy ngẫm mang tính nhân văn sâu sắc, được thể hiện qua các hình tượng nhân vật phóng khoáng, tự do, có tính cách mạnh mẽ; qua lời thoại sắc sảo, tinh tế; qua nghệ thuật triển khai, đan xen các tuyến xung đột, các tuyến hành động kịch mang tính chất dồn nén, tập trung. Sếch-xpia thường xây dựng các vở bi kịch của mình dựa trên một số cốt truyện, truyền thuyết có sẵn, nhưng ông đã mở rộng, khơi sâu chủ đề để dựng nên những hình tượng bất tử.

Bi kịch năm hồi ***Hăm-lét*** là sáng tác đỉnh cao của Sếch-xpia, được viết trong khoảng thời gian 1599 – 1601. Câu chuyện hoàng tử xứ Đan Mạch thời Trung cổ là Ăm-lét (Amleth) trả thù cho cha từng được ghi lại trong biên niên sử từ cuối thế kỉ XII của Xắc-xơ Gram-ma-ti-cút (Saxo Grammaticus), được Phơ-răng-xoa đơ Ben-phóc (François de Belleforest) kể lại vào năm 1576. Sếch-xpia có lẽ đã dựa vào bản kể này để xây dựng vở bi kịch của mình với nhiều sáng tạo: Ông đặt nhân vật vào bối cảnh hậu kì Phục hưng, khi lí tưởng nhân văn chủ nghĩa lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc bởi xung đột với thực tại lịch sử nghiệt ngã. Cảm quan u tối về thực tại và ý chí đấu tranh khẳng định lí tưởng nhân văn chủ nghĩa của nhân vật trong vở kịch bắt nguồn từ đó.

Sống, hay không sống – đó là vấn đề là màn kịch nổi tiếng nhất trong *Hăm-lét*. Nó không chỉ góp phần khơi sâu tư tưởng chủ đề của vở kịch, mà còn gợi nhiều suy ngẫm về bản tính con người, về những "nỗi vướng mắc tâm tư" và trăn trở muôn đời của con người trong cuộc sống. Đoạn độc thoại của Hăm-lét trong màn kịch này đã khơi nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật đời sau.

1. Xác định ý nghĩa lời thoại của các nhân vật trước khi Hăm-lét xuất hiện.
2. Nêu nhận xét chung về tâm trạng của Hăm-lét thể hiện qua lời độc thoại. Theo mạch suy tưởng của Hăm-lét, lời độc thoại có thể chia làm mấy phần, nội dung từng phần là gì?
3. Có thể xác định cách hiểu của Hăm-lét về "sống" và "không sống" như thế nào?
4. Nêu lí do khiến Hăm-lét cho rằng "chết" đáng "mong muốn" mà cũng là "điều khó khăn" buộc người ta phải "ngừng lại mà suy nghĩ".
5. Phân tích ý thức của Hăm-lét về những "khổ nhục trên cõi thế" mà con người phải gánh chịu. Theo bạn, Hăm-lét sợ "nỗi khổ nhục" gì ở cõi "mênh mang sau khi chết"?
6. Hăm-lét đã nhận thức như thế nào về nguyên nhân tình trạng do dự, không thể hành động quyết đoán của chính mình? Dựa vào phần tóm tắt vở kịch, hãy cho biết Hăm-lét đã làm gì sau khi nhận thức được bản chất vấn đề.
7. Chỉ ra tính chất bi kịch của xung đột được thể hiện qua lời độc thoại của Hăm-lét. Theo bạn, trong xã hội hiện đại, xung đột đó có còn tồn tại hay không? Căn cứ để bạn nêu ý kiến về vấn đề này là gì?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của bạn về con người Hăm-lét được thể hiện qua lời độc thoại trong *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*.

VĂN BẢN 2

Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài(*)

(Trích *Vũ Như Tô*)

Nguyễn Huy Tưởng

Phải chăng giá trị của nghệ thuật là ở chỗ nó có ích cho đời sống?

HỒI THỨ NĂM
Một cung cấm
LỚP I

Vũ Như Tô – Đan Thiềm

VŨ NHƯ TÔ – Có việc gì mà bà chạy hớt hơ hớt hải? Mặt bà cắt không còn hột máu.

ĐAN THIỀM (*thở hổn hển*) – Nguy đến nơi rồi... Ông Cả!

VŨ NHƯ TÔ – Lạ chưa, nguy làm sao? Đài Cửu Trùng chia năm đã được một phần.

Lời thoại và hành động thể hiện thái độ gì của các nhân vật?

ĐAN THIỀM – Ông trốn đi, mau lên không thì không kịp.

VŨ NHƯ TÔ – Sao bà nói lạ? Đài Cửu Trùng chưa xong, tôi trốn đi đâu. Làm gì phải trốn?

ĐAN THIỀM – Ông nghe tôi! Ông trốn đi! Ông nghe tôi! Ông phải trốn đi mới được!

VŨ NHƯ TÔ – Làm sao tôi cần phải trốn? Bà nói rõ cho là vì sao? Khi trước tôi nhờ bà mách đường chạy trốn, bà khuyên không nên, bây giờ bà bảo tôi đi trốn, thế là nghĩa gì?

ĐAN THIỀM – Có nghĩa lắm. Tôi không làm một việc gì vô lí cả. Khi trước trốn đi thì ông nguy, bây giờ trốn đi thì ông thoát chết.

VŨ NHƯ TÔ – Sao thế?

Tình huống kịch được miêu tả trong lớp I là gì?

ĐAN THIỀM – Loạn đến nơi rồi. Dân gian đói kém nổi lên tứ tung. Giặc Trần Cao trước đã bị quan quân đuổi đánh, nay lại về đóng ở Bồ Đề, thanh thế rất mạnh. Trong triều, Nguyên Quận công Trịnh Duy Sản vì can vua mà bị đánh, nay mưu với mấy tên đồng chí, giả mượn tiếng đi dẹp giặc rồi quay binh về làm loạn.

(*) Nhan đề văn bản được lấy theo sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, tr. 216.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VŨ NHƯ TÔ – Tôi làm gì nên tội?

ĐAN THIỀM – Vậy mà ai ai cũng cho ông là thủ phạm. Vua xa xỉ là vì ông, công khố hao hụt là vì ông, dân gian lầm than là vì ông, man di oán giận là vì ông, thần nhân trách móc là vì ông. Cửu Trùng Đài, họ có cần đâu? Họ dấy nghĩa cốt giết ông, phá Cửu Trùng Đài.

VŨ NHƯ TÔ – Phá Cửu Trùng Đài? Không đời nào? Mà tôi thì không làm gì nên tội. Họ hiểu nhầm.

Bối cảnh nào được tái hiện thông qua các chỉ dẫn sân khấu?

ĐAN THIỀM – Ông phải trốn đi. (*có tiếng quân ầm ầm, tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng tù và, tiếng ngựa hí*) Ông phải trốn đi. (*lời có vẻ van lơn*) Trong lúc biến cố này, ông hãy tạm lánh đi. Khi dân nổi lên, họ nông nổi vô cùng. Họ không phân biệt phải trái. Ông trốn đi. Tài kia không nên để uổng. Ông mà có mệnh hệ nào thì nước ta không còn ai tô điểm nữa.

VŨ NHƯ TÔ – Bà không nên lo cho tôi. Tôi không trốn đâu. Người quân tử không bao giờ sợ chết. Mà vạn nhất có chết, thì cũng phải để cho mọi người biết rằng công việc mình làm chính đại quang minh. Tôi sống với Cửu Trùng Đài, chết cũng với Cửu Trùng Đài. Tôi không thể xa Cửu Trùng Đài một bước. Hồn tôi để cả đây, thì tôi chạy đi đâu?

ĐAN THIỀM – Ông Cả! Ông nghe tôi. Trốn đi để chờ cơ hội khác. Đại sự hỏng rồi.

VŨ NHƯ TÔ – Đa tạ bà. Tấm lòng của bà, chỉ có lòng cha mẹ tôi mới sánh kịp. Nhưng tôi đã quyết, không chịu rời Cửu Trùng Đài một bước. Tôi quyết ở đây.

ĐAN THIỀM (*thất vọng*) – Ông Cả ơi!

LỚP II

Những người trên, thêm Nguyễn Vũ

NGUYỄN VŨ (*lật đật và xộc xệch*) – Kìa, thầy Cả.

VŨ NHƯ TÔ – Lạy Cụ lớn.

NGUYỄN VŨ – Thầy có biết việc gì không?

VŨ NHƯ TÔ – Bẩm Cụ lớn, không. Duy có bà Đan Thiềm đây vừa mới bảo với chúng tôi rằng Nguyên Quận công làm phản.

NGUYỄN VŨ (*hất hàm hỏi Đan Thiềm*) – Thế nào?

ĐAN THIỀM – Chúng tôi cũng không rõ. Nghe như Quận công làm phản. Cụ lớn có biết tin gì thêm không?

NGUYỄN VŨ – Đúng thế đấy. Ta vừa chạy đến đây. Thiên tử đâu? Chiều hôm kia ta còn uống rượu trong nội điện với Hoàng thượng.

ĐAN THIỀM (*rú lên*) – Cái gì đó? (*có tiếng động ầm ầm ở xa*) Họ tiến lại đây chăng? (*quay bảo Vũ Như Tô*) Ông trốn đi, mau lên, khổ lắm. (*lắng tai*) Có tiếng quân reo... (*líu lưỡi*)

NGUYỄN VŨ – Ta lo cho Hoàng thượng lắm. Duy Sản là một đứa tiểu nhân. Nó vẫn căm giận Hoàng thượng và ta. Ta hối không can Hoàng thượng, lại để cho ngài sai đánh nó quá đau, mà lại ở ngay giữa chợ. Thẹn quá hoá giận, đứa tiểu nhân thì nghĩ chi đến nghĩa vua tôi!

Chú ý thái độ của Vũ Như Tô, Đan Thiềm khi Nguyễn Vũ xuất hiện.

ĐAN THIỀM (*quay bảo Vũ Như Tô*) – Ông định chết ở đây sao? Ông gàn quá. Quận công có ưa gì ông đâu?

VŨ NHƯ TÔ (*xẵng*) – Bà để mặc tôi. Tôi tự có cách khu xử.

ĐAN THIỀM – Đấy, tiếng reo mỗi lúc một gần. Kìa, thái giám, chắc có tin gì?

Nội giám[1] *hoảng hốt vào.*

LỚP III

Những người trên, thêm Lê Trung Mại

LÊ TRUNG MẠI – Bẩm Cụ lớn, nguy đến nơi rồi. Kìa mụ Đan Thiềm sao lại ở đây? Mụ ra là giống quái,...

NGUYỄN VŨ – Có việc chi, Trung Mại?

LÊ TRUNG MẠI – Bẩm Cụ lớn, Trịnh Duy Sản mưu với lũ Lê Quảng Đô, Trịnh Tri Sâm lập vua khác, đêm qua đã kéo quân vào cửa Bắc Thần...

NGUYỄN VŨ – Thiên tử đâu?

LÊ TRUNG MẠI – Bẩm, nguyên Trịnh Duy Sản sắm sửa thuyền bè khí giới, họp ở bến đò Thái Cực, nói reo lên là đi đánh Trần Cao, rồi đương đêm đem ba nghìn quân Kim Ngô hộ vệ vào cửa Bắc Thần đốt lửa cho sáng,...

Sự kiện nào được miêu tả trong lớp III?

NGUYỄN VŨ (*nóng ruột, giậm chân gắt*) – Thiên tử đâu? Nói mau lên.

LÊ TRUNG MẠI – Hoàng thượng trông thấy lửa sáng, hốt hoảng tưởng là giặc ập đến vội lên ngựa lẻn ra cửa Bảo Khánh, trời thì tối mà cứ lao mình đi không đèn đuốc gì cả. Khi ngài qua cửa Thái Học đến ao Chu Tước ở phường Bích Câu thì vừa gặp Duy Sản...

---

(1) *Nội giám* (hay *thái giám*, *hoạn quan*): một chức quan hầu cận trong cung vua.

NGUYỄN VŨ – Gặp Duy Sản? Trời! Thế thì còn gì? Nói mau lên.

LÊ TRUNG MẠI – Ngài hỏi nó: Giặc ở đâu? Nó không đáp, ngoảnh mặt đi cười nhạt. Ngài quất ngựa về phía tây, nó sai võ sĩ là tên Hạch đuổi theo, đâm vua ngã ngựa rồi giết chết. (*khóc*)

NGUYỄN VŨ (*khóc*) – Hoàng thượng ơi! Hạ thần mới nghe câu chuyện đã đoán ngay có sự này. (*cảm động quá, ngã xuống*)

LÊ TRUNG MẠI (*nức nở*) – Khốn nạn, Khâm Đức Hoàng hậu thương vua cũng nhảy vào lửa chết... (*không nói được nữa*)

VŨ NHƯ TÔ – Xin Cụ lớn hãy để nghe xem có thực không đã. Không có lẽ... (*vực Nguyễn Vũ dậy*) Bẩm Cụ lớn.

NGUYỄN VŨ (*vẫn khóc*) – Thực đấy rồi. Thôi để mặc ta. Duy Sản ta đã biết, nó tàn nhẫn vô cùng. Hoàng thượng ơi! Ơn tri ngộ mới được tám năm... Hoàng thượng băng hà lão thần cũng không yên được với chúng. Ăn lộc của vua, xin chết vì nạn của vua. Lão thần không muốn kéo dài kiếp sống tàn làm gì nữa. (*rút dao đâm cổ tự tử và ngã lăn ra*)

LÊ TRUNG MẠI – Trời ơi! Cụ lớn Đông các! (*vực dậy, máu me đầm đìa*)

NGUYỄN VŨ – Thôi mặc ta cho ta chết. Sống chỉ thêm nhục nhã. (*ngất đi*)

VŨ NHƯ TÔ (*nhìn Đan Thiềm, nhìn thấy Nguyễn Vũ*) – Thảm não chưa?

LÊ TRUNG MẠI (*sờ người Nguyễn Vũ*) – Có lẽ Cụ lớn chết rồi. Sao chóng thế được? Chết thực rồi!

ĐAN THIỀM (*thở dài*) – Biến đến thế là cùng!

Một bọn nội giám nữa vào.

LỚP IV

Những người trên, thêm một bọn nội giám khác

MỘT TÊN NỘI GIÁM – Cụ lớn làm sao? Tình thế nguy ngập! Đứng ở đây để chết cả lũ ư?

Sự kiện nào được miêu tả trong lớp IV?

LÊ TRUNG MẠI – Việc chi nữa?

TÊN NỘI GIÁM – Trịnh Duy Sản giết Thiên tử, hội triều đình lập con Mục Y Vương là Quang Trí lên ngôi. Có Võ Tả Hầu là Phùng Mai đứng lên mắng quân phản nghịch. Đảng ác bắt Phùng Mai chém ngay ở nhà Nghị sự. Trong triều còn đang rối loạn thì An Hoà Hầu Nguyễn Hoằng Dụ ở bến Bồ Đề được tin vua bị giết,

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

kéo quân về đốt phá kinh thành. Thợ xây Cửu Trùng Đài quá nửa theo về quân phản nghịch. Tình hình nguy ngập lắm rồi.

Chú ý sự khác biệt trong hành động, thái độ của các nhân vật trong tình thế nguy ngập.

VŨ NHƯ TÔ – Thợ theo quân phản nghịch? Thế còn Cửu Trùng Đài?

TÊN NỘI GIÁM – Kẻ phá, người đốt...

VŨ NHƯ TÔ – Vô lí.

BỌN NỘI GIÁM – Vô lí? Vô lí? Để Cửu Trùng Đài làm gì? Vì đâu mà có quân phản nghịch? An Hoà Hầu đang cho tìm mấy lũ cung nữ để phanh thây làm trăm mảnh. Mày không biết tội hay sao?

VŨ NHƯ TÔ – Vô lí. (*Có tiếng kêu mỗi lúc một gần*: "Bạo chúa đã chết. Còn thằng Vũ Như Tô, đem phanh thây trăm mảnh". *Có tiếng đổ ầm ầm. Họ chạy cả.*)

LÊ TRUNG MẠI (*nháy bọn nội giám*) – Tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách. Tham quyền cố vị[1] gì, anh em nghĩ sao?

BỌN NỘI GIÁM – Chạy đi anh em ơi! (*họ chạy nốt*)

LỚP V

Vũ Như Tô – Đan Thiềm

ĐAN THIỀM – Ông Cả! Ông chạy đi! Ông có nghe tiếng gì không? Quân giặc đang tìm ông đấy: trốn đi!

VŨ NHƯ TÔ – Họ tìm tôi, nhưng có lí gì họ giết tôi. Tôi có gây oán gây thù gì với ai?

ĐAN THIỀM – Ông đừng mơ mộng nữa. Dân chúng nông nổi, dễ sinh tàn ác. Họ không hiểu công việc của ông. Tránh đi! Trốn đi! Đợi thời là thượng sách. Đừng để phí tài trời. Trốn đi!

VŨ NHƯ TÔ – Còn bà?

Chú ý thái độ của Vũ Như Tô và Đan Thiềm.

ĐAN THIỀM – Tôi ở đây. (*Có tiếng quân reo dữ dội*: "Giết chết Vũ Như Tô, giết chết lũ cung nữ".)

VŨ NHƯ TÔ (*thản nhiên*) – Bà ở đây. Vậy tôi cũng ở đây, nguy biến ta cùng chịu.

---

(1) *Tham quyền cố vị*: cố giữ lấy quyền hành, địa vị, không chịu rời bỏ (cho dù đã không còn đủ năng lực hoặc điều kiện để làm việc).

ĐAN THIỀM – Không được! Tôi chết đi không thiệt hại cho đời. Còn ông, ông phải đi đi mới được. (*có tiếng nhà đổ, tiếng cửa đổ*) Ông đi đi không thì không kịp. (*nàng chắp tay lạy*) Tôi xin ông, ông nghe tôi trốn đi.

Có tiếng giày dép nhốn nháo. Bọn cung nữ hốt hoảng đi vào.

LỚP VI

Những người trên – Kim Phượng – Cung nữ

KIM PHƯỢNG (*khóc lóc*) – Làm thế nào bây giờ? Cửa điện bị chúng phá rồi! Chúng đứng đầy ngoài sân. (*hỏi Đan Thiềm*) Đây có cửa ra đằng sau không?

ĐAN THIỀM – Đến đây là đường cùng rồi! Đây là tử địa!

CUNG NỮ – Trời ơi!

ĐAN THIỀM (*bảo Vũ Như Tô*) – Ông Cả ơi! Có trốn cũng không được nữa. Ông nguy mất. (*nàng khóc*)

Quân khởi loạn kéo vào, gươm giáo sáng loè.

LỚP VII

Những người trên, thêm Ngô Hạch và quân khởi loạn

QUÂN KHỞI LOẠN – Đây rồi! Vũ Như Tô! Lũ cung nữ!

NGÔ HẠCH – Quân bay, vào bắt lũ cung nữ trước.

CUNG NỮ (*quỳ xuống*) – Trăm lạy tướng quân, trăm lạy tướng quân.

NGÔ HẠCH – Ta vâng tướng lệnh vào bắt các ngươi.

KIM PHƯỢNG (*quỳ xuống*) – Chị em chúng tôi không có tội gì. Xin tướng quân sinh phúc. (*Đan Thiềm bĩu môi thở dài*) Kẻ hay xúc xiểm vua là ả kia. (*chỉ Đan Thiềm*) Chính nó mê hoặc vua. Chính nó dan díu với Vũ Như Tô, làm uế tạp nơi cung cấm, chính nó là thủ phạm.

Chú ý hành động của đám cung nữ và quân khởi loạn.

CUNG NỮ – Chính nó là thủ phạm.

ĐAN THIỀM – Lũ yêu quái không được đặt để nên nhời, tướng quân nên thấu cho. Tôi không sợ chết, nguyện xin được chết. Nhưng tôi không phải là con người bất chính. Tôi nói thế không hổ với quỷ thần hai vai, không hổ với thanh thiên bạch nhật.

CUNG NỮ – Chính con Đan Thiềm là thủ phạm. (*nhìn lẳng lơ, bọn quân sĩ như bị quyến rũ*)

NGÔ HẠCH – Ta đã biết! Quân bay, vào bắt lấy gian phu dâm phụ.

ĐAN THIỀM – Tướng quân không nên nói thế.

VŨ NHƯ TÔ – Giết thì cứ giết, nhưng đừng nghi oan.

ĐAN THIỀM – Tướng quân nghe tôi. Bao nhiêu tội tôi xin chịu hết. Nhưng xin tướng quân tha cho ông Cả. Ông ấy là một người tài...

QUÂN KHỞI LOẠN (*cười ầm*) – Thế mà còn mở mồm cãi. Mày chết để chồng mày sống à?

ĐAN THIỀM – Các người chỉ nghĩ những điều quá quắt.

QUÂN KHỞI LOẠN – Chúng ông chỉ có thế, con đĩ già câm miệng.

NGÔ HẠCH – Trói cổ nó lại.

ĐAN THIỀM (*quỳ xuống*) – Tướng quân tha cho ông Cả. Nước ta còn cần nhiều thợ tài để tô điểm.

NGÔ HẠCH (*cười ha hả*) – Cần thợ tài để tô điểm. Để hao hụt công khố, để dân gian lầm than.

VŨ NHƯ TÔ – Đan Thiềm, bà đứng dậy. Sao bà lẩn thẩn thế, lạy cả một đứa tiểu nhân?

ĐAN THIỀM (*đứng dậy*) – Tướng quân hãy nghe tôi, đừng phạm vào tội ác. Đừng giết ông Cả. Kẻo tướng quân mang hận về muôn đời! Tha cho ông Cả. Tôi xin chịu chết.

Hành động, lời thoại của Vũ Như Tô và Đan Thiềm thể hiện thái độ gì của nhân vật?

NGÔ HẠCH (*truyền*) – Trói cổ con đĩ già lại.

ĐAN THIỀM – Tướng quân tha...

QUÂN KHỞI LOẠN (*xúm vào trói nàng*) – Đừng nói nữa vô ích, con dâm phụ.

ĐAN THIỀM – ... Tha cho ông Cả.

NGÔ HẠCH (*thấy Như Tô chạy lại*) – Trói thằng Vũ Như Tô lại. (*quân sĩ xông vào trói chàng có vẻ đắc ý*)

ĐAN THIỀM (*thất vọng*) – Chỉ tại ông không nghe tôi, dùng dằng mãi. Bây giờ... (*nói với Ngô Hạch*) Xin tướng quân...

NGÔ HẠCH – Dẫn nó đi, không cho nó nói nhảm nữa, rờm tai. (*quân sĩ dẫn nàng ra*)

ĐAN THIỀM – Ông Cả! Đài lớn tan tành! Ông Cả ơi! Xin cùng ông vĩnh biệt! (*họ kéo nàng ra tàn nhẫn*)

LỚP VIII

Những người trên, trừ Đan Thiềm

VŨ NHƯ TÔ – Xin đa tạ tấm lòng tri kỉ. Đan Thiềm, xin cùng bà vĩnh biệt! (*buồn rầu, trấn tĩnh ngay*) Đời ta chưa tận, mệnh ta chưa cùng. Ta sẽ xây một đài vĩ đại để tạ lòng tri kỉ.

NGÔ HẠCH (*chỉ bọn cung nữ bảo mấy tên quân*) – Dẫn họ về dinh ta đợi lệnh.

MẤY TÊN QUÂN – Xin vâng lệnh. (*dẫn cung nữ ra*)

VŨ NHƯ TÔ (*khinh bỉ*) – Mi thực là một tên bỉ ổi. Sao trời lại để cho mi sống làm nhục cương thường!

NGÔ HẠCH – Dẫn thằng này về trình chủ tướng.

VŨ NHƯ TÔ (*đầy hi vọng*) – Dẫn ta ra mắt An Hoà Hầu, để ta phân trần, để ta giảng giải, cho người đời biết rõ nguyện vọng của ta. Ta tội gì. Không, ta chỉ có một hoài bão là tô điểm đất nước, đem hết tài ra xây cho nòi giống một toà đài hoa lệ, thách cả những công trình sau trước, tranh tinh xảo với Hoá công. Vậy thì ta có tội gì? Ta xây Cửu Trùng Đài có phải đâu để hại nước? Không, không! Nguyễn Hoằng Dụ sẽ biết cho ta, ta không có tội và chủ tướng các người sẽ cởi trói cho ta để ta xây nốt Cửu Trùng Đài, dựng một kì công muôn thuở...

Chú ý sự đối lập trong lời thoại, hành động của Vũ Như Tô và đám quân sĩ.

QUÂN SĨ (*cười ầm*) – Câm ngay đi. Quân điên rồ, câm ngay đi không chúng ông vả vỡ miệng bây giờ. Mày không biết mấy nghìn người chết vì Cửu Trùng Đài, mẹ mất con, vợ mất chồng vì mày đó ư? Người ta oán mày hơn oán quỷ. Câm ngay đi!

VŨ NHƯ TÔ – ...Vài năm nữa, đài Cửu Trùng hoàn thành, cao cả, huy hoàng, giữa cõi trần lao lực, có một cảnh Bồng Lai...

QUÂN SĨ – Câm mồm!

VŨ NHƯ TÔ – ... Xuất hiện...

QUÂN SĨ – Câm mồm! (*họ xúm vào vả miệng Vũ Như Tô*)

VŨ NHƯ TÔ – Ta có thù oán gì với các người?

NGÔ HẠCH – Dẫn nó ra pháp trường. Không để nó nói nhảm trước mặt chủ tướng mất thì giờ.

QUÂN SĨ – Ra pháp trường!

VŨ NHƯ TÔ – Không, dẫn ta ra mắt chủ tướng. Ta muốn nói chuyện với An Hoà Hầu. Các người không hiểu được ta. (*có tiếng ầm ầm như long trời lở đất*)

MỌI NGƯỜI – Cái chi nghe kinh người?

Một lũ quân vào.

LỚP IX

Những người trên, thêm một lũ quân

NGÔ HẠCH – Chúng bay đi đâu?

LŨ QUÂN – Bẩm tướng quân! Kinh thành phát hoả!

NGÔ HẠCH – Ai ra lệnh ấy?

MỘT TÊN QUÂN – Chính An Hoà Hầu!

VŨ NHƯ TÔ – Chính An Hoà Hầu! Thế Cửu Trùng Đài?

LŨ QUÂN – Cửu Trùng Đài ư? Dã tràng xe cát! Cửu Trùng Đài sắp là một đống tro tàn!

VŨ NHƯ TÔ – Vô lí! Vô lí!

NGÔ HẠCH – Rõ quân ngu muội! Đến đầu mày chả chắc, nói chi đến Cửu Trùng Đài mà còn tin tưởng.

VŨ NHƯ TÔ – Đời ta không quý bằng Cửu Trùng Đài.

QUÂN SĨ – Giống vật không biết nhục.

NGÔ HẠCH – Dẫn nó đi. (*chợt có ánh lửa sáng rực, cả tàn than, bụi khói bay vào*)

VŨ NHƯ TÔ (*nhìn ra, rú lên*) – Đốt thực rồi! Đốt thực rồi! Ôi đảng ác! Ôi muôn phần căm giận! Trời ơi! Phú cho ta cái tài làm gì? Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài! (*có tiếng hô vui vẻ*: "Cửu Trùng Đài đã cháy!")

Chú ý thái độ của Vũ Như Tô khi biết Cửu Trùng Đài bị đốt cháy.

QUÂN SĨ – Thực đáng ăn mừng.

VŨ NHƯ TÔ (*chua chát*) – Thôi thế là hết. Dẫn ta đến pháp trường!

Màn hạ nhanh.

Mùa hạ năm 1941

(*Tuyển tập Nguyễn Huy Tưởng*, tập I, NXB Văn học, Hà Nội, 1984, in trong *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một, Sđd, tr. 217 – 227)

Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960) quê ở thành phố Hà Nội. Ông là nhà văn, nhà viết kịch chuyên khai thác đề tài lịch sử. Các tác phẩm tiêu biểu của ông: *Đêm hội Long Trì* (tiểu thuyết lịch sử, 1942), *Vũ Như Tô* (kịch lịch sử, 1943), *An Tư* (tiểu thuyết lịch sử, 1944), *Cột đồng Mã Viện* (kịch lịch sử, 1944), *Bắc Sơn* (kịch lịch sử, 1946), *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (truyện lịch sử cho thiếu nhi, 1960), *Sống mãi với Thủ đô* (tiểu thuyết, 1961),...



Nguyễn Huy Tưởng
Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

Vũ Như Tô là vở bi kịch lịch sử gồm năm hồi, được xây dựng dựa trên những sự kiện có thật ở thành Thăng Long vào đầu thế kỉ XVI. Nhân vật chính trong vở kịch là Vũ Như Tô, kiến trúc sư có chí lớn, tài cao, cương trực và không màng danh lợi. Ông bị vua Lê Tương Dực bắt về kinh thành, ép xây dựng Cửu Trùng Đài để làm nơi thoả mãn thú ăn chơi của y nhưng ông đã kiên quyết từ chối, thẳng thắn vạch tội nhà vua. Tuy nhiên, khi nghe lời khuyên của Đan Thiềm, rằng hãy nhân cơ hội này, mượn tay bạo chúa để mang tài năng cống hiến cho non sông, thực hành mộng lớn, lưu danh muôn thuở, Vũ Như Tô đã bắt tay vào xây dựng Cửu Trùng Đài. Nhưng việc xây dựng công trình kì vĩ đó vô cùng tốn kém, khiến sưu thuế tăng cao, bao nhiêu người phải bỏ mạng trong khi làm việc, dân chúng vì thế mà oán thán, căm ghét Vũ Như Tô. Cuối cùng, Trịnh Duy Sản, một viên quan trong triều đình nhà Lê, đã kêu gọi dân chúng, quân lính, thợ thuyền dấy binh làm phản, giết Lê Tương Dực, đốt Cửu Trùng Đài, bắt và giết Vũ Như Tô.

Đoạn trích ***Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*** nằm trong hồi cuối cùng của vở bi kịch.

1. Tóm tắt các sự kiện chính trong đoạn trích. Bạn có nhận xét gì về diễn biến của các sự kiện?
2. Tình huống kịch được miêu tả trong đoạn trích là gì? Trước tình huống đó, mỗi nhân vật đã có những phản ứng, hành động như thế nào? Những phản ứng, hành động đó thể hiện đặc điểm tính cách gì của nhân vật?
3. Xung đột chính trong đoạn trích là gì? Dựa vào đâu bạn nhận ra xung đột đó?
4. Phân tích diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô được thể hiện trong đoạn trích (dựa vào các lời thoại và hành động của nhân vật).
5. Hình tượng Cửu Trùng Đài trong vở kịch có ý nghĩa gì? Bạn có suy nghĩ gì về những phản ứng khác nhau của các nhân vật khi Cửu Trùng Đài bị đốt cháy?
6. Vở kịch gợi cho bạn suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lí tưởng và thực tế, giữa cá nhân và lịch sử?
7. Trong lời đề tựa kịch *Vũ Như Tô*, Nguyễn Huy Tưởng viết:

> "Than ôi! Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết.
> Cầm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm."

Lời đề tựa này cho thấy thái độ gì của tác giả đối với các nhân vật? Thái độ đó được biểu hiện như thế nào qua đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*?

Kết nối đọc – viết

Theo bạn, vấn đề xã hội nào được đề cập trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*? Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về vấn đề đó.

VIẾT

Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội

Ở lớp 10, bạn đã được thực hành viết báo cáo nghiên cứu, bước đầu rèn luyện kĩ năng trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề mà bạn quan tâm. Trong phần thực hành viết của Bài 5 này, bạn sẽ lựa chọn một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội để viết báo cáo nghiên cứu nhằm phát triển kĩ năng sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu: kĩ năng trích dẫn, ghi cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

Yêu cầu

- Nêu được đề tài nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo.
- Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ, thông tin xác thực.
- Biết thực hiện các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu, khai thác được các nguồn tham khảo đáng tin cậy.
- Biết sử dụng các trích dẫn, cước chú, tài liệu tham khảo và các phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có.

Bài viết tham khảo

Giao thoa và tiếp biến văn hoá – nhìn từ kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên(*)

Trần Hậu Yên Thế(1)

1 Đặt vấn đề

Giới thiệu vấn đề nghiên cứu.

Kiến trúc là sự kết tinh của văn hoá. Các di sản kiến trúc tưởng chừng rất tĩnh lại có thể phản ánh sự ảnh hưởng, tương tác, vận động của rất nhiều dòng chảy văn hoá. Kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên là một minh chứng sống động cho quá trình giao thoa và tiếp biến trong văn hoá Việt.

(*) *Điện Kính Thiên*: công trình kiến trúc lớn được xây dựng năm 1428 (thời Hậu Lê), nơi cử hành những nghi lễ quan trọng của triều đình.

(1) *Trần Hậu Yên Thế*: sinh năm 1970, quê ở Hà Tĩnh, là hoạ sĩ, nhà nghiên cứu lịch sử mĩ thuật.

Kiểu thức rồng chầu lan can thành bậc rất phổ biến trong trang trí kiến trúc Đại Việt. Rồng được chạm khắc uốn lượn nhịp nhàng tạo thành lan can thành bậc đã làm nên vẻ uy nghi, hùng vĩ cho các cung điện, lăng tẩm của nước Nam. Đôi rồng đá thành bậc ở điện Kính Thiên là đôi rồng đá hùng vĩ nhất hiện nay, một báu vật Hoàng thành, xứng đáng là Bảo vật quốc gia. Đây là kiểu thức đặc trưng của trang trí kiến trúc người Việt, không hề xuất hiện ở Trung Hoa. Vậy nó thực sự đến từ đâu?

2 Giải quyết vấn đề

Trình bày các kết quả nghiên cứu.

Rồng chầu thành bậc ở điện Kính Thiên là một hạng mục trang trí kiến trúc. Nó có công năng cụ thể là làm lan can thành bậc. Điện Kính Thiên vốn có chín bậc, do phải tôn nền lên, nên hiện chỉ còn tám bậc. Từ sân Long Trì[1], bước lên chín bậc là tới điện Kính Thiên. Đây là không gian thiêng liêng và quyền lực bậc nhất của kinh thành. Thời Lê, trong Hoàng thành Thăng Long[2], ngoài điện Kính Thiên có khoảng 30 toà điện lớn nhỏ như điện Cần Chánh, Càn Đức, Phụng Tiên, Hội Anh, Văn Minh, Giảng Võ, Bảo Quang, Hoàng Cực, Quỳnh Văn, Thuỵ Quang,... [...]

*Sử dụng **hình minh hoạ** hỗ trợ cho **kênh chữ**.*



Rồng điện Kính Thiên

Nghiên cứu kiến trúc cung điện Đại Việt, chúng ta luôn gặp một tình huống khó xử: tên gọi các công trình kiến trúc, các chi tiết kiến trúc, thậm chí là công cụ xây dựng đều có nguồn gốc Trung Hoa. Bản thân chữ *lan can* cũng là chữ Hán, cũng có khi còn gọi là *câu lan*. Đây là hạng mục kiến trúc có từ rất sớm trong kiến trúc Trung Hoa, với tác dụng dẫn hướng, đảm bảo an toàn cho lối đi, vịn tay khi di chuyển. Nhưng cũng như nhiều hạng mục kiến trúc Việt mang tên gọi Trung Hoa mà không thể tìm thấy bóng dáng của nó ở bất cứ nơi đâu trên đất nước Trung Hoa. Lan can thành bậc điện Kính Thiên là một ví dụ tiêu biểu.

---

(1) *Sân Long Trì*: khoảng sân lớn nối từ Đoan Môn tới điện Kính Thiên.

(2) *Hoàng thành Thăng Long*: trung tâm quyền lực của các triều đại phong kiến Việt Nam, gồm một quần thể công trình kiến trúc đồ sộ được khởi công xây dựng từ thời nhà Lý và tiếp tục được xây dựng, cải tạo ở các triều đại sau.

Thu thập thông tin từ nhiều nguồn.

Khi ngắm đôi rồng ở điện Kính Thiên, ta sẽ bắt gặp những đường nét phương Bắc với mắt tròn to, mũi cao, sừng dài và có chạc[1] như sừng hươu. Đó là con rồng với bàn chân năm ngón, móng sắc nhọn, thân hình lực lưỡng, khí tượng đế vương, gần giống với con rồng thời Minh (Trung Hoa) hơn là thời Lý, Trần (Đại Việt). Ta cũng cảm nhận như thế khi ngắm nhìn con rồng ở Lam Kinh, Thanh Hoá thời Lê sơ. Lạ thay, nếu soi vào từng chi tiết thì thấy rất giống những con rồng thời Nguyên, thời Minh; nhưng hễ đứng từ xa mà ngắm bậc thềm điện Kính Thiên, thì thấy cái tinh thần Lý, Trần của đôi rồng đá này. Không gì khác đó chính là kiểu thức rồng thành bậc mà ta đã từng thấy ở chùa Phổ Minh[2] (thời Trần), ở thành nhà Hồ[3] (thời Hồ). Gần đây, trong khu vực Hoàng thành Thăng Long, các nhà khảo cổ cũng khai quật được một phần của hạng mục rồng chầu thành bậc thời Trần. Dù đến nay, chưa tìm thấy rồng thành bậc thời Lý, nhưng có thể phỏng đoán kiểu kiến trúc này đã có từ thời Lý, thậm chí có thể đã manh nha từ thời nhà Đinh và Tiền Lê.



Long bệ thạch điện Thái Hoà

Nguồn: Sách *Long Phượng đồ điển*

Phân tích, đánh giá thông tin.

Mĩ thuật Trung Hoa có thể tự hào với những bức tranh hay phù điêu rồng cực lớn. Nhưng ở hình thức tượng tròn thì những con rồng Trung Hoa có phần khiêm tốn về kích thước, nhỏ bé hơn nhiều so với những con rồng mà ta thường thấy trên thành bậc ở Việt Nam. Khi tham quan các cung điện Trung Hoa, chúng ta thường bắt gặp

---

(1) *Chạc*: nhánh của sừng hươu, nai.

(2) *Chùa Phổ Minh*: còn gọi là chùa Tháp, ở thôn Tức Mặc, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, xây dựng từ thời nhà Lý và được tu bổ ở các triều đại sau, nay còn lưu nhiều dấu ấn của nghệ thuật điêu khắc thời nhà Trần.

(3) *Thành nhà Hồ*: còn gọi là thành Tây Đô, thành Tây Kinh, là kinh đô nước Đại Ngu (quốc hiệu nước Việt Nam thời nhà Hồ), nay nằm trên địa phận xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hoá.

kiểu thức long bệ thạch[1], bắt nguồn từ văn hoá Trung Hoa. Việc các cung điện Trung Hoa khắc những đồ án bệ rồng như lưỡng long tranh châu hay long vân là có liên hệ với danh xưng "bệ hạ". Ngày xưa, bá quan văn võ khi cần tấu bẩm với hoàng thượng thì phải đứng quỳ phía dưới mà nói vọng lên, do đó mà có từ bệ kiến. Bệ đá trên lối lên vào cung điện – ngự đạo – nơi hoàng thượng thiết triều được khắc rồng, tượng trưng cho sự hiện diện của nhà vua. Ở đây, đồ án rồng thể hiện đầy đủ uy thế oai phong của hoàng đế. Cùng với ngai vàng, ngọc tỉ[2], bệ rồng là biểu tượng cho hoàng gia nói chung và cho hoàng đế nói riêng. Trong đó, bệ rồng là biểu tượng hoành tráng nhất. Bệ rồng ở Cố cung Bắc Kinh có chín con rồng được chạm khắc với khí thế phi phàm, được đục nguyên từ một phiến đá dài hơn 17 mét, rộng hơn 3 mét, nặng hơn 200 tấn. Long bệ thạch thường được chạm khắc hình ảnh hai con rồng đang trong tư thế tranh giành ngọc báu nên gọi là lưỡng long tranh châu hoặc nhị long hí châu.

Kiểu thức long bệ thạch này xuất hiện ở hầu hết các di tích cổ Trung Hoa, từ cung điện, đền miếu đến lăng tẩm. Với dạng thức phù điêu này, rồng luôn được phô diễn với kích thước lớn nhất trong các đồ án rồng trong không gian kiến trúc cung điện, đền miếu, lăng tẩm. Nhưng do chỉ được tạo khối ở dạng phù điêu nên mặc dù kích thước có lớn, chạm khắc có tinh xảo nhưng rồng ở các long bệ thạch Trung Hoa không thực sự tạo được ấn tượng trong không gian. Hạn chế về tầm nhìn do góc hút đã giảm đáng kể hiệu quả thị giác của kiểu thức đồ án này. So sánh về mặt hiệu quả, kiểu thức rồng chầu thành bậc của Việt Nam hiển nhiên gây ấn tượng trong không gian hơn. Nhà Nguyễn tuy vẫn tiếp tục kiểu thức rồng phương Bắc bắt đầu từ thời Lê sơ, nhưng lại trung thành với kiểu thức rồng chầu lan can thành bậc ở Huế. Có điều, khác với các triều đại trước, lan can rồng thành bậc ở các cung điện Huế lại nhỏ bé và khiêm nhường hơn rất nhiều so với lan can rồng thành bậc ở các lăng mộ, như ở lăng vua Minh Mạng, Thuận Thiên Cao Hoàng hậu, lăng Thiệu Trị.

3 Kết luận

Nếu như kiểu thức rồng thành bậc không thể thấy trong kiến trúc của Trung Hoa thì lại luôn xuất hiện ở các nước Đông Nam Á như In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia (Campuchia). Chỉ có khác một chút là thay vào hình rồng thì đó là

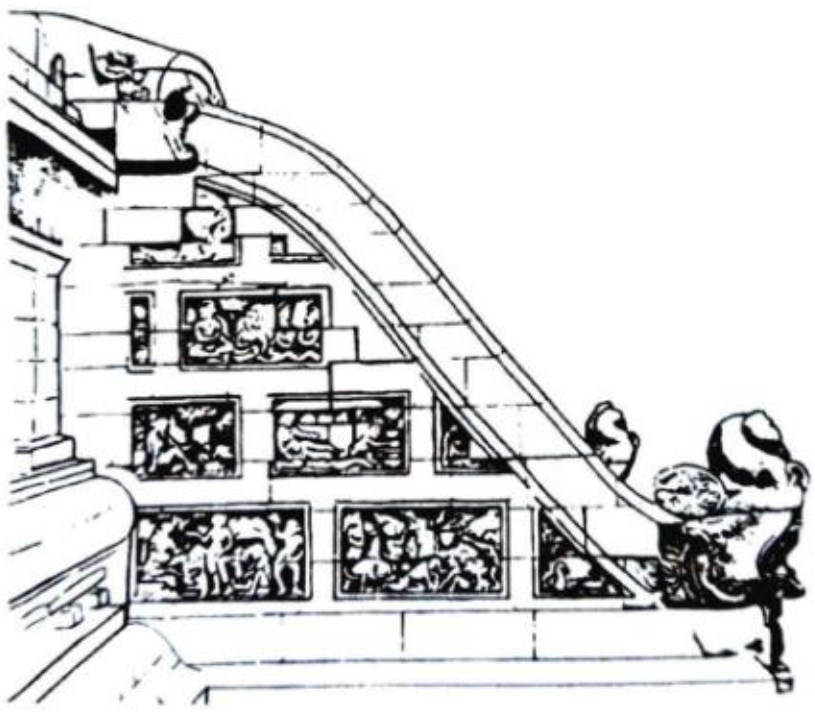
Khẳng định quan điểm của người viết.

---

(1) *Long bệ thạch*: bệ đá tạc hình rồng, tượng trưng cho quyền lực của nhà vua.

(2) *Ngọc tỉ*: một loại ấn triện làm bằng ngọc, tượng trưng cho quyền lực tối cao của nhà vua, được dùng trong những nghi thức và văn bản quan trọng nhất của quốc gia.

thuỷ quái Ma-ca-ra (Makara). Có thể nói, chính kiểu thức kiến trúc này đã lan từ Nam ra Bắc. Về đặc điểm tạo hình đầu rồng thời Lý, Trần, tôi đồng tình với ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu rằng đó là kiểu thức phương Nam, kết quả ảnh hưởng của hình tượng thuỷ quái Ma-ca-ra. Nhưng, dù rất say mê và yêu mến nghệ thuật Chăm-pa, dù biết rằng kiểu thức rồng thành bậc có nguồn gốc phương Nam, nhưng tôi cho rằng nó không đến từ đất Chăm, mà có lẽ nó đến từ đất nước vạn đảo In-đô-nê-xi-a (vương quốc Xri-vi-giay-a – Srivijaya).



Ma-ca-ra thành bậc, Can-đi Pram-ba-nan (Candi Prambanan), In-đô-nê-xi-a

(Theo Trần Hậu Yên Thế, *Mỹ thuật Việt soi từ phía khác*, NXB Mỹ thuật – Công ti TNHH Sách và Truyền thông Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr. 107 – 115)

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quang Hà (2019), *Các nguồn sử liệu về quy mô và cấu trúc Hoàng thành Thăng Long thời Lý – Trần – Lê*, Luận án tiến sĩ, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Kiều Thu Hoạch (2012), *Từ góc nhìn tứ linh khám phá tâm thức văn hoá rồng của người Việt và người Hán*, tạp chí *Văn hoá học*, số 1, tr. 15 – 26.
3. Tống Trung Tín (Chủ biên, 2006), *Hoàng thành Thăng Long*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội.

1. Đề tài của báo cáo nghiên cứu là gì? Tác giả đã tiếp cận đề tài từ góc độ nào?

2. Để triển khai báo cáo, những luận điểm chính nào đã được tác giả sử dụng?

3. Các thông tin được cung cấp trong bài viết đến từ những nguồn nào? Bạn có nhận xét gì về độ chính xác, tin cậy, khách quan của các thông tin này?

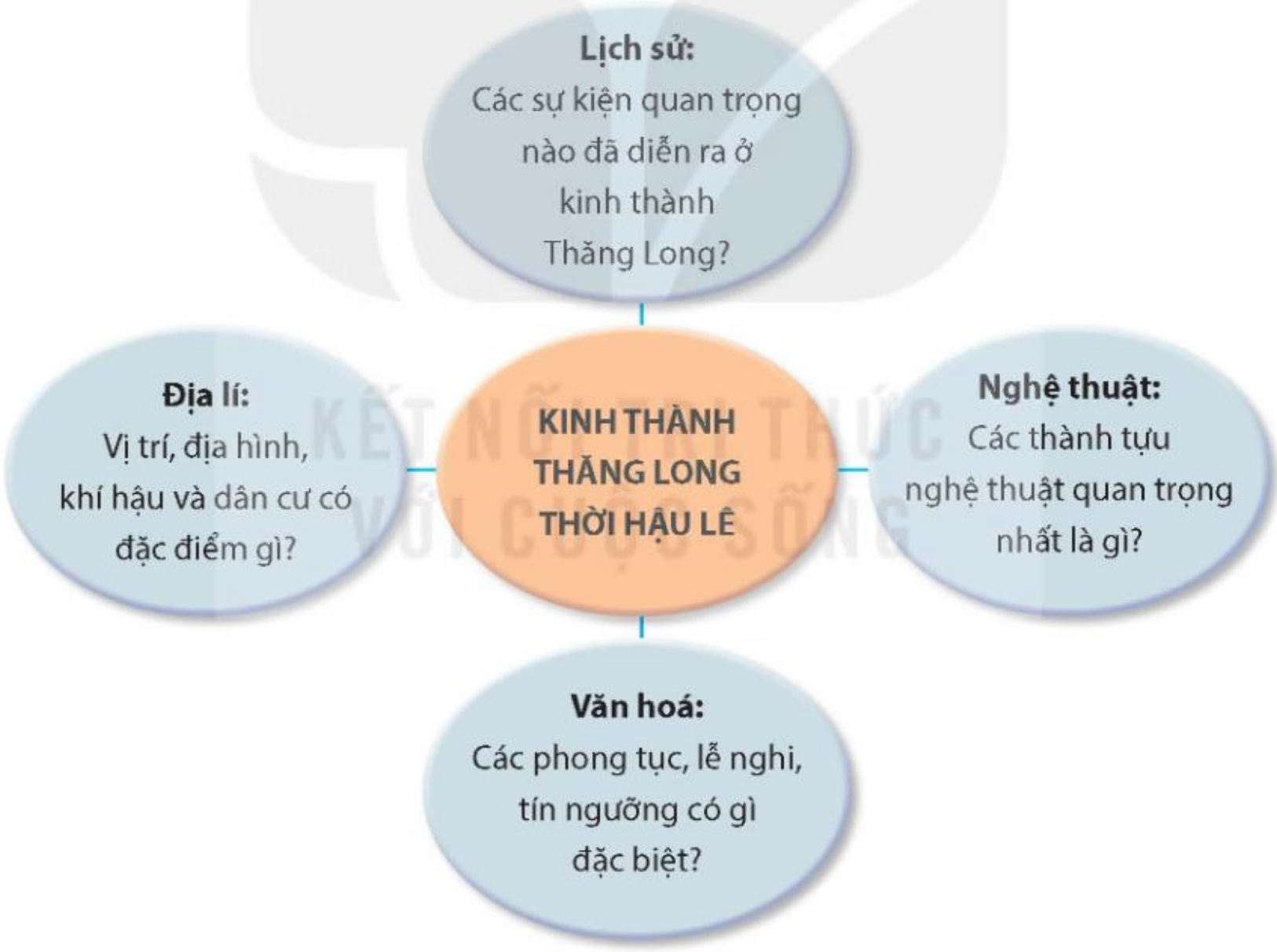
4. Tài liệu tham khảo có những thông tin gì và được sắp xếp theo trật tự nào?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

Lựa chọn đề tài

Đề tài của báo cáo kết quả nghiên cứu có thể là một vấn đề xã hội như một sự kiện văn hoá – lịch sử, một vấn đề khoa học – nghệ thuật, một hiện tượng tâm lí, cũng có thể là một vấn đề tự nhiên như môi trường, khí hậu, tài nguyên,... Để lựa chọn được đề tài nghiên cứu, trước tiên bạn cần xác định phạm vi vấn đề mà mình thực sự quan tâm, hứng thú, sau đó, lựa chọn một góc độ tiếp cận phù hợp với vấn đề, có thể là từ góc độ lịch sử, địa lí, khoa học hay nghệ thuật, hoặc liên ngành – kết hợp nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Từ mỗi góc độ tiếp cận, hãy đặt ra những câu hỏi nghiên cứu và chọn một câu hỏi mà bạn hứng thú nhất và viết một nhận định về mục tiêu nghiên cứu của mình. Ví dụ, khi đọc văn bản *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*, bạn muốn tìm hiểu thêm về kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê, có thể tham khảo sơ đồ gợi ý sau:



Thu thập, phân tích và đánh giá thông tin

Mỗi nguồn tài liệu có thể cung cấp những loại thông tin khác nhau, phù hợp với những chủ đề khác nhau. Các từ điển bách khoa có thể cung cấp một cái nhìn tổng quan về vấn đề. Các tài liệu tham khảo chuyên môn cho biết những thông tin chi tiết, cụ thể. Các bản ghi chép như bài phỏng vấn, diễn văn giúp hiểu hơn về các chủ đề lịch sử, văn chương, khoa học. Báo và tạp chí cung cấp những tin tức, sự kiện,... mới nhất về vấn đề mà bạn quan tâm.

Các văn bản quảng cáo cho biết thêm thông tin về các chủ đề liên quan đến kinh tế, văn hoá đại chúng. Các ảnh chụp, video clip, bản ghi âm, tư liệu về hiện vật được trưng bày trong bảo tàng; các hình ảnh minh hoạ, bản đồ, bảng biểu, số liệu;... cho biết những tri thức cụ thể, chi tiết về vấn đề;... Trước khi tìm kiếm thông tin, hãy cân nhắc nguồn tư liệu nào có ý nghĩa nhất đối với nghiên cứu của bạn.

Xét về nguồn gốc, có thể chia các tài liệu thành hai loại: tài liệu gốc và tài liệu phái sinh. Tài liệu gốc là nguồn tài liệu được tạo ra bởi những người trực tiếp chứng kiến, tham gia các sự kiện, ví dụ: thư từ, nhật kí, diễn văn, ảnh chụp, tự thuật, email, bản tường thuật từ ngôi thứ nhất,... Nguồn tài liệu gốc có thể giúp bạn hình dung ra được không khí và các chi tiết cụ thể về sự kiện, song thường chứa đựng cái nhìn có tính chất thiên kiến của tác giả. Nguồn tài liệu phái sinh là những bản ghi được tạo ra sau các sự kiện, bởi những người không trực tiếp chứng kiến, tham gia, ví dụ: tiểu sử, từ điển bách khoa, bản ghi lời kể của người được chứng kiến,... Tài liệu phái sinh có thể đưa lại cái nhìn tổng quan, đa chiều về vấn đề, nhưng độ tin cậy lại phụ thuộc vào nguồn tài liệu mà chúng dựa vào.

Bạn cần lưu trữ một cách hệ thống, khoa học những thông tin đáng tin cậy đã thu thập được. Có một số cách phổ biến để lưu trữ thông tin như: tóm tắt, trích dẫn. Tóm tắt là nắm bắt các nội dung cốt lõi của tài liệu và diễn đạt chúng một cách ngắn gọn dựa vào các từ khoá. Trích dẫn là ghi chép nguyên văn các thông tin và sử dụng dấu ngoặc kép để đánh dấu những phần trích dẫn (trích dẫn trực tiếp) hoặc diễn giải lại các thông tin bằng ngôn ngữ của mình (trích dẫn gián tiếp).

Xây dựng đề cương

Sau khi đã có được những thông tin bao quát về vấn đề, bạn có thể tìm thấy một cách triển khai vấn đề riêng của mình. Hãy tham khảo phần hướng dẫn xây dựng đề cương nghiên cứu đã được học ở sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một, tr. 117 – 118 để phác thảo đề cương chi tiết cho đề tài của bạn.

Viết

– Khi viết báo cáo nghiên cứu, bạn cần tuân thủ các quy định về hình thức trình bày của một báo cáo nghiên cứu (tham khảo phần hướng dẫn viết báo cáo nghiên cứu trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một, tr. 118).

Lưu ý: Bài viết cần thể hiện rõ các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; có trích dẫn, cước chú, tài liệu tham khảo và các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Tự rà soát lại bài nghiên cứu của mình theo các tiêu chí sau:

– Bố cục phù hợp với một báo cáo nghiên cứu, gồm các phần: *Đặt vấn đề*, *Giải quyết vấn đề*, *Kết luận*, *Tài liệu tham khảo*.

– Các thông tin tham khảo có nguồn gốc rõ ràng, đáng tin cậy.

– Các luận điểm rõ ràng, bằng chứng thuyết phục.

– Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả; không mắc lỗi dùng từ, đặt câu (ngữ pháp).

NÓI VÀ NGHE

Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm

(Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ)

Yêu cầu

- Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn vấn đề.
- Trình bày khái quát những kết quả nghiên cứu chính về vấn đề.
- Sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn.

Chuẩn bị nói

Mục đích của việc trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu là làm rõ những thông tin chính trong báo cáo nghiên cứu, thu thập thông tin phản hồi từ người nghe. Để thực hiện được mục đích này, ngoài việc chuẩn bị về nội dung (như hướng dẫn trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một, tr. 119), người nói cần đặc biệt chú ý đến việc sử dụng các hình thức, phương tiện trình bày sao cho hiệu quả, phù hợp. Có thể tham khảo một số gợi ý sau đây:

– *Tìm hiểu về người nghe và bối cảnh giao tiếp*: Báo cáo kết quả nghiên cứu có thể được trình bày trong một hội thảo dành cho đối tượng học sinh, một diễn đàn chuyên môn, hoặc một buổi thuyết trình về một dự án,... Người nghe báo cáo có thể là học sinh, là nhà tài trợ hoặc một hội đồng chuyên môn. Trước khi trình bày báo cáo, cần tự đặt câu hỏi: Người nghe đã biết những thông tin gì, đang quan tâm tới điều gì, chưa hiểu điều gì, từ đó lựa chọn nội dung và hình thức trình bày phù hợp.

– *Xác định mục đích giao tiếp*: Việc trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu có thể hướng tới nhiều mục đích: chia sẻ một ý tưởng sáng tạo, thu hút và kêu gọi tham gia một dự án mới, thông báo về những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện một đề tài nghiên cứu. Tuỳ từng mục đích giao tiếp cụ thể mà người nói lựa chọn và sử dụng các chiến lược giao tiếp khác nhau.

– *Xác định những nội dung chính cần trình bày*: Đề tài nghiên cứu của bạn là gì? Tại sao bạn chọn vấn đề đó? Những kết luận chính của bạn là gì? Đâu là vấn đề mới mẻ mà bạn đã phát hiện ra trong quá trình nghiên cứu? Hãy tập trung vào những nội dung thực sự có tính mới, gây hứng thú với người nghe.

– *Xác định các hình thức, phương tiện trình bày phù hợp*: Để gia tăng sức hấp dẫn và thuyết phục của bài trình bày, ngoài việc sử dụng phương tiện ngôn ngữ, bạn có thể sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như ngôn ngữ cơ thể, các hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ, đồ hoạ, bảng biểu,... Việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ cần đảm bảo một số nguyên tắc sau:

+ *Tối giản*: Cần tập trung vào một vài phương tiện chính để làm nổi bật những thông tin quan trọng nhất trong bài trình bày, đồng thời khai thác một cách tối đa giá trị biểu đạt của những phương tiện này. Cần hạn chế tối đa các hình ảnh, kí hiệu chỉ mang tính hình thức, không thực sự cung cấp thông tin.

+ *Trực quan hoá*: Cần xác định những thông tin trừu tượng, phức tạp, khiến người nghe khó có thể lĩnh hội chỉ bằng phương tiện ngôn ngữ, từ đó lựa chọn các hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu,... góp phần cụ thể hoá thông tin, phù hợp với nhận thức của người nghe.

+ *Ấn tượng*: Các phương tiện phi ngôn ngữ cần tác động mạnh đến giác quan, cảm xúc và thu hút sự chú ý của người nghe. Màu sắc nổi bật, các hình ảnh mới mẻ, ngôn ngữ cơ thể sống động, ngữ điệu linh hoạt,... là những yếu tố có thể tạo nên sự hấp dẫn, lôi cuốn cho bài trình bày.

Thực hành nói

Bài thuyết trình báo cáo kết quả nghiên cứu thường có những nội dung chính sau:

– *Mở bài*: Nêu tên, lí do chọn vấn đề nghiên cứu, các kết luận chính của báo cáo kết quả nghiên cứu.

– *Triển khai*: Tóm tắt các luận điểm chính, lựa chọn một hoặc một vài phương tiện phi ngôn ngữ để minh hoạ, nhấn mạnh thông tin chính cũng như thu hút sự chú ý của khán giả.

– *Kết luận*: Khái quát những kết quả nghiên cứu chính, gợi mở các hướng đi mới của đề tài, thể hiện thái độ sẵn sàng đối thoại một cách chân thành, cởi mở.

Trao đổi, đánh giá

Người nói	Người nghe
– Lắng nghe, trả lời câu hỏi và phản hồi về những phản biện của người nghe. – Tự đánh giá, sửa chữa, hoàn thiện báo cáo kết quả nghiên cứu.	– Đặt ra các câu hỏi để tìm hiểu sâu thêm về đề tài. – Phản biện lại những nội dung vừa trình bày hoặc đưa ra một cách kiến giải khác, một nguồn thông tin khác về vấn đề.

Để tự đánh giá và đánh giá được một bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm, có thể tham khảo các nội dung gợi ý trong bảng sau:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được các vấn đề nghiên cứu, lí do chọn đề tài, những kết luận và phát hiện chính.		
2	Trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc những luận điểm chính, các thông tin chi tiết để làm sáng tỏ luận điểm.		
3	Lựa chọn các hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ,... phù hợp để trực quan hoá, cụ thể hoá thông tin.		
4	Sử dụng ngôn ngữ cơ thể và ngữ điệu một cách hiệu quả.		
5	Lắng nghe và phản hồi tích cực với những câu hỏi, phản biện của người nghe.		

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Tổng hợp những thông tin cơ bản về hai văn bản kịch đã học trong bài (*Sống, hay không sống – đó là vấn đề*, *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*) theo gợi ý sau: tình huống, nhân vật, xung đột, thông điệp.

2. Tìm đọc các vở bi kịch khác; chỉ ra tình huống, nhân vật, xung đột và thông điệp chính trong các tác phẩm mà bạn đã đọc.

3. Tìm hiểu thêm về các nhân vật, sự kiện lịch sử được nhắc tới trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*. Yếu tố lịch sử đã được Nguyễn Huy Tưởng sử dụng như thế nào và có vai trò gì trong tác phẩm?

4. Thu thập, phân tích và đánh giá các thông tin về một trong số các vấn đề gợi ý sau:

– Nghệ thuật thời Phục hưng;

– Kiến trúc thành Thăng Long;

– Lịch sử Việt Nam thế kỉ XVI – XVII.

5. Xác định một đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương cho đề tài đó (dựa trên các thông tin đã tìm được) và trình bày đề cương nghiên cứu của bạn.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Tìm hiểu thêm truyện kể về thần Prô-mê-tê (Prométhée) trong thần thoại Hy Lạp.
- Chỉ ra đặc điểm tính cách của nhân vật Prô-mê-tê được bộc lộ qua lời thoại của chính nhân vật này.
- Nêu thông điệp chính của văn bản.

Prô-mê-tê bị xiềng(*)

(Trích)

Ét-sin (Eschyle)(1)

NHẠC TRƯỞNG

Hãy tiết lộ cho chúng em được rõ
Vì lí do nào bị Thần Vương(2) giam giữ
Và đối xử khắt khe tàn ác, đê hèn.
Hãy cho chúng em được biết hết căn nguyên
Nếu Người thấy nói ra mà chẳng ngại.

PRÔ-MÊ-TÊ

Quả thực với ta, chỉ nhắc tới đã là chua xót!
Mà lặng đi càng nặng nỗi đau thương.
Cả hai bên đều xao xuyến bàng hoàng,
Từ các thần linh buông mình trong oán hận

(*) *Prô-mê-tê bị xiềng*: vở bi kịch nổi tiếng nhất trong số những vở bi kịch còn lại của Ét-sin, khai thác đề tài từ thần thoại Hy Lạp về Prô-mê-tê – vị thần đã cả gan đánh cắp lửa trời về cho loài người và bị thần Dớt (Zeus) trừng phạt nặng nề (bị đóng đinh trên đỉnh núi Cô-ca-dơ (Caucase), bị một con diều hâu ngày đêm moi gan móc ruột).

(1) *Ét-sin* (525 – 456 trước Công nguyên): người Hy Lạp, đóng vai trò lớn trong lịch sử phát triển của nền bi kịch cổ đại, đã sáng tác 70 vở bi kịch và 20 vở kịch xa-tia (satire), nhưng đến nay chỉ còn lại 7 tác phẩm: *Những thiếu nữ cầu xin, Quân Ba Tư, Bảy tướng đánh thành Te-bơ (Thebes), Prô-mê-tê bị xiềng, A-ga-mem-nông (Agamemnon), Những thiếu nữ viếng mộ, Những nữ thần ân đức.*

(2) *Thần Vương*: tức thần Dớt.

Và giữa họ sự bất hoà xảy đến
Kẻ muốn đẩy Crô-nốt (Cronos)[1] đi rời khỏi ngôi trời
Hòng chuyển cả quyền hành cho Dớt nắm trong tay.
Kẻ ngược lại thì đấu tranh kiên quyết
Hòng ngăn cản không bao giờ để Dớt
Chiếm được quyền thống trị các thần linh.
Ta đã lựa những câu khuyên khôn khéo chân tình
Góp với các Khổng Lồ con U-ra-nốt (Uranos)[2] và Trái Đất
Nhưng họ không nghe, họ khinh dùng mưu chước,
Tin ở sức mình họ tưởng đâu có thể dễ như không
Dùng bạo lực giản đơn chiếm đoạt ngai vàng!
Nhưng ta, thì mẹ ta – Tê-mít (Thémis)[3] hoặc Gai-a (Gaia)[4] cũng vậy
Tên gọi khác nhau mà cùng chung hình thái
Đã bao lần nói cho ta biết trước tương lai
Sẽ diễn biến ra sao những lúc sau này,
Rằng nhờ mưu mẹo chứ không phải bạo quyền và sức mạnh
Mà ngôi thống trị vào tay người chiến thắng
Ta giãi bày thông tỏ mọi điều trên,
Nhưng họ không thèm ban cho ta đến cả một cái nhìn!
Trong tình huống ấy, ta nghĩ bụng: với ta, tốt nhất
Là kéo cả mẹ ta đứng về phía Dớt
Hắn sẽ vui lòng theo nhã ý mẹ con ta
Chính nhờ những câu khuyên nhủ thực thà
Của ta đó, mà cái địa ngục Tác-ta (Tartare)[5] đen ngòm thăm thẳm
Đang giam giữ Crô-nốt cổ xưa cùng toàn phe cánh.

---

(1) *Crô-nốt*: cha của thần Dớt, người bị chính thần Dớt truất ngôi.
(2) *U-ra-nốt*: thần nguyên thuỷ của bầu trời.
(3) *Tê-mít*: mẹ của thần Prô-mê-tê, được xem là vị thần có trách nhiệm dàn xếp những vấn đề xã hội của con người.
(4) *Gai-a*: vị thần được xem là tổ tiên của vạn vật hay là Đất Mẹ.
(5) *Tác-ta*: chốn địa ngục, cũng là tên của vị thần sơ khai cai quản địa ngục.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Đó, những việc ta đã từng làm cho ông chủ của muôn thần
Và đây, các nàng trông những hình phạt đau thương
Hắn sử dụng để đền ơn ta thuở trước!
Đây cái tệ hại vốn đi đôi cùng bạo ngược
Là thiếu lòng tin ở cả bạn bè
Còn cái điều các nàng hỏi han ta:
Vì sao hắn đoạ đày ta như vậy,
Ta sẽ nói cho các nàng hay mọi nỗi:
Ngay sau khi đoạt cho mình ngôi báu của cha xong,
Hắn ban đặc ân cho tất cả các thần
Và định ngôi thứ trong triều đình của hắn
Nhưng không đếm xỉa tới khách trần khốn nạn
Hắn còn toan huỷ diệt giống người
Để sinh ra một giống mới lên thay.
Không ai ngoài ta dám cưỡng lại điều hắn ta dự định.
Một mình ta dám đứng lên can đảm
Ngăn không để người trần nát thịt tan xương
Bước xuống âm ti, nơi Ha-đét (Hadès)[1] suối vàng.
Đấy, duyên cớ vì sao ta phải
Gập mình dưới sức nặng đè oan trái
Của những đau thương thê thảm xót xa.
Vì thương xót trần gian như thể ruột rà
Mà ta bị khinh rẻ, không đáng người thương xót.
Thế là họ đoạ đầy ta khắc nghiệt
Cảnh tượng này nhục cho Dớt biết bao nhiêu!

(Hoàng Hữu Đản giới thiệu, biên dịch và chú thích,
Bi kịch Hy Lạp, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 44 – 46)

[1] *Ha-đét*: âm phủ, cũng là tên vị thần sơ khai cai quản âm phủ.

ÔN TẬP HỌC KÌ I

Yêu cầu cần đạt

- Hệ thống hoá những kiến thức đã học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11*, tập một.
- Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào việc giải quyết những bài tập mang tính tổng hợp.

I. HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

1. Nêu tên các loại, thể loại văn bản được học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11*, tập một và nhan đề văn bản đọc thuộc từng loại, thể loại ấy.

2. Lập bảng thống kê các khái niệm then chốt cần dùng để đọc hiểu những văn bản trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11*, tập một và giải thích ngắn gọn về từng khái niệm.

3. Tổng hợp những nội dung thực hành tiếng Việt trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11*, tập một theo các gợi ý sau:

– Nội dung thực hành;

– Khái niệm hay quy tắc cần nắm vững;

– Ý nghĩa của hoạt động thực hành.

4. Liệt kê những kiểu bài viết đã thực hiện trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11*, tập một theo bảng gợi ý sau:

STT	Kiểu bài viết	Đề tài được gợi ý	Đề tài đã viết

5. Nhớ lại các nội dung của hoạt động nói và nghe đã thực hiện trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11*, tập một trên các phương diện sau:

– Tên của nội dung hoạt động nói và nghe;

– Yêu cầu của hoạt động;

– Thách thức và ý nghĩa của hoạt động.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

II. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. ĐỌC

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Huyền diệu

Xuân Diệu

Les parfums, les couleurs et les sons se répondent[1]

Này lắng nghe em khúc nhạc thơm
Say người như rượu tối tân hôn;
Như hương thấm tận qua xương tuỷ,
Âm điệu, thần tiên, thấm tận hồn.

Hãy tự buông cho khúc nhạc hường[2],
Dẫn vào thế giới của Du Dương;
Ngừng hơi thở lại, xem trong ấy
Hiển hiện hoa và phảng phất hương...

Hãy nghe lẫn lộn gió bên tai
Giọng suối, lời chim, tiếng khóc người;
Hãy uống thơ tan trong khúc nhạc,
Ngọt ngào than gọi thuở xa khơi...

Rồi khi khúc nhạc đã ngừng im,
Hãy vẫn ngừng hơi nghe trái tim
Còn cứ run hoài, trong chiếc lá
Sau khi trận gió đã im lìm.

(Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam 1932 – 1941*,
NXB Văn học, Hà Nội, 2006, tr. 134)

---

(1) Nguyên văn tiếng Pháp câu thứ tám trong bài thơ *Tương giao* của Sác-lơ Bô-đơ-le (Charles Baudelaire); dịch nghĩa: Hương thơm, màu sắc, âm thanh tương ứng (hoà hợp) với nhau.

(2) *Hường*: hồng.

1. Bạn hiểu như thế nào về nhan đề của bài thơ? Nhan đề ấy có ý nghĩa định hướng việc đọc tác phẩm như thế nào?
2. Việc chọn câu thơ của Bô-đơ-le làm đề từ có ý nghĩa gì?
3. Nêu ấn tượng bao trùm về bài thơ và lí giải nguyên nhân đưa đến ấn tượng ấy.
4. Những tri thức ngữ văn nào đã học cần được vận dụng để việc đọc và thưởng thức bài thơ đạt hiệu quả?
5. Chỉ ra những kết hợp từ ngữ mà bạn cho là có tính chất khác thường trong bài thơ.
6. Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nói về vẻ đẹp của bài thơ theo cảm nhận của bạn.

2. VIẾT

Chọn một trong các đề sau:

Đề 1. Để tạo nên thành công của một tác phẩm truyện, việc tác giả chọn được điểm nhìn độc đáo về đối tượng miêu tả, thể hiện giữ vai trò rất quan trọng. Hãy chọn phân tích một truyện mà bạn cho là có điểm nhìn độc đáo.

Đề 2. Giới thiệu và phân tích một bài thơ mà bạn cho là có cấu tứ độc đáo.

Đề 3. Trình bày ý kiến của bạn về một vấn đề xã hội đang được nhiều người quan tâm và khiến bạn thực sự thấy trăn trở.

Đề 4. Lập đề cương cho báo cáo nghiên cứu về một vấn đề bạn muốn tìm hiểu và có điều kiện thu thập tài liệu.

3. NÓI VÀ NGHE

Chọn thực hiện theo nhóm học tập một trong các nội dung sau:

Nội dung 1. Giới thiệu một tác phẩm truyện nổi tiếng đang được giới trẻ quan tâm tìm đọc.

Nội dung 2. Có những tác phẩm nghệ thuật nào từng để lại ấn tượng sâu sắc với bạn? Hãy nói về tác phẩm ấy.

Nội dung 3. Thảo luận về cách thực hành "lối sống xanh".

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

STT	THUẬT NGỮ	BÀI	TRANG
1	âm nhạc	2	54
2	cảnh (trong kịch)	5	125, 127
3	cấu tứ (trong thơ)	2, Ôn tập học kì I	54, 55,...
4	chiếu	3	76, 77, 78
5	cốt truyện	1, 4 , 5	35, 101, 125,...
6	báo cáo nghiên cứu	5	125, 142, 146,...
7	bố cục	1, 4, 5	37, 46, 148,...
8	bi kịch	1, 3, 5	40, 87, 125,...
9	biểu tượng (trong thơ)	2, 5	55, 61, 145
10	điểm nhìn	1, Ôn tập học kì I	9, 10, 22,...
11	điểm nhìn bên ngoài	1	10, 35,...
12	điểm nhìn bên trong	1	10, 35,...
13	điểm nhìn không gian	1	10
14	điểm nhìn thời gian	1	10
15	điện ảnh	2	54
16	giọng điệu	1, 3	11, 39, 90,...
17	hành	4	107, 109
18	hành động kịch	5	126, 131
19	hiệu ứng thanh lọc (của bi kịch)	5	125, 126
20	hồi (trong kịch)	5	127, 131, 141,...
21	loại hình trữ tình	2	54
22	loại hình tự sự	4	101
23	lời thoại	5	125, 126, 131,...
24	ngôn ngữ nói	1	9, 11,...
25	ngôn ngữ văn học	2	54, 55
26	ngôn ngữ viết	1	9, 11,...
27	nhân vật	1, 2, 3, 4, 5	58, 64, 90,...
28	truyện thơ dân gian	4	101, 102, 122,...
29	tứ (thơ)	2	55, 66, 69,...
30	tượng trưng	2, 3, 5	54, 55, 74,...
31	văn hoá	2, 3, 5	54, 75, 145,...
32	xon-nê	5	130
33	xung đột kịch	5	125, 126
34	yếu tố thuyết minh (trong văn nghị luận)	3	75, 97
35	yếu tố tượng trưng (trong thơ)	2	54, 55, 60,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BẢNG GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ

STT	THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH
1	bi kịch	một thể loại kịch, được xây dựng xoay quanh các xung đột hệ trọng, đạt tới mức căng thẳng tột độ giữa những mong muốn, hành động cao đẹp, hào hùng của con người với những tình thế bi đát không thể đảo ngược của thực tại hay với những trở ngại tồn tại ngay trong bản tính con người; thường kết thúc bằng thảm cảnh hay bằng cái chết của một loạt nhân vật
2	biểu tượng (trong thơ)	hình ảnh tượng trưng, mang tính ngụ ý, gợi ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú; gợi cảm nhận, suy tư về những điều mang tính phổ quát
3	cấu tứ (trong thơ)	bước khởi đầu của hoạt động sáng tạo thơ, gắn liền với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất
4	điểm nhìn bên ngoài	loại điểm nhìn trần thuật được sử dụng để miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều mà nhân vật không biết
5	điểm nhìn bên trong	loại điểm nhìn trần thuật được sử dụng để kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức của nhân vật
6	điểm nhìn không gian	loại điểm nhìn trần thuật cho thấy cự li quan sát (nhìn xa hay nhìn gần) của người kể chuyện đối với đối tượng miêu tả, thể hiện
7	điểm nhìn thời gian	loại điểm nhìn trần thuật xác định thời điểm nhìn từ hiện tại, miêu tả sự việc như nó đang diễn ra hay nhìn lại quá khứ, kể lại qua lăng kính hồi ức
8	hành	thể thơ định hình và phát triển từ trước đời nhà Đường (Trung Quốc); không quy định về cách luật; có sự phóng khoáng trong cách thể hiện nội dung, cảm xúc
9	hành động kịch	hành động được tổ chức trong văn bản kịch gắn liền với hoạt động của các nhân vật, có chức năng thúc đẩy xung đột kịch phát triển và làm phát lộ tính cách nhân vật
10	hiệu ứng thanh lọc (của bi kịch)	hiệu quả tiếp nhận đặc biệt xảy ra trong hoạt động thưởng thức vở bi kịch, ở đó, trạng thái tâm hồn, cảm xúc của người xem, người đọc đạt tới sự thăng bằng, hài hoà, hướng thiện, sau những sợ hãi, kinh hoàng, thương cảm, xót xa,...
11	loại hình trữ tình	loại tác phẩm văn học ưu tiên hàng đầu việc bộc lộ tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình, bao gồm nhiều thể loại như ca dao, thơ trữ tình, trường ca trữ tình, ngâm khúc,...
12	loại hình tự sự	loại tác phẩm văn học sử dụng lời kể để kể một câu chuyện, bao gồm nhiều thể loại như sử thi, truyện cổ dân gian, truyện thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết,...
13	ngôn ngữ nói	còn gọi là khẩu ngữ, chủ yếu thể hiện bằng hình thức nói, được tạo ra ngay trong quá trình giao tiếp, có thể dùng lớp từ mang tính khẩu ngữ và chấp nhận các yếu tố thừa, lặp, ngẫu nhiên,...
14	ngôn ngữ văn học	ngôn ngữ mang tính nghệ thuật được dùng trong sáng tác văn học, có đặc điểm riêng phân biệt với ngôn ngữ giao tiếp thông thường hay ngôn ngữ khoa học, ngôn ngữ hành chính,...
15	ngôn ngữ viết	định hình bằng chữ viết, được tiếp nhận chủ yếu qua hoạt động đọc của người tiếp nhận, phân biệt với ngôn ngữ nói ở một số mặt như: đòi hỏi cao về sự chặt chẽ, mạch lạc; loại bỏ các yếu tố thừa, lặp, ngẫu nhiên;...
16	truyện thơ dân gian	thuộc loại hình tự sự dân gian, do tầng lớp bình dân hoặc các trí thức sống gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác, có hình thức thơ, kể những câu chuyện có nguồn gốc từ truyện cổ, sự tích tôn giáo hay cuộc sống đời thường, thể hiện đời sống hiện thực và những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo bằng ngôn ngữ giản dị, chất phác, giàu hình ảnh
17	tượng trưng	loại hình ảnh, hình tượng được nghệ sĩ xây dựng theo phương thức: lấy hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất; được hiểu như biểu tượng trong một số ngữ cảnh nhất định
18	xon-nê	thể thơ phổ biến và quen thuộc trong văn học phương Tây, có tổ chức âm luật và bố cục chặt chẽ, gồm 14 câu, mỗi câu 12 âm tiết, được chia thành 4 khổ, trong đó hai khổ đầu mỗi khổ 4 câu, còn hai khổ sau mỗi khổ 3 câu
19	xung đột kịch	mâu thuẫn dẫn đến sự đụng độ giữa các nhân vật hay nhóm nhân vật trong tác phẩm kịch, làm phát lộ tư tưởng, quan điểm riêng cũng như những phát hiện mới mẻ của tác giả về đời sống
20	yếu tố thuyết minh (trong văn nghị luận)	loại yếu tố đảm nhiệm chức năng đưa đến một số thông tin bổ sung về các vấn đề, đối tượng được bàn tới trong văn bản nghị luận, có tác dụng củng cố tính thuyết phục của hệ thống lí lẽ được triển khai
21	yếu tố tượng trưng (trong thơ)	yếu tố đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên tính gợi mở của bài thơ, có thể được nhận biết qua các hình ảnh đầy ngụ ý, qua sự mơ hồ của âm điệu, nhạc điệu, qua tính biểu tượng của những chi tiết, sự việc, đối tượng được nhắc tới,...

BẢNG TRA CỨU
MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT

STT	YẾU TỐ HÁN VIỆT	NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT
1	ai	bụi, đất bụi; bụi trần (chỉ cõi dương gian): *trần ai, hồng ai,...*
2	ám	– tối, mờ, đen tối: *hắc ám, u ám,...* – kín đáo, không minh bạch, mê muội: *ám hiệu, ám muội,...* – ngầm, lén, bí mật: *ám sát, ám chỉ,...* – bị chi phối bởi một điều gì đó không rõ: *ám ảnh,...*
3	âm	– đối với dương: *âm dương, âm tính,...* – thuộc về cõi chết, người chết: *âm phủ, âm ti,...* – ngầm, lén, bí mật: *âm mưu,...*
4	ba	sóng, sóng nước, làn sóng: *ba đào, ba lăng, phong ba, dư ba,...*
5	bác	– rộng, lớn, phong phú: *quảng bác,...* – thông suốt, hiểu biết sâu rộng: *bác học, uyên bác,...*
6	bao	– chứa đựng, bao gồm, bao trùm: *bao dung, bao hàm, bao la, bao quát,...* – gói, bọc: *bao bì, phong bao,...*
7	bi	buồn, đau buồn: *bi ai, bi hùng, bi kịch, bi thương, bi tráng, sầu bi,...*
8	biện	tranh luận; dùng lời nói để thuyết phục, phân tích: *biện bác, biện luận, phản* **biện, tranh biện,...**
9	bố	– sợ, sợ hãi: *bố uý,...* – doạ nạt, làm cho khiếp sợ: *khủng bố,...*
10	bút	cái bút; viết, chép; cách viết, ngòi bút, kĩ xảo văn chương: *bút chiến, bút danh,* **bút đàm, bút tích,...**
11	căn	– rễ cây, phần dưới gốc của sự vật: *mộc căn, thụ căn,...* – nền tảng, cội rễ, cơ sở, nguyên cớ: *căn bản, căn cơ, căn cước, căn cứ, căn nguyên,...*
12	cô	lẻ loi, một mình, trơ trọi: *cô độc, cô đơn,...*
13	cố	– cũ, gốc; vốn là của mình; câu chuyện đời xưa, câu chữ trong sách xưa: *cố hương, cố nhân, cố quốc, cố tri, điển cố,...* – việc không hay: *biến cố, sự cố,...* – có chủ ý, thực hiện điều gì đó một cách có chủ đích: *cố sát, cố tình,...*
14	cộng	– cùng, chung, cùng nhau: *cộng đồng, cộng hoà, cộng hưởng, cộng sinh, cộng sự, công cộng,...* – gộp lại, cả thảy, tổng số: *tổng cộng,...*
15	dị	khác, lạ, khác thường, lạ lùng: *dị biệt, dị nghị, dị thường, kì dị, nghịch dị, dị bản, dị ứng,...*
16	dương	– biển lớn, biển khơi: *đại dương, hải dương,...* – thuộc về nước ngoài, người nước ngoài: *xuất dương,...*
17	gian	gian dối, xảo trá, giảo hoạt, không chính đáng: *gian tà, gian trá, gian xảo, gian kế, gian hùng,...*

STT	YẾU TỐ HÁN VIỆT	NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT
18	hiệu	có kết quả, có tác dụng: *hiệu lực, hiệu quả, hiệu nghiệm, công hiệu,...*
19	hoài	– nhớ, nhớ nhung: *hoài cổ, hoài niệm,...* – ôm giữ trong lòng, lo nghĩ: *hoài bão, ai hoài, bi hoài, cảm hoài,...*
20	huyền	– đen, màu đen; sâu xa, khó lí giải: *huyền bí, huyền diệu, huyền thoại, u huyền,...* – không đáng tin: *huyền hồ, huyền hoặc,...*
21	khuyết	– trống, vắng, chỗ trống, còn thiếu: *khuyết danh, bổ khuyết,...* – thiếu sót, không hoàn hảo: *khuyết điểm, khiếm khuyết,...*
22	kiệt	tài giỏi, vượt xa bình thường, có tài năng vượt trội: *kiệt tác, kiệt xuất, anh kiệt, hào kiệt, tuấn kiệt,...*
23	lộng	đùa giỡn, bỡn cợt: *hí lộng, trào lộng,...*
24	lữ	– quán trọ, nhà trọ, ở trọ, xa nhà, tình cảnh xa nhà: *lữ điếm, lữ khách, lữ thứ,...* – đơn vị tổ chức quân đội: *lữ đoàn, quân lữ,...*
25	ngại	ngăn trở; vướng, vướng mắc; không thông suốt: *quan ngại, trở ngại,...*
26	nghịch	– làm trái lại, không thuận theo (trái nghĩa với *thuận*): *nghịch dị, nghịch nhĩ,...* – giặc, kẻ làm phản, chống đối: *nghịch tặc, ngỗ nghịch, phản nghịch,...*
27	phồn	– nhiều, đông đúc, giàu có, thịnh vượng: *phồn hoa, phồn thịnh, phồn vinh,...* – phức tạp, rối rắm, phiền toái: *phồn tạp,...*
28	tạo	– thuộc về tự nhiên, làm ra mọi vật (chỉ trời): *tạo hoá, tạo vật,...* – làm ra, xây đắp, kiến thiết, sáng chế: *tạo tác, chế tạo, kiến tạo, sáng tạo, tu tạo,...* – bồi dưỡng, giáo dục: *cải tạo, đào tạo,...*
29	thức	– quy cách, khuôn mẫu, phương pháp: *biểu thức, cách thức, công thức, phương thức,...* – hình dáng, kiểu cách: *hình thức, dạng thức,...*
30	truy	– đuổi theo, truy tìm: *truy nã,...* – đi sâu, tìm tòi tới cùng: *truy cứu, truy nguyên,...* – hồi tưởng, nhớ lại: *truy niệm, truy điệu,...*
31	trữ	tháo ra, tuôn ra, bày tỏ, biểu đạt: *trữ tình,...*
32	tương	– cùng nhau, lẫn nhau, qua lại với nhau: *tương ái, tương giao, tương hỗ, tương ngộ, tương phùng, tương thân, tương tư, tương tự,...* – (một âm khác là *tướng*): (a) chỉ diện mạo, hình dung: *tướng mạo, tướng số,...* (b) chức quan: *tướng lĩnh, quan tướng,...*
33	tự	nói, kể, trình bày, thuật lại: *tự sự, tự thuật,...*
34	ước	– cùng nhau ước hẹn, thoả thuận điều gì đó: *giao ước, quy ước, hôn ước,...* – cột, bó chặt, trói buộc: *ước thúc,...* – tiết kiệm, đơn giản: *giản ước, kiệm ước,...* – đại khái, đại lược, chừng, khoảng: *ước lượng,...*
35	viên	người làm một công việc nào đó, người thuộc một tổ chức nào đó: *viên chức, giáo viên, nhân viên, xã viên, đảng viên, đoàn viên, đội viên,...*

BẢNG TRA CỨU
TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

STT	PHIÊN ÂM	TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI	BÀI	TRANG
1	A-bra-ham Lin-côn	Abraham Lincoln	3	80, 84
2	A-ga-mem-nông	Agamemnon	5	152
3	A-la-ba-ma	Alabama	3	82
4	A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích Pu-skin	Aleksandr Sergeyevich Pushkin	2	61, 63, 64,...
5	A-lơ-ghe-ni	Allegheny	3	83
6	A-rít-xtốt	Aristotle	5	126
7	Ác-hen-ti-na	Argentina	4	116
8	Ăm-lét	Amleth	5	131
9	Ca-li-pho-ni-a	California	3	83
10	Ca-rô-lai-na	Carolina	3	82
11	Cam-pu-chia	Campuchia	5	145
12	Can-đi Pram-ba-nan	Candi Prambanan	5	146
13	Clô-đi-út	Claudius	5	126, 127
14	Cô-ca-đơ	Caucase	5	152
15	Cô-lô-ra-đô	Colorado	3	83
16	Crít-xti-a-nô Rô-nan-đô	Cristiano Ronaldo	4	116
17	Crô-nốt	Cronos	5	153
18	Dớt	Zeus	5	152
19	Ét-ga Mô-ranh	Edgar Morin	4	117
20	Ét-sin	Eschyle	5	152
21	Gai-a	Gaia	5	153
22	Ghin-đơn-xtơn	Guildenstern	5	127
23	Giéc-trút	Gertrude	5	126
24	Gioóc-gia	Georgia	3	82, 83
25	Gioóc-giơ Vơ-nát-xki	George Vernadsky	4	117, 118
26	Giu-li-ét	Juliet	5	130
27	Ha-đét	Hadès	5	154
28	Hăm-lét	Hamlet	5	126, 127, 129,...
29	Hô-mô Xa-piên	Homo Sapiens	4	115
30	Hô-ra-xi-ô	Horatio	5	127
31	In-đô-nê-xi-a	Indonesia	4, 5	108, 145,146
32	La Giô-công	La Gioconda	3	99
33	La-ớc-tơ	Laertes	5	127
34	La-tinh	Latin	4	115
35	Lê-ô-na đờ Vanh-xi	Leonardo da Vinci	3	99

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

STT	PHIÊN ÂM	TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI	BÀI	TRANG
36	Lia	Lear	5	130
37	Lin-đơn Bai-nơ Giôn-xơn	Lyndon Baines Johnson	3	84
38	Li-ô-nen Mét-xi	Lionel Messi	4	116
39	Lu-ít-xi-a-na	Louisiana	3	82
40	Lu-vrơ	Louvre	3	99
41	Lúc-ao Mao-thờn	Lookout Mountain	3	83
42	Ma-ca-ra	Makara	5	146
43	Mác-tin Đrô-sút	Martin Droeshout	5	130
44	Mác-tin Lu-thơ Kinh	Martin Luther King	3	79, 83, 84
45	Mắc-bét	Macbeth	5	130
46	Mi-xi-xi-pi	Mississippi	3	81, 82, 83
47	Mô-na Li-da	Mona Lisa	3	99
48	Mon-ga-mơ-ri	Montgomery	3	79, 83
49	Nhi-na	Nhina	2	62, 63, 64
50	Niu Hem-sơ	New Hampshire	3	83
51	Niu Óóc	New York	3	81, 83
52	Nô-ben	Nobel	4	84
53	Ô-phê-li-a	Ophélia	5	127, 128,...
54	Ô-re-xtơ Kíp-ren-xki	Orest Kiprensky	2	63
55	Ô-ten-lô	Othello	5	130
56	Pa-ri	Paris	3	99
57	Pen-xô-vây-ni-a	Pennsylvania	3	83
58	Phê-đo Đốt-xtôi-ép-xki	Fyodor Dostoyevsky	2	63
59	Pho-tin-brát	Fortinbras	5	126
60	Phơ-răng-xoa đơ Ben-phóc	François de Belleforest	5	131
61	Pô-lô-ni-út	Polonius	5	127, 128,...
62	Prô-mê-tê	Prométhée	5	152, 153
63	Róc-ki	Rockies	3	83
64	Rô-den-cran	Rosencrantz	5	128
65	Rô-mê-ô	Romeo	5	130
66	Sác-lơ Bô-đơ-le	Charles Baudelaire	5	156
67	Xtôn Mao-thờn	Stone Mountain	3	83
68	Tác-ta	Tartare	5	153
69	Te-bơ	Thebes	5	152
70	Tê-mít	Thémis	5	153
71	Ten-nơ-xi	Tennessee	3	83
72	U-ra-nốt	Uranos	5	153
73	Uy-li-am Sếch-xpia	William Shakespeare	5	126, 130
74	Xắc-xơ Gram-ma-ti-cút	Saxo Grammaticus	5	131
75	Xtơ-rét-phớt	Stratford	5	130
76	Xri-vi-giay-a	Srivijaya	5	146

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: NGUYỄN THỊ KIM HẰNG – NGUYỄN THỊ SÁNG
Biên tập tái bản: PHẠM THỊ TRANG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: NGUYỄN THUÝ QUỲNH
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – NGUYỄN DUY LONG
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tranh bìa: Bùi Xuân Phái, *Sông Đà II*, 1980, tranh sơn dầu, 57 × 76 cm

NGỮ VĂN 11 – Tập một
Mã số: G1HHYV001h26
In ..... bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/167-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-35082-4
Tập hai: 978-604-0-35083-1



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 11, tập một
2. Ngữ văn 11, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11
4. Toán 11, tập một
5. Toán 11, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 11
7. Lịch sử 11
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 11
9. Địa lí 11
10. Chuyên đề học tập Địa lí 11
11. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11
12. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11
13. Vật lí 11
14. Chuyên đề học tập Vật lí 11
15. Hoá học 11
16. Chuyên đề học tập Hoá học 11
17. Sinh học 11
18. Chuyên đề học tập Sinh học 11
19. Công nghệ 11 – Công nghệ cơ khí
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ cơ khí
21. Công nghệ 11 – Công nghệ chăn nuôi
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ chăn nuôi
23. Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
24. Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
26. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
27. Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
28. Mĩ thuật 11 – Thiết kế đồ hoạ
29. Mĩ thuật 11 – Thiết kế thời trang
30. Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
31. Mĩ thuật 11 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
32. Mĩ thuật 11 – Điêu khắc
33. Mĩ thuật 11 – Kiến trúc
34. Mĩ thuật 11 – Hội hoạ
35. Mĩ thuật 11 – Đồ hoạ (tranh in)
36. Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp
37. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 11
38. Âm nhạc 11
39. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11
40. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11
41. Giáo dục thể chất 11 – Bóng chuyền
42. Giáo dục thể chất 11 – Bóng đá
43. Giáo dục thể chất 11 – Cầu lông
44. Giáo dục thể chất 11 – Bóng rổ
45. Giáo dục quốc phòng và an ninh 11
46. Tiếng Anh 11 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-35082-4

9 786040 350824

Giá: 19.800 đ